

Tắt đèn kể chuyện ma (Tập 2)

Contents

Tắt đèn kể chuyện ma (Tập 2)	1
1. Chương 01	2
2. Chương 02.1	7
3. Chương 02.2	10
4. Chương 03	13
5. Chương 04	19
6. Chương 05	23
7. Chương 06	26
8. Chương 07.1	31
9. Chương 07.2	34
10. Chương 08.1	36
11. Chương 08.2	39
12. Chương 09	43
13. Chương 10	47
14. Chương 11	51
15. Chương 12	54
16. Chương 13	57
17. Chương 14	60
18. Chương 15.1	63
19. Chương 15.1	66
20. Chương 15.2	68
21. Chương 16.1	71
22. Chương 16.2	74
23. Chương 17.1	78
24. Chương 17.2	82
25. Chương 18	87
26. Chương 19.1	90
27. Chương 19.2	93
28. Chương 20.1	96
29. Chương 20.2 (hết)	99

Tắt đèn kể chuyện ma (Tập 2)



Giới thiệu

Cuộc sống luôn tồn tại những điều khó có thể lý giải, được đồn thổi từ người này sang người khác, từ

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/tat-den-ke-chuyen-ma-tap-2>

1. Chương 01

Chương 01

Bá Hữu làm ma. Tử Sản nói chuyện hồn.

Nói đến hồn không thể không nói tới “phách”[1]. Mặc dù bình thường những cụm từ kiểu như “ba hồn bảy phách”, “hồn bay phách tán”, “hút hết hồn phách”, “chiêu hồn gọi phách”... hay được nhắc đến, nhưng “phách” là vật gì thì vẫn chưa được chú ý nghiên cứu lắm.

[1] Phách: vía.

Trong văn hoá u minh của bất kỳ dân tộc nào, linh hồn và tính chất của nó đều chiếm vị trí trung tâm. Nhưng vấn đề này trong cách lý giải của những triết gia lại hoàn toàn không giống với cách nhìn nhận thông thường của dân tộc đó. Trong lịch sử tư tưởng của Trung Quốc cổ đại, những khái niệm về linh hồn có sức ảnh hưởng lớn nhất chính là mấy đoạn trích dẫn trong Kinh điển Nho học. Mặc dù trích dẫn cổ văn khiến người ta phiền lòng, nhưng lại không thể tránh, vậy thì hãy bắt đầu bằng câu chuyện ma đầy ám ảnh, xuất hiện sớm nhất trong lịch sử văn hiến Trung Hoa.

Thời Xuân Thu, năm Lỗ Tương Công thứ ba mươi, tức là năm 543 trước công nguyên, người chấp chính của nước Trịnh[2] là Bá Hữu[3]. Người này hồng hách, chuyên quyền lại thích uống rượu, gây ra mối quan hệ bất hoà với các quan đại phu khác trong triều. Năm đầu tiên, Bá Hữu phái Tử Tây đi sứ nước Sở, Tử Tây không chịu đi, nói: “Quan hệ giữa nước Sở và nước ta đang căng thẳng, ngài phái ta sang nước Sở, thế chẳng phải có ý muốn ta đi vào chỗ chết sao?” Bá Hữu nói: “Họ nhà ngươi bao đời nay đều lo việc thiết lập quan hệ bang giao, ngươi không đi thì ai đi?” Tử Tây đáp: “Đi được thì ta sẽ đi, có nguy hiểm thì không nhất thiết phải đi, chuyện này liên quan gì đến việc nhà ta bao đời nay lo việc thiết lập quan hệ bang giao chứ!” Bá Hữu không chịu nhượng bộ, nhất định bắt Tử Tây phải sang nước Sở. Tử Tây tức giận vô cùng, định kéo gia đình tới liều mạng với Bá Hữu, cũng may được nhiều quan lại trong triều khuyên giải, hai nhà mới không động binh đao.

[2] Nước Trịnh: một nước chư hầu thời Xuân Thu, là tỉnh Hà Nam, Trung Quốc hiện nay.

[3] Bá Hữu: tên tự của Lương Tiêu, quan đại phu nước Trịnh (Lương Tiêu là con của Công Tôn Triếp, cháu Công Tử Khứ Tật), khi ấy là Thượng Khanh, là người cầm quyền chính ở nước Trịnh.

Đến một ngày trong tháng Bảy năm đó, Bá Hữu uống say cả đêm trong mật thất của ông ta như thường lệ, tới sáng lên triều trong bộ dạng lướt khướt, lại nhắc đến chuyện phái Tử Tây đi sứ sang nước Sở, mà còn nói chắc như đinh đóng cột, không dễ gì từ chối. Sau khi ban lệnh, ông ta lại leo lên xe, quay về nhà uống rượu.

Tử Tây biết rằng trận này không thể không đánh, mà Bá Hữu đang say mềm như bún, thật là một cơ hội tốt để ra quân áp chế. Thế là ông ta thống lĩnh gia đình, liên kết với mấy quan lại khác, đến gây hấn với Bá Hữu. Bá Hữu say rượu, nằm một chỗ, làm sao có thể đánh nhau được! Kết quả, bị Tử Tây đánh cho thất bại thảm hại, được gia đình dìu lên xe tháo chạy khỏi nước Trịnh. Chạy được nửa đường, ông ta mới nhận biết được chuyện gì vừa xảy ra, đành tạm lánh sang nước Hứa một thời gian.

Vài ngày sau, nghe nói các quan lại của nước Trịnh mở cuộc họp bàn để liên kết lại, đứng lên phản đối mình, Bá Hữu tức tới mức lửa giận bốc nghìn ngút. Lại nghe nói Thượng khanh Tử Bì ngày hôm đó không tham dự liên quân đánh mình, cảm thấy vẫn còn khả năng lôi kéo vài liên minh, thế là mang theo đám tàn binh quay về nước Trịnh. Tử Đái[4] của nước Trịnh thống lĩnh quốc dân ra nghênh chiến, kết quả, Bá Hữu chết trong chợ dê.

[4] Tử Đái (?-536): tự là Tử Thượng, con trai của Công Tôn Hạ. Là quý tộc nước Trịnh.

Chớp mắt đã bảy, tám năm trôi qua, đến năm Lỗ Chiêu Công thứ bảy, tức năm 535 trước công nguyên, khắp đô thành nước Trịnh rộ lên chuyện có hồn ma. Giữa ban ngày ban mặt có người đứng giữa đường hét lớn: “Bá Hữu đến rồi!”, khiến những người đi đường đều hoảng loạn. Chuyện này âm ỉ suốt mấy ngày, mọi người lại nhắc tới một chuyện xảy ra vào tháng Hai năm trước. Có người nửa đêm mơ thấy Bá Hữu, mình mặc áo giáp, đầu đội mũ trụ, vừa đi vừa nói: “Đến ngày Nhâm Tý tháng sau, ta phải giết chết Tử Đái, ngày Nhâm Dần sang năm, ta phải giết cả Công Tôn Đoàn.”

Kết quả, hai kẻ thù của Bá Hữu đều chết đúng vào ngày đó. Giờ Bá Hữu lại hiện hình ngay trên đường, xem ra càng ngày càng lớn chuyện. Tử Sản bèn áp dụng cách “dàn xếp cho yên”. Ông ta cho rằng: “Ma có nơi về, sẽ không vương vấn trần gian nữa”, Bá Hữu còn “vương vấn” là bởi vì con cháu của ông ta vẫn chưa được sắp xếp ổn thoả, ông ta không có nơi thờ cúng, không tìm được cơm ăn nước uống trên nhân gian, phải ôm bụng đói. Thế là Tử Sản bố trí chức tước cho con cháu của Bá Hữu, khôi phục thân phận quý tộc của họ. Kết quả cũng lạ, linh hồn Bá Hữu không còn hiện về quấy nhiễu nữa. Cuộc sống trở lại bình yên, nhưng chuyện này trở thành tin tức nóng hổi lan đi khắp các nước khác.

Không lâu sau, Tử Sản có chuyến thăm nước Phổ, Triệu Ánh Tử[5] của nước Phổ có hỏi chuyện này: “Bá Hữu có thể là ma không?” Tử Sản trả lời: “Có thể”, tiếp đó giảng giải một đoạn Luận hồn phách, đoạn giảng giải này được coi là kinh điển trong Nho học, có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong lịch sử tư tưởng của Trung Quốc, ảnh hưởng nhất định đến các trí thức suốt mấy nghìn năm qua. Nguyên văn như sau:

“Con người khi mới chỉ là phôi thai thì gọi là “phách”. Nếu đã có “phách” rồi, những thứ do dương khí tạo thành thì gọi là “hồn”. Những hồn phách tinh khí nhiều, hưởng thụ nhiều thì sẽ trở nên mạnh mẽ, vì vậy mới có trường hợp từ hồn phách phát triển thành thần linh. Bách tính bình thường không bệnh mà chết, hồn phách của họ vẫn có thể mượn cơ thể của người sống để tác oai tác quái, hưởng hồ Bá Hữu là con cháu

của tiên quân nước ta – Mục Công, là cháu đích tôn của Tử Lương, con trai của Tử Nhĩ, khanh thần của nước ta, đương quyền ba đời rồi. Nước Trịnh cho dù không giàu có, hoặc như lời tục ngữ, chỉ là một nước rất nhỏ, nhưng ba đời nắm giữ triều chính, hồn phách của họ hưởng thụ đủ rồi. Những tinh hoa tích lũy cũng đủ rồi. Tông tộc của họ lại mạnh, những thứ ông ta có thể dựa vào cũng rất lớn mạnh. Mà Bá Hữu bị người ta giết chết oan uổng, có thể biến thành ma, chẳng phải là chuyện dễ hiểu hay sao?”

[5] Triệu Ảnh Tử: tức Triệu Thành, quan đại phu nước Phổ, thời Xuân Thu.

Câu hỏi và câu trả lời này cần phải được nói rõ thêm.

Đầu tiên là câu nói của Triệu Ảnh Tử: “Bá Hữu có thể là ma không?” Ông Bá Hữu đó đã chết bao nhiêu năm rồi, sao còn có thể gây chuyện ma quỷ? Câu hỏi này không phải để nghi ngờ việc sau khi chết có thể thành ma, mà là cho rằng, người đã chết đến bảy, tám năm, theo lẽ thường thì không thể quấy rối được nữa, nhưng tại sao Bá Hữu vẫn có thể gây rối? Từ vấn đề này đã để lộ ra một thông tin rằng, kiến giải thông thường của những người thời ấy là, người chết sẽ thành ma, nhưng chỉ trong một khoảng thời gian không dài sau khi chết. Một khi đã chết lâu rồi thì sẽ không thể thành ma gây rối nữa. (Thực ra, cách nhìn này đến tận bây giờ, những câu chuyện ma của các triều đại về cơ bản đều nói đến những hồn ma chết trước đó không lâu.)

Tại sao lại thế? Triệu Ảnh Tử không nói, bởi đây là một cách kiến giải thông thường. Tất cả những câu chuyện ma đều không thể tách rời ký ức và tình cảm của con người. Khi một người mới chết, ký ức về họ vẫn còn mới, sự thương xót vẫn chưa nguôi, từ đó nảy sinh các tin tức kỳ lạ liên quan đến người chết. Nhưng người đã chết lâu rồi, ký ức về người đó đã mờ nhạt, hoặc tình cảm đã hết, sẽ ít xuất hiện những câu chuyện kỳ quái liên quan đến ma quỷ. Khái niệm về sự lâu ngày này lại không thể giải thích theo cách kiến giải thông thường về ma quỷ. Nếu chúng ta suy nghĩ thiên về lý tính một chút thì có thể giải thích rằng vì chết lâu rồi nên linh hồn đã tiêu tan. Câu “tinh khí vi vật, du hồn vi biến”[6] trong Dịch Hệ Từ muốn nói đến cũng chính là có ý này. Theo giải thích trong Chu Dịch chính nghĩa thì “du hồn vi biến” không phải ma quỷ gây hoạ mà là: “Vật tức tích tụ, cực tắc phân tán”[7], trước khi phân tán, những tinh hồn phiêu bạt trong hư không sẽ thay đổi hình thái, tách khỏi dạng vật chất. Chu Hy[8] giải thích còn đơn giản hơn: “Cái tinh dữ khí hợp, tiện sinh nhân vật”[9], hiện tượng “du hồn vi biến” sẽ không còn nữa, còn “kỳ khí phát dương ư thượng, vi chiếu minh, hôn hao, thê sáng”[10] trong Lễ ký, Tề nghĩa của Khổng Tử thì chính là con người sau khi chết, du hồn sẽ tan biến như mây khói.

[6] Tinh khí vi vật, du hồn vi biến: hiện tượng vật chất là do hiện tượng tinh thần biến hiện ra.

[7] Vật tức tích tụ, cực tắc phân tán: tức là vật do tinh khí tích tụ thành, đạt tới cực điểm sẽ phân tán.

[8] Chu Hy (1130-1200): tự là Nguyên Hối, hiệu là Hối Am. Ông là người đã phát triển học thuyết Lý. Khí của Trình Hạo và Trình Di, đã đưa Lý học lên thành một hệ thống duy tâm khách quan hoàn chỉnh, được gọi là Trình Chu Lý học.

[9] Cái tinh dữ khí hợp, tiện sinh nhân vật: tức là khi tinh và khí kết hợp với nhau, sẽ tạo ra con người.

[10] Có nghĩa là: khi hơi thở (khí) của con người tắt, thì phách (vía) trở về với trời đất và khí (còn gọi là tánh linh) bay lên chỗ sáng rõ trên cao.

Phần tiếp theo sẽ nói đến câu trả lời của Tử Sản. Ý của Tử Sản là, du hồn không thể tiêu tán ngay lập tức và du hồn của mỗi người mỗi khác. Những du hồn tan biến nhanh sẽ không thể trở thành ma quỷ. Những du hồn không thể tan biến ngay có thể tạm thời trở thành ma quỷ, nhưng cuối cùng cũng sẽ tan đi.

Tại sao có tinh hồn lại nhanh chóng tan đi? Bởi vì người đó không phải bị “ép chết”, mà chết già hoặc chết bệnh, chết đói chết khát, tinh lực của cơ thể cạn kiệt từng chút một, sau đó mới chết, khi đó tinh hồn của anh ta như cây đèn hết dầu, đúng như Chu Hy nói, lúc này tinh hồn của anh ta “không phải tan, mà là cạn rồi”, còn có thể thành ma quỷ gì nữa?

Nhưng những người bị “ép phải chết” thì khác, ép phải chết chính là cách nói khác của chết oan, giống như Chu Tử viết: “Là những người chết vì tai họa bất ngờ, hoặc chết đuối, hoặc bị giết, hoặc bị bạo bệnh mà chết...” Bởi vì chết đột ngột, tinh hồn của người đó chưa tiêu hao hết, nên mới có thể quấy rối, đây chính là những gì Tử Sản muốn nói: “Bách tính bình thường không bệnh mà chết, hồn phách của họ vẫn có thể mượn cơ thể của người sống để tác oai tác quái.” Còn Bá Hữu, ông ta không những bị “ép phải chết” mà còn không phải “bách tính bình thường”, bản thân ông ta trước khi sinh ra đã được thừa hưởng khối tinh khí lớn, đồng thời tố chất quý tộc tương đối mạnh được di truyền từ tổ tiên, như vậy, tinh hồn của ông ta mạnh mẽ hơn tinh hồn của đám dân đen chỉ ăn rau dưa rất nhiều. Vì vậy, ông ta không chỉ có thể quấy rối mọi người sau khi chết, mà còn có thể quấy rối sau khi chết tới bảy, tám năm. Đương nhiên nói chính xác là, cho dù Bá Hữu có một tinh hồn khoẻ mạnh thế nào thì cũng có lúc tiêu hao hết tinh lực, không thể tác oai tác quái mãi, cuối cùng vẫn là “hư không”.

Câu nói có liên quan đến vấn đề này tương đối rõ ràng chính là câu nói tiếp theo của Tử Sản: “Con người khi mới chỉ là phôi thai thì gọi là “phách”.” Nếu đã có “phách” rồi, những thứ do dương khí tạo thành thì gọi là “hồn”. Những hồn phách nhiều tinh khí, hưởng thụ nhiều thì sẽ trở nên mạnh mẽ, vì vậy mới có trường hợp từ hồn phách phát triển thành thần linh. Ở đây phân biệt rất rõ mối quan hệ giữa hồn và phách, nhưng ngôn từ đơn giản ý nghĩa chưa rõ ràng, vì vậy phải đọc những lời giải thích của Khổng Đình Đạt[11] đưa ra dưới đây:

Con người coi ngũ thường là lẽ sống, âm dương là linh hồn, vật chất là thân thể, hình hài là danh tự; có hơi thở là động, ăn uống là khí. Hình khí hợp lại, trí lực từ đó thêm mạnh, trở thành con người. Bản thân “phách” có dương khí, khí là thần, danh là hồn, hồn phách là danh xưng của thần linh, vốn từ hình khí mà ra. Linh hồn của hình là phách, linh hồn của khí là hồn. Linh của hình khí mới sinh, tai mắt, tâm thức, tay chân vận động. Thần của khí, tinh thần tính thức, dần dần có tri giác. Phách sinh trước, hồn sinh sau, vì vậy nên gọi là “sinh phách, dương hồn”.

[11] Khổng Đình Đạt: học giả thời Đường Thái Tông.

Trong phần giải thích trên, ngoài hồn, phách, còn nói đến hai khái niệm song song là hình khí và linh thần, quan hệ giữa chúng có thể được giải thích như sau:

Người sống là do hai bộ phận thịt và linh tạo thành, thịt là hình của con người và khí trong hình, linh chính là hồn và phách. Mà hình, khí và hồn, phách lại đối ứng với nhau. Hình và khí không giống nhau, do đó hồn và phách cũng có điểm khác biệt. Đi kèm với linh của hình là phách, đi kèm với thần của khí là hồn. (Ý nghĩa của thần và linh là giống nhau, chẳng qua là cách dùng xen kẽ trong văn viết.) Con người khi mới sinh ra, tay chân có thể cử động, ngũ quan có thể nghe nhìn, tương ứng với những giác quan này chính là

phách, phách giúp những giác quan đó có thể hoạt động bình thường. Song, cùng với sự trưởng thành của con người, từ tri giác cảm tính phát triển lên nhận thức lý tính, không chỉ vận động, nghe nhìn, mà còn có tình cảm, tư duy,... đó chính là công dụng của khí, và tương ứng với thần của khí chính là hồn. Hồn giúp con người có tình cảm và biết tư duy. Hình, khí và hồn, phách đối lập nhau, hình, khí là âm, hồn, phách là dương. Nhưng hình, khí đối lập, tức là hình lại là âm, khí lại là dương. Hồn, phách đối lập, tức là hồn là dương, phách là âm. Đây chính là ý: “Con người khi mới chỉ là phôi thai thì gọi là phách.” Sau khi phách xuất hiện thì phần dương là hồn, còn phách là phần âm.

Vậy thì thể, khí, hồn, phách đó đến từ đâu và “kết hợp” thế nào để thành một “con người”? Đa số những triết gia đầu tiên đều cho rằng: “Thuận theo tự nhiên.”

Quản Tử, Nội nghiệp viết: “Phàm nhân chi sinh dã, thiên xuất kỳ tinh, địa xuất kỳ hình, hợp thử dĩ vi nhân.”[12] Chuẩn Nam Tử, Chú Thuật Huấn viết: “Thiên khí là hồn, địa khí là phách.” Thật ra, khí giữa thiên (trời) và địa (đất) kết tụ lại rồi sinh ra không chỉ con người, mà còn có chúng sinh vạn vật giữa trời đất. Do đó, Lễ ký, Nhạc ký[13] nói: “Địa khí thượng tế, thiên khí hạ giáng, âm dương tương ma, thiên địa tương đặng, cổ chi di loi đình, phần chi dĩ phong vũ, động chi dĩ tứ thời, noãn chi dĩ nhật nguyệt, nhi bách hoá hứng yên”[14]

[12] Sinh mạng của con người, tinh khí là do trời ban tặng, hình thể là do đất ban tặng, hai thứ đó kết hợp với nhau thành người.

[13] ‘Lễ ký’: hay còn gọi là ‘Kinh Lễ’, một quyển trong bộ ‘Ngũ kinh’ của Khổng Tử, ‘Nhạc ký’ là một trong những thiên của ‘Kinh Lễ’.

[14] Có nghĩa là: địa khí thăng, thiên khí giáng, âm dương giao hoà, đất trời tương thông, sấm chớp chấn động vạn vật, mưa gió thấm nhuần vạn vật, vạn vật sinh trưởng suốt bốn mùa, cần không khí ấm áp của nhật nguyệt, như vậy trời đất mới yên bình.

Chủ nghĩa duy vật này đã được các nhà thần tiên học đời sau phát triển, những người thành tiên, thành thần, thành tinh, thành quái... đó là do hấp thụ tinh khí của thiên địa, nhật nguyệt.

Chính vì thiên khí là hồn, địa khí là phách nên con người sau khi chết, “hồn khí trở về trời, hình phách trở về đất”. Lễ ký. Giao Đặc Sinh: “Xác thịt (thể phách) xuống âm trở về với đất, còn khí (hồn khí) phát lên, để được chiếu rọi”, vì vậy mới nói: “Hồn quay về trời”, đến từ đâu thì sẽ quay về đấy, con người là do tự nhiên sinh ra, sau khi chết thì nên quay về với tự nhiên: “Tòng sinh tất tử, tử tất quy thổ, thử chi vị quý.”[15]

[15] Có nghĩa là: có sinh ắt có tử, tử rồi ắt quay về với đất, từ đây được gọi là quý (linh hồn).

Đối với những lý luận này, trong số những nhà Nho của hơn hai nghìn năm sau, có người cho rằng không có ma quỷ, có người lại cho rằng có ma quỷ, cũng có người cho rằng có ma quỷ nhưng về sau sẽ tan biến, nhưng cũng có những người lúc nói thế này lúc lại nói thế kia, có điều rất ít người công khai phản đối những gì Tử Sản nói. Ngay cả cuốn Liêu trai chí dị nói về ma quỷ, Bồ Tùng Linh cũng đã từng viết trong truyện Trường Thanh tăng[16] rằng: “Người chết thì hồn tan, những người đã chết mà hồn không tan, là nhờ tính đã định vậy.” Còn Kỷ Quân[17] trong Duyệt vi thảo đường bút ký đã có những lời trào phúng nhắm thẳng vào những

kẻ phủ bại Nho học chết cũng không chịu tin có ma, nhưng cũng phải mượn lời của Sái Tất Xương: “Phần khí thừa ra của con người thành ma quỷ, lâu ngày khí tất dần tan.”

[16] Là truyện: ‘Nhà sư ở Trường Thanh’ trong ‘Liêu trai chí dị’ của Bồ Tùng Linh.

[17] Kỷ Quân(1724-1805): văn học gia và thư tịch gia đời Thanh, tên tự là Hiểu Lam, Xuân Phàm.

Nếu còn tiếp tục nói nữa thì sẽ xa đề tài hồn phách mà gần với đề tài ma quỷ rồi, dừng ở đây thôi.

2. Chương 02.1

Chương 02

Ba hồn và bảy phách (vía)

Tưởng tượng của con người về hồn phách rõ ràng có quan hệ mật thiết với hiện tượng nằm mơ của con người. “Tôi” trong giấc mơ rất dễ bị người ta tưởng tượng là linh hồn. Trong những câu chuyện ma của Trung Quốc miêu tả hoạt động tách khỏi thể xác của linh hồn, thường chỉ là bản sao của những giấc mơ, những câu chuyện kiểu này chúng ta sẽ đề cập đến ở phần cuối của cuốn sách. Như vậy, con người chắc chắn sẽ nảy sinh nghi ngờ, vì một trong những đặc trưng của cái chết chính là hồn lìa khỏi xác, vậy thì trong mơ, khi linh hồn đó phiêu du khắp nơi, con người tại sao vẫn còn sống được? Liệu có phải sau khi linh hồn lìa khỏi xác, vẫn còn một thứ gì đó tương tự linh hồn ở lại trong thể xác ấy, duy trì sự sống cho con người? Đây có lẽ là nguồn gốc của khái niệm “phách”. Phách bám vào thể xác, điều khiển tri giác của con người. Khi cơ thể con người chưa suy yếu, phách vẫn còn mạnh, lúc này cho dù hồn có lìa khỏi xác, con người chưa chắc đã chết, vì cái xác ấy vẫn được duy trì bởi phách.[1]

[1] Trong quyển mười lăm của tiểu thuyết ‘Hữu đài tiên quán bút ký’ của Du Việt (Thời nhà Thanh) có viết: năm hoàng đế Đạo Quang thống trị, ở làng Lâm Bình có một người phụ nữ, vào độ tuổi trung niên, đột nhiên mắc một căn bệnh lạ, miệng không thể nói, tứ chi không thể vận động, nhưng mũi vẫn thấy thở ra hít vào. Mời thầy thuốc đến bắt mạch, nhưng không luận ra bệnh gì. Con cái hằng ngày đứng giờ bón cháo, vẫn có thể nuốt, nhưng không thể nhai cơm. Sống như vậy năm, sáu năm. Một buổi sáng, không thể ăn được nữa, cơ thể lạnh ngắt, biểu hiện như người đã chết. Du Việt nhận định: “Người này hồn đã đi nhưng phách vẫn còn ở trong cơ thể”, về mặt kiến thức thì có thể khẳng định, người này là một người sống thực vật.

Vì vậy, thuyết hồn phách có thể lý giải được trạng thái tồn tại của con người trong giấc mơ hoặc trong lúc hôn mê vì bạo bệnh. Cát Hồng[2] thời Đông Tấn trong Bảo Phách Tử, Chương Luận tiên có viết: “Con người không ngu dốt, đều biết bản thân mình có hồn phách, hồn phách chia lìa tức là người bị bệnh, hồn phách tách hẳn khỏi thể xác nghĩa là đã chết.”

[2] Cát Hồng (283-343): tự là Tri Xuyên, hiệu là Bảo Phách Tử (người đời gọi là Tiểu Tiên Ông), là hào tộc ở Giang Nam. Ông quê ở huyện Đan Dương Câu Dung (nay thuộc Giang Tô), xuất thân sĩ gia thế tộc. Ông viết ‘Bảo Phách Tử’. ‘Nội thiên’ trong thời kỳ tu luyện ở La Phù Sơn đến năm Kiến Vũ nguyên niên (317) đời Đông Tấn thì xong. ‘Bảo Phách Tử’. ‘Chương Luận tiên’ là một trong những chương của ‘Bảo Phách Tử’. ‘Nội thiên’.

Hồn và phách đối với con người đều không thể thiếu, nếu chỉ có một trong hai thứ đó thì người này sẽ bị ốm, nếu cả hai thứ đó đều bỏ đi, người này sẽ chết, đây chính là cách lý giải của người cổ đại.

Nếu đã như vậy, tại sao còn sinh ra khái niệm ba hồn bảy phách? Lễ nào sợ hồn phách lười biếng xin nghỉ phép nên phải nuôi thêm mấy cái tương tự để dự trữ?

Thực ra, thuyết ba hồn bảy phách không phải sản sinh từ tín ngưỡng hồn phách trong dân gian mà là kết quả sáng tạo của những đạo sĩ thời Nam Triều khi xây dựng lý luận tu luyện của mình.

Cụm từ “ba hồn bảy phách” xuất hiện sớm nhất trong Bão Phách Tử. Địa chân, trong đó có nhắc đến chuyện tu thành tiên, muốn trường sinh, thì phải uống đan dược, muốn thông thần, thì phải “kim thủy phân hình”, sau khi phân hình, “tức là bản thân có thể nhìn thấy ba hồn bảy phách trong chính cơ thể mình, có thể tiếp kiến được cả thần trời và thần đất, thần núi, và có thể sai khiến chúng.”

Nhưng định nghĩa “ba hồn bảy phách” trong Bão Phách Tử chỉ dừng lại ở đấy mà thôi. (Quyển ba trong Tam động Châu Nang[3] cũng đã trích dẫn những lời đại loại như: “Cầu ba hồn, chế bảy phách” trong cuốn thần thư Thái Bình kinh[4] đã bị thất truyền, chỉ là không biết cuốn thần thư đó có xuất hiện sớm hơn cuốn của Cát Hồng hay không.) Trong những tác phẩm xuất hiện muộn hơn như Lão Tử hoá hồ kinh[5] mặc dù có nhắc nhiều đến khái niệm “ba hồn bảy phách” nhưng hoặc là viết: “Ba hồn bay đi hết, bảy phách nhập tứ tinh”, hoặc viết: “Ba hồn về địa ngục, bảy phách bay về trời”, hoặc “Hồn về với trời, phách về với đất.” Những định nghĩa này được dùng khá và tùy tiện.

[3] ‘Tam động Châu Nang’: là một cuốn sách đạo giáo, có tất cả ba mươi quyển, do Vương Diên (tự là Tử Nguyên, đạo sĩ thời Bắc Chu) viết.

[4] ‘Thái Bình kinh’: là cuốn thần thư do Vu Cát (Vu Cát là một phương sĩ ở Lang Nha (nay ở phía bắc của Lâm Căn, tỉnh Sơn Đông)) sáng tác. Được xem là kinh điển tối yếu trong giai đoạn ban đầu hình thành Đạo giáo. Quyển Đạo kinh này bàn về phụng thờ trời đất, thuận theo âm dương ngũ hành, giáo trừ đại loạn, giúp thiên hạ thái bình, sách còn bàn sự hưng phế của quốc gia, phương pháp dưỡng sinh, cách tu luyện thành thần tiên, bùa chú, v.v...

[5] ‘Lão Tử hoá hồ kinh’: tác phẩm của đạo sĩ Vương Phù (tức Cơ Công Thứ) sống ở đời Tây Tấn (265-316) ở Trung Quốc.

Những tài liệu có viết về khái niệm “ba hồn bảy phách” ta có thể kể đến Vân Cấp Thất Thiêm[6] do Trương Quân Phòng đời Tống viết, trong đó ghi chép những cách nhìn nhận của con người từ Lục triều[7] về “ba hồn bảy phách”, nhưng lại rất khác với quan niệm của Nho giáo hay Tử Sản. Giống như trong Thái vi thăng huyền kinh (quyển một và ba trong Vân Cấp Thất Thiêm) có viết: “Khí tuyệt viết tử, khí bế viết tiên. Phách lưu thủ thân, hồn du thượng thiên. Chí bách tức hậu, hồn thần đương kiến. Kỳ phách duyên thị âm thần, thường bất dục nhân sinh.”[8] Muốn thành tiên, phải học bế khí, khi hồn lìa khỏi xác để về trời, chỉ để phách ở lại giữ thể xác. Điều này không sai, nhưng họ lại coi phách là mâu tặc[9] của thể xác con người. “Thường bất dục nhân sinh”, chỉ cần hồn không ở lại giữ nhà thì phách sẽ cấu kết với tà quỷ, nhẹ thì gây ác mộng, nặng thì khiến người ta tử vong. Điều này từ trước tới nay vẫn là niềm tin tuyệt đối của những người theo Đạo giáo, trong quyển thượng cuốn Thuyết Linh. Minh bảo lục của Lục Kỳ người đời Thanh, viết Ngô Chùy Ngụ Tai vì làm việc quá sức mà lâm bệnh, khi bệnh tình nguy cấp, thậm chí còn có thể nhìn thấy hồn phách lìa khỏi thể xác. Hồn người này cao lớn, giỏi giang, dưới sự điều dắt của hai người đã chết là mẹ và vợ cầu xin được sống. Còn phách thì có chiều cao như cơ thể, loã thể bay lượn khắp nơi, vui mừng nhảy nhót, sung sướng được chết, như vừa trút được gánh nặng.

[6] ‘Vân Cấp Thất Thiêm’: một loại sách về Đạo giáo ở thời Bắc Tống.

[7] Lục triều gồm: Đông Ngô, Đông Tấn, Lưu Tống, Nam Tề, Lương, Trần ở Giang Nam năm 229-589.

[8] Dịch nghĩa: Khí tuyệt là chết, khí bế là thành tiên. Phách ở lại giữ thể xác, hồn bay về trời. Hồn gặp Chúa trời, mà phách duyên của nó là âm thần, thường không muốn cuộc sống nhân gian.

[9] Mâu tặc có nghĩa là sâu mọt, kẻ phá hoại.

Vì vậy, việc tu hành của Đạo giáo chính là “luyện ba hồn”, dùng hồn để áp chế phách. Sau khi áp chết được mâu tặc của thể xác rồi, nó sẽ không cấu kết với ma quỷ bên ngoài đến quấy nhiễu, con người khi ấy có thể trường sinh bất tử. Điều này hoàn toàn tương đồng với dụng ý “giữ xác ba ngày” của Đạo giáo. Quan niệm về ma ác và ma thiện này cũng ảnh hưởng tới văn hoá u minh của những thế hệ sau, giống như Viên Trượng viết trong điều một, “Nam xương sĩ nhân”, quyển một của Tử bất ngữ[10] rằng: “Hồn của con người thiện

nhưng phách ác, hồn lành lợi còn phách gốc nghề”, giống như chuyện tà ác “sạ hộ”[11], đều là phách của thể xác đó làm, không liên quan gì tới hồn.

[10] ‘Tử bất ngữ’: những điều Khổng Tử không nói.

[11] Sạ hộ: giữ xác, bảo vệ xác.

Nhưng cùng là sách của Đạo giáo, nhận định về vai trò của hồn, phách lại không giống nhau. Phần Ngụy phu nhân quyển năm mươi tám trong Thái bình quảng ký trích dẫn những nội dung về luyện hình và giải phẫu cơ thể trong Tập Tiên lục và Ngụy phu nhân truyện, vẫn kế thừa thuyết hồn phách truyền thống. Người tu tiên sau khi chết, xác thối rửa, nhưng vẫn có “bảy phách bảo vệ chăm nom, ba hồn giữ nhà”, trong đó ba hồn giữ xương cốt, bảy phách hầu hạ xác thịt, trải qua ba năm, mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm,... huyết nhục tự sinh, hồi phục nguyên hình. Phách được nhắc tới ở đây không còn là mâu tặc nữa, mà là trợ thủ cho hồn.

Nói một cách nghiêm túc thì thuyết “ba hồn bảy phách” của Đạo giáo xuất phát từ việc tu luyện, thông qua việc dùng âm hồn áp chế dương phách để mong được trường sinh, vốn không phải là phạm trù của “Văn hoá u minh”, nhưng quan niệm này cũng thâm nhập vào văn hoá u minh, cùng với thuyết con người có ba hồn trở thành tài liệu được sử dụng trong những câu chuyện về ma quỷ.

Ví dụ một chuyện trong Đường niên bổ lục do Mã Tống người đời Đường viết, khi đề cập đến thời khắc lâm chung, chuẩn bị bị Diêm Vương bắt đi, con người có ba hồn, Diêm Vương chỉ bắt đi hai, còn để lại một giữ xác nhằm duy trì sự bất tử của người đó. Trong phần Thôi Hoàn, quyển hai của Huyền quái lục do Ngưu Tăng Ngũ đời Đường có viết về trường hợp của Thôi Hoàn, vì đam mê tử sắc, không hoàn thành nhiệm vụ của một người đã lập gia đình, nên khi bị Diêm Vương bắt đi, phải chịu phạt đòn, sau đó được thả về, cũng nói: “Con người có ba hồn, một hồn ở nhà, hai hồn đi chịu đòn phạt.”

Nhân vật chính trong hai câu chuyện trên đều là những người đã bị Diêm Vương bắt đi rồi được thả về. Theo những gì họ kể sau khi hoàn dương, khi họ bị bắt, Diêm Vương chỉ bắt hai trong ba hồn, còn để lại một hồn giữ xác, do đó, mặc dù bị bắt xuống địa ngục, nhưng người đó vẫn chưa chết. Nhưng trong chuyện này lại nảy sinh một vấn đề, con người có ba hồn, trong thuật tu luyện của Đạo giáo thì có thể không cần bàn tới hình dạng của những hồn phách này, mặc dù cũng có những sách của Đạo giáo nhắc tới vấn đề hình dạng của hồn, phách, nhưng hình dạng của những hồn, phách này hoàn toàn mô phỏng đúng như thể xác của những hồn phách đó, ví dụ trong Thái vi thăng huyền kinh có viết: “Phách thần có bảy người, mặc áo đen, đội mũ đen, đi giày đen. Hồn thần có ba người, mỗi người cao khoảng một thước năm tấc, mặc áo đỏ, đội mũ đỏ, đi giày đỏ.” Chúng dường như là những thần vật không liên quan đến phẩm chất của con người, Ngọc Hoàng đại đế sản sinh và bồi dưỡng chúng hàng loạt, sau đó Tam Thi Thần sẽ phái họ đi, nhập vào cơ thể của mỗi con người.

Nhưng một khi dùng thuyết ba hồn bảy phách vào các câu chuyện ma thì ý nghĩa này sẽ có thay đổi, ít nhất thì ba hồn kia sẽ được cá tính hoá, trở thành đại diện cho chủ nhân, lúc này không thể không suy nghĩ đến hình dạng của hồn nữa. Khi Thôi Hoàn bị Diêm Vương bắt xuống địa phủ, Thôi Hoàn khi ấy không phải là người, thể xác của anh ta lúc đó đang nằm trên giường ở nhân gian, nhưng cũng không phải là ma bởi anh ta vẫn chưa chết, hiện giờ người ở địa phủ chính là hồn của anh ta. Hình dạng của hồn này giống hệt hình dạng của Thôi Hoàn trên trần gian, không chỉ có thế, hồn này ngoài việc không phải là người sống ra, tất cả mọi thứ của anh ta (hồn của Thôi Hoàn) bao gồm suy nghĩ, tình cảm, quan hệ xã hội, lai lịch cá nhân v.v... đều giống hệt của Thôi Hoàn, chính là muốn nói, anh ta (hồn của Thôi Hoàn) có đủ tư cách để đại diện cho Thôi Hoàn, không chỉ chịu trách nhiệm mọi việc mà anh ta (hồn của Thôi Hoàn) làm, mà còn thay Thôi Hoàn chịu đòn của Diêm Vương. Điểm này không có gì phải nghi ngờ nhưng vấn đề ở chỗ, Thôi Hoàn ở địa phủ rõ ràng chỉ có một hình dạng, sao lại do hai hồn đứng ra đại diện? Nếu một hồn đang lưu lại trong thể xác kia có thể tồn tại độc lập thì tại sao hai hồn ở dưới địa phủ lại không thể tách rời? Nếu chúng tách ra, liệu dưới địa phủ có xuất hiện hai Thôi Hoàn không? Và khi chịu đòn, ai sẽ là người nằm xuống?

Trong các câu chuyện ma dẫn thuyết ba hồn, thực ra trong cả câu chuyện có thể che giấu một vài lỗ hổng, ví dụ như việc hồn lìa khỏi xác mà người đó vẫn sống, để hồn sau khi dạo một vòng quanh địa phủ còn có thể quay lại dương thế, đại diện cho đạo lý về luật nhân quả mà các vị hoà thượng vẫn tuyên truyền. Còn việc chỉ đưa hai hồn xuống địa phủ, để lại một hồn trong thể xác, đã thay thế hoặc trợ giúp cho chức năng của “phách”, cách bố trí này cũng rất có ý nghĩa. Tại sao không đổi ngược lại, để hai hồn ở lại nhân thế,

để một hồn tới địa phủ đối chất? Bởi vì ba hồn tương tự, lý trí của con người mới vẹn toàn, có một sinh mệnh hoàn chỉnh, nếu mất đi một hồn, chỉ còn hai hồn tương tự, thì người đó vẫn có thể duy trì được lý trí, khi bị bắt xuống địa phủ đối chất trước công đường sẽ không đến nỗi ăn nói hồ đồ. Nhưng khi ba hồn chỉ còn lại một thì chỉ có thể khiến người đó hôn mê bất tỉnh nằm trên giường bệnh. Ở đây cũng để lộ một kẽ hở lớn không thể che giấu, khi Diêm Vương đi bắt người đã cáo chung, về lý là phải bắt cả ba hồn, “ba hồn bay ra thiên linh đông”, người này chắc chắn sẽ chết, nhưng Diêm Vương lại hay bắt sai người, nếu lúc này mà trả ba hồn về dương thế, chẳng phải là trả ba hồn về với một xác chết hay sao? Lúc này, vì xác của ba hồn kia không có một hồn ở lại canh giữ, sớm đã thối rữa, án oan này khó lòng sửa được. Hơn nữa còn tồn tại một khả năng khác, đó là người bị Diêm Vương bắt đến địa phủ chỉ là người làm chứng tạm thời, vì vậy mới để một hồn ở lại giữ xác, nhưng trong quá trình thẩm vấn, đột nhiên phát hiện nhân chứng này chính là kẻ phạm tội, thế thì không thể thả hân về dương thế được nữa. Nhưng hân vẫn còn một hồn ở trên dương thế, lúc này đành phải sai quỷ sứ đi bắt hồn còn lại kia, đây cũng là một chuyện đáng cười.

Trong cách nhìn nhận truyền thống của người Trung Quốc, hồn phách của con người không thể tan, vì hễ nó tan, con người sẽ chết. Nếu ba hồn, cho rằng tách nhau ra cũng tốt, đòi độc lập, không chịu tụ lại một chỗ thì cho dù người này được Diêm Vương thả về cũng không thể sống lại. Thế là có người đã nảy sinh một suy nghĩ kỳ quái, đó là dùng keo dính những hồn phách đang tứ tán khắp nơi kia lại với nhau.

Ngưu Tăng Nhữ người đời Đường viết trong Huyền quái lục (dẫn chuyện Tề suy nữ[12] quyển 358 Thái bình quảng ký, cuốn Huyền quái lục, quyển ba có phần Tề nhiều châu, văn bản hơi khác nhau), kể về chuyện vợ của Lý Mỗ (con gái Tề Suy) đã chết nhiều ngày, đã “hồn bay phách tán” quay lại dương thế phục sinh, nhờ “dùng phương pháp ghép hồn để trả lại cuộc sống cho vợ Lý Mỗ”. Vậy thế nào gọi là ghép hồn? Sứ giả địa phủ giải thích rằng: “Con người khi còn sống có ba hồn bảy phách, sau khi chết sẽ lìa khỏi xác, không nơi nương tựa. Nếu tập hợp được hồn phách và thể xác lại làm một, dùng keo dính chúng lại với nhau, sau đó đại vương sẽ cho phép chúng quay lại dương thế, đây chính là một cơ thể sống hoàn chỉnh.” Thế là một sứ giả địa phủ khác đưa đến bảy, tám người phụ nữ có tướng mạo giống vợ của Lý Mỗ, đẩy họ lại với nhau và hợp thành một. Tiếp đến, một quan viên xuất hiện, tay cầm bình thuốc, như nước đường loãng, đổ lên người vợ Lý Mỗ. Tôi vốn cho rằng họ sẽ dùng keo tăng lực 501 để dính bảy, tám hồn phách lại với nhau như dính bảy, tám tấm gỗ, nhưng chẳng qua cũng chỉ là tăng thêm một lớp màng bảo vệ bên ngoài cơ thể của vợ Lý Mỗ, khiến cho những hồn phách bị nhốt bên trong cơ thể đó không thể tùy tiện thoát ra ngoài.

[12] Con gái của Tề Suy.

3. Chương 02.2

Câu chuyện này đã trả lời cho câu hỏi được đặt ra ở trên, ba hồn bảy phách đến âm gian, lại biến thành một đám “quỷ” có hình dạng giống hệt nhau! Mà theo như câu chuyện Đường Huyền trong Thông u ký do Trần Thiệu đời Đường viết: “Con người sau khi chết, hồn phách mỗi thứ một nơi, cho dù đều bị dẫn giải xuống địa phủ thì cũng không được giam gần nhau”, hồn và phách đến âm phủ, lại bị chia ra và giam ở những nơi khác nhau, giống như những chi tiết trong câu chuyện về người con gái của Tề Suy ở trên.

Người con gái này ngoài “bản hồn”[13], còn có bảy, tám hồn phách nữa, vậy thì bản hồn đó chính là do “hai hồn” chưa bị ly tán hợp thành, một hồn còn lại là quỷ của một phách kia liệu có phải giống bệnh nhân tâm thần mất đi “năng lực hành vi”, không còn phải chịu trách nhiệm về hành vi của bản hồn nữa? Sự tưởng tượng của tiểu thuyết có thể cũng thú vị, nhưng nếu xã hội chấp nhận thuyết này thì sẽ mang lại không ít phiền phức cho thế giới ma quỷ. Ví dụ một chuyện đơn giản nhất là móc túi ra ướm tiền rồi không biết đi đòi ai. Sự kết dính của loại keo này rất mạnh, dính chặt một đám quỷ lại với nhau là có thể được hồi sinh rồi. Nhưng người đưa ra chủ ý này chỉ nhìn thấy trước mắt chứ không nhìn thấy tương lai, ba hồn bảy phách bị dính cố định với nhau như thế không thể tách ra được, vậy thì sau này, vợ của Lý Mỗ sao còn có thể chết đây?

[13] Hồn của chính mình.

Ngoài ra, việc để hồn có thể quy về dương thế thuận lợi mà bố trí một hồn ở lại giữ xác, thuyết này cũng có một lỗ hổng rất lớn, bởi rốt cuộc việc hồn được trả về dương thế xảy ra không nhiều, đa số những người đã chết không gặp được cơ may đó. Vậy thì âm ti vì chuyện này mà để lại một hồn ở dương thế giữ xác chẳng

phải tự chuốc thêm phiền phức hay sao? Mà những người đó đều là chết bất đắc kỳ tử, não cũng đã chết, còn để lại một hồn ở đây làm gì?

Nhưng những câu chuyện của người xưa cũng có đáp án cho câu hỏi này, chỉ có điều thời đại đã chuyển đến đời Nam Tống, không còn qn tâm tới những quy tắc của đời Đường nữa, họ cho rằng để một hồn ở lại giữ xác, hồn đây chính là đại diện cho “bản quỷ”, chuẩn bị hoá kiếp. Thuyết này có thể thấy ở quyển năm Qn Vương Trì trong Di kiên chi mậu do Hồng Mai viết, trong đó kể về một hồn ma bị mất đầu, hồn ma đó nói: “Đầu và thân của tôi mỗi thứ một nơi, không biết đã bao nhiêu năm rồi... còn ba hồn bảy phách đã tan từ lâu. Chỉ còn một hồn đang giữ xác, lại bị mất đầu, nay có một mong muốn...” từ từ nói tiếp: “Thân và đầu mỗi thứ mỗi nơi, nay muốn hợp thể, liệu có được chăng? Như thế mới được gọi là một linh hồn.”

Linh hồn này đại diện cho bản quỷ, nếu không nhanh chóng trở về đúng vị trí, sẽ trở thành quỷ tác oai tác quái, gây trở ngại cho trị an của loài người trên dương gian. Thế là, lại có một người khác nghĩ ra kế sách vện cả đôi đường, chính là giam một hồn ở lại giữ xác vào miếu Thành Hoàng, cũng chính là nha môn phủ huyện của âm gian, chứ không thể để mặc nó tùy tiện đi lại trên đường phố. Đường nhiên miếu Thành Hoàng này có linh hồn chuyên trách canh giữ.

Trong cảnh ba cửa vở tạp kịch[14] Lã Động Tân độ Thiết Quái Lý Nhạc do Nhạc Bá Xuyên[15] người đời Nguyên viết, Lý Nhạc mượn thi thể để hoàn hồn, nói: “Ta mặc dù đã hoàn hồn, nhưng ba hồn của ta không đủ, một hồn còn đang ở trong miếu Thành Hoàng, người nhà ta sẽ đi lấy về.”

[14] Tạp kịch: một loại kịch hát hài hước, xuất hiện từ đời Tống của Trung Quốc.

[15] Nhạc Bá Xuyên: tác giả tạp kịch đời Nguyên, người Tế Nam, nay thuộc tỉnh Sơn Đông.

Điều này có lẽ bắt nguồn từ trình tự thẩm lý tội phạm của thời đó. Phạm nhân bị bắt, đầu tiên là giam trong nha môn bản địa, tình tiết nếu nghiêm trọng, sẽ giải lên trên, cũng theo thứ tự từ đại lý tự[16] của huyện, châu, phủ cho đến trung ương, nhưng bản ác gốc vẫn được lưu ở nha phủ của bản địa, bản án gốc này chính là nhốt một hồn lại. Sau này chắc là do dân số càng ngày càng phát triển, miếu Thành Hoàng của châu huyện không thể quản lý hết được, những vong hồn ở làng xã bị nhốt trong miếu thổ địa của chính làng xã đấy. Một câu chuyện trong quyển năm thuộc Hữu đài tiên quán bút ký do Du Việt người đời Thanh viết: “Người ở trấn Đường Tây tên Trương Khánh Tôn, vì muốn tránh nạn quân Thái Bình, chạy đến đất Thịnh Trạch, Không may ồm chết nơi đất khách quê người, linh hồn của anh ta cũng được đưa đến miếu thổ địa của Thịnh Trạch. Nhưng thổ địa của Thịnh Trạch lại cho rằng anh ta không phải người ở đây nên phải bị giam giữ ở miếu thổ địa tại quê gốc, thế là lại đưa trả linh hồn anh ta về Đường Tây.” Không ngờ quy tắc ở thế giới âm ti mà cũng nghiêm ngặt như thế.

[16] Đại lý tự: giống như toà án thời nay.

Trong cuốn Phong tục tập quán trên khắp đất nước Trung Hoa do Hồ Phác An viết, có ghi lại tang lễ của Cao Bưu ở Giang Tô như sau: “Người khi mới chết, người nhà phải dùng chiếu được tết bằng cây sậy, bằng rơm khoanh tròn bên cạnh miếu thổ địa của làng, làm nơi nường nấu cho linh hồn người chết. Nam bên trái, nữ bên phải, gọi là “trái chỗ”. Sau khi trái chỗ, người nhà hằng ngày phải chuẩn bị hai bữa cơm, hai món, mang đến đặt ở nơi cư ngụ của quỷ, gọi là đưa cơm. Đêm cho vào áo quan, mời nhà sư a đối ăn, người nhà mang kiệu giấy, thuyền giấy, ngựa giấy đặt vào giữa miếu thổ địa, lên tiếng cầu xin thần thổ địa tạm thả người chết. Mời hồn của người chết theo họ về nhà, như thế gọi là “triệu hồn về xem kịch”.”

Vong hồn bị giam giữ ở miếu thổ địa với thân phận kẻ bị tình nghi, qn niệm người chết tức là tội phạm của âm phủ ở thời Minh – Thanh đã thâm căn cố đế như vậy rồi.

Những câu chuyện xung quanh vấn đề “ba hồn” không ít, cũng muôn hình muôn dạng, kỳ lạ đủ điều. Lấy vài ví dụ để minh chứng. Ví dụ thứ nhất, trong chuyện Lương thị tân phụ[17] trong ouyện ba Thôi Trượng viết: “Một dân tộc ở Hàng Châu, khi cô dâu mới bước q cửa, tay phải cầm bình ngọc, bên trong đựng năm loại ngũ cốc, sau khi đến nhà chồng, lập tức giao cho người nhà chồng, cho bình ngọc vào trong tủ thóc. Nhà họ Lương cưới dâu, khi người con dâu mới tay cầm bình ngọc đi q cửa, người giữ cửa đòi bao lì xì, kết quả đã xảy ra tranh cãi với bên đến đón dâu. Cô dâu mới ngồi trên kiệu sợ hãi vô cùng, khi về đến nhà chồng, tâm tư hỗn loạn như người mất hồn. Thấy cúng được mời đến, cho cô ta uống nước bùa chú, lúc ấy tinh thần mới có chút ổn định, nói: “Tôi có ba hồn, một hồn bị thất lạc bên ngoài cửa thành, một hồn thất lạc trong bình ngọc, cần phải triệu hai hồn ở hai nơi đó về.” Sau khi làm theo lời cô ta, cô dâu mới nhà họ Lương mới

trở lại trạng thái bình thường.” Người gác cửa có thể dọa cho ba hồn của người q cửa sợ tới mức bỏ chạy tứ tán khắp nơi, khiến một hồn phải lẩn vào trong bình ngọc để trốn, điều đó cho thấy uy phong của người đó hùng mạnh không kém gì thời nay.

[17] Cô dâu mới nhà họ Lương.

Ví dụ tiếp theo lấy từ hồi thứ nhất trong Tục Kim Bình Mai của Đình Diệu Cang, người đầu thời Thanh, trong đó viết: “Con người có ba hồn bảy phách, khi còn sống thì tam thi thất tình, đến khi phách tán thân vong, ba hồn kia chính là ba con ma, một con đến âm ti chịu phạt, một con ở lại dương thế chờ hoá kiếp, còn một con ở lại bên cạnh mộ giữ xác chết, chịu mưa gió, không được rời đi, thậm chí còn bị coi là quần chân.[18]

[18] Đình Diệu Cang nói ba hồn tức là tam thi, sống thì là tam thi, chết thì là ba hồn, có qn hệ mật thiết với nội dung của quyển tám mươi mốt ‘Tam Thi Trung kinh’ trong ‘Vân Cáp Thất Thiêm. Tam Thi Trung kinh’ viết rằng: hình dạng của tam thi như trẻ con hoặc là như hình con ngựa, đều có lông dài hai tấc, sống trong con người. Khi con người chết đi, trực xuất ra thành ma, hình dạng giống như con người đó, quần áo ngắn dài cũng giống hệt giống như truyền thuyết nhân gian lưu truyền chuyện sinh hồn hoá thành hồn ma. Vì vậy, thuyết tam thi có thể là do tưởng tượng từ thuyết sinh hồn mà ra, không phải không có căn cứ.

Người sau khi chết, ba hồn phân tán đi ba nơi, trở thành ba con ma, suy nghĩ kỳ quặc này nhìn tưởng là vớ vẩn, linh tinh, thực ra chứa đựng hàm ý sâu sắc. Thử nhìn những hiểu tử hiện tôn trên thế gian này xem, đốt hương thờ cúng, một là vì muốn tổ tiên đã khuất sớm được rửa sạch tội lỗi, như thế chẳng phải ở địa ngục có một con ma sao? Hai là cầu chúc cho tổ tông được đầu thai vào gia đình giàu có, như thế chẳng phải chỉ là một hồn ma thôi sao? Ngoài hai điều cầu khẩn ở trên kia ra, năm hết Tết đến đều đốt tiền vàng mã dâng cúng, xem ra trong mộ cũng có một hồn ma ở đó để hưởng lộc thụ hương hoa.

Hồi thứ mười ba trong Hồ lô giám của tác giả Phục Thư, Giáo chủ đời Thanh cũng có những suy nghĩ tương đồng với thuyết này:

Địa Táng Bồ Tát nói: “... Nhưng lão nạp lại có một suy nghĩ thế này: Ba Tư Sư toàn thân giáng phàm, rơi trong sợ hãi, chỉ ra một hồn trong ba hồn hoá kiếp thành người, hai hồn còn lại cầu xin đại vương phục hồi nguyên dạng, tạm thời lưu lại địa phủ, qnh quần bên lão nạp nhiều năm, giúp việc cứu tế, để quên đi nỗi nhớ trần gian. Đợi tới khi hồn ở dương thế chuyển đến, sau đó tập hợp ba hồn, đi về Tây phương, thế chẳng phải cả công tư đều vẹn hay sao? Vừa hoàn thành tục duyên ở trần thế, lại không vi phạm quy giới của nhà Phật, những đóng góp trong ngục, công lao không hề nhỏ, cũng nên có lời khen chứ?”

Theo như cách nói ở trên, khi đó, cả ba hồn của người này đều bị bắt về âm phủ, sau khi phán quyết, chỉ có hai hồn ở lại âm phủ, một hồn đầu thai thành người trên trần gian. Hai hồn ở lại địa phủ phải chịu sự giáo dục của Địa Táng Bồ Tát, nhưng xếp hàng thụ giáo chưa chắc đã có thể hiểu hết, lẽ nào khi viết báo cáo tư tưởng cũng mỗi hồn phải viết một bản? Còn một hồn đầu thai làm người trên trần gian, đã trở thành một người hoàn toàn mới, đứa bé trai hay bé gái còn đang nằm trong tã này có liên qn gì đến ông lão hay bà lão đang ở dưới địa phủ kia? Nếu sau vài năm, ba hồn đoàn tụ, diện mạo mỗi người mỗi khác, cũng là điều khiến người ta phiền lòng.

Vì vậy, trong quyển hai của Động linh tục chỉ do Quách Tắc Vân viết có vẻ hợp lý hơn một chút, ba hồn trong đó được lý giải là “một về địa phủ, một giữ xác, một ở trong mộ”. Hồn về địa phủ sẽ tự động tham gia quá trình luân hồi dưới đó, còn lại hai hồn kia, một hồn nhập vào bài vị trên bàn thờ, một hồn ở lại trong hài cốt nằm trong mộ.

Thuyết này so với suy luận ba phải kia rõ ràng hơn, không chỉ khiến qn niệm về địa ngục của người phương Tây và người Trung Quốc không tương phạm, mà còn lý giải, tranh luận về việc hồn ma ở mộ hay ở miếu.

Nhưng trong Hồ lô giám có một mâu thuẫn, vẫn chưa được giải quyết triệt để ở đây: “Nếu chỉ có một hồn đầu thai làm người ở trần gian, vậy thì rốt cuộc người mới được sinh ra kia có mấy hồn? Phải chăng hồn này cũng giống Lão tử nhất khí hoá Tam Thanh[19] phân chia thành ba người hay không?” Cứ như thế, đời đời tương truyền, một hoá thành ba, ba thành chín, liên tục không nghỉ, mà khả năng phân chia đó nam nữ cũng giống nhau, âm gian nhiều hơn dương gian bội phần, thế thì sao được!

[19] Tam Thanh ở đây chỉ: quá khứ, hiện tại, tương lai.

“Một nước ba v, ta phải theo ai?” Một nhà ba vợ, như Trương Đại Thiên cảm thấy không thoả đáng, đành phải cưới thêm một người nữa để đủ bàn mạt chược, để họ tự chơi mạt chược với nhau. Một người đang yên lành như thế, sao lại phải biến thành một thể ba hồn chứ? Càng cố gắng thì sự việc lại càng tồi tệ, chỉ riêng việc bố trí thể nào cho ba hồn sau khi người chết đi cũng đã có rất nhiều phương án được đưa ra, việc tranh chấp, đấu đá lẫn nhau khi còn ở trên thân thể người là điều không cần nghĩ cũng biết.

Còn về khái niệm “bảy phách”, dân gian cũng có rất nhiều cách nhìn nhận, mặc dù không lý kỳ như những thuyết liên qn tới “ba hồn” ở trên, nhưng những việc tử tử mỗ lật vạt liên qn đến nó cũng đủ khiến âm ti phải đau đầu. Chuyện Tác thất, quyển chín trong Quảng Đông tân ngữ của Khuất Đại Quân viết về phong tục ở Quảng Đông, trong đó, khi cử hành tang lễ cho người chết, bảy ngày cúng một lần, cho đến bốn mươi chín ngày thì thôi, phong tục cử hành tang lễ này không chỉ có ở Quảng Đông, những nơi khác cũng có. Có điều, ở Quảng Đông, sau khi trẻ con được sinh ra, cũng phải bảy ngày cúng một lần, hết bốn mươi chín ngày mới thôi, điều này thì chưa từng nghe nói ở các vùng khác. Tác giả giải thích về “tác thất” như sau:

Con người khi sinh ra phải bốn mươi chín ngày sau mới tập hợp đủ phách, sau khi chết bốn mươi chín ngày phách mới tan, bảy ngày đầu sau khi chết, vẫn hy vọng quay lại trần gian. Trong bảy ngày cúng tế đó, với sự thành tâm của người sống, tinh thần thoải mái của người chết, bảy bảy bốn mươi chín ngày mà không oỵ lại được, tức là không sống lại nữa, người chết được bốn mươi chín ngày, là tận số “Hà Đồ”[20]. Tận số và dùng cúng tế, người sống không thể giúp gì được nữa.

[20] Hà Đồ: là Đạo tự nhiên, là bản đồ trên lưng con long mã. Bởi Bát quái tiên thiên do đức Phục Hi sáng lập ra, nói rằng v Phục Hi trị thủy trên sông Mạnh Hà mới thấy trên lưng của Long Mã có xuất hiện nhiều điểm, dưới dạng chữ thập. Tóm lại, Hà Đồ là một bảng vẽ mười số đếm từ một đến mười, được biểu diễn bằng các chấm đen và trắng, sắp xếp thành hai vòng trong (nội) và ngoài (ngoại) theo đúng bốn phương chính là nam (ở trên), bắc (ở dưới), đông (bên trái), tây (bên phải).

Trẻ con khi được sinh ra, bảy ngày sẽ có một phách, sau bốn mươi chín ngày bảy phách sẽ tập hợp đầy đủ, không biết bảy phách này trước khi nhập vào cơ thể người thì tồn tại ở đâu? Con người lúc sắp chết, cứ bảy ngày sẽ có một phách đi, bốn mươi chín ngày bảy phách đi hết thì người sẽ chết, thì thể đã được hoá táng, không biết những phách chưa tan hết sẽ gửi mình vào đâu? Vốn nghĩ rằng, chỉ những thầy cúng ở nông thôn mới tán thành lý luận này, không ngờ một vài phần tử trí thức cũng tát nước theo mưa, Khuất Ông Sơn là một người có trình độ học vấn không hề tầm thường trong đợt di dân đầu đời Thanh, chẳng phải chính ông cũng đã lôi kéo “Hà Đồ” vào đó hay sao.

4. Chương 03

Chương 03

Hồn lìa khỏi xác

Nếu như bỏ qua những bàn tán lạ lùng về ba hồn bảy phách, vậy thì con người sau khi chết, linh hồn tất sẽ rời khỏi thể xác của người đó, xuống Hoàng Tuyền hay vào trong mộ, bất luận là đi đâu, tóm lại phải có một chỗ để quay về. Nhưng linh hồn lìa khỏi xác không có nghĩa là người đó nhất định sẽ chết, đôi khi linh hồn vẫn duy trì một mối liên hệ hoặc mạnh hoặc yếu với thể xác của nó, còn bản thân nó tự duy trì trạng thái hoặc âm hoặc dương. Đương nhiên, ngoài linh hồn của thần tiên có thể tự do ra vào thể xác bất cứ lúc nào, khoảng cách giữa hình (thể xác) và thần (linh hồn) này, đối với cả hai mà nói đều là chuyện bất đắc dĩ. Cách linh hồn thoát khỏi thể xác ôn hoà nhất có lẽ là trong giấc mơ, mặc dù con người khi mơ chưa chắc tất cả đều mộng hồn xuất khiếu (hồn rời khỏi xác), “tứ mộng” được liệt kê trong sách Phật, đa phần đều là hư chứ không thực còn thuyết “lục mộng” của Trung Quốc cổ đại, mặc dù không nói rõ là thực hay hư, nhưng bất luận là chính mộng, hỷ mộng hay ác mộng, cụ mộng (giấc mơ sợ hãi) thì thứ mà con người chú ý chính là điềm báo trong giấc mộng đó, còn việc xuất nhập hành tung của nhân vật chính thì không ai quan tâm. Ngoài cách này, những lần hồn thoát xác đa phần đều có chút kịch liệt, đau đớn, ví dụ nếu

nguyên nhân thoát xác xuất phát từ sự cố hoặc một loại bệnh nào đó, đại loại như kiểu bị sợ hãi, ngất xỉu, hay những kẻ ham tiền ham chức dẫn đến mắc bệnh thần kinh. Tóm lại, hồn lìa khỏi xác, xác không có hồn, một thứ thì lang thang khắp nơi, một thứ thì vô tri vô thức, khoảng cách giữa hình và thần, đối với chủ nhân mà nói đúng là một việc bất hạnh. Nhưng thực ra cũng chưa chắc đã hẳn như thế, chuyện gì cũng có hai mặt của nó, linh hồn đang phiêu du khắp nơi, có thể nói là không có nhà để về, nhưng cũng có thể nhận định rằng nó không bị giam hãm nữa. Mặc dù đột ngột mất đi sự bảo hộ của cả hai thế giới âm và dương, nhưng cũng có thể lý giải là nó không còn chịu sự kìm kẹp, quản thúc của hai thế giới đó nữa. Thế là hồn lúc này trở thành một kẻ lang thang, một độc hành hiệp, một chú dê nhỏ bị lạc đường, thành con chim ưng khoẻ mạnh sổ lồng, thành yêu tinh phụ thuộc vào các loài khác nhau, thành thần tiên du ngoạn khắp nơi, cảnh do tâm tạo, tâm trạng biến đổi theo hoàn cảnh, thế nào cũng được. Như vậy, trong những câu chuyện về thế giới u minh sẽ xuất hiện những tình tiết ly kỳ do rất nhiều linh hồn đóng vai chính. Nói không cũng vô nghĩa, chỉ bằng kể một câu chuyện.

Những câu chuyện hồn lìa khỏi xác thì muôn hình vạn trạng, nhưng chung quy lại, có thể thu về hai dạng chính, một là “Trang Sinh hoá điệp”, hai là “Sảnh Nương ly hồn”. Dạng đầu tiên là kể về những linh hồn sau khi thoát xác đã biến mình thành loài khác, dạng thứ hai là những linh hồn đi về một mình, nhưng cũng tương đồng với những dạng tạm thời thoát khỏi sự ràng buộc của thể xác.

Nếu cảm thấy chán ghét với cái vỏ cũ của chính mình, tạm thời thay đổi khẩu vị cũng không phải là không hay, có điều du hồn vô căn, lang thang theo gió, nếu vô tình bay lạc vào bàn tiệc hoặc nơi vắng đẽc thì khẩu vị đó vô cùng khác biệt.

Trong truyện Tiết Vĩ, quyển hai Tục huyền quái lục do Lý Phục Ngôn người đời Đường viết về chi huyện huyện Thục Châu Thanh Thành tên là Bộ Tiết Vĩ, bệnh nặng bảy ngày, đột ngột qua đời, nhưng tim vẫn còn ấm, người nhà không nỡ nhập quan, ngồi xung quanh hầu hạ. Hơn hai mươi ngày sau, Tiết Vĩ đột nhiên thở dài một tiếng, rồi đứng lên, nói: “Các người mau đi xem mấy vị đồng liêu của ta có phải họ đang ăn cá không? Nếu đúng thì yêu cầu họ dừng đĩa ngay, mau mau tới đây nghe ta kể chuyện lạ.”

Người hầu đi xem, quả nhiên không sai, mấy vị đồng liêu lập tức đi theo họ. Tiết Vĩ nói: “Con cá mà các vị ăn, có phải là con cá do gác cổng Trương Bật mua về không?” Mọi người đáp phải. Trương Bật cũng đến, Tiết Vĩ liền hỏi anh ta: “Khi người mua cá, người đánh cá Triệu Can có phải đã giấu con cá to nhất đi, chỉ mang ra những con cá nhỏ, sau đó người tìm được con cá to đó ở trong đám lau sậy, mang nó về nhà nội, rồi giao cho đầu bếp Vương Sĩ Lương giết thịt đúng không?” Trương Bật nói không sai. Mọi người hỏi: “Sao ngài lại biết những chuyện này?” Tiết Vĩ đáp: “Con cá to mà các người giết đó chính là ta!” Rồi ông ta kể lại câu chuyện mình bệnh nặng, sốt cao, mộng thấy hồn xuất ra, chỉ muốn tìm một nơi mát mẻ để gửi gắm, liền đi ra ngoài thành, muốn “trải nghiệm cảm giác chìm trời cá nước”. Ông ta vào rừng sâu, thấy đầm nước mênh mông, đột nhiên nảy ra suy nghĩ, lại thêm sự mời gọi của đàn cá dưới đầm, liền hoá thân thành cá. Thế là lượn theo sóng nước, thảnh thơi không ai bằng, tam giang ngũ hồ, bay nhảy khắp nơi. Nhưng vì Hà Bá phân chia phía đông đầm cho cá chép, nên mỗi khi chiều xuống, nhất định phải quay về. Vừa đói vừa khát, không xin được cái ăn, ông đi tìm thuyền, thấy Triệu Can đang câu cá, ngửi thấy mùi thơm, biết là tai hoạ nhưng vẫn mắc câu. Mặc ông ta có kêu gào thế nào, Triệu Can cũng như không nghe thấy, lại dùng một sợi thừng quấn chặt, ném vào giữa đám lau sậy. Sau đó lại bị Trương Bật tìm thấy, xách về bếp. Vương Sĩ Lương đặt ông ta lên thớt, mấy người đứng bên cạnh xem, chỉ trầm trồ khen con cá to quá. Ông ta vừa khóc vừa gào, người khác đến nhìn cũng không thềm, cho đến khi Vương Sĩ Lương một dao bổ xuống, chặt đứt đầu cá, ông ta mới giật mình tỉnh mộng.

Hồn rời khỏi thân xác hoá thành cá, có thể du ngoạn ba sông năm bể, mặc dù cuối cùng phải chịu một nỗi sợ hãi lớn nhưng cũng đã được trải nghiệm cuộc sống của một chú cá. Trong Liêu trai có chuyện Ấp nhân[1], không biết có phải phóng tác theo nội dung của truyện trên hay không, nhưng với cấu trúc tương đồng đã

viết một câu chuyện phản biện, mặc dù không dài nhưng sức hấp dẫn lại vượt trội câu chuyện trước. Truyện này kể về một tên vô lại trong chợ, bị hai người không biết là người hay ma bắt mất hồn, thấy trong quầy bán thịt có treo một tảng thịt lợn, liền nhét hồn hắn ta vào trong đó. “Người đồ tể chặt thịt bán, vung dao cắt xẻo, cắt tới đâu y thấy đau tới đó, buốt tới tận xương tủy. Sau có ông lão hàng xóm tới mua thịt, cò kè trả giá, hết đòi thêm mỡ lại cắt thêm nạc, cho tới khi cắt vụn cả miếng thịt ra, thêm muôn phần đau đớn. Khi bán hết thịt, tự khắc sự đau đớn đó cũng hết.” Khi bán miếng thịt cuối cùng, hồn của tên vô lại kia mới coi như được giải thoát. Bồ Tùng Linh tỏ ra đặc ý với tình tiết câu chuyện đầy thú vị của mình: “Trong một buổi sáng mà trải qua một phen bị tùng xẻo như thế, há chẳng rất kỳ lạ hay sao!”[2]

[1] ‘Áp nhân’: hay có nơi còn đặt tên là ‘Người trong huyện’.

[2] Nhưng cũng có thể Bồ Lưu Tiên (tên tự của Bồ Tùng Linh) lấy cảm hứng từ nội dung câu chuyện ‘Lô Nhiễm hoá cá’ trong quyển ba của tập ‘Tây dương Tạp trở’. Đây là một phiên bản khác của truyện Tiết vĩ, nhưng có thêm tình tiết về trừng phạt. Lô Nhiễm trong câu chuyện bình sinh rất thích ăn cá, kết quả có một ngày anh ta cũng biến thành cá, và đích thân trải nghiệm quá trình bị con người lọc thịt, cho tới khi bị chặt đầu mới kết thúc trận khổ hình. Sau khi hoàn hồn, anh ta không những ăn chay, thậm chí còn xuất gia làm hoà thượng.

Tên vô lại này bị thế là đáng đời, ngày thường hay chèn ép bạn hàng, xưng hùng xưng bá nơi chợ búa, quen bắt nạt người khác rồi, giờ để hắn trải nghiệm cảm giác bị bắt nạt, ông trời có đức hiếu sinh, nên ngại gì mà không cho hắn một bài học. Nhưng cũng từ chuyện này mà nghĩ rộng ra, cũng là một vật, ứng với những linh hồn khác nhau lại cho những kết quả khác nhau như chim phượng và chim cú, hoàn toàn tương phản. Ví dụ chuyện làm quan, có người cảm thấy như cá gặp nước, chu du tam giang ngũ hồ, vui vẻ nhàn nhã, chỉ cần giấc mộng hoàng lương[3] không có đoạn cuối thì sẽ khiến người ta vô cùng hài lòng. Nhưng đối với người khác, cảm giác lại giống như đang phải gửi hồn vào xác một con lợn chết vậy. Còn nhớ một câu chuyện trong quyển sách cũ, trong đó danh sĩ này làm quan huyện chưa tới một năm, liền cáo quan về quê, lý do của anh ta là làm quan khổ không kể hết. Quan trên về kiểm tra, phải khúm núm khép nép nhìn sắc mặt họ, xuống làng xuống xã để khám nghiệm thi thể, phải nhìn bộ phận sinh dục của cô gái bị người ta hãm hiếp và giết chết, chẳng còn gì để nói. Thậm chí, sau nhiều lần như thế, tạo thành một phản xạ có điều kiện, hễ nhìn thấy mặt quan trên là lại liên tưởng đến âm hộ của nữ giới, vô cùng phản cảm. Cùng là làm quan, nhưng đối với vị danh sĩ này mà nói, một năm đó chẳng khác gì phải chịu cảnh dày ải.

[3] Giấc mộng hoàng lương/ giấc mộng kê vàng: xuất phát từ câu chuyện trong ‘Chẩn trung ký’ của Thẩm Kỳ Tế đời Đường: ngày xưa, có một chàng trai tên là Lưu Sinh. Lưu Sinh gặp một đạo sĩ tên là Lữ Ông trong quán trọ ở Hàm Đan. Anh ta than thở với đạo sĩ là mình nghèo túng quá, vị đạo sĩ cho anh ta mượn một chiếc gối, bảo anh ta gối đầu mà ngủ. Lúc anh ta ngủ, quán đang nấu một nồi kê. Trong giấc ngủ, Lưu Sinh đã được hưởng thụ một cuộc sống vinh hoa phú quý. Khi anh ta tỉnh dậy, nồi kê của quán vẫn chưa chín.

Sau khi linh hồn rời khỏi thể xác, tự do đi lại, không lo lắng việc đánh mất bản sắc, nhưng cũng không thể ngênh ngang vô ích mãi như thế, cuối cùng vẫn phải tìm một nơi để về. Giống như vị Trương Sảnh Nương trong Ly hồn ký của Trần Huyền Hữu, hồn theo tình lang đến Thành Đô, trong năm năm đã sinh con, nhưng vẫn nhớ thương bố mẹ ở nhà, nếu như cô ta biết rằng thể xác mình vẫn đang nằm liệt giường vì bạo bệnh, có lẽ cô ta càng muốn nhanh chóng quay về.

Linh hồn Sảnh Nương quay về đương nhiên khiến ai nấy đều vui sướng, nhưng cũng có những trường hợp lại không được tốt đẹp như thế.

Gặp một người hoặc một vật tốt đẹp, thương nhớ vẫn vương, sẽ nương theo mùi thơm trong gió mà đuổi theo một cách vô thức, giống như câu nói của Trương Quân Thụy: “Lại có người hoa mắt chóng mặt không biết phải nói gì, linh hồn bay lơ lửng trên trời”. Yêu cái đẹp là đức tính thường tình của con người, không có gì đáng trách, như tình yêu đơn phương của Tôn Tử Sở trong truyện A Bảo trong Liêu trai có thể thông cảm và bỏ qua, còn câu chuyện tình đầy nước mắt của Chu Hiếu Liêm trong Hoạ bích càng không cần người khác phải bàn ra tán vào. Nhưng có những việc làm người ta nhìn thấy khó chịu, hãy nói tới một chuyện xảy ra ở kinh sư những năm Quang Tự đầu tiên trong quyển bảy Động linh tiểu tập. Có “thư sinh nào đó” đi từ Tuyên Võ Môn đến Tây Thảo Xưởng, gặp một thiếu nữ xinh đẹp, liền nảy sinh ý muốn chiếm đoạt, liền tưởng miên man. Đến tối, ông ta mơ thấy mình ra khỏi thành, đến nơi ở của người con gái gặp ban ngày, và thấy thiếu nữ xinh đẹp đó đang nằm ngủ. Kể đến đây phải nhắc nhở một chút, vị này mặc dù tự xưng là “thư sinh”, nhưng không phải “tuổi tầm hai mươi ba”, mà đã gần ngũ tuần, nghe thể thôi cũng đã thấy mất hết hứng thú. Thì ra cô gái đó đang đẻ, còn vị “thư sinh” này, đức hạnh lại không đủ để kiềm chế tà ý, nên đã bí ỉn nhìn trộm. Có lẽ vì ông ta tập trung quá mức, quên hết mọi chuyện trên đời, nên “bất giác thân nhập vào bụng người con gái đó, trong giây lát biến thành một đứa trẻ”. Mơ thấy hồn đầu thai, trong nháy mắt liền tham gia vào kiếp luân hồi. Cũng may hồn ông ta đầu thai vào cái thai con hoang, lập tức bị bà đỡ bóp chết, linh hồn mới thoát được khỏi cái thai đó. Càng may mắn hơn là linh hồn đó vẫn giữ được diện mạo cũ của kiếp trước, chưa biến thành một đứa trẻ chưa biết đi, biết bò, cuối cùng trải qua rất nhiều trắc trở, cũng coi như tìm lại được nơi để dừng chân, nhập lại vào thể xác của mình. “Chỉ như một giấc mơ, mà cũng đã chết hai ngày.” Nếu hai người có duyên, sẽ gặp lại vào một ngày khác, lão thư sinh nghĩ lại lần được làm con của người ta đó, sao chịu được sự đả kích này?

Bên trên chỉ là ví dụ về hai kiểu chính của việc hồn rời khỏi xác. Lẽ nào ngoài hai kiểu này, không còn “ngoại lệ” nào hay sao? Nói có cũng được mà không cũng không sai. Bởi hai kiểu hồn rời khỏi xác trên chính là sự tử vong của con người, con người chết rồi thì đương nhiên hồn phải rời đi. Nói đúng hơn, khi thể xác vừa tắt thở, linh hồn lập tức bay ra, cùng lúc phối hợp rất chặt chẽ, nhưng nếu gặp phải hồn phách có tính nóng vội, không đợi tín hiệu, thoát ra trước khi thể xác tắt thở và khoảng cách nó bỏ đi đủ xa thì có thể coi là một “ngoại lệ”, người chưa chết mà hồn đã rời đi. Chúng ta hãy đọc một câu chuyện trong Quảng dị ký của Đới Phu đời Đường:

Năm Đường Huyền Tông – Thiên Bảo, trong thành Trường An có một thầy bói tên Liễu Thiệu Du, khá có danh tiếng. Hôm ấy, nhà có khách, tay cầm một miếng lụa mỏng làm lễ vật, đến nhờ Thiệu Du gieo quẻ, nói rằng muốn biết mình thọ được mấy năm nữa. Thiệu Du gieo quẻ xong, buồn bã nói: “Quẻ này của người không lành, trong chiều nay sẽ tử trần.” Người khách nghe vậy, vô cùng buồn bã, một lúc lâu sau, muốn uống một hớp trà nóng. Người ở nghe tiếng chủ nhân cho gọi, bưng trà đi lên, đột nhiên sững lại, hai người trước mắt giống nhau như đúc, đều là Liễu Thiệu Du, không thể phân biệt được đâu là chủ, đâu là khách. Khách cáo từ, người ở tiễn anh ta ra cửa, chỉ vài bước chân đã vội quay lại, sau đó trong không trung truyền đến tiếng khóc ai oán. Người hầu kể lại những gì mình nhìn thấy cho chủ nhân nghe, Liễu Thiệu Du lúc này mới biết vị khách đó chính là linh hồn của mình, than thở rằng: “Thần bắt ta đi, ta tất phải chết!” Đúng như quẻ bói, ông ta phán cho chính linh hồn của mình, tối đó ông ta chết.

Những câu chuyện kể về việc linh hồn sau khi rời khỏi thể xác có thể nhìn thấy thể xác của mình thì rất nhiều, nhưng người đó có thể nhìn thấy linh hồn của chính mình, hoặc những câu chuyện về sự tương chuyển giữa “tôi” và “tôi” thì rất hiếm gặp, chắc chỉ có một câu chuyện này thôi, nhưng lại khiến tôi rất thích. Tự bản thân mình có thể nhìn thấy linh hồn của mình, lại còn được tiếp xúc, được gieo quẻ, thể thì “bản thân” kia là vật gì? Có lẽ nhục thể mất đi linh hồn kia cũng chính là “thể phách” rồi. Con người trong giấc mơ mà linh hồn có thể rời khỏi thể xác và hoạt động, thậm chí còn có thể “nhìn thấy” hoặc cảm nhận được chính linh hồn của mình, lúc đó chính phách đã duy trì sự sinh tồn của con người. Nhưng thể phách của người này vẫn có khả năng và trí não để gieo quẻ cho khách thì lại không đơn giản chỉ là thể phách mà thôi. Cũng có thể dùng quan niệm con người có “ba hồn bảy phách” để giải thích, nhưng tốt nhất vẫn không nên

giải thích. Câu chuyện phức tạp, rất có thiên cơ[4], một vài chi tiết trong đó rất thú vị. Đôi lúc chúng ta lấy danh nghĩa là phải xem xét, khảo sát, phê phán, đã kích linh hồn của chính mình, “cái tôi” khi đó là gì đây? Thực ra chẳng là gì cả!

[4] Thiên cơ/ cơ thiên: bí quyết thiên sư dùng để ám thị giáo nghĩa qua ngôn ngữ cử chỉ hoặc sự vật khi thuyết pháp.

Trong những câu chuyện về hiện tượng có thể gặp chính linh hồn mình, có một chuyện trong quyển ba của Sư Thần hậu ký của Đào Tiềm người đời Tấn. Chủ nhân không chết, chỉ biến thành kẻ ngơ ngẩn, được ghi chép như sau:

Có hai vợ chồng nhà nọ, hôm ấy bà vợ dậy trước để làm việc nhà, một lúc sau, ông chồng cũng dậy và đi ra ngoài. Bà vợ vẫn nghĩ rằng chồng mình đang ngủ, lúc quay vào phòng ngủ, quả nhiên thấy chồng đang nằm cuộn mình trong chăn. Đột nhiên gia nhân từ ngoài chạy về, nói chủ nhân sai hắc ta quay về nhà lấy gương. Bà vợ cho rằng gia nhân nói năng linh tinh, liền kêu hắc ta nhìn chủ nhân đang ngủ say trên giường. Gia nhân nói: “Đúng là tôi vừa ở bên cạnh chủ nhân.” Bà vợ liền bảo hắc ta mau đi mời chủ nhân bên ngoài về đây. Chủ nhân nghe gia nhân nói vậy, sợ hãi, kinh ngạc, lập tức quay về nhà. Hai vợ chồng cùng vào phòng ngủ, quả nhiên trên giường có một người giống hệt mình đang nằm. Ông ta nghĩ, chắc vị này là “linh hồn” của mình, cũng không dám làm người đó kinh động, từ từ tiến lại gần, sờ sờ lên giường, liền nhìn thấy vị đó “từ từ trở lại vị trí”. Không lâu sau, người chồng bị bệnh thần kinh, ngơ ngơ ngẩn ngẩn, không hiểu chuyện gì, cả đời cũng không khỏi.

Có lẽ do anh ta dậy quá vội nên để quên hồn mình trên giường. Sau khi mất hồn, vẫn có thể sống bình thường, giống như trên chiến trường, chân bị trúng đạn mà vẫn có thể chạy một đoạn nữa, nhưng cuối cùng vẫn không trụ vững, trở nên mất trí. Nhưng từ điểm này cũng có thể nhìn ra được, ái lực giữa hồn thần và chủ nhân của nó rất yếu. Vương Phật Đại ba ngày không uống rượu, cảm thấy như “người không còn là của mình nữa” cũng chính là ý hồn đã lìa khỏi xác, làm gì cũng ngơ ngơ ngẩn ngẩn. Không biết liệu có phải vị chủ nhân này cũng mắc căn bệnh đó, thiếu vài bữa rượu, dẫn đến thân xác suy sụp như thế, cũng là đáng thương, không bằng chết như Liễu Thiếu Du còn nhẹ nhàng hơn.

Thế xác giống như một căn phòng, bình thường cửa đóng then cài, linh hồn không thể thoát ra, nhưng then cửa của một thân thể già nua yếu ớt sẽ bị lỏng lẻo, một phút bất cẩn, linh hồn sẽ thoát ra ngay. Tác giả của Tam cương thức lược – Đồng Hàm từng ghi chép chuyện em trai ông là Tương Mỗ trước khi chết. Sức khoẻ Tương Mỗ vốn yếu, sau đó lại mắc bệnh ho ra máu. Hôm ấy, anh ta đang nằm trên giường, đột nhiên nhìn thấy có một người ngồi ở mé giường bên cạnh, khi định thần lại, thấy đấy là chính mình, cũng đang nhìn mình chăm chăm, ngay sau đó từ từ rời đi. Tương Mỗ thất kinh, biết là linh hồn mình đã thoát xác, không còn sống được bao lâu nữa, quả nhiên mấy ngày sau anh ta lìa trần. Vị Tương Mỗ này tuổi còn trẻ, đang thời huy hoàng, hay huênh hoang khoe khoang, bình thường cũng thích trau chuốt mọi chuyện. Đồng Hàm vì anh ta là em trai mình nên cũng không tiện nói những chuyện không hay, không phải của anh ta, đoán chắc người này cũng đã phải hao tâm tổn trí trong việc xử lý mối quan hệ.

Việc hồn rời khỏi xác, đôi khi còn thể hiện trong giấc mơ. Trong quyển tám Duyệt vi thảo đường bút ký có ghi lại một chuyện, con gái Vương Tri Châu ở Thương Châu lâm trọng bệnh, hôn mê bất tỉnh. Nửa đêm, người nhà đi đến thư phòng đằng sau hậu viện, liền nhìn thấy tiểu thư đang một mình đứng dưới ánh trăng trong vườn hoa, bất giác hoảng hốt, vội vàng quay lại. Tiểu thư rõ ràng đang bệnh nằm trên giường, sao trong vườn hoa lại có bóng dáng của người. Mọi người đoán hắc là do hồ ly hoá tinh, liền thả chó xông ra, và bóng người đó lập tức biến mất. Một lúc sau, nghe tiếng Vương tiểu thư yếu ớt vọng ra từ phòng bệnh: “Vừa rồi ta mơ thấy mình ra thư phòng ngắm trăng, đột nhiên xuất hiện một con mãnh hổ, suýt chút nữa

thì bị nó vồ, giờ vẫn còn sợ.” Lúc ấy mọi người mới biết đã nhìn thấy linh hồn của tiểu thư. Thầy thuốc nghe xong, than: “Linh hồn của tiểu thư đã rời đi, cho dù thầy thuốc Lô hay Thiên Thước có sống lại, cũng bó tay không cách nào cứu chữa.” Quả nhiên, không lâu sau đó Vương tiểu thư qua đời.

Người mắc bệnh lâu ngày vào đêm trước khi chết, linh hồn sẽ rời đi, song những người già tuổi cao sức yếu thì tinh thần không còn minh mẫn nữa, giờ người ta gọi đó là bệnh Alzheimer, nhưng ngày xưa thì lại bị mọi người giải thích rằng linh hồn đã thoát xác. Tình hình của họ với Tương Sinh không giống nhau, bởi vì có thể duy trì trạng thái này mấy năm, thậm chí đến mười mấy năm. Cự đoán một chút thì có thể nói rằng anh ta lơ lửng giữa sự sống và cái chết một thời gian dài, coi cái xác đó như người còn sống, nhưng thực ra, linh hồn đã phiêu du vào thế giới u minh từ lâu.

Trong quyển ba của Hữu đài tiên quán bút ký do Du Việt viết có một ví dụ, nói về bà của Kim Thiếu Bá. Vị lão thái thái này sống gần trăm tuổi mới tạ thế, nhưng những năm cuối đời đã rất lẫn lộn, nhìn thấy con dâu, con trai, cháu trai, cháu gái lại cho rằng họ hàng tới thăm, luôn miệng gọi “chị cả, chị hai”. Điều này cũng không có gì đáng nói, kỳ lạ là, mỗi dịp lễ tết, trong nhà thấp hương cúng tổ tiên, các con dâu mang cơm cho bà, bà liền nói: “Vừa ăn rồi, sao lại cho ăn nữa?” Lúc đầu mọi người cho rằng bà đã lú lẫn, nhưng sau đó phát hiện ra, mỗi lần cúng tế, bà đều nói như thế, hỏi lại bà rằng: “Mẹ nói là ăn rồi, vậy mẹ ăn những gì?” Lão thái thái liền kể ra các món, mọi người đều sợ hãi, thì ra những thứ mà bà ăn giống hệt những đồ đang bày cúng trên bàn thờ. Linh hồn của bà lúc này đã rời khỏi thể xác, cùng với hồn phách của tổ tiên thụ hưởng đồ cúng tế.

Chuyện mơ thấy mình thụ hưởng đồ cúng tế của người thân kiếp trước, trong bút ký từ đời Nam Tống của Thiệu Bác Ghi chép từ những gì mà Thiệu Thị nhìn thấy có không ít. Tôi đã từng viết bài giới thiệu trong một chuyện về “vấn đề ăn uống ở thế giới bên kia”, nhưng chuyện linh hồn rời khỏi thể xác đến âm thế hưởng thụ đồ cúng tế thì lại gặp không nhiều. Mặc dù gặp không nhiều, nhưng câu nói: “Thi cư dư khí” trong sách cổ, chắc là muốn ám chỉ trạng thái này. Khuất Nguyên tiên sinh khi viết về một vị tổ tông của bạn mình, không biết liệu có kiểu liên tưởng bất kính như thế này không: “Thái hậu lão phật gia của chúng ta liệu có phải cũng đã từng ở trong “trạng thái” đó, dùng thứ dinh dưỡng hư không có được từ âm giới để suy trì số phận của Đại Thanh?”

Nhưng có những người già trước khi chết mặc dù linh hồn thỉnh thoảng có chu du ra ngoài, nhưng tinh thần vẫn sáng suốt, không những không phải mắc bệnh Alzheimer mà còn có được sự linh ứng của hồn, có thể nhìn thấy trước những chuyện trong tương lai. Trong quyển bảy Động linh tục chi do Quách Tắc Vân viết có ghi lại một chuyện lạ mà anh ta nghe được từ chỗ bạn mình, Ônng Quân Cương: Tiền Trương đời Đường Ngụy trước khi chết hai tháng, sau khi tiền khách quay lại, ngồi trong phòng khách, hút tẩu thuốc: “Thần hồn đột nhiên thoát xác, đến phía tây đường Trường An, nhìn thấy trước cửa hiệu cầm đồ, một bức hoành câu đối chữ trắng viết trên nền xanh, chữ không nhiều. Lại đến Thiên An Môn, nhìn trên cửa, dưới lầu, thấy tượng một người mặc Tây phục. Đi vòng quanh ra khỏi chính Dương Môn, lại quay về ngôi nhà cũ, cả ngày tha hương” đột nhiên như tỉnh mộng, phát hiện mình vẫn đang ngồi trong phòng khách, tay cầm tẩu thuốc. Thế là anh ta vội gọi Ônng Quân Cương đến, nói: “Chuyện này rất lạ, sau này mới có thể kiểm chứng, nhất định phải ghi chép lại.” Nhà họ Tiền là đại tộc lớn ở Chiết Giang, nhưng vị Tiền Lão Trương du ngoạn kinh sư này là ai, mất năm nào, không ai rõ, chỉ là bản in của Động linh tục chi năm 1936, còn ở Thiên An Môn xuất hiện tượng lãnh tụ là sau năm 1945, vì vậy những gì Quách Thị ghi lại không thể là chuyện xảy ra sau đó. Cái gọi là “hồn đột nhiên rời khỏi xác” không phải nói Ngụy Lão Trương có đạo “xuất thần” mà cũng chỉ giống như hồn phách của Kim lão thái thái tạm rời khỏi xác mà thôi. Nhưng Ngụy Trương sau khi tỉnh lại có khả năng tiên đoán, cho thấy đó không phải là một giấc mộng bình thường. Đương nhiên, dù là tiên đoán thì cũng không có ý nghĩa gì, chỉ có điều khiến người ta cảm thấy rất thần kỳ mà thôi.

5. Chương 04

Chương 04

Mất hồn

Mất hồn, tục ngữ còn gọi là rơi mất hồn, việc này chỉ xảy ra sau khi gặp chuyện gì quá kinh hãi. Cũng chính là muốn nói, con người sau khi gặp phải chuyện kinh sợ, hoặc hồn lìa khỏi xác, hoặc ngẩn ngơ, hoặc hôn mê,... về mặt y học thì cho rằng họ bị bệnh động kinh, còn dân gian thì lại cho rằng có nguyên do khác, những người này bị như vậy là kết quả của việc mất hồn. Trong mất họ, linh hồn của con người giống như con ngựa bị động kinh, tuột dây cương nên giằng chạy khỏi thể xác, và nhất thời không thể nào khôi phục được sự bình tĩnh, chạy nhảy khắp nơi, không tìm được nơi về, thế là chỉ còn lại thể xác không có linh hồn “đang ngờ nghệch” vì sợ hãi.

Nhưng đây chỉ là tình trạng hết sức bình thường, còn trong những câu chuyện về thế giới u minh có rất nhiều những tình tiết không bình thường, thậm chí là bất thường. Có câu chuyện kể rằng, con người mất linh hồn, thể xác vẫn hoạt động bình thường, như trong U minh lục của Lưu Nghĩa Khánh đời Nam Triều có ghi lại việc linh hồn của Thạch Thị Nữ bỏ nhà đến nhà tình nhân ở, còn thể xác vẫn ở lại nhà cùng mẹ làm việc như mọi ngày, không có gì khác thường. Cho đến khi hai người gặp nhau, linh hồn đột nhiên biến mất. Ghi chép trong Linh quái Lục của Trương Tiên đời Đường, nội dung tương tự, thậm chí có phần sinh động hơn.

Cuối năm Thiên Bảo, Trịnh Sinh ứng cử vào kinh, đi đến ngoại ô phía tây của Trịnh Châu, ở trọ nhà một người, không ngờ người này lại chính là bà cô họ của Trịnh Sinh. Hỏi ra mới biết Trịnh Sinh chưa lấy vợ, lão thái thái nói: “Vừa hay cháu ngoại ta cũng ở đây, nó họ Liễu, cha hiện đang làm huyện lệnh ở Hoài Dương. Ta thấy gia cảnh hai người rất môn đăng hộ đối.” Trịnh Sinh không dám từ chối, tối hôm đó liền thành thân với Liễu Thị. Phu thê ân ái qua mấy tháng, bà cô họ nói với Trịnh Sinh: “Cháu hãy đưa cô dâu mới của mình đến Hoài Dương, nhận cha mẹ vợ đi.” Đến nhà họ Liễu ở Hoài Dương, Trịnh Sinh vừa thông báo, cả nhà họ Liễu thất kinh, bởi con gái họ vẫn đang ở trong thâm khuê, sao lại có thể đưa một chàng rể từ ngoài về được? Hai vợ chồng họ Liễu vội vàng chạy ra cửa xem sự tình, chỉ thấy cô nương ngồi trên xe giống hệt con gái mình. Cô nương đó xuống xe, từ từ bước đến giữa đình, còn cô gái trong đình nghe tin, chỉ cười hi hi đi ra gặp mặt, hai cô gái gặp nhau giữa đình, liền hợp lại thành một. Thì ra, lão thái thái là vong hồn ở dưới đất, ngôi nhà ở ngoại ô phía tây Trịnh Châu là mộ của bà lão, người mà bà lão gả cho Trịnh Sinh chính là linh hồn của cô cháu ngoại. Nhưng vị tiểu thư đang ngày đêm giam mình ở thâm khuê, cũng vẫn sống bình thường, thiếu hồn nhưng cũng không có bộ dạng kỳ quái, ngốc nghếch.

Nó giống như truyện Độc dị ký trong Vi Ẩn (quyển 358) Thái bình quảng ký (ngay sau Độc dị chí của Lý Cang)... Cũng là sau khi hồn rời khỏi xác, mạnh ai nấy sống, cứ như có được thuật phân thân của thần tiên vậy. Nhưng những câu chuyện này bỏ qua những kiến thức về việc hồn và xác không thể tách rời, chỉ cần hai bên đều vui vẻ, lạ thì có lạ, nhưng thiếu đi rất nhiều những tình tiết thú vị của các câu chuyện mất hồn, sau đời Đường cũng không còn bắt gặp những câu chuyện kiểu này nữa.

Nguyên nhân cụ thể của việc mất hồn thì rất nhiều, cách thể hiện cũng rất khác nhau, còn việc linh hồn thoát ra khỏi thể xác, chạy đi đâu, làm những gì thì cũng có nhiều cách nói khác nhau, đồng thời cũng sản sinh ra rất nhiều tình tiết kỳ quái làm đề tài bàn tán.

Chuyện thì kể rằng, có người sau khi ngã, cố gắng đứng dậy được thì hồn đã rời khỏi xác. Trong Tử bất ngữ của Viên Mai, truyện Trang Sinh, quyển mười lăm nói, Trang Sinh sau khi rời khỏi nhà Trần Thị, lúc đi qua cầu trượt chân ngã, sau đó liền “vội vàng đứng dậy về nhà, gõ cửa thấy không có ai trả lời, bèn quay lại nhà Trần Thị. Anh em Trần Thị vẫn đang vui vẻ, thả bộ ở đình viện”. Những hành vi lúc này là của linh hồn rời, còn thể giới mà anh ta đang ngao du không còn giống ở nhân thể nữa. Anh ta nhìn thấy một vườn hoa lớn, thì ra là vườn rau nhà chủ nhân. “Thấy một thai phụ đang ở cữ trong đình nghỉ chân, gương mặt xinh đẹp, thì ra đây là lợn mẹ đang sinh con trong chuồng. Anh ta lại qua thư phòng, anh em Trần Thị đang đánh cờ, không để ý tới anh ta, tự thấy buồn chán, liền tiến tới chêm vào vài câu, thấy mọi người

lờ đi như không nghe thấy, anh ta lại dùng tay vẽ lên bàn cờ, sắc mặt chủ nhân đột nhiên hoảng hốt tột độ, như vừa nhìn thấy ma, vội vàng chạy vào phòng. Trang Sinh cảm thấy buồn chán vô cùng, bèn quay về nhà. Đi đến đầu cầu, anh ta lại trượt chân ngã. Đứng dậy, đi về nhà gõ cửa, người trong nhà nghe thấy ra mở cửa cho anh ta. Thì ra, cú ngã sau là linh hồn anh ta ngã, cú ngã đó đã khiến linh hồn quay về với thể xác, thể xác của anh ta khi ấy đang nằm hôn mê, bất tỉnh ở đầu cầu. Khi Trang Sinh nhìn thấy thai phụ đang ở cũ, cũng may biết giữ lễ mà rút lui, nếu anh ta lại gần nhìn trộm, có thể sẽ vô tình phải đầu thai thành lợn, “rơi vào kiếp súc sinh”. Nhưng điều khiến người ta không hiểu là, anh ta đã không quên lời thánh dạy “nam nữ thụ thụ bất thân”, cho thấy anh ta vẫn rất tỉnh táo, nhưng sao có thể nhìn con lợn nái thành người đẹp được nhỉ?

Nhưng có người sau khi trượt chân, thân thể không những trở thành thây ma mà linh hồn cũng rơi vào trạng thái hôn mê, không tìm được đường về nhà.

Trong truyện Đa tiền phong, quyển bốn, Dạ đàm tùy lục do Nhân Trai Thị người đời Thanh viết, kể về Đa Nhị Gia, học cưỡi ngựa, bắn cung ở bên ngoài thành Đông Trục Môn, do bất cẩn nên ngã ngựa, bị hôn mê bất tỉnh, may có bạn dìu đỡ về nhà. “Về nhà ngay lập tức, không thấy bị thương chỗ nào, nhưng mắc chứng tâm thần, không cười nói như bình thường được.” Thì ra linh hồn của anh ta ở lại bên ngoài thành, không những bị mất phương hướng, thậm chí còn không biết nhà mình ở đâu, đành đi đi lại lại ở nơi bị ngã, đợi người nhà ra đón. Nhưng người nhà chỉ nghĩ rằng anh ta mắc một căn bệnh kỳ quái, vội vàng hỏi thầy hỏi thuốc, chứ không nghĩ đến chuyện anh ta bị mất hồn. Cũng may, con ma vì treo cổ mà chết là Vương Lão Tây, giờ nắm trong tay quyền cai quản trị an vãn đái thế giới u minh thấy Đa Nhị Gia đi vòng vòng ở đó, biết là không về được nhà, con ma này kiếp trước chịu ơn huệ của Đa Nhị Gia, vội vàng chạy về nhà họ Đa Lão, nhập vào người một bà lão trong nhà để báo tin. Thế là người nhà mang theo thân thể của Đa Nhị Gia, đến nơi anh ta ngã ngựa, gọi tên thật để chiêu hồn, cuối cùng, cũng giúp anh ta tỉnh lại, nhưng linh hồn này loay quanh bên ngoài thành cũng phải hơn nửa tháng.

Từ đó có thể thấy, thể xác không có linh hồn rõ ràng không ổn lắm, linh hồn rời khỏi thể xác cũng chưa chắc giữ được sự sáng suốt. Thế là đột nhiên nghĩ đến câu nói: “Suy nghĩ là linh hồn”, đột nhiên hốt hoảng. Sự lầm đường lạc lối của linh hồn này là bởi nó không thể “suy nghĩ”, nếu suy nghĩ, chẳng phải sẽ tìm được đường về nhà sao, cũng có thể sẽ không đi mất hoặc lạc mất. Giáo viên môn chính trị năm đó nếu kể mấy câu chuyện mất hồn này thì chẳng phải mọi người sẽ đều hiểu cả hay sao?

Còn một loại nữa, đó là câu nói mà chúng ta thường hay nghe thấy: “Sợ tới mức hồn bay phách lạc.” Nhưng câu chuyện loại này rất nhiều, tìm một câu chuyện cực đoan nhất, là người bị áp giải đến pháp trường, đao phủ tay cầm cây đao lớn, chuẩn bị chặt đầu anh ta, nỗi kinh sợ đó bất giác khiến linh hồn con người phải thoát khỏi xác. Trong bút ký của những người đời Minh bàn đến một “chuyện bị lãng quên” ở thời Thái tổ cao hoàng đế của họ, có thể thấy trước mặt chủ nhân uy nghiêm, linh hồn của những kẻ tội tử thật yếu đuối biết bao.

Một viên thái giám bị thái tổ gia giáng chỉ, lôi ra ngoài chặt đầu, tội danh là “quét nước rượu không theo phương pháp”, quét nước rượu dưới đất lẽ nào còn có phương pháp này kia hay sao?

Có lẽ chắc vì thái tổ gia đang ngồi sau long án suy tính việc quốc gia đại sự, nhất thời xuất thần, bị thái giám xuất hiện trước mắt làm cho giật mình. Vị thái giám này đến “quần áo thái giám” cũng không kịp thay, đã bị lôi ra giữa chợ Kim Lăng Thành, chuẩn bị chặt đầu. Người thành Nam Kinh thích náo nhiệt, đặc biệt là khi nghe nói hoàng đế muốn giết chính nô tài của mình, thì thấy trước mắt vị thái giám đang quỳ chờ chết còn có một người nữa đang đứng, cách ăn mặc và hình dáng giống hệt vị thái giám đang quỳ, ai nấy đều thấy lạ. Đúng lúc đó, thái tổ gia lại đột ngột ra thánh chỉ, không giết nữa. Mọi người mới hiểu, vị đó chính là hồn của người thái giám nọ, do sợ quá mà xuất ra ngoài! Đôi lúc thái tổ gia cũng hài hước nói đùa: “Người dọa ta một lần, ta cũng dọa người một lần.”

Chuyện này có thể đọc được ở Đô công đàm toàn của Đô Mục và Canh dĩ biên của Lục Sán, cái được mô tả là đại thể tương đồng, phiên bản này có hơi khác khi đọc Dã ký của Chúc Sung Minh, trong đó nói rằng thái giám thụ hình sợ tới mức hồn bay lên nóc nhà, từ trên nhìn xuống thấy chính mình đang bị quàng qua cổ trói giết khuỷu tay. Từ đó có thể biết, đến pháp trường xem người ta thụ hình cũng là một trong những thú vui của cư dân thành thị ngày đó, không những đứng tràn khắp đường khắp chợ, trần nhà cũng trở thành khán đài quan sát. Còn về việc người bị giết là người nào, có phải đồng loại, đồng đảng của mình

không hình như không ảnh hưởng gì tới họ, chỉ cần hay là được, cho dù người bị giết là mình có khi vẫn xem một cách rất thích thú. Sự vô cảm và vô tâm của “khán khách” luôn luôn như vậy.

Lục Dung người đời Đường có ghi chép lại chuyện một người lúc chuẩn bị thụ hình thì được tha bổng trong quyển ba Thục viên tạp ký, trong đó, một vị tiên sinh rất có tố chất của một ký giả ục giải trí đã đặt câu hỏi với người đàn ông may mắn còn chưa kịp hoàn hồn kia: “Khi chờ đao chém xuống, giây phút ấy anh có suy nghĩ gì? Tình cảm gì và nguyện vọng gì? Nói ra cho chúng tôi nghe xem.” Người đàn ông đó trả lời: “Lúc ấy sợ hãi tới muốn xỉu, làm gì có cảm nghĩ với nguyện vọng! Chỉ là sau đó, đang lúc hoảng hốt, ngồi trên nóc nhà bên cạnh pháp trường, nhìn thấy giữa pháp trường một người đang bị trói, đó chắc chắn là người sẽ bị chém, tôi thấy rất buồn, vợ con tôi, họ hàng thân thích, bạn bè của tôi vây quanh anh ta để làm gì?”

Số linh hồn vì sợ hãi mà xuất ra khỏi thể xác ở pháp trường là bao nhiêu thì không rõ, nhưng có một điều không cần phải nghi ngờ, đó là đại đa số những linh hồn đó không thể quay lại với thể xác. Khi họ xuống ghế khán giả, cuối cùng cũng hiểu ra người sắp bị rơi đầu kia có liên quan tới mình, có lẽ trong đầu có rất nhiều cảm nghĩ, đáng tiếc là không có phóng viên nào kịp tới đó để phỏng vấn. Nhưng vẫn còn một vài chuyện kỳ quái có thể làm tư liệu, một vài linh hồn cá biệt sau khi rời khỏi thể xác lại không nghiêm túc đứng bên theo dõi, trong lòng biết mình may mắn, phải chạy khỏi kiếp nạn này ngay.

Quyển mười lăm Đồng kỳ giác trong Tử bất ngữ của Viên Mai ghi chép về nhân vật Lý Tư, một tên chuyên đào trộm mộ, cầm xẻng chống lại người thi hành công vụ, liên tiếp đả thương hai người, phải ra pháp trường chịu án chém đầu. Khi bị trói đưa đến cửa chợ, hắn ta ra sức giằng co và chạy thoát. Có một người tên là Phó Cửu, ra khỏi Chính Dương Môn đi về phía tây, vừa đi qua một cầu cảng nhỏ, nhìn thấy có người chạy thực mạng từ phía trước lại, không kịp tránh nên đã tông vào nhau, và hợp thành một. Thì ra, người chạy tới chính là linh hồn của Lý Tư, nhưng lại nhập vào thể xác của Phó Cửu. Còn về thể xác của anh ta, sớm đã bị chém rồi. Phó Cửu đáng thương rơi vào cảnh chim khách bị tu hú chiếm tổ, linh hồn của mình vất vưởng, lang thang không có chỗ trú chân tạm thời không nói, mà thể xác của anh ta cũng phải chịu sự giày vò. Đầu tiên là “đột nhiên có cảm giác cơ thể như bị gội nước, liên tục rùng mình”, rồi chạy đến một cửa hàng bán lụa, ngồi xuống, đột nhiên hét lớn: “Người cản đường ta, đáng ghét, đáng ghét!”, thế là ra sức tát vào miệng mình, giật râu mình... Rõ ràng là do linh hồn của Lý Tư tác quái, nhưng nhìn thấy thể xác của mình bị linh hồn kẻ khác thao túng là một điều bất hạnh biết bao!

Quyển năm, Sinh hồn vong tử trong Dục quynh bại biên của Thanh Dung, gần như cải biên lại từ quyển hai, Quỷ hồn tụ phụ trong Vọng vọng lục, nhưng địa điểm thì từ Phúc Kiến chuyển đến Bắc Kinh: “Có một kẻ vì thuê người giết người khác mà bị xử tội chém đầu. Kẻ này lại quen biết đao phủ, dùng tiền để đút lót, nói: “Xuống đao nhanh một chút để ta không phải chịu nhiều đau đớn.” Đao phủ nhận lời. Khi hành hình, đao phủ lên tiếng nhắc khẽ: “Sắp xuống đao rồi, mau đi đi!” Kẻ này ra sức vùng vẫy, linh hồn liền rời khỏi thể xác, thoát khỏi pháp trường, một hơi chạy xa trăm dặm, đến đất huyện Hà Bắc Hùng, tìm một quán ăn xin hùn vốn làm chung. Trước kia anh ta vốn mở quán rượu, chỉ cần thể hiện tay nghề của người thành phố, chủ tiệm đã vui mừng như bắt được vàng, cuối cùng lại nhận anh ta làm con rể và cho ở rể. Năm sau nhạc phụ qua đời, anh ta liền trở thành chưởng quỹ. Hơn một năm sau, tên đao phủ đó đến huyện Hùng thăm họ hàng, vừa hay vào quán của kẻ mình đã chém đầu năm xưa. Kẻ này vừa gặp lại tên đao phủ liền dập đầu tạ ơn. Tên đao phủ nhất thời chưa nhận ra, hỏi: “Người là ai?” Anh ta nói: “Tôi là xxx, chẳng phải ngài đã tha cho tôi ở pháp trường đó sao?” Đao phủ liền nói: “Chắc người lầm rồi, kẻ đó đã chịu hình ở pháp trường.” Anh ta nghe thấy vậy, lập tức trợn mắt, lè lưỡi, ngã vật xuống đất, rồi biến mất, trên đất chỉ còn lại bộ quần áo.”

Nhân vật chính trong hai câu chuyện này đều bị mất hồn trước, sau đó làm ma, không được coi là chuyện “mất hồn” chính thống, chỉ là một kiểu tương tự, bàn đến để tư liệu thêm phong phú mà thôi.

Ngoài ra, trên giang hồ còn có một loại tà thuật gọi là “gọi hồn”, hoặc gọi là thuật bắt hồn, ngoài ra còn có những cách gọi khác như quan hồn, chí phách... cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến một vài người bị mất hồn.

Việc “gọi hồn”, hiểu trên mặt chữ nghĩa thì là gọi hồn của người sống ra ngoài. Người đang đi trên đường, đột nhiên nghe thấy có ai đó gọi tên mình từ đằng sau, nếu như buột miệng trả lời hoặc quay đầu lại nhìn thì có khả năng sẽ bị trúng tà thuật, hồn bị gọi đi mất. Mà có hai mục đích khi gọi hồn người khác, một là khiến người đó mất hồn, mơ mơ hồ hồ, chỉ có thể nhìn được hai bờ, hoặc là sóng lớn cuộn cuộn, đầy sáu

không nhìn thấu của vách núi cheo leo, chỉ có thể đi trên con đường nhỏ trước mặt, nhưng theo sự “dẫn dắt” của yêu nhân, bị đưa đến nơi hoang vắng, nhẹ thì “bị khám khắp người” lấy sạch đồ trong túi, nặng thì đến quần áo cũng bị lột sạch rồi ném xuống nước. (Xem quyển hai, Yêu nhân trong Tam cương thước lược của Đồng Hàm người đời Thanh.) Kiểu này giống như trò dùng gậy đánh người khác ngất rồi cướp tiền bạc trong đêm tết Nguyên tiêu vậy. Còn mục đích thứ hai lại giống như bắt cóc nhưng người họ muốn bắt không phải là cái xác mất hồn kia mà là linh hồn vừa bị gọi ra của người đó. Họ dụ linh hồn đó đi theo, nhốt ở một nơi nào đó, sau đó đến gặp người nhà đòi tiền chuộc. Nếu ngoan ngoãn trả cho thầy cúng một món tiền thì họ sẽ thả hồn ra, người đó sẽ từ từ tỉnh lại như sau khi bị hôn mê. Nếu người nhà không chịu bỏ tiền chuộc thì sự sống chết của người đó rất khó nói, nặng thì trở thành vật để tế thần, nhẹ thì bị bỏ mặc không ai thèm nhòm ngó đến, ít nhất cũng sẽ ngăn ngợ cả đời.

Kiểu “gọi hồn” này ngoài gọi tên họ của người đó ra, còn có cách khác là cắt tóc của người đó hoặc lén xé một mảnh quần áo, cũng có thể bắt hồn của đối phương đi. (Học giả Kuhn người Mỹ có tác phẩm Gọi hồn – 1976, năm khủng hoảng của nền yêu thuật Trung Quốc, một quyển sách chuyên điều tra những vụ án gọi hồn lớn chấn động cả nước, có thể tham khảo). Tệ hơn nữa là sử dụng thuật phù thủy, dùng kim châm vào hình nhân thế mạng, xua đuổi tà ma bắt sinh hồn, như thế không chỉ là bắt hồn nữa mà là lấy mạng rồi. Giống như yêu nhân Trương Kỳ Thần trong quyển tám của Tử bát ngữ có nói: “Có thể dùng thuật để bắt hồn người”, nhưng thuật này dùng cách là cắt hình nhân bằng giấy, gửi hồn mình hoặc hồn con trai vào hình nhân đó, người giấy này sẽ hoá thành hung thần ác quỷ, đến nhà kẻ thù tác oai tác quái, tóm bắt hồn của kẻ ấy. Nhưng yêu thuật này vẫn luôn “không ứng với người khác mà ứng vào chính mình”.

Trương Kỳ Thần gặp phải một tiên sinh họ Ngô không tin vào tà thuật, dùng Dịch Kinh để giải tà thuật khiến hung thần ác quỷ kia biến thành người giấy, nếu để người giấy này ở trong nhà tới hôm sau thì chính yêu nhân sử dụng tà thuật đó sẽ mất mạng. Trong quyển tám, Đạo sĩ mất mạng vì sử dụng tà thuật và quyển mười, Đánh thi thể của một đầu sách cùng loại đều kể về yêu đạo gửi hồn vào búp bê hoặc thậm chí là cương thi, nguyên rửa để lấy hồn người khác, mưu đoạt tài sản, cuối cùng lại khiến chính mình thiệt thân. Kỳ lạ là, loại yêu nhân yêu đạo này lại có thể thịnh hành suốt một thời gian dài, dùng yêu thuật giữa ban ngày ban mặt, lại thu hút được rất nhiều kẻ si mê, sùng bái!

Thế là trong số những linh hồn bị loại yêu nhân này bắt đi, có một nhóm là những tín đồ tự nguyện tìm đến nộp mình. Nguyên nhân là những người đó tư chất bình thường nhưng chí hướng lại cao, cũng may được làm danh công danh mẫu nên mặc định mục tiêu tiếp theo là trở thành thần tiên thật sự. Bởi vì trong các loại hình thần tượng lý có một loại gọi là “xuất thần”, đó là một trò mà chỉ thần tiên mới làm được, giống như trường hợp của đại pháp sư La Công Viễn mang hồn thần của Đường Minh Hoàng đến nguyệt cung nghe Nghê thường vũ y khúc. Còn ưu điểm lớn nhất của kiểu “xuất thần” đó không chỉ là thần du bát biểu, có thể uống nước cây Phù Tang[1], ăn bít tết Anh trong mộ mà là đợi đến thời khắc vô thường, thần xuất khỏi xác, tìm một nơi nào đó để trốn, khiến quỷ sứ không tìm thấy, phải quay về chịu đòn. Mấy lần như thế, Diêm Vương cũng hết cách, liền tích một dấu lên tên kẻ đó trong sổ, thế là người tu hành ít nhất cũng có thể thành địa tiên, vừa không chìm đắm trong tửu sắc, lại có thể trường sinh bất tử. Nhưng muốn được như thế phải tu luyện tiên đạo tới một mức độ nào đó mới có thể khống chế được sự xuất nhập của hồn thần, nếu không hồn ra khỏi xác rồi sẽ không tìm được đường về, rớt vào cống thoát nước, hoặc vào hầm hang chuột, người xui xẻo nhất sẽ quên đường về, hoá thành sương khói tản mạn khắp nơi, thật đáng thương[2]. Vì vậy, nếu muốn thành tiên, ít nhất cũng nên tìm một thần tiên sống để bái làm sư phụ, tu luyện thêm bảy, tám năm. Nhưng buồn một nỗi tất cả những “thần tiên sống” tự xưng trên đời này đều là giả, giống như một trò lừa gạt, thay đổi, biến hoá những quy luật máu chót trong đạo xuất thân cũ, chỉ có thể biến những “tài tử tài nữ” đang bình thường thành bệnh nhân tâm thần cấp hai, mất sáng quắc khác thường, nói năng linh tinh, nói cho cùng, linh hồn đó trúng “tư tưởng” giả mạo đạo thuật rồi.

[1] Phù Tang: một loại cây dâu và còn dùng để chỉ nước Nhật.

[2] Quyển bốn trong ‘Động linh tự chí’ của Quách Tắc có viết về một viên quan về hưu, ẩn cư tại gia, tu học đạo thuật, ngày ngày ngồi thiền. Sau một thời gian dài, chót cửa của nguyên khí dần nổi lổ, một đứa bé chui ra nhưng chỉ có thể bay lượn trong phòng. Một ngày nọ, bị tiếng mèo kêu bắt chuột làm cho thất kinh, không thể quay lại thể xác, rồi dần tan biến. Lại có một người tên Ôn Sinh, cuối đời rồi vẫn chưa lấy vợ, chỉ chuyên tâm luyện đạo. Trong lúc ngồi thiền, một đứa bé đẩy cửa bước ra, ngồi trên cửa sổ, chỉ lớn vồn trên nóc nhà, đến trưa xuống khỏi mái nhà, theo đường cửa sổ lặn vào cửa, nhà người đó có người hầu mới,

truyền gọi cơm trưa, tiếng hơi to một chút, đứa bé thất kinh, quay lại mái nhà quên đường về, một thời gian sau hoá thành làn khói bay khắp nơi, và Ưông Sinh chết.

6. Chương 05

Chương 05

Gọi hồn

Gọi hồn ở chương này có ý nghĩa trái ngược với gọi hồn ở chương trước. Khái niệm về gọi hồn ở chương trước là một kiểu tà pháp của vu thuật (trò phù thủy), gọi hồn của người sống ra khỏi thể xác của họ, còn khái niệm gọi hồn ở chương này là gọi những linh hồn bị mất, bị lạc đường quay về, ngoài cách gọi là “gọi hồn” ra, người địa phương còn có những cách gọi khác như hoán hồn, chiêu hồn, thu hồn, bắt hồn, cướp hồn, khiêu mao sơn[1],... Công dụng của hai loại gọi hồn này tương phản nhau, nhưng về bản chất thì không có gì khác biệt, cùng dùng vu thuật để thu hồi linh hồn con người.

[1] Chỉ hoạt động nhảy múa của đạo sĩ để trừ tà ma...

Về mặt lịch sử, thuật chiêu hồn đã sớm xuất hiện tng Tang đại ký của Lễ ký kinh điển của Nho gia, còn cả tng “chiêu hồn” được cho là truyền thuyết của Tống Ngọc tng Sở Từ mà chúng ta đều rất quen thuộc, nhưng truy ngược lại thời gian thì có lẽ thuật này còn xuất hiện xa xưa hơn nữa, không chỉ là một tng những tiết mục tng tang lễ. Cái gọi là “chiêu hồn, phục hồn” chính là chiêu hồi những linh hồn đã thoát khỏi thể xác, tương hợp với phách lúc này vẫn còn ở tng cơ thể, mục đích cuối cùng là giúp con người hồi sinh, đó chính là ý nghĩa chủ yếu khi sử dụng thuật này của tổ tiên. Còn với vu thuật nguyên thủy, thực ra cũng là một tng những loại y thuật nguyên thủy, thuật chiêu hồn được dùng rộng rãi khi có người bị ngất, mê loạn, mắc bệnh hiểm nghèo, chết lâm sàng,... được coi là ở vào tình trạng mất hồn. Người chết là người không thể chiêu hồn về được, nhưng những người chiêu được hồn về thì có thể không chết. Đạo lý này cũng giống như cách tuyên truyền “chỉ có thể chữa bệnh, không thể làm người chết sống lại” tng những bệnh viện hiện đại nhất.

Vì vậy, thuật chiêu hồn và tục chiêu hồn vẫn được lưu truyền cho tới ngày nay, còn những người chết vì không thể chiêu hồn kia được các nhà Nho biến thành một trong những trình tự tng tang lễ, nhưng đó không còn là chiêu hồn phục sinh nữa mà là chiêu hồn nhập tang rồi.

Những gì được ghi chép tng sách Nho được coi là khái niệm “phục” tng tang lễ, tức là chiêu hồn để hồn quay lại với phách: “Khí tuyệt tắc khóc, khóc nhi phục, phục nhi bất tồ, khả dĩ vi tử sự.” Về mặt ý nghĩa, ban đầu cũng là chiêu hồn để cứu sinh, người không khí nữa thì khóc gọi, khóc gọi mà hồn không quay lại thì dùng thuật chiêu hồn để gọi hồn về với phách, nếu dùng thuật chiêu hồn mà người vẫn không sống lại, lúc ấy có thể cử hành tang lễ. Cách chiêu hồn tng tang lễ này, từ cổ tới kim chưa thấy có một ngoại lệ nào, nhờ đó mà sống dậy, còn đối với cách chiêu hồn của các thầy phù thủy, thì tỷ lệ thành công tương đối cao. Điều này rất đơn giản, một người là người chết, một người là người bệnh, cũng giống như bây giờ chúng ta đều biết nên đưa người nào tới bệnh viện còn người nào vào nhà tang lễ vậy. Mặc dù cách mà họ chiêu hồn không khác nhau nhiều, đều cầm quần áo, vật dụng cũ của người mất hồn (hoặc mới chết/ chết lâm sàng) treo lên nóc nhà vãi tứ phương, hô gọi, nhưng trong Nho gia lại coi đó là “lễ”, trở thành “văn hoá cần có” tng quá trình cử hành tang lễ, không phát triển gì thêm, còn cách của các thầy phù thủy mặc dù bị coi là mê tín dị đoan, nhưng lại có quan hệ “sống còn” với dân chúng, so sánh hai thứ, rõ ràng là có sức sống lâu hơn, thậm chí còn lôi cả hoà thượng và đạo sĩ vào, sinh ra rất nhiều dạng, kiểu khác nhau. Đường nhiên, tng những điểm mấu chốt, những thuật này với vu thuật thời xưa không có gì khác.

Cách gọi hồn thông thường nhất là gọi hồn của trẻ con. Không biết bây giờ thế nào, tôi chỉ biết vào nửa thế kỷ trước, vẫn thường thấy hiện tượng này ở thành phố. Trẻ cZn phát sốt, hôn mê bất tỉnh, cách đơn giản nhất là người mẹ ôm con, xoa xoa đầu, gọi tên ở nhà: “cZn yêu mau quay về” hay đại loại thế. Nếu

thấy không có hiệu quả thì nên dùng những thủ đoạn hơi mang tính vu thuật. Và thuật thu hồn ở các địa phương không giống nhau, có những điểm đặc sắc riêng. Tng quyển hai, Thu hồn của Dục Quỳnh bại biên, Thanh Dung người đời Thanh có viết:

Bình thường khi gặp cảnh con trẻ bị hoảng hốt, giữa đêm ngủ không an giấc, lập tức cho áo của đứa trẻ đó vào tng cái đầu, sau khi thấp hương cúng khấn trên bàn thờ xong, một người ôm cái đầu gọi tên của đứa trẻ, một người đáp lại: “Về đây.”

Đây là cách thu hồn tng dân gian ở Giang Tô, Thường Châu, còn ở Nam Kinh cách đó không xa, lại có chút khác. Tng quyển hạ viết về Giang Tô của cuốn Phong tục tập quán đất nước Trung Hoa, Hồ Phan An có viết như sau:

Trẻ con tình cờ bị ốm, mà có thể là đến nơi nào đó chơi rồi sợ hãi đến phát ốm, mất hồn ở nơi ấy. Sẽ có người cầm quần áo của đứa trẻ, treo áo lên cán cân, một người cầm đèn lồng đi đến nơi khác, dọc đường rắc rượu và lá chè, gọi tên đứa trẻ đó (một hô một ứng) quay về, như thế là gọi hồn.

Những gì nói ở đây tương đối đúng, tức là chưa cần thầy phù thủy đến xác nhận có đúng là người đó đã mất hồn hay không, chỉ cần trẻ con “tình cờ bị ốm”, người lớn sợ linh hồn nó chạy mất, điều này cũng xuất phát từ nguyên nhân hơi thở của trẻ con yếu ớt, linh hồn dễ bị những du thần đã quỷ thuộc nơi khác bắt đi mất. Quần áo mà đứa trẻ từng mặc chính là đạo cụ cơ bản nhất, có thể có “giao cảm” đối với linh hồn bị mất của đứa trẻ, giúp cho linh hồn tìm được đường về với thể xác, nhập lại vào đó. Còn về cái đầu và cân, một là vì chúng có công năng trừ tà, hai là lúc này có thể dùng để tải hồn về, còn gạo, lá trà là những vật phát ra chút “âm vật”, có thể dùng để đối lấy linh hồn mà bị những du thần đã quỷ bắt đi.

Thực ra, loại vu thuật này khi áp dụng cho người trưởng thành cũng không có thay đổi gì lớn. Cách chiêu hồn ở thời kỳ Tiên Tần, không thể tách rời khỏi “cổ phục”, “phục trang” trong tang lễ cũng là “một tng những loại quần áo dùng để chiêu hồn phục phách”. Tng truyện Lý Cập của Quảng dị ký, kể về việc hồn phách của Lý Cập bị quỷ sứ bắt nhầm, khi thả ra lại không đưa về tận nhà, kết quả là tự mình tìm về nhà rồi nhưng do người nhà đứng chắn ở cửa nên không vào được, đành chạy đến nhà bố vợ lánh tạm. Cũng may vợ ông ta “như có linh cảm”, lúc này mới “cầm theo quần áo và vật dụng của Lý Cập, đi dọc đường để chiêu hồn của chồng. Lý Cập theo vợ về đến nhà, thấy thi thể mình trên giường, liền nhập vào và sống lại”. A Bảo tng Liêu trai chí dị cũng viết: Tôn Tử Sở yêu đơn phương, linh hồn chạy đến phòng của tình nhân A Bảo, thể xác ở lại nhà dờ sống dờ chết. Người nhà đến nhà A Bảo để chiêu hồn, thầy phù thủy cũng phải “cầm theo quần áo cũ, đem cổ trước kia”. Truyện Chu Ông tng quyển bảy, Chỉ văn lục do Dung Nột cư sĩ viết về phong tục ở huyện Ngân, tỉnh Chiết Giang như sau: “Nếu có người ốm đau một thời gian dài, họ sẽ cho rằng hồn người đó không còn ở tng xác nữa, chuẩn bị đồ tế lễ, đến miếu Thành Hoàng cúng thần, dùng một con gà trống, khoác chiếc áo của người bị bệnh lên thân cZn gà, hô hoán gọi tên của người bệnh, hồn theo tên gọi đi về.” ÁP mà người mất hồn từng mặc, đem cổ mà họ từng nằm, đồ mà họ từng dùng đều giống nhau, tác dụng cũng giống nhau, hồn của người đó sẽ nhận ra mùi của những đồ vật thuộc về mình. Con gà trống cũng giống như cái cân hay cái đầu, là vật trừ tà kiêm thu hồn.

Linh hồn của con người có mối liên hệ mật thiết khác thường đối với quần áo, nói theo cách khác thì là bộ quần áo đó có sức hấp dẫn với linh hồn. Những câu chuyện về hiện tượng này rất nhiều, thậm chí còn ly kỳ, cổ quái, phần sau, khi kể đến vấn đề ma quỷ mặc quần áo sẽ thuật lại những chuyện này.

Nhưng có quần áo, đồ vật cũ cũng được, không tìm thấy quần áo, đồ vật cũ cũng không sao, có điều không thể thiếu hành động “gọi” tng gọi hồn, đó chính là miệng phải không ngừng gọi lớn tên người chết. Giọng không to, linh hồn không nghe thấy, đương nhiên cũng không nên gọi to tới mức khiến linh hồn sợ hãi mà chạy mất. Gọi tiếng được, tiếng mất sẽ khiến linh hồn nghe thấy mà cảm thấy mông lung, không tìm được đúng phương hướng, vì vậy phải gọi liên tục không dứt đoạn. Ngoài ra, nếu linh hồn của người bị du thần nào đó giữ chặt không chịu thả thì tiếng gọi cũng có tác dụng kéo linh hồn ra. Việc này giống như bị bạn kéo đi đánh mặt chược, cả đêm không về, vợ đứng ngoài cửa và không ngừng gọi tên mình, tới mức đám bạn bài bạc thấy chán ngán, không thả cũng không được.

Trần Thiệu người đời Đường tng Thông u lục ghi lại chuyện Lô Toản nửa đêm lặn ra chết, cháu trai Lô Trọng Hải thấy tìm người này vẫn còn ấm, liền nghĩ “có cách chiêu hồn để vong về”, “thế là gọi to tên Lô Toản, liên tục không ngừng nghỉ, phải đến cả vạn lần”, cuối cùng đã khiến thúc phụ sống lại. Sau khi thúc phụ tỉnh lại, ông ta nói bị một vị quan mời đi uống rượu, rượu thịt đầy bàn, vui vẻ triển miên, uống nhiều

quá, đến mức quên cả việc phải về nhà. Đột nhiên nghe thấy tiếng cháu trai réo gọi, vừa gấp gấp vừa bị thương, tng lòng cảm động, mới cáo từ chủ nhân ra về. “Chủ nhân ra sức níu kéo, ta cáo nhà có việc gấp, chủ nhân mới tạm tha cho về.” Nhưng không lâu sau, linh hồn của Lô Toàn lại bị mời đi, Trọng Hải đành phải gọi tiếp, giọng ai Zán, cấp thiết hơn lần trước, tới tận khi trời sáng mới gọi thúc phụ sống dậy, sau đó hai chú cháu vội vàng chạy khỏi nơi ma quỷ hiều khách này.

Tất cả những chuyện kể trên mặc dù đều có thể quy cho thuật phù thủy, nhưng đã trở thành “món mỳ ăn liền gia đình” mà dân gian quen gọi, không cần mời thầy phù thủy, tự mình có thể thao tác. Nhưng nếu làm vậy mà vẫn vô hiệu, gia đình người bệnh lại hoàn toàn không còn tin tưởng vào thầy thuốc nữa thì đành phải mời thầy phù thủy đến dùng phép thuật chuyên nghiệp. Nhưng phép thuật chuyên nghiệp này cũng có sự khác nhau về độ nông sâu, khó dễ.

Hồ Phác An ghi chép về phong tục tập quán của Giang Tô, tng trường hợp người bệnh nóng lạnh lâu không thấy giảm, y được vô hiệu, liền cho rằng người này đã bị mất hồn. Thế là mời thầy phù thủy về để “bắt hồn”, đại khái là rượu mừng không uống muốn uống rượu phạt, người không chịu ngoan ngoãn quay về thì phải dùng thủ đoạn cưỡng chế. Nhưng cũng không phải dùng đến quan binh nơi địa phủ, chỉ cần chạy ra giữa cánh đồng, gặp bất kỳ con côn trùng nào liền coi nó là linh hồn của người bệnh, bắt mang về nhà, đặt lên giường của người bệnh, miệng lẩm bẩm những câu thần chú mà không ai có thể hiểu được, nếu khỏi bệnh thì coi như thầy phù thủy đó có bản lĩnh, nếu không khỏi mà người bệnh chết luôn thì thầy phù thủy cũng không chịu bất cứ trách nhiệm nào. Linh hồn đương nhiên sẽ không hoá thành côn trùng, chỉ tầm gửi trên thân côn trùng thôi, giống như linh hồn của Tôn Tử Sở gửi vào tng con chim kút, con chim bay về Tôn gia, vừa vào cửa là lẩn ra chết, còn Tôn Tử Sở đang nằm hấp hối trên giường thì lại sống dậy. Đặt con côn trùng đó lên giường người bệnh cũng là có ý muốn cho thể xác và linh hồn được giao tiếp với nhau. Còn về việc giao tiếp có thành công hay không là việc của người đó, thầy phù thủy cũng không can thiệp được nhiều.

Còn một kiểu khác được gọi là “cướp hồn”, tng quyển năm của Hữu đài tiên quán bút ký mà Du Việt ghi chép thì cướp hồn là một tng những phép thuật được lưu hành ở Nam Xương Phủ, Giang Tô. Nơi đó, thôn xóm nào cũng có miếu, trong miếu thờ một vị thần gọi là “thái tử”, mặt trắng, khuôn miệng đang cười, người mặc giáp, đầu đội mũ mâu, một tay cầm cờ, một tay cầm kiếm. Những người mắc bệnh nặng không thể chữa được, liền dùng một chiếc “kiệu kều” rước thái tử về nhà người bệnh. Cái gọi là “kiệu kều” có nghĩa là khi khiêng chiếc kiệu lên, nó sẽ phát ra những tiếng leng keng. Đây không phải âm thanh thái tử thích nghe, mà là muốn để chiếc kiệu này phát ra những tiếng kều vui tai như thế thì cần phải khiến nó rung rung lắc lắc, thế là người được khiêng sẽ có cảm giác như đi trên mây trên gió. Thần về đến nhà người bệnh, đầu tiên là đốt tiền vàng, cPi như lễ gặp mặt thái tử, đạo sĩ sẽ theo sau, lại có hơn mười người cầm đuốc tháp tùng, đến đồng trống mệnh mông, lượn ba vòng, đồng thanh hét gọi, sau đó nhanh chóng quay trở về. Vừa vào đến cửa, liền lớn tiếng gọi tên người bệnh, tng nhà, người nhà phải bố trí người đứng đó đáp lại: “Có”, sau đó mới khiêng thái tử vào tng nhà, bắt đầu cung phụng. Ba, bốn ngày sau, đạo sĩ là người cung tiễn thái tử về lại miếu, còn việc người bệnh đó có thuyên giảm bệnh tình hay không, đạo sĩ sẽ không quay lại hỏi thăm. Từ quá trình trên có thể thấy, thực sự thì khó có thể nhìn được linh hồn kia đang ở nơi nào và cướp nó về bằng cách nào.

Tng quyển sách này còn đề cập đến cách “hoàn hồn” ở Quảng Đông, hay còn gọi là người “khiêu mao sơn”, đây chính là môn võ nghệ náo nhiệt nhất. Cách này dùng vài đạo sĩ, bố trí trai đàn, treo tượng thần... giống mọi nghi lễ bình thường khác. Sau khi chuẩn bị xong, sắp xếp đạo cụ trên cầu thang, mỗi bậc buộc một con dao găm, đầu nhọn phải hướng lên trên, đạo sĩ dùng chân đá con dao này để nhảy lên từng bậc. Cứ làm như thế mấy lần thì được gọi là “thượng đạo sơn”. Sau đó lại dùng một miếng sắt, một dây xích, ném vào trong lửa cho đỏ rực lên, đạo sĩ miệng ngâm miếng sắt đỏ hồng, tay quần xích sắt đỏ rực, một lúc sau mới ngâm vào tng nước lạnh, nước như được đun sôi đột ngột trào lên, dùng nước này chZ người bệnh rửa mặt. Đạo sĩ lại tự chích tay mình cho chảy máu, bôi vào huyết hai bên thái dương và hai lòng bàn tay của người bệnh, để trừ nội tà, đổi hai bó đuốc, đi vào tng phòng người bệnh, cả phòng đầy ánh lửa, thế gọi là “phát hoả phần” để trừ ngoại tà. Cuối cùng vẫn dùng một con gà trống, một thanh trúc, lấy áo trên người người bệnh, đi vào phòng và gọi tên người đó, gọi là hoàn hồn. Khi hoàn hồn, nếu đúng lúc ấy có bò, cừu, hoặc gà, chó đi đến thì sẽ không thể chữa được bệnh cho người ốm.

Nhìn toàn bộ quá trình trên, dường như chỉ có tiết mục cuối cùng là cầm áo vào phòng, gọi tên người đó

mới là tiết mục chính của “hoán hồn”, những thứ còn lại đều là các kỹ năng biểu diễn kỳ dị. Đã là biểu diễn thì nhất định sẽ thu hút hàng xóm láng giềng tới xem. Người ta bỏ tiền ra mời người về khám bệnh cho người sắp chết, người khác lại coi đó như một vở kịch, về tình về lý đều thấy không ổn, thế là xuất hiện lời cảnh cáo: “Người nào nhìn thấy tất sẽ chết” để những người rồi việc không đến làm phiền.

“Thượng đaP sơn”, vài năm trước vẫn được trình chiếu trên ti vi, là buổi biểu diễn của một dân tộc thiểu số ở Vân Nam, thậm chí còn thêm một tình tiết “quá hoả hải”, tức là phải bước qua một giàn sắt đang đỏ rực. Chỉ có điều, khi ấy không nói chi tiết này có quan hệ gì tng việc chữa bệnh, cũng không vào phòng mà hô, chỉ nói đây là một nghi thức tôn giáo nguyên thủy để trừ tà cầu phúc. Nếu những gì Khuất Nguyên tiên sinh thuật lại không sai thì chiêu thức “hoán hồn” ở Quảng Đông chắc cũng bắt nguồn từ thuật phù thủy biến hoá, đương nhiên cũng có khả năng là tng thuật phù thủy chiêu hồn phục phách sử dụng nghi thức tôn giáo của dân tộc thiểu số. Còn thuật phù thủy và tạp kỹ có quan hệ với nhau là do thuật phù thủy pha trộn vào tạp kỹ, hay là tạp kỹ được tách ra từ thuật phù thủy, điều này không ai rõ. Nhưng do hai tiết mục biểu diễn đó có độ khó tương đương, vì vậy tiền thu được cũng khá. Hoán hồn đối với bán gia mặc dù không phải chuyện nhỏ, nhưng những chuyện như thế này mang tính khoa trương nhiều hơn.

Quyển mười lăm tng Hữu đài tiên quán bút ký còn ghi lại một loại “thuật gọi hồn”, tức là gọi hồn người sống đang ở nơi đất khách quê người về. Ở Hồ Bắc có một gia đình nông dân, thời loạn lạc nên người chồng bị bắt đi lính, mãi không thấy về. Có người mách với mẹ người đó rằng: “Có thể lấy giày mà cZn trai bà đã đi đặt dưới gầm giường, buộc hai chiếc giày quay mặt vào nhau, sau đó đêm nàZ cũng gọi tên con trai bà thì con trai bà có thể trở về.” Lại có một chuyện, là do con dâu của Du Việt kể, chị ta từng ở nhà họ Chu để lánh nạn binh đao, đứa cPn trai độc nhất của nhà hàng xóm bị giặc bắt đi, có người mách mẹ cậu ta là đi xin dầu và bắc đèn của bốn mươi chín nhà, cứ đến đêm thì đốt, sau đó gọi tên con bốn mươi chín lần, đêm nào cũng làm như vậy, phải gọi thật tha thiết. Mấy tháng sau, đứa con đó đúng là đã thoát khỏi sự giam giữ của bọn giặc mà về, theo lời kể của cậu ta, đêm nào cũng nghe thấy tiếng mẹ gọi mình. Mặc dù những linh hồn được hoán về này chưa rời khỏi thể xác, nhưng nó có thể nghe thấy tiếng hô tiếng hoán, cảm nhận của những linh hồn tng thuật phù thủy chiêu hồn là giống nhau.

Chuyện cuối cùng không thể không nói, đó là từ thời Minh – Thanh có rất nhiều phong tục ở các địa phương, gặp phải chuyện “mất hồn”, khi chiêu hồn, còn phải đến miếu Thành Hoàng hoặc thổ địa đốt hương cúng bái. Đoán rằng chỉ có thể là một tng hai nguyên nhân dưới đây.

Một là, sau thời Minh, miếu Thành Hoàng của châu huyện đã trở thành âm phủ được địa phương hoá, trước kia, những linh hồn bị âm phủ chiêu về, đều phải gặp Diêm Vương, bây giờ chỉ cần đến gần những kẻ do thần Thành Hoàng cai quản là được. Người đã chết, linh hồn bị giam tng miếu Thành Hoàng, tng âm gian gặp phải vụ kiện nào cần đi bắt người sống về làm chứng, có chuyện gì phải kéP sinh hồn mới có hiệu quả thì lệnh bắt hồn đó cũng là do Thành Hoàng phê chuẩn. Vì vậy, nếu có người bị mất hồn thì khả năng là bị Thành Hoàng tạm thời bắt đi, lúc này đến miếu thấp hương cầu khẩn cũng chính là cách để thăm dò tình hình thực tế, cầu xin lão gia giơ cao đánh khẽ, nhanh chóng thả sinh hồn đang bị giam giữ về.

Nguyên nhân thứ hai là, cho dù Thành Hoàng ở châu huyện hay miếu thổ địa thôn xóm, trZng mất mọi người đều có trách nhiệm bảo vệ cho các sinh linh của địa phương, vậy thì khi quỷ tốt đi tuần, gặp phải những sinh hồn lạc lối, về lý thì họ có nghĩa vụ phải thu nạp những linh hồn ấy. Nếu là sinh hồn của những gia đình giàu có, Thành Hoàng, thổ địa sẽ nghĩ cách tìm ra gia chủ, cung kính đưa sinh hồn đó trở về phủ, còn bách tính thường dân quá nhiều, không thể để ý hết được, nên đành để thân nhân của những linh hồn đó vất vả đến miếu, dâng hương bầm báo, rồi mang sinh hồn của gia đình mình về. Đạo lý này không cần nói chắc mọi người cũng hiểu, giờ con cái hoặc người thân nhà ai bị mất tích, việc đầu tiên mà thân nhân người đó làm chẳng phải cũng là chạy đến đồn công an để báo án sao?

7. Chương 06

Chương 06

Các kiểu thoát khiếu [1]

[1] Khiếu ở đây là lỗi.

Trong các cuốn tiểu thuyết, bút ký, thường gọi việc linh hồn rời khỏi thể xác là “lý khiếu” (trong truyện Thang Công ở quyển ba của Liêu trai chí dị), linh hồn quay lại thể xác gọi là “nhập khiếu” (trong truyện Sinh hồn nhập thai, thai phụ sinh nở của Tục tử bất ngữ do Viên Mai viết). Càng kỳ lạ hơn, hồi còn nhỏ, khi nghe người già kể những câu chuyện kiểu này, họ liền gọi những linh hồn thoát khỏi thể xác trong giấc mơ là “khiếu”, cách nói nghe có vẻ hơi “trẻ con”. Khi về già nghĩ lại chuyện này, đột nhiên cảm thấy từ “khiếu” này có thể viết nhầm của từ “xác”, bởi vì từ “xác” và từ “khiếu” trong tiếng Trung là từ đồng âm khác nghĩa. Như trong truyện Bào hải la phu ở quyển bảy trong Động linh tục chí của Quách Tắc Vân viết cũng gọi là “xuất xác”. Nhưng cũng có một khả năng khác, tức là từ “khiếu” này muốn nói đến “khổng khiếu”[2] trên người. Bởi vì cũng có một cách nói, đó là linh hồn rời khỏi thể xác liền coi lỗ hổng đó là đường thoát. Là từ “xác” hay từ “khiếu”, cho dù có làm rõ thì về ý nghĩa cũng không khác nhau nhiều, đều là nơi trên cơ thể để linh hồn rời khỏi và quay lại thể xác, nhưng từ đó chúng ta liên tưởng tới một chuyện rất nhỏ khi linh hồn rời khỏi cơ thể: Linh hồn thoát khỏi thể xác như thế nào? Điều này lại khiến chúng ta không thể không nghĩ đến vấn đề về hình dạng của linh hồn là to hay nhỏ.

[2] Khổng khiếu: lỗ hổng.

Theo cách nhìn thông thường trong nhân gian, linh hồn của một người sẽ có hình dạng giống hệt như thể xác của người đó, về mặt trọng lượng có thể có khác biệt, nhưng dài ngắn, béo gầy thì giống hệt nhau. Trong câu chuyện về Liễu Thiếu Du đã nói ở trước, linh hồn và thể xác hoàn toàn giống nhau, khiến người bên cạnh còn không phân biệt được ai là chủ, ai là khách. Đây có lẽ là kiến thức thường thấy của chúng ta trong quan niệm về thể giới âm dương, thử đọc một loạt những câu chuyện về linh hồn, những người tình trong giấc mơ, những sinh hồn do âm sai bắt đi, Diêm Vương tra khảo, và những linh hồn hiển linh trong nhân gian dường như đều giống hệt thể xác của người đó. Chỉ cần suy nghĩ một chút là có thể hiểu ngay, nếu linh hồn và thể xác khác nhau thì chẳng phải thế giới âm phủ sẽ đại loạn hay sao? Không chỉ đại loạn mà sẽ hoàn toàn sụp đổ!

Tôi có suy nghĩ thế này, nếu quỷ có thể gặp người mà người không thể gặp quỷ thì mối quan hệ giữa hai thế giới âm dương không được bình đẳng cho lắm, điều này cũng là một trong những nguyên nhân khiến rất nhiều người cho rằng ma quỷ có khả năng siêu phàm, có thể biết những thứ mà con người không biết, làm những việc mà con người không thể làm. Người không thể nhìn thấy quỷ, nếu quỷ muốn người nhìn thấy, muốn người cảm nhận thấy thì phải trở thành “vật phụ thuộc”, quan niệm này mặc dù không phổ thông lắm, nhưng đúng là đã tồn tại trong một vài ghi chép của các học giả. Chẳng hạn như mảnh ván quan tài thì không thể thành tinh, cái phát trần hồng thì không thể tác quái, lý do chúng bị con người cho rằng có thể trở thành tinh quái vẫn là vì có vật tinh quái dính kèm mà thôi. Tuy nhiên, nếu người nào đó có thể nhìn thấy quỷ, giả sử anh ta không phải là thuật sĩ có thể nhìn thấy quỷ, hoặc đứa trẻ có đôi mắt tinh tường thì nhiều khả năng anh ta có vấn đề về mặt tinh thần, nghiêm trọng hơn thì có lẽ thành phần quỷ trên người anh ta tương đối nhiều, cũng có thể anh ta sắp chết. Giống như một câu nói trong bộ phim Constantine[3] của Mỹ: “Khi bạn nhìn thấy họ thì họ cũng nhìn thấy bạn rồi.” Mặt khác, nhìn từ góc độ của ma quỷ thì họ vốn không nhìn thấy con người, thứ mà họ nhìn thấy chỉ là linh hồn của con người, phương thức mà họ và con người có thể giao lưu với nhau là thông qua giấc mơ, sự ảo giác nhất thời (tức là tạm thời ngao du giữa hai thế giới âm và dương). Những gì mà âm sai có thể nhìn thấy có lẽ cũng giống như thế, do đó, thứ mà chúng bắt đi cũng chỉ có thể là hồn mà không phải là “người”, khi chúng cầm dây quần vào cổ “người”, thực ra là quần vào cổ hồn của người đó. Những đối tượng ra đi một cách bất thường, khi tỉnh lại người đâm dĩa mồ hôi, run rẩy đó không phải là người bệnh nằm trên giường mà là linh hồn của người đó. Ở đây tôi không muốn bàn luận quá nhiều về vấn đề này, chỉ muốn mượn nó để nói rõ một điều, thường thì, nếu linh hồn của người ta bị nhìn thấy, về lý giống hệt với thể xác của người đó, đến cả sự khác biệt nhỏ xíu giữa hai anh em sinh đôi có lẽ cũng không có.

[3] Người đến từ địa ngục.

Khi một linh hồn như thế phải rời khỏi thể xác, nếu phải thể hiện hình tượng thì tôi cảm thấy hình ảnh thân xác phân ly trong bộ phim Ghost[4] của Mỹ là hợp lý nhất: Khi người chết ngã xuống, một hình ảnh có hình dạng giống hệt người đó cùng lúc tách ra khỏi cái xác, từ từ đứng dậy, lơ lửng bay đi, hoặc lên thiên đàng, hoặc xuống địa ngục. Nhưng kiểu phân ly khỏi thể xác như thế rất ít được miêu tả trong những câu chuyện ma của chúng ta, mà là những người đồng ý với cách nhìn này cho rằng đó là chuyện hết sức bình thường, không có gì phải bàn cãi. Như truyện Sinh hồn vong tử trong Dục quynh bại biên mà chúng ta đã

đề cập ở chương Mất hồn cũng là kiểu linh hồn cố gắng thoát khỏi thể xác. Còn có rất nhiều những câu chuyện về việc linh hồn nhập lại thể xác, hoặc linh hồn lao vào trong thể xác, hoặc linh hồn và thể xác gặp nhau rồi nhập lại thành một... Nếu có ai đó yêu cầu phải miêu tả giống như khi chơi búp bê Nga, từ từ nhấc con bên ngoài ra rồi lại nhấc tiếp con bên trong thì đúng là làm khó người kể chuyện rồi. Trong Phong thần diễn nghĩa[5], động một tí là lại nói: “Một linh hồn nữa đã chạy về đài phong thần rồi”, ba trăm sáu mươi lăm linh hồn chết đột tử là tách ra khỏi những cái đầu bị đánh vỡ toác hay thoát ra từ chỗ cơ thể bị đứt làm đôi, không có chỗ nào nói rõ. Xem ra Hứa Trọng Lâm cũng khó có thể nói rõ, nên đành ồm ờ cho qua. Mà việc này vốn cũng không thể truy cứu tới từng chi tiết, nếu gặp phải những người thích tranh cãi, họ hỏi: Nếu như hình dạng của quỷ và thể xác giống hệt nhau, cho dù là người có bị chém thành hai đoạn đi nữa thì linh hồn của anh ta khi bay về đài phong thần cũng phải chia thành hai đoạn mà bay sao? Nhưng ở đây chúng ta không nói đến quỷ, vì vậy cũng không cần tranh cãi.

[4] Hồn ma.

[5] ‘Phong thần diễn nghĩa’ của Hứa Trọng Lâm

Nhưng cổ nhân có một vị tiên sinh khi gặp phải cảnh bế tắc, cảm giác như linh hồn thoát xác, phải giống như con tằm thoát khỏi kén, ve sấu thoát xác vậy, cần có một cái lỗ mới chui ra được. Đương nhiên, theo như diễn tích mà Nho học đã nói, linh hồn chỉ là khói, là khí, có thể dễ dàng tưởng tượng, chỉ cần thoát ra khỏi cơ thể người như toát mồ hôi vào mùa hè, khí lạnh vào mùa đông, sau đó “phát dương ư thượng, vi chiêu minh, hôn hao, thể sáng”[6], giống như mây khói bay lên, tản ra, có là “làn khói hương hồn” của Tiêu Tương tiên tử cùng đám hồn ma cũng không thể làm gì được nó. Nhưng trong các câu chuyện ma, chỉ có khi linh hồn bị đạo sĩ bắt vào trong hồ lô, khi thả ra mới biến thành làn khói đen, uốn lượn bay ra, chứ chưa từng thấy trên thân người thoát ra một làn khói đen bao giờ. Còn chuyện một làn khói đen bay ra từ thân thể con người, sau đó làn khói này liền tụ lại thành hình người, từ nhỏ tới lớn, chuyện như thế cũng là thần thoại, tiểu thuyết hóa rồi.

[6] Xem chú giải ở trang 18.

Còn vị tiên sinh gặp phải cảnh bế tắc nên nói chuyện ma quỷ lại nhận định rằng linh hồn là một thực thể có thể tích, trọng lượng rõ ràng, đương nhiên cũng sẽ không chấp nhận thuyết linh hồn mong manh như làn khói của Nho học rồi. Bọn họ thà linh hồn biến thành một thứ đồ nào đó, cũng không cho phép linh hồn tan vào hư không. Linh hồn vừa có thể se thành sợi mì, nặn thành bánh trôi, hoặc là ruồi nhặng, con dế, như thế mặc dù dễ dàng trong việc thoát xác, nhưng đa phần là do văn nhân múa bút hoặc những người già nhàn rồi buồn chuyện, được coi như những tư tưởng kỳ lạ, nên không cần phải hỏi nhiều. Dễ dàng di chuyển và giản tiện nhất là cứ để linh hồn giữ nguyên tỷ lệ hình dáng và có thể tùy ý biến nhỏ lại, tới mức có thể chui ra từ một chỗ nào đó trên cơ thể, mà sau khi chui ra rồi không đến nỗi khiến cơ thể xếp lại thành một đồng.

Cách nói linh hồn nhỏ hơn thể xác mặc dù không quá phổ biến, nhưng thỉnh thoảng cũng bắt gặp trong những bài tùy bút và tiểu thuyết. Trong truyện Kiếp trước của Lô Hân Ngộ trong quyển mười một của cuốn Dị kiến chí bổ của Hồng Mai, kể về Triệu Thị Tứ mười chín tuổi, chăn bò trong núi, trời mưa nên trượt chân xuống vách núi chết. Nhưng linh hồn của anh ta không biết là mình đã chết ra sức đứng dậy, sau đó mới nhìn thấy bên cạnh có một thi thể đang nằm, thậm chí cũng không nghĩ ngay ra rằng đó chính là thi thể của mình, mà là thi thể của người khác. Lúc này, linh hồn của anh ta cũng có kích cỡ giống như thể xác, nhưng sau đó, khi bố mẹ anh ta tới nhận xác, trong mắt anh ta, bố mẹ lại “cao lớn bất thường”, dùng tỷ lệ của thể xác để suy đoán thì linh hồn của anh ta chỉ bằng một nửa so với thể xác thôi. Ngoài ra, tiểu thuyết ở thời Minh - Thanh cũng có không ít câu chuyện liên quan đến mức độ to nhỏ của linh hồn, cũng có vài chuyện nói linh hồn chỉ cao hơn một thước. Như truyện Chùy Ngộ Tai trong quyển thượng của cuốn Minh bảo lục do Lục Kỳ viết thì linh hồn và thể xác của người đó khi phân tách, phách thì cao lớn như cơ thể người, nhưng hồn lại chỉ cao hơn một thước.

Nhưng điều này cũng không được coi là độ co quá lớn, có một vài câu chuyện khác về việc thoát xác, trong những câu chuyện đó, linh hồn trở thành những “người nhỏ” như côn trùng, muỗi bọ vậy, chúng có thể chui ra chui vào cơ thể từ một lỗ hoặc một chỗ nào đấy. Quan niệm coi hồn là người nhỏ có lẽ bắt nguồn từ rất sớm, thuyết “thần thân” của Đạo giáo có lẽ cũng bị ảnh hưởng từ quan niệm này. Đạo sách cho rằng lục phủ ngũ tạng, tứ chi ngũ thể, gân cốt, đầu óc, da và mạch máu của con người giúp cho các lỗ được tuần

hoàn, đều có thần linh chi phối, hơn ba vạn sáu nghìn thứ, những thứ nhỏ bé đó có thể to bao nhiêu? Tam thi thần mà các đạo sĩ thường đọc đó, hằng ngày ra vào cơ thể ba lần, vậy thì cửa tiện lợi nhất chính là lỗ trên và lỗ dưới rồi. (Trong những câu chuyện rất quen thuộc như Người trong lỗ tai, Đồng nhân ngữ trong Liêu trai chí dị chắc độc giả cũng có thể nhận ra được sự ảnh hưởng của sách Đạo giáo.) Nhưng quan niệm “thân thần” này ngược lại cũng ảnh hưởng đến nhận thức về linh hồn của con người, thứ mà người ta dễ coi là thứ nhỏ bé nhất chính là “mộng hồn”.

Trong truyện Hồn người chu du trong quyển bốn của Canh dĩ biên do Lục Sán viết, kể về câu chuyện xảy ra ở quê hương ông ở Tô Châu. Tên lý trưởng vì muốn thu tiền nha dịch, từ sớm đã đem theo một tiểu nô đi từ trước Phong Môn đến Tề Môn, trên đường đi vì mệt mỏi, liền vào mái hiên của một nhà nghỉ ngơi. Trong lúc mơ màng sắp ngủ, tên tiểu nô bên cạnh đã ngủ từ lâu, thế là chủ nhân “trong lúc mơ màng thấy một tên tiểu tử nhảy múa bên cạnh tiểu nô của mình, ngã xuống đất” cũng chính là linh hồn lìa khỏi thể xác. Đáng tiếc vị chủ nhân đó đã bỏ lỡ giây phút mà linh hồn của tên tiểu nô thoát xác, nhưng ông ta đã nhìn thấy linh hồn nhập vào thể xác như thế nào, có điều cũng rất mơ hồ, chỉ nhìn thấy linh hồn nhảy lên trên cái xác rồi biến mất. Linh hồn rời khỏi thể xác trong mơ này đã đi quanh vườn rau một lượt, còn tên tiểu nô đó đã mơ thấy mình đi dạo quanh khu rừng, đám rau cỏ trong giấc mơ của anh ta biến thành những thân cây cao lớn. Câu chuyện này có rất nhiều phiên bản, hồi nhỏ tôi thường nghe người lớn kể, có điều thêm thắt một vài tình tiết thú vị khác, ví dụ như “cái xác” đó ăn mấy cục phân dê, tỉnh dậy lại nói mình đã ăn một bàn đầy “bánh ga tô”... Từ đó cũng có thể nhìn ra quan hệ đối ứng giữa việc hồn đi chu du và các giấc mơ, cùng việc lý giải của con người đối với những giấc mơ đó.

Ngoài ra còn phải chú ý thêm là, vị chủ nhân có thể nhìn thấy mộng hồn của tên tiểu nô kia không ở trong trạng thái tỉnh táo, mà nửa tỉnh nửa mơ, nếu để tôi giải thích thì đó cũng là do mộng hồn của ông ta nhìn thấy, bởi vì nếu ở trạng thái bình thường thì không có khả năng nhìn thấy linh hồn. Thế nào gọi là “nửa tỉnh nửa mơ”? Có những lúc chúng ta tỉnh dậy trong giấc mơ nhưng vẫn không thể tỉnh táo ngay, hừ hừ thực thực, phải một lúc sau mới rõ ràng, đám vàng bạc châu báu vừa rồi xuất hiện trước mắt chẳng qua là đồng xương còn lại trên bàn ăn.

Trong Liêu trai chí dị có câu chuyện Cống sĩ họ Trương, kể chuyện hồn của Trương cống sĩ thoát ra từ “ngực”, khi đó ông ta đang ốm, tất cả đều là tự mình nằm trên giường rồi nhìn thấu:

“Đột nhiên thấy từ trong ngực có một người thoát ra, cao tầm nửa thước, đội mũ mặc áo nhà Nho, dáng như con hát. Hát côn sơn khúc, điệu rất dễ nghe, lại tự nói tên họ, quê quán, giống hệt với mình. Những khúc người đó hát, bình sinh Trương mỗ đã từng nghe qua. Hát xong, ngâm thơ rồi biến mất.”

Người nhỏ bé này rõ ràng là linh hồn của Trương cống sĩ. “Ngực” là bộ phận không có lỗ, hồn vốn không phải là thực thể, là một ảo ảnh nên có thể tùy ý thoát ra ở bất cứ chỗ nào và không có trở ngại gì, nhưng “ngực” gần tim nhất, căn cứ vào kiến thức phân tích về linh hồn của người xưa, tim là nơi linh hồn trú ngụ. Cái lỗ cách tim gần nhất chính là rốn, vì vậy trong quyển bốn của truyện Quỷ đồng không rõ danh tính và tác giả đời Tống có kể, âm phủ sai một con khỉ đi bắt hồn của Trần Sinh, viết: “Hồn của Trần Sinh thoát ra từ rốn.”

Còn về nơi linh hồn gửi thần, đa phần các kiến giải cho rằng linh hồn trú ngụ ở trên đầu, không rõ vị trí cụ thể, nhưng có lẽ là ở dưới lớp xương sọ. Đầu của con người có bảy lỗ, ngoài hai hốc mắt không được tiện lợi lắm, những con đường còn lại đều rất khang trang rộng rãi. Nhưng những linh hồn trong rất nhiều các câu chuyện kể đều không đi ra từ con đường chính mà xuyên qua đỉnh đầu để ra.

Trong Quảng dị ký của Đới Phu đời Đường có viết, quỷ sứ đuổi bắt Thôi Minh Đạt, “vẫn là bắt hồn người đó từ đầu ra”, trong truyện Thần du Tây Hồ, quyển năm của Di kiến chi mậu do Hồng Mai đời Nam Tống viết, nông dân Trần Ngũ sau khi chết rồi sống lại, kể rằng: “Khi mới chết, cảm thấy hồn phách đi ra từ não”, sau khi ra ngoài rồi, quay lại nhìn, “thấy thể xác nằm trên giường, vợ con kêu khóc, gọi tên mình thăm thiết, nhưng không có ai trả lời”. Trong truyện Thông u pháp của quyển bảy trong Tục tử bất ngữ do Viên Mai viết kể về linh hồn của một nông phu khi thoát xác: “Cảm thấy như hồn thoát ra từ đỉnh đầu, đau đớn vô cùng. Khi quay lại cũng vẫn đi từ đỉnh đầu vào, nhưng toàn thân dễ chịu, như trút được gánh nặng, như mệt mỏi quá mà phải thiếp đi.” Trong truyện Nhị Tác Nhân ở quyển một của Vấn kiến dị từ[7] do Hứa Thu Xá viết về một người luyện “xuất thần thuật”: “Khi thành công, thấy một người cao tầm hai tấc thoát ra từ đỉnh đầu, những chuyện bên ngoài không cần hỏi mà tự biết.” Trong truyện Đã chết bảy ngày

lại hồi sinh ở quyển bốn trong Dung am bút ký của Tiết Phúc Thành có viết: “Khi sắp chết, hồn chui ra từ đỉnh đầu, tách ra khỏi thân xác.” Còn trong một chuyện ở quyển bốn Động linh tục chí của Quách Tắc Văn viết về một vị quan “học đạo thuật ở tuổi trung niên, ngày nào cũng phải ngồi thiền. Lâu dần, nguyên khí tích tụ, thấy có một đứa bé thoát ra từ đỉnh đầu”, lại có Ưông Sinh, “chuyên tâm tu luyện, trong lúc đang ngồi thiền, đột nhiên thấy một đứa trẻ thoát ra từ đỉnh đầu”. Rõ nhất phải kể đến Thuyết Linh. Minh báo lục của Lục Kỳ: “Khi trút hơi thở cuối cùng, lập tức nhìn thấy hồn từ đan điền dưới bụng dưới, hình dạng trông như một viên bánh trôi, màu xanh ngọc bích, càng dâng càng cao, đến rốn thì khó thở, đến ngực thì thở gấp, khi dâng đến giữa cổ họng và đầu thì hai mắt trợn ngược, tắc ở đỉnh đầu, đè nén khá lâu, rồi vỡ tung như đá, hồn rời khỏi xác, phách tách khỏi hồn, trút hơi thở cuối cùng.” Đây là những cảm giác được kể lại từ một người đã chết sau đó được hồi sinh, không những có cảm giác mà kỳ lạ nhất là còn có thể nhìn thấy linh hồn ở trong bụng dưới giống như viên bánh trôi màu xanh ngọc bích, thật không biết là dùng “thiên nhãn” gì để nhìn nữa.

[7] Có nghĩa là những chuyện lạ tai nghe mắt thấy.

Còn việc linh hồn ra vào từ lỗ nào đó, trong các câu chuyện cũng có ghi chép. Chuyện hồn thoát ra từ tai, chúng ta có thể xem trong cuốn Thuật dị ký của Lương nhân Nhậm Phưởng[8], ghi lại chuyện của Mã Đạo Du thời Nam Tề: “Hai con quỷ đi vào từ tai, đẩy hồn ra, hồn rơi xuống chiếc dép gỗ.”

[8] Lương nhân Nhậm Phưởng (460-508).

Còn có thuyết nói về việc hồn ra từ lỗ mũi, mời đọc truyện Nhân hồn chu du ở quyển bốn của Canh dĩ biên do Lục Sán viết. Trong truyện này, khi linh hồn thoát khỏi thể xác sẽ biến thành một con rắn nhỏ, chui ra từ lỗ mũi, bơi lội trong hồ nước ngoài vườn một vòng, còn chủ nhân thì lại mơ mình đang được bơi ngoài biển, linh hồn hóa thành rắn, có lẽ là do người này có tính cách độc ác như loài rắn rết.

Từ đây có thể thấy, cổ nhân cho rằng linh hồn của con người nằm ở tim hoặc đầu. Nếu như linh hồn có một nơi trú ngụ cụ thể trong cơ thể thì có lẽ cũng chỉ có thể tưởng tượng như thế, không thể để nó trú ngụ ở ngón chân hay gót chân được. Nhưng cũng có linh hồn ra khỏi cơ thể người từ dưới háng. Trong truyện Từ tiên sinh, quyển sáu trong Tử bất ngữ có viết thế này: “Tên trộm họ Từ thân bị tù đầy, khi biết mình sắp chết, nói với người quen cũ Thạch Tấn Thần rằng: “Tôi chỉ sống được đến ngày mừng Một tháng Bảy thôi, huynh hãy đến tiễn tôi.” Đúng ngày, Tấn Thần vào nhà lao, gặp tên họ Từ ở phòng tiếp đón, thấy dưới háng người đó xuất hiện một đứa bé, nói với họ Từ: “Nhìn là giết tôi! Nhìn là giết tôi!” Sau đó ngoẻo đầu, đứa trẻ biến mất.”

Linh hồn này có lẽ đi ra từ lỗ sau, nơi đó mặc dù không được nho nhã cho lắm nhưng lúc này tương đối kín đáo, người khác cũng khó nhìn thấy. Nếu đao phủ và những người đến thăm tù nhân xung quanh nhìn thấy một người nhỏ chui ra từ đầu hoặc từ một trong bảy lỗ trên cơ thể phạm nhân, có lẽ sẽ lại trở thành chuyện cười cho họ sau này. Điều này cho thấy họ Từ kia khác với lão Q, thà đi ra từ cửa sổ, chứ quyết không muốn nhìn thấy những khuôn mặt bốc mùi của khách tới thăm.

Trong những tình huống bình thường, dù là chết, hôn mê, hay mơ ngủ thì linh hồn đều rất tự nhiên, không cần cưỡng bức cũng tách rời khỏi thể xác. Nhưng cũng có những linh hồn cần phải sử dụng thủ đoạn để cưỡng chế, chính là những trường hợp hồn thoát ra từ lỗ rốn hoặc từ tai kể trên. Trong truyện Chữ sinh trong Liêu trai chí dị của Bồ Tùng Linh, nội dung của truyện phù hợp với giả thuyết cưỡng chế hồn lìa xác nói trên. Chữ Sinh muốn tách linh hồn của Trần Sinh ra khỏi xác, hoặc nói cách khác là muốn chuyển xác của Trần Sinh ra chỗ khác để mình dễ bề nhập vào. Đến ngày thi, Chữ Sinh đưa một người đến gặp Trần Sinh, nói rằng là anh họ Lưu Thiên Nhượng của mình, bảo Trần Sinh đi cùng anh họ đến một hoa viên đẹp nào đó dạo chơi vài ngày. Trần Sinh đứng dậy, đang đi ra ngoài thì Chữ Sinh kéo giắt anh ta lại từ phía sau, khiến anh ta suýt nữa ngã dúi xuống đất. Lúc đó, Thiên Nhượng vội vàng dùng tay kéo anh ta lại, rồi đưa anh ta đi. Người mà Chữ Sinh kéo là xác của Trần Sinh, còn người mà Thiên Nhượng dắt đi là linh hồn của Trần Sinh, một kéo một dắt nên linh hồn và thể xác tách khỏi nhau.

Từ chuyện này chúng ta nghĩ, có một vấn đề có lẽ cũng nên quan tâm, đó là vào thời khắc linh hồn thoát ra từ lỗ tai và rơi xuống bàn chân kia, liệu có phải nó sẽ nghĩ rằng ngã đau sa sầm mặt này không? Khi len ra từ đỉnh đầu, liệu có đau tới mức méo miệng không? Những linh hồn này không nói và cũng không ai biết. Giống như câu chuyện ở trên nói Trần Sinh bị kéo suýt ngã dúi xuống đất, đây cũng chỉ là cảm giác, nhưng nhiều hơn cả dường như bản thân mình biến thành một thứ mong manh như làn khói trong suốt không màu

sắc. Nhân vật chính trong câu chuyện Thang công trong Liêu trai chí dị kể lại những gì mình đã được trải nghiệm: “Hơi nóng vẫn bốc lên ngùn ngụt, xuyên qua cổ, qua đầu, chui ra, linh hồn thoát khỏi lỗ và quên luôn thể xác.”

Trong quyển ba của cuốn Duyệt vi thảo đường bút ký do Kỷ Quân viết về hiện tượng hồn lìa khỏi xác của một người treo cổ tự tử như sau: “Huyết mạch đau đớn, từng thớ da thớ thịt trong người như muốn nứt toác, đau đớn như bị cắt. Lục phủ ngũ tạng trong người nóng như lửa thiêu, không thể chịu được.” Cảm giác này vừa hay đúng với nhận định của Viên Tử: “Cảm thấy như hồn thoát ra từ đỉnh đầu, đau đớn vô cùng.” (Thông u pháp của quyển bảy trong Tục tử bất ngữ do Viên Mai viết). Còn Du Việt lại tôn trọng thuyết của Nho học, cho rằng việc linh hồn thoát ra từ các lỗ trên cơ thể là “khí đó bay lên trên”, vì vậy trong Hữu đài tiên quán bút ký có mấy chỗ nói đến cảm giác khi hồn rời khỏi xác, lúc thì “đột nhiên cảm thấy cơ thể nhẹ bẫng như lông vũ”, lúc thì “cảm thấy cơ thể bay bay như mây trên trời”, lúc thì “bay bay theo gió, không thể tự chủ.”

Tổng hợp những điều kể trên, mỗi người mỗi ý, rốt cuộc là hồn thoát khỏi xác từ đâu không có một quy tắc nhất định, vì vậy, nói đi nói lại cả nửa ngày cũng bằng chưa nói. Cũng may khi đọc giả còn chưa quan tâm nhiều đến chuyện này thì đã có bảy, tám quy định gì đó rồi, chẳng qua cũng chỉ là một hình thức, mọi người phải đến bảy, tám mươi năm sau cũng sẽ tự lý giải theo cách của mình.

8. Chương 07.1

Chương 07

Chưa chết hồn đã khóc

Trong Thông u lục do Trần Thiệu người đời Đường viết, huyện úy[1] huyện Thanh Hà. Khi ấy, trong thôn có bà lão đến thăm nhà sư ở một ngôi chùa, trên đường đi qua một nơi hoang dã, thấy người phụ nữ xinh đẹp mặc áo trắng đi giữa đám cỏ cây um tùm, khóc lóc rất thê lương. Dần dần người phụ nữ ấy đi đến một gò đất nhỏ, ôm lấy gò đất hoang đó mà khóc, sau đó quỳ xuống, dường như đang làm gì ở đó. Bà lão thấy lạ, liền đến gần để hỏi thăm, đang nhanh chóng đi về phía đó thì người phụ nữ ấy lập tức đứng dậy, chạy ra xa để tránh. Bà lão đành phải quay đầu bỏ đi, nhưng khi ngoảnh lại nhìn, người phụ nữ đã quay về chỗ cũ. Cứ như thế mấy lần, bà lão đoán có lẽ không phải người sống, liền vội vàng bỏ đi. Hơn một tháng sau, vợ Phòng Trắc là Trịnh Thị chết vì bạo bệnh, linh cữu được chôn trên gò đất hoang ấy. Mà dung mạo và quần áo khi chùi ta chết giống hệt người phụ nữ mà bà lão đã nhìn thấy.

[1] Huyện úy: Một chức quan, dưới huyện lệnh.

Trịnh Thị lâm bạo bệnh mà chết, chứ không phải là bệnh tật triền miên lâu năm, nhưng linh hồn của chị ta lại thoát khỏi thể xác trước khi chị ta lâm bệnh. Hơn nữa, sinh hồn này còn biết trước được rằng mình sẽ chết và nơi mình sẽ được chôn, đến nơi đó trước để viếng chính mình. Điều kỳ lạ là, nhận thức của linh hồn lại không cho bản thân Trịnh Thị biết, hoàn toàn là hành vi độc lập của linh hồn, thậm chí cũng không báo mộng cho Trịnh Thị.

Quan niệm này dường như thấy rất nhiều ở đời Đường. Trong Triều dã thiêm tái[2] do Trương Trạc viết xuất hiện sớm hơn cả Thông u lục, viết về thời của Võ Tắc Thiên, quan lang trung địa phương Châu Tử Cung mắc bạo bệnh chết, đến âm gian, bị đưa vào một đại điện mà “đại đế ngồi trên điện, Bối Tử Nghi đứng hầu ở bên”. Đại đế chính là chồng của hoàng đế Tắc Thiên, là Đường Cao Tông Lý Trị đã qua đời, còn Bối Tử Nghi chính là phán quan Tịnh Châu[3] đương nhiệm. Cao Tông nói: “Người ta cần là Hứa Tử Nho, sao lại bắt Châu Tử Cung đến? Mau thả ông ta về đi!” Như thế Châu Tử Cung được trả về dương gian. Khi ấy, Hứa Tử Nho đang làm thiên quan đãi lang, tối hôm ấy đột nhiên chết, chắc chắn bị gọi đến chỗ của đại đế. Võ Tắc Thiên nghe nói tới chuyện này, thậm chí còn cảm thấy kỳ lạ, liền sai người về Tịnh Châu, xem xem có phải Bối Tử Nghi đã chết từ lâu rồi không. Không ngờ sứ giả quay về báo cáo, nói rằng

Bối Tử Nghi còn đang sống rất khỏe mạnh. Đương nhiên, sau đó Bối Tử Nghi vẫn phải chết nhưng trước khi ông ta chết, linh hồn đã đến âm phủ để hầu hạ chủ cũ rồi. Vậy thì người đang ở Tịnh Châu kia sao có thể “toàn hồn” vì nhân dân phục vụ đây! E rằng không thể dùng thuyết ba hồn bảy phách để nói quấy quá, bởi vì không thể nói có mấy hồn là có thể hầu hạ mấy chủ nhân được.

[2] Là một tập bút ký, tiểu thuyết đời Đường, ghi chép những chuyện xảy ra trong triều đình, đặc biệt là chuyện triều chính của Võ Hậu (Võ Tắc Thiên).

[3] Tịnh Châu là tên gọi ngày xưa của chín châu. Tịnh (hay tính) còn có nghĩa là gộp, ghép, nhập. Tương truyền khi vua Vũ (đời nhà Hạ) trị hồng thủy, đã chia vùng đó ra làm chín châu.

Việc này có xung đột lớn với quan niệm hồn khí thể phách nhưng lại được nhân gian chứng nhận, nên không ai nghi ngờ tính khả năng của tình tiết trên. Và những câu chuyện có nội dung tương tự như thế xuất hiện rất nhiều ở các đời sau, nhưng đa phần là cảnh cáo về tai nạn hoặc chuyện gì đó. Trong Tục huyền quái lục do Lý Phục Ngôn viết. Câu chuyện truyền kỳ này bắt đầu từ việc Trần Dần Khác[4] chú ý đến những lời bóng gió xa xôi về lịch sử thâm cung, sau đó được Chương Sĩ Chiêu và Biện Hiếu Huyền nghiên cứu, chân tướng đại khái cũng được hé lộ, ám chỉ việc Đường Thuận Tông lên ngôi chưa được một năm không phải bị bệnh chết mà là bị ám sát. Câu chuyện rất dài và cũng ngoắt ngoéo, trắc trở, ly kỳ, được giao cho Mai Lý Mỹ, một cây bút lớn, đủ để viết thành một tác phẩm nổi tiếng. Người bị ám sát rốt cuộc là Hiến Tông hay Thuận Tông, Thuận Tông trong lịch sử có phải bị ám sát mà chết hay không, không liên quan đến vấn đề này, ở đây chỉ muốn chỉ ra rằng, cho dù câu chuyện đó ám chỉ vị hoàng đế nào bị đầu độc, đều đã ở một nơi khác, hay nói cách khác là ở một “không gian đa chiều” khác “dự đoán” về huyết án giết vua, nhưng âm mưu giết vua này không tiện “diễn tập” nên mà “dự đoán” về cái chết của vua này đã thật sự “xảy ra”. Nhưng khi hoàng đế ở đó bị giết rồi thì hoàng đế thân ở dương thế vẫn sống, thậm chí hoàn toàn không biết đến vai diễn của mình ở không gian đa chiều kia. (Những tình tiết cụ thể của câu chuyện này chúng ta sẽ nói trong phần sau: “Bắt hồn trên đường mòn rừng núi”).

[4] Trần Dần Khác (1890-1969): Nhà sử học nổi tiếng của Trung Quốc.

Quyển ba trong tập Bắc mộng tảo ngôn của Tôn Quang Hiến sống ở thời Ngũ Đại[5], có ghi lại cuộc đời của Mã Hy Thanh - đế vương nước Sở, một trong mười nước thời bấy giờ, trước khi vị hôn quân tàn bạo đoán mệnh này chết, đại tướng Chu Đạt từ Nam Nhạc Hành Sơn trở về, chưa đến Trường Sa thì “thấy đám mây mù trên sông ôm Hy Thanh đi”. Mặc dù ông ta không nhìn thấy ma quỷ gì, nhưng biết rằng linh hồn Sở Vương đã bị bắt đi rồi. Nhưng ông ta “im lặng không dám nói”. Tại sao lại thế? Bởi vì lúc này Mã Hy Thanh vẫn đang sống rất khỏe mạnh. Nhưng đến tối, nghe nói chỉ thấy “có một vật gì đó đen sì đột nhập vào điện”, sau đó Mã Hy Thanh băng hà. Mã Hy Thanh mới lên kế vị được hai năm thì đột ngột qua đời, trong chính sử không ghi lại bất kỳ điều gì, nguyên nhân cái chết lại đáng ngờ, vì vậy, trong Bắc mộng tảo ngôn đã ghi lại những lời bóng gió thời đó, cái chết của Sở Vương nghe nói là do trượt chân trên thềm mà ngã, đầu đập vào vật cứng, nứt toác, gần như là bị thần vật đánh chết, thực ra muốn ám chỉ rằng Sở Vương bị mưu sát. Đây chính là trường hợp trước khi chết một ngày, linh hồn đã bị bắt đi.

[5] Ngũ Đại: tức Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán và Hậu Chu. Năm triều đại này kế tiếp nhau nắm chính quyền ở Trung Nguyên, Trung Quốc từ năm 907-960.

Cùng trong quyển đó có ghi chép về cái chết của thế tử Tần Vương - Lý Tùng Vinh xảy ra muộn vài năm sau thời Đường Minh Tông, linh hồn của người này đã bị bắt đi trước mười hôm. Năm đó, có một vị hòa thượng tinh thông chữ thảo là Văn Anh Đại Sư Ngạn Tiêu, những năm trước khi ở Lạc Dương được Tần Vương hậu đãi, sau đó ông ta từ Nam Thiên chuyển đến Giang Lăng, tu tại chùa Tăng Khẩu. Hôm ấy, ông ta hoảng hốt khi thấy Tần Vương mang theo hơn hai mươi tên lính tới thăm. Ngạn Tiêu liền hỏi: “Đại vương sao lại đến đây?”, nhưng Tần Vương không trả lời, sau đó đột nhiên biến mất như làn khói giữa đám binh lính. Ngạn Tiêu cảm thấy chuyện này thật không bình thường, liền sai người dò la tin tức ở Lạc Dương, quả nhiên, vài ngày sau Tần Vương bị giết trong nội loạn.

Tương tự như chuyện của Lý Tùng Vinh nhưng lại ly kỳ hơn là chuyện về Trương Trấn ở những năm đầu thời Nam Tống. Chuyện này có thể đọc trong Trương Trấn Phủ Cán ở quyển Di kiên chi giáp. Trương Trấn là người có xuất thân hiển hách, tổ tiên Trương Đảo làm tể tướng đương triều, cha Trương Duyên đã từng làm quan ở Thông Châu, giờ đang ở quê Đức Hưng, Giang Tây, còn bản thân anh ta cũng đang làm quan ở ty An Phủ, Triều Bắc. Mùa đông năm Thiệu Hưng thứ bốn, Trương Trấn lâm bệnh rồi chết, trước khi

chết không có bất kỳ triệu chứng hay dự cảm nào, vẫn đến nhiệm sở tiếp khách như thường, nhưng thực ra mười ngày trước đó, linh hồn của anh ta đã rời khỏi thể xác rồi. Ngày hôm ấy, Trương Trần sai một tên lính[6] (chính là loại người bị mắng là “tặc phối quân” trong ‘Thủy hử’) mang một phong thư và một cái hòm vuông đan bằng trúc đến Đức Hưng. Tên lính này đi được nửa đường cảm thấy đồ đang vác trên vai đột nhiên nặng hơn, sau đó càng ngày càng thêm nặng, đè xuống khiến hắn ta không thể đứng thẳng được, liền ném nó xuống đất, mắng rằng: “Cứ như bên trong đựng đầu người chết vậy, sao lại không thể vác được thể này?!” nhưng đồ của trưởng quan không thể vứt đi, đành phải cống nó đến Đức Hưng. Đến gia phủ nhà họ Trương, tên lính giao cái hòm cho cha của Trương Trần là Trương Duyên, mở hòm ra trước mặt hắn ta, thì bên trong chỉ là phổi hươu mà thôi, không có vật gì khác. Nhưng tên lính vừa quay trở người đi ra, liền cảm thấy như có thứ gì đó gõ mạnh vào đầu mình một cái, trong không trung có tiếng nói: “Sao người dám mắng ta trên đường đi!” Đúng là giọng nói của Trương Trần. Tên lính vội vàng nói liên hồi: “Tiểu nhân không dám!”, rồi quay đầu chạy vào trong phủ, đến gặp bố mẹ của Trương Trần, khóc lóc nói rằng: “Ngày chết đã định, không có gì phải hối hận. Trần chưa có con trai, vợ mới cưới khó lòng ở vậy, sau khi cử hành tang lễ hãy để nàng được về nhà...” Đó chính là giọng nói của Trương Trần. Hồn Trương Trần mượn thân thể tên lính sắp xếp việc hậu sự của mình xong, tên lính bèn ngã vật xuống đất, phải nửa ngày sau mới tỉnh lại. Thì ra khi tên lính rời khỏi phủ của Trương Trần ở Triều Bắc, hồn của Trương Trần đã ẩn vào trong cái hòm. Linh hồn này đã đoán biết được cái chết của mình, nó liền rời khỏi thể xác, đi theo tên lính về quê, đó là ý chí của linh hồn hay “bản thân” Trương Trần? Linh hồn này sau khi thăm bố mẹ xong có quay lại thể xác của mình hay không? Lẽ nào không cần tên lính cống anh ta quay về sao? Tất cả những khúc mắc đó đều không có cách nào giải thích rõ ràng được. Ngoài ra, linh hồn này không những có trọng lượng mà còn ngày càng nặng hơn, đó cũng là một điều kỳ lạ.

[6] Những người bị quan phủ đóng ấn trên mặt

Điều kỳ lạ nhất là trước một năm khi người đó chết, linh hồn của người đó đã đến nơi mình sẽ được chôn để khóc lóc, rất hợp với câu thơ của Tô Đông Pha: “Chưa chết hồn đã khóc.” Trương ái Chính người đời Tống có ghi chép trong quyển bốn, Lục Long đồ thuộc cuốn Quát dị chí rằng: “Năm Tống Yến Ninh thứ sáu, trong nội thành, binh lính đi tuần tra ban đêm thường “nghe thấy tiếng khóc rầm rứt vang lên, tìm khắp nơi, nhưng không thấy ai”. Đến năm thứ bảy, thứ tám, người chết đói đầy đường, tiếp theo đó là bệnh dịch, người chết không kể xiết, khiến vụ lúa thu không có người gặt hái. Lần “thiên tai” có ảnh hưởng rất lớn đến chính cục thời ấy, một lượng lớn người dân gặp nạn đều kéo về kinh sư, khiến Áo Tướng Công[7] là người đưa ra “biến pháp” phải mất mặt, bắt đắc dĩ từ chức. Trương ái Chính cho rằng đây là “phách triệu chi tiên kiến”, phách triệu chính là dự đoán, vẫn là cách nói cũ trong Hồng Phạm ngũ hành của Nho học, nghĩa là chẳng có gì để nói.”

[7] Áo Tướng Công ở đây chính là Vương An Thạch (1021-1086): một trong Đường Tống bát đại gia, tác giả thi ca nổi tiếng nhất Trung Quốc trong hơn sáu trăm năm, từ nhà Đại Đường đến Bắc Tống. Ông còn chủ trương cải cách Trung Quốc với những tư tưởng đi ngược trào lưu thịnh hành. Nhưng việc “biến pháp” của ông không cứu được sự suy sụp của nhà Tống, bản thân ông gặp một thất bại khác: Cuộc chiến với Đại Việt năm 1075.

Những câu chuyện kiểu này tàn khốc mà khiến người cảm thấy kỳ quái nhất, phải kể đến câu chuyện trong quyển bảy của cuốn Động linh tục chí của Quách Tắc Vân: “Thành Bắc Kinh năm canh Tí (năm 1900), bắt đầu từ mùa hè, đầu tiên là ồn ào chuyện Nghĩa hòa đoàn[8] sau đó là tám nước liên quân, cả hai vấn đề này đều khiến rất nhiều người chết. Nhưng ngay mùa xuân năm đó đã xảy ra rất nhiều chuyện kỳ lạ. Khi ấy đang có bão cát liên miên không dứt, có quan viên bộ sử là Vương Mỗ đi xe ngựa ra bên ngoài Tuyên Vũ Môn thì bị bọn bè kéo đi uống rượu đêm, đến tận canh bốn mới tan. Khi xe ngựa sắp đi đến cổng chợ, đột nhiên thấy thấp thoáng có ánh lửa, tiếng người xôn xao, dường như phía trước đang xảy ra chuyện gì rất lớn vậy. Khi xe đến gần, đột nhiên một cơn gió mạnh thốc tới, thổi tắt đèn trong xe, con ngựa kéo xe kinh hãi hí vang, phu xe bị hất ngã xuống đất. Vương Mỗ nhìn qua khe cửa xe, chỉ thấy rất nhiều bóng đen lớn vờn, không đếm được bao nhiêu, giống như chim trên trời, bay lượn vòng quanh, rất kỳ lạ. Cuối cùng có một người to lớn, thân cao hơn trượng, lướt qua xe mà đi, đám đông kỳ quái khi ấy cũng đi về hướng tây. Trong nháy mắt, mọi thứ lại yên tĩnh như cũ và cơn gió lớn kia cũng ngừng thổi. Vương Mỗ lay phu xe tỉnh dậy, cho xe chạy về nhà, trên đường đi phu xe kể lại những gì mà ông ta trông thấy, đều là những con ma mất tay mất chân, thủng lỗ chỗ trên người, nên sợ quá mà ngất xỉu. Cổng chợ là pháp trường xử tử tù, những người “đứt đầu thủng chân, cụt tay thiếu chân” kia chính là những hồn ma chết thảm trong vài tháng sau.

[8] Nghĩa hòa đoàn: đoàn thể chống đế quốc xâm lược của nhân dân miền Bắc Trung Quốc tự phát hồi cuối thế kỷ 19.

Câu chuyện này nghe thật kinh khủng, nhưng còn có những chuyện còn đáng sợ hơn. Trong truyện Thân Mỗ ở quyển hai trong Túy trà chí quái của Lý Khánh Thần, có kể về Thân Mỗ, người nước Yên làm người phò tá trong mạc phủ, một đêm cùng ba người bạn thân trong nha môn đánh bài, chơi xong, ai về phòng người nấy. Thân Mỗ về đến phòng của mình, thấy cửa đóng chặt, trong phòng lại có ánh đèn sáng rực. Ông ta cảm thấy kỳ lạ, liền nhìn vào phòng qua cửa sổ, thấy một vị phu nhân không có đầu, đầu đang đặt trên án sách, và hai tay bà ta đang chải tóc. Thân Mỗ sợ tới mức vội vàng quay lại nơi vừa chơi bài thì thấy ba người bạn đang ngồi chơi dưới ánh đèn. Thân Mỗ kể một mạch những gì mình vừa nhìn thấy, bảo họ cùng mình đi xem. Ba người kia cười nói: “Thế thì có gì mà lạ, chúng tôi cũng làm được như thế”, sau đó cả ba người cùng đặt tay lên đầu, ngắt đầu mình ra, đặt lên bàn. Thân Mỗ kinh hãi, hồn bay phách tán, chạy một mạch ra khỏi nha môn, tìm một nhà dân ở nhờ qua đêm. Sau khi trời sáng, có cướp đến nha môn, tất cả người trong nha môn bị giết sạch, chỉ có Thân Mỗ là thoát được kiếp nạn đó. Ba người bạn kia không may mắn bị giết chết, vì đêm đó họ đều đã quay về phòng ngủ, vậy ba người ngồi chơi bài dưới ánh đèn kia là ai? Tôi nghĩ có lẽ chính là linh hồn của họ đã thoát khỏi thể xác trước khi bị giết.

Giữa thế giới u minh và thế giới thực trong con mắt của cổ nhân không chỉ khác nhau về mặt không gian mà về mặt thời gian cũng có sự khác biệt. Thuyết tương đối của Einstein đến đây cũng chính là phù thủy nhỏ gặp phù thủy lớn, chỉ có sự so sánh giữa tiểu thuyết giả tưởng và truyền hình bây giờ, sau này chúng ta sẽ còn nói đến sự tồn tại giữa hai thế giới âm và dương có thể chổng chéo lên nhau, Thâm La điện của Diêm Vương còn có thể xuất hiện ở bất kỳ nơi nào. Một đời vinh hoa không đủ để đáp ứng giấc mộng, sự đảo lộn của thời gian càng dễ gặp ở bất kỳ đâu. Vì vậy, những câu chuyện có tư duy về việc thoát xác như “chưa chết hồn đã khóc” này chưa bao giờ bị đặt nghi vấn, thậm chí, nếu truy ngược lại thì có lẽ từ trước thời Tần, thậm chí là thời Hán đã có những tư duy kiểu này rồi. Trong Sư thần ký của Can Bảo có ghi chép lại truyền thuyết về việc bị chết đuối ở trường thủy thời Tần Thủy Hoàng. Thời ấy, đại hồng thủy dâng lên tận tường thành. Tri huyện sai nha dịch nhanh chóng báo cáo lên huyện lệnh, huyện lệnh nhìn thấy nha dịch thì thất kinh hỏi: “Sao ngươi lại biến thành cá thế này?” (Một bản khác của câu chuyện này là, chỉ có đầu là đầu cá, còn thân vẫn là thân người, có vẻ hợp lý hơn.) Tên nha dịch cũng sợ hãi nói: “Mình phủ cũng biến thành cá rồi!” Lúc này thành trì còn chưa bị cơn hồng thủy nhấn chìm, người cũng chưa “hóa thành cá”, nhưng đã hóa thành hình cá, cũng chính là muốn nói khi sắp chết thì hiện hình báo trước.

9. Chương 07.2

Nhưng từ sau khi Phật giáo được truyền nhập vào, rõ ràng khái niệm này lại có thêm một bước phát triển mới. Bởi vì có một thể loại còn cực đoan hơn cả câu chuyện trên ở chỗ, mặc dù người chưa chết, nhưng linh hồn của anh ta đã làm ma ở âm phủ. Trong Minh báo ký do Đường Lâm người đời Sơ Đường ết, Tạ Hồng Sướng bị bệnh chết được bốn ngày lại sống lại, kể về những gì mình đã nhìn thấy ở âm phủ: “Phàm họ hàng thân thích, có người sắp chết, ba năm trước đều gặp ở âm gian rồi.” Còn trong Kỷ vấn của Ngưu Túc kể về Lưu Tử Công đến thăm địa ngục: “Những người đang sống đều là ma cả.” Chi tiết cụ thể hơn không nói, nhưng ý thì đã rất rõ ràng, tức là linh hồn của những người sống này đang ở dưới địa ngục chịu trừng phạt cho những tội lỗi của họ.

Những câu chuyện về linh hồn của người sống đang ở địa ngục chịu phạt đã xuất hiện từ đời Đường rồi, khái quát lại chính là nói: “âm hình dương thụ.” Đại khái chia làm hai loại, một là người ác nào đó làm những ệc nhẫn tâm, thất đức mà không chịu cảnh tỉnh sẽ bị Diêm Vương bắt hồn đi, đánh cho năm trăm thiết trượng, khi anh ta trở về dương gian, mộng đứt nứt toác hết cả. Những câu chuyện kể về hiện tượng xuống địa ngục chịu phạt, sau đó vẫn còn được quay về dương gian này tạm gác lại ở đây để sau khi bàn đến vấn đề địa ngục, chúng ta sẽ nói kỹ hơn. Ở đây chúng ta chỉ bàn đến một loại hình “âm hình dương thụ” khác liên quan đến vấn đề chính, đó chính là linh hồn của những kẻ thất đức này “thường xuyên” ở lại âm tào, chịu hình phạt dưới âm phủ, còn bản thân anh ta sắp phải chịu cảnh đau đớn nhưng anh ta lại không hề biết đến chuyện ở âm giới. Loại thứ hai có thể đọc Tăng nghị[9] trong Liêu trai chí dị để biết thêm. Tác phẩm Liêu trai đã quá quen thuộc với độc giả rồi, không nói kỹ nữa, ở đây tôi chỉ kể câu chuyện trong Thông u ký do Trần Thiệu đời Đường ết.

[9] Tăng nghịet: tội lỗi của nhà sư.

Câu chuyện kể rằng Hoàng Phủ Tuân bị âm phủ bắt nhầm, lẽ đương nhiên là sẽ được thả về ngay, nhưng thím của anh ta cũng là một nhân vật ở âm gian, không muốn để anh ta mất công đến đây rồi lại phải về tay không, bèn lệnh ột vị hòa thượng đưa anh ta đi thăm quan địa ngục, giấu ý định ban đầu, cũng là muốn qua vui chơi để dạy dỗ. Không ngờ vào trong một tòa thành đen sì, lửa cháy bùng bùng, chỉ thấy vô số tội hồn đang bị cắt lọc da, hút máu, chặt đằm, nghiền nát, tiếng kêu ai oán, đau khổ vang khắp không trung, âm thanh đó xé trời xé đất. Đột nhiên nhìn về phía bắc thấy có một cánh cửa, lửa bùng bùng phóng ra từ đó, là một trong những cánh cửa tàn khốc nhất nơi vô gian địa ngục. Lúc này, Hoàng Phủ Tuân chẳng còn tâm trạng linh ngộ, sợ tới mức muốn rời khỏi đây ngay. Đột nhiên nghe thấy trong ngọn lửa có tiếng người gọi tên anh ta, là một tăng nhân ngồi trên chiếc giường sắt bị ngọn lửa nung đỏ, trên đầu, từng chiếc đinh lớn đã xuyên qua não, máu chảy lên lán dưới đất. Nhìn kỹ lại một lần nữa, lại chính là “môn đồ tăng” của Hoàng Phủ Tuân - Hồ Biện (Những gia đình giàu có thường có tăng sư, đạo sĩ hành lễ tụng kinh sám hối cho, những tăng ni đạo sĩ này bị coi là “môn đồ” của thí chủ mình.) Kinh ngạc hỏi tại sao ông ta lại ở đây, Hồ Biện đáp: “Đều là kết quả của ệc hằng ngày cùng thí chủ và những người khác ăn thịt, uống rượu mà ra, ệc ngày hôm nay hối hận không kịp nữa rồi!” Hỏi: “Có cách nào cứu ông không?” Tăng nhân đáp: “Chép bộ Quang Minh kinh, xây cột đá khắc kinh trong thành, sẽ được đầu thai làm súc vật.” Hoàng Phủ Tuân buồn bã hứa với tăng nhân. Được trở về dương gian, khoảng hơn một tháng sau, đột nhiên sư Hồ Biện từ kinh thành đến, như chưa xảy ra chuyện gì, Hoàng Phủ Tuân vô cùng kinh ngạc, nhưng cũng không dám mời ông ta uống rượu nữa. Vị hòa thượng này không được uống rượu thì trong lòng không vui, Hoàng Phủ Tuân liền kể lại với ông ta những gì mình nhìn thấy ở địa ngục, Hồ Biện nghe rồi cười phá lên, đương nhiên là không tin. Không lâu sau Hồ Biện đến Tín Châu, ở đó trên đầu ông ta mọc một cái mụn đầu đinh rất to, nó vỡ rất nhanh và mấy ngày sau thì ông ta chết. Hoàng Phủ Tuân lập tức giữ lời hứa nơi địa ngục, xây một cột đá chép kinh Phật ở trong thành. Cột vừa xây xong, trong thành liền có con lợn đẻ ra sáu con, trong đó có một con màu trắng, tự đến dưới cột đá, đi vòng quanh đầy mấy ngày liền, mệt quá mà chết. Cột đá có khắc kinh Phật này đã giúp linh hồn của Hồ Biện được giải cứu khỏi vô gian địa ngục nhưng vẫn không tránh khỏi kiếp đầu thai làm súc vật.

m hình và đương thụ trong câu chuyện này có sự chênh lệch về thời gian, sự tàn khốc nơi âm gian là dự báo cho người sống nơi dương gian, đứng ở góc độ của Hoàng Phủ, dường như còn có ý răn bảo, nếu sửa chữa sai lầm thì chuyện đó có thể sẽ không xảy ra.

Nhưng những câu chuyện tương tự như Trương Tam tiêu tiền, Lý Tứ thanh toán thật quá sức bí ẩn, vì vậy nhiều hơn cả là những câu chuyện như kiểu, cùng lúc với linh hồn nào đang phải ở âm gian chịu nhục hình thì trên dương thế cũng đang hoán gọi. Những câu chuyện kiểu này ban đầu thường thấy các vị hòa thượng là nhân vật chính, đa phần cũng là do hòa thượng hoặc những tín đồ Phật giáo theo dết, có thể thấy từ đó cho tới nay, hòa thượng không giữ giới luật đã là một vấn đề vô cùng nghiêm trọng. Khi họ xây dựng những câu chuyện kiểu này, chỉ là muốn hiện thực hóa thuyết báo ứng, ứng nghiệm càng nhanh càng tốt. Dùng số ghi chép thiện ác, còn phải đợi đến sau khi chết mới có thể tính sổ, những chuyện như thế này ai có kiên nhẫn để chờ đợi, để tranh thủ, có tội lỗi gì, tốt nhất là thể hiện ngay để cho người phạm tội biết, hiện thể báo không bằng hiện thực báo trước. Đương nhiên, đây cũng là xuất phát từ ý tốt muốn cảnh giới. Hồ Biện trong câu chuyện không chịu tin, những tăng đồ ngoài câu chuyện liệu có tin không? Hơn nữa, một mặt tuyên truyền rằng những hòa thượng bình thường chỉ cần uống một chút “mễ trấp” (rượu) thì ngay lập tức phải xuống vô gian địa ngục làm xiên thịt để đưa lên bếp nướng, một mặt lại tuyên truyền rằng những hòa thượng cấp cao có thể ăn thịt ăn cá thoải mái, ăn càng nhiều càng chứng minh rằng họ là La Hán chuyển thế, liệu có phải điều này đã linh hoạt quá mức thành tùy tiện rồi không?

Sau khi giới thiệu rộng rãi câu chuyện này đến với tầng lớp nhân dân lao động, tính chất của nó lại ngày càng biến điệu. Truyện Mộng Lang trong Liêu trai chí dị, “linh hồn” tên ác quan Bái Giáp vừa tham lam vừa tàn bạo, bị lực sĩ dưới âm gian “dùng búa đập răng, răng rơi đầy dưới đất”, còn bản thân người này trên dương gian cũng “răng cửa rụng hết”, nhưng nguyên nhân lại là “bị ngã ngựa trong lúc say rượu”. Trong quyển năm của Hữu đài tiên quán bút ký do Du Việt ết có kể về một tên ác bá trong làng, khi người khác nhìn thấy linh hồn của hắn ta đang phải chịu đòn dưới địa ngục thì bản thân tên ác bá lúc này đang nằm trên giường bệnh rên khe khẽ, dưới âm phủ dùng dây sắt xuyên qua mũi của linh hồn hắn, thì hắn ở dương thế “đột nhiên hai dòng máu tươi phụt ra từ hai lỗ mũi, tắt thở mà chết!”. Trong quyển một của Động linh tục chí ghi lại câu chuyện Tăng Thị Nữ ngao du âm gian, gặp sư huynh của mình dưới địa ngục đang bị

treo ngược trên tường, một chiếc đinh lớn đâm xuyên qua não, quỷ sứ cắt từng miếng thịt, máu chảy lênh láng, thậm chí không kể xiết. Tăng Nữ hỏi: “Huynh tôi còn chưa chết sao lại chạy đến đây?” Người dưới âm gian đáp: “Diêm Vương thấy người này lòng dạ độc ác, hẹp hòi, coi thường luật pháp nên đã trừng phạt dưới âm gian để giày vò người này trên dương thế. Mặc dù chưa chết nhưng hồn đã ở địa ngục rồi.” Thì ra sư huynh của Tăng Nữ trên dương gian, chỉ có treo ngược chân lên mới dễ chịu đôi chút, dần dần dần đến tứ chi thối rữa, khê cử động là đau như bị dao cắt, đúng như những gì Tăng Nữ nhìn thấy. Những kẻ ác bá này hành động bừa bãi, lộng hành, quan phủ trên dương thế không những không quản, thậm chí còn chống lưng cho chúng, nên đã bị báo ứng ở địa ngục, nghe cũng thấy thật sự là giận. Từ đó suy ra, mỗi khi đám quan phủ địa chủ xảy ra chuyện liên quan tới sức khỏe, chúng ta có thể tưởng tượng rằng bọn họ đang phải chịu sự trừng phạt dưới địa ngục, thế là hào hứng nói: “Ông trời có mắt.”

Nhưng cũng từ đây chúng ta đặt ra một câu hỏi lớn rằng, nếu ông quan nào đó mắc bệnh hoa liễu, âm phủ liền nói là do họ cắt mũi, tên nhà giàu nào đó mắc bệnh gan nhiễm mỡ thì dưới âm phủ liền nói là do họ bỏ người ta vào vạc dầu,... Đường như bọn họ chuyện gì cũng biết, không thấy lũ người đó gặp báo ứng thì không vui vậy, ai biết liệu có phải những quan ên dưới âm phủ này do muốn tăng công, nên khai báo hay không? Mà điều khiến người ta không thể không nghĩ là: “Nếu những người “cơ thể bất an” là bách tính của chúng ta thì sao đây?” Gặp họa gặp nạn, có bệnh không có tiền chữa chạy đa phần đều rơi vào dân thường. Hoặc có lẽ vị tiên sinh đại nhân nghĩ ra câu chuyện này đang muốn bách tính trăm họ hiểu một điều rằng, nếu ở trên nhân thế mà người đi đâu đụng đây là vì linh hồn của người đang bị nung trong vạc dầu dưới địa ngục, người chỉ cần hắt xì một cái, cũng có nghĩa là linh hồn của người đang bị phạt đứng trong địa ngục lạnh lẽo. Cái gọi là “chưa biết đến hình phạt nơi âm phủ thì đã phải chịu đựng sự trừng phạt nơi dương gian rồi”, người tốt nhất vẫn nên “trông coi” linh hồn của bản thân mình cho tốt!

10. Chương 08.1

Chương 08

Hoạt vô thường [1]

[1] Hoạt vô thường: hoạt là công việc, ở đây muốn nói đến những việc vô thường.

1

Có một loại hồn rời khỏi thể xác được gọi là “đi về cõi âm”, còn có cách gọi khác là xuống âm giới, đi về nơi vô thường. Tức là linh hồn của người sống tạm thời bị âm giới mời về, nhận một chức ở dưới đó để xử lý công việc, sau khi làm xong có thể quay lại dương thế. Kiểu thoát xác này thỉnh thoảng mới xảy ra một lần, nhưng đại đa số chức vụ đó là kiêm nhiệm, cứ cách năm ba ngày lại đi một chuyến nên được gọi là “đi về cõi âm”, hơi giống với việc quen đường thuộc lối đi thăm họ hàng thân thích.

Nhưng “đi về cõi âm” cũng được chia làm hai loại tùy thuộc vào thân phận của từng người, như “quân tử hóa thành vượn, thành thiên nga, còn tiểu nhân hóa thành côn trùng, đất cát”. Các tiên sinh đại nhân đi về cõi âm là “phán minh”, tức là xuống âm giới làm phán quan giải quyết mọi chuyện thay Diêm Vương, còn loại thảo dân thì chỉ có thể trở thành quỷ sứ đi bắt hồn. Chuyện của phán minh sẽ được bàn chi tiết hơn ở phần sau khi nói đến Diêm Vương, ở đây chúng ta chỉ nói đến những âm sai đại diện tạm thời hoặc hợp đồng, thực ra đa phần họ là âm sai đại diện có tính chất có nghĩa vụ, cách gọi của nó cũng khác nhau, tùy vào ngôn ngữ của từng địa phương, có nơi gọi là “hoạt vô thường”, hoặc “hoạt câu sai”, “dạ bài đầu” (thời cũ có nơi gọi những nha dịch này là “bài đầu”), mặc dù giữa chúng cũng có những khác biệt nhỏ, nhưng cùng là chỉ cơ thể sống trên nhân thế, nhưng linh hồn của họ lại kiêm chức âm sai xuống địa phủ làm “quỷ vô thường”.

Đối với tiên sinh quý “vô thường” này, Lỗ Tấn đã thu thập tất cả trong Vô thường ở tác phẩm Hồ hoa tịch thập[2] và đã được giới thiệu rất đầy đủ, ở đây tôi chỉ bổ sung một câu. “Vô thường” chính là âm sai chuyên đi bắt sinh hồn, nhưng âm sai là danh từ đã được nhắc đến từ lâu, còn quỷ vô thường thì phải đến đời Nam Tống mới thấy xuất hiện trong sách (Mời đọc truyện Anh Châu Thái phủ ở quyển hai trong Di kiên chi mậu

của Hồng Mại). Đến đời Minh, vô thường được nhắc đến nhiều ở Thủy hử và Tam ngôn nhị phác, những tiểu thuyết nổi tiếng ở đời Thanh thì càng được sử dụng nhiều và rộng rãi trong bút ký của các nhà văn, và hình tượng của nó cũng dần dần được định hình trong dân gian, đa phần là “thân cao hơn trượng”, kích thước thời cổ không giống với bây giờ, mặc dù không đến nổi cao hơn ba mét nhưng cũng có thể sánh với những cầu thủ bóng rổ trong “Đội hình mơ ước[3]” của Mỹ. Trên người mặc áo vải gai màu trắng, sau này thường đi theo đôi một đen một trắng, lại thêm khái niệm về “Hắc vô thường” - quỹ mặc áo đen, trên đầu đội một chiếc mũ làm từ giấy hoặc từ vải gai thô, cổ đeo một chuỗi vòng bằng giấy, cũng có nơi nói là được vác trên vai. Luôn đi hai người, cũng giống như “đi điều tra” ở trên nhân gian, cùng nhau làm việc và giám sát lẫn nhau.

[2]. ‘Hồ hoa tịch thập’ là cuốn hồi ký duy nhất của Lỗ Tấn, tên cũ nhắc là ‘Nhắc lại chuyện cũ’.

[3]. “Đội hình mơ ước” (tên tiếng Anh là “Dream team”): tên gọi dành cho đội tuyển bóng rổ quốc gia Mỹ.

Vì vậy, “hoạt vô thường” đi về cõi âm chính là một vai diễn do người sống đảm nhiệm, ngôn ngữ Trung Quốc có tính suy ngẫm rất cao, một từ “sống” kết hợp với danh từ chính, bản thân nó sẽ có nghĩa là “không phải là thật”, đương nhiên bình thường thì điều này hoàn toàn không có nghĩa xấu, nếu trong cuộc sống có “Lôi Phong sống”, trên sân khấu có “Tào Tháo sống”, ngay cả những ác bá cường hào bị bách tính lên gọi sau lưng là “Diêm Vương sống”, cũng đã được hảo hán ở thôn Thạch Kiệt dùng làm tên gọi tấu. Mà âm phủ được miêu tả trong Ngọc lịch bảo sao cũng có “hoạt vô thường”, hoàn toàn không phải là giả, “hoạt vô thường” này rất hợp với “chết có phần”, lấy ý nghĩa là “người sống vô thường, cuối cùng sẽ chết”, là một đôi quỷ sứ ở tầng điện thứ mười, nhiệm vụ của chúng không phải là đi bắt linh hồn người sống mà ngược lại, chúng đi thúc giục vong hồn đầu thai. Đây chính là khái niệm mới mà người viết Ngọc lịch bảo sao sáng tạo dựa trên những điều được lưu truyền trong nhân gian. Mặc dù chưa được dân gian công nhận, nhưng tên của đôi quỷ này đã được sử dụng rộng rãi, khi diễn kịch trên sân khấu sẽ dùng để gọi Bạch - Hắc y, nhưng vì đã có khái niệm “hoạt vô thường” đi về cõi âm trong dân gian rồi, đành phải đổi tên của vị quỷ sứ của âm phủ này thành một cái tên nghe không thuận chút nào “vô thường chết”.

Những điều kể trên chỉ là muốn nói rõ, ít nhất thì trước đời Tống, không phải tất cả quỷ sứ đi bắt hồn đều áo gai mũ cao, thân cao hai trượng. Thực ra từ đời Minh - Thanh cho đến thời cận đại, chúng ta chỉ bắt gặp những hình tượng như thế trong tiểu thuyết, đa phần quỷ sứ đi bắt người đều không khoa trương dọa người như thế, chẳng qua cũng giống nha dịch trong quan phủ ở nhân gian mà thôi, chỉ như thế mới dễ để người sống giả mạo thay thế. Còn “hoạt vô thường” mà chúng ta thường nói, chọn một người cao lớn khoác lên người anh ta bộ áo vải gai mũ mạo cao sang để đóng giả, thường chỉ gặp trong các lễ tế thần, đón thần, do người sống đóng giả “vô thường”. Trong cuộc sống thực tế, thật ra rất ít gặp những hình dạng “hoạt vô thường” được miêu tả như trong Động linh tiểu chí ở phần sau.

2

Những ghi chép sớm nhất về việc “đi về cõi âm” được tìm thấy trong cuốn Sư thần ký của Can Bảo, nhưng câu chuyện trong đó là chuyện về nước Ngô thời Tam Quốc. Địa điểm là ở Phú Dương, Chiết Giang, theo như trào lưu đính kèm tên người nổi tiếng vào bây giờ thì nơi đây chính là quê gốc của “vạn tuế gia” Tôn Trọng Mưu[4], người mà một người cố chấp như Tào Tháo cũng muốn lấy làm hình mẫu để sinh con trai, và cũng là nơi khá nóng trong giới khảo cổ hiện nay, đương nhiên còn một điểm nữa đáng để nhắc đến là, thần Chương Liễu[5] - sản phẩm nổi tiếng ở đây.

[4]. Tôn Trọng Mưu: tức Tôn Quyền, tự Trọng Mưu, người Phú Dương, Chiết Giang. Ông là người xây dựng nước Ngô thời Tam Quốc.

[5]. Thần Chương Liễu: dụng cụ mà những nhà chiêm tinh học thường dùng.

Nhân vật chính trong chuyện là vợ của Mã Thế, tên Tưởng Thị, trong thôn hễ ai sắp chết vì bị bệnh, Tưởng Thị đều tâm thần hoảng hốt, ngủ vùi qua ngày. Cho tới khi người bệnh đó chết rồi, chi ta mới tỉnh lại, nói người đó chết là do chị ta. Người khác không tin, chị ta liền kể lại tỉ mỉ những chuyện kỳ quái vừa xảy ra ở nhà người chết, đó đều là những trò ma quái mà chị ta gây ra. Người khác liền đi điều tra để kiểm chứng, quả không sai, ai cũng phải kinh ngạc, hãi hùng. Lần này lại có một người mặc áo đen (hắc y nhân), chắc chắn là công vụ của âm phủ rồi, lệnh cho Tưởng Thị đi giết người anh trai đang lâm bệnh của chị ta. Chị ta lại thay anh trai xin xỏ, nói qua nói lại, quyết không chịu ra tay. Khi tỉnh lại, chị ta liền nói với anh trai:

“Không sao rồi, anh không chết nữa đâu.” Kết cục sau đó không được nói đến, nhưng đương nhiên sau khi chị ta tự mình quảng cáo, giới thiệu, những công việc làm ăn như tới gặp chị ta xin niệm tình khi ra tay, hay “hối lộ” âm gian... bắt đầu phát triển.

Câu chuyện trên rất đơn giản nhưng đã khái quát được hai đặc điểm chính của người chuyên đi về cõi âm sau này.

Một là, bà Mã ở dương thế có lẽ là người phụ nữ làm chủ gia đình, làm gì không rõ, nhưng công việc kiêm nhiệm thứ hai mà chị ta làm là giúp âm phủ bắt người. Hai là, chính nhờ công việc kiêm nhiệm này, chị ta trở thành nhân vật có khả năng ra vào công môn nơi âm phủ, tiến hành một vài giao dịch với âm phủ, giúp người trên dương thế đi cửa sau, nhờ việc này mà chị ta đã có thêm công việc kiêm nhiệm thứ ba, và có lý do để từ chối làm công việc đầu tiên của mình. Còn việc mỗi khi chị ta đi về cõi âm là người chị ta ở trạng thái ngủ vùi gần như bất tỉnh, không khác nhiều so với những kẻ bị mất hồn khác, cho dù có nằm nhiều hơn người khác ba ngày, hai đêm thì cũng không có gì khó, cùng lắm là lén ăn chút đồ ăn đêm để lót dạ là được.

Những phán quan dưới trướng Diêm Vương ở địa phủ, đầu trâu mặt ngựa, Hắc - Bạch vô thường, quỷ sứ âm sai tổ chức thành hệ thống chấp pháp rất mạnh, tại sao còn phải mượn người ở dương gian để đi bắt hồn? Thường thì chỉ có một lý do, đó là người ở địa phủ không đủ. Trong Ngũ quái, Chúc Doãn Minh đời Minh viết: “Hoạt vô thường chủ yếu là giúp địa ngục bắt người, ngoài việc bắt người, có lẽ thỉnh thoảng còn làm vài việc như “nha dịch vận chuyển”, thế thì cũng vẫn là âm sai. Giờ thì chúng ta đã có thể hiểu được từ “nha dịch” trong thời cổ đại, trước nghĩ rằng đó giống như công an, cảnh sát chuyên trách, thực ra không hẳn, trong nha môn có tội tở, sai dịch chuyên trách, nhưng cũng có một vài “lao dịch” là dân thường và đây chỉ là công việc thời vụ. Những người làm công việc đối phó cũng có mà trực đêm cũng có, khi sai dịch chuyên trách không đủ, cũng có thể làm công an tạm thời, những việc chuyên ngành quá thì không thể làm được, nhưng những công việc cần đến sức như khi đánh phạm nhân dùng đòn roi kẹp đầu hoặc dùng tay giữ chân, có lẽ cũng không vấn đề gì.

Âm phủ thường dùng “hoạt vô thường”, đương nhiên có liên quan đến những điều lệ trong quan phủ ở dương gian, nhưng nếu lấy đó làm lý do thì không được đầy đủ lắm. m phủ có thể lấy người từ nhân thế xuống làm sai dịch, nhưng khi những ông lớn trên dương thế cũng muốn mượn mấy kẻ đầu trâu mặt ngựa về làm người giữ cửa nha môn, để đề phòng bọn gian dân đến đưa cáo trạng thì Diêm Vương, liệu ngài có đồng ý hay không?

Hơn nữa, những người làm nha môn dưới địa phủ chưa chắc đã là thật sự không đủ, trong truyện Vương A Sinh ở quyển tám của cuốn Mộng quảng tạp trứ do Du Giao viết có ghi lại việc quỷ sứ tới bắt hồn của một sản phụ trên một cái hồ, lại dùng đến cả một chiếc thuyền lớn: “Đến trước tòa nhà, thuyền cập bến, từ tấm rèm màu trắng, trên cửa sổ trong thuyền có đến sáu, bảy người bay lên”, một lúc sau chỉ thấy “bên trong cửa sổ có một bóng người dựa vào mạn thuyền, dưới ánh trăng mờ tỏ, không phân biệt được là nam hay nữ, nhảy xuống cùng đám người đó”, đây rõ ràng là một màn cướp đêm. Vì muốn bắt một sản phụ sắp sinh, thế mà phải cần đến cả đội cảnh vệ, thật quá khoa trương, chẳng trách lúc nào cũng kêu không đủ người!

3

m phủ mượn “hoạt vô thường” để bắt linh hồn người sống còn có một lý do khác nữa, những người sắp chết thường có rất nhiều thân nhân vây quanh, dương khí quá mạnh, âm sai không thể tiếp cận, vì vậy cần phải mượn linh hồn của người sống để làm tiên phong. Trong quyển bảy của Duyệt vi thảo đường bút ký có mượn lời của bà cụ vừa đi làm vô thường:

Người bệnh chắc chắn có họ hàng thân thích vây quanh, ánh sáng dương gian quá mạnh, quỷ sứ khó tiếp cận. Cũng có thể là có chân quý nhân thì dương khí mạnh, hoặc chân quân tử, dương khí càng mạnh, không thể tiếp cận, hoặc quan binh hình có sát khí, hung khí thì lại càng khó tiếp cận. Chỉ có thể xác ở dương gian mà linh hồn ở âm gian, không cần phải lo lắng tới những điều này, nên mang chúng đi theo để giúp đỡ.

Nói như vậy tương đối hợp lý, hoạt vô thường chỉ là để dự bị, nhân vật chính vẫn là âm sai, nhưng trong rất nhiều câu chuyện, quỷ sứ âm sai đảm nhiệm chức vụ chính lại coi hoạt vô thường là những tên tay sai tàn nhẫn, còn mình thì hai tay chống nạnh đứng một bên xem kịch miễn phí. Trong Liêu trai chí dị có một ông lão là hoạt vô thường, bắt được hồn của một lão già nào đó, còn phải công lão đi đầu thai, lão già đó

thì nặng, suýt nữa đề bẹp ông lão là hoạt vô thường kia. Giống như những nhân viên có hợp đồng chính thức trong cơ quan ở trên dương thế, nhân viên hợp đồng thuê nhân viên thời vụ, nói cách khác việc biên tập lại do hiệu đính làm, việc của hiệu đính lại do công nhân xưởng in làm, như thế mọi chuyện sẽ chẳng ra sao. Trong chuyện Quỷ nhiều biến thành ruồi nhặng ở quyển bốn trong Tử bất ngữ do Viên Mai viết: “Có một người phụ nữ họ Nhiêu làm âm sai cho địa phủ, một lần đi về cõi âm là ngủ hai ngày hai đêm mới tỉnh dậy, sau khi tỉnh dậy người đầm đìa mồ hôi, thở hồng hộc, nói: “Người hàng xóm hung ác khó bắt, Diêm Vương sai ta đi bắt. Không ngờ hắn ta trước khi chết còn hung hăng, giằng co với hắn một hồi, cũng may ta tung dây thừng trói được tay hắn, mới có thể dắt đi.” Qua lời người phụ nữ này nói, có thể thấy đường như bà ta đã bị sử dụng như một quỷ sai chính thức. Đây có lẽ là quỷ sai tuân thủ lời thánh dạy “nam nữ thụ thụ bất thân”, nữ tù nhân thì phải do cai ngục nữ quản thúc, nữ phạm nhân cũng phải do phụ nữ bắt, nhưng có lẽ bà Nhiêu này có tính khí khác người, muốn thành kiểu phụ nữ mạnh mẽ điển hình để thay cho bọn đàn ông con trai. Thế là bất giác nhớ lại thời xưa “vận động”, hỏa lực của “đội chiến đấu những bàn chân nhỏ” thực sự không thể xem thường.

m phủ khi bắt người trong phủ quan, ngoài gặp phải sự cản trở của môn thần ở nha môn ra thì bên cạnh hoặc sẽ có người thân của họ, đặc biệt nếu người bị bắt lại là quý quan hoặc chính nhân quân tử, quỷ sứ cũng không thể tự mình xông lên bắt họ được, lúc này cần đến sự giúp đỡ của linh hồn người sống. Trương Bồi Nhân người đời Thanh trong quyển mười một cuốn Diêu hương thất tông thoại đã dẫn một câu chuyện trong cuốn Cần giới cận lục của Lương Kính Thúc, kể rằng: “Một người đi vô thường sau khi nhập âm tỉnh lại, trông rất nhếch nhác, nói rằng có mười tên quỷ sứ đến, mời anh ta cùng đi bắt niết ti Tứ đại nhân. Vị niết ti này chính là an sát sử của công kiểm pháp một tỉnh, chức quan không hề nhỏ, hơn nữa lại là “quan binh hình”. Khi đó Tứ đại nhân đang trở về dinh quan, khuya chiêng mở đường, rầm rộ tới mức khiến mười tên quỷ tốt kia run cầm cập, nhưng hoạt vô thường lại thản nhiên như không. Sau khi Tứ đại nhân vào dinh, âm sai định vào trong để bắt người, nhưng ngoài cửa có hai vị kim giáp môn thần chặn lại, giật gây ném hết xuống đất, đám quỷ tốt không thể chống đỡ được, bèn lấy từ trong người ra lệnh bài bắt người, lúc ấy mới có thể qua được cửa lớn để vào trong dinh thất. Khi đó Tứ đại nhân đang ngồi nói chuyện với khách, dương khí trên người khách vượng, đám quỷ tốt cũng không dám xông lên, bèn đưa cho hoạt vô thường một cuộn dây, để người này đi bắt Tứ đại nhân. Tứ đại nhân làm quan lớn, khi nói chuyện thường gật gù đắc ý quen rồi nên muốn trông dây vào cổ cũng khó. Lúc này, quỷ tốt liền khua khua tấm lệnh bài trước mặt Tứ đại nhân, thế là đầu Tứ đại nhân dần dần gục xuống, lơ lơ như buồn ngủ, nhưng lệnh bài vẫn khua liên tục, Tứ đại nhân đột nhiên hắt xì một cái thật to rồi kêu đau đầu. Lúc này hoạt vô thường liền đi đến, giật mũ của Tứ đại nhân xuống, sau đó trông dây vào cổ ông ta. Thế là mười tên quỷ tốt cùng xông lên trước, cuối cùng bắt được sinh hồn của Tứ đại nhân đi.”

Linh hồn của một viên quan cấp tỉnh, mười tên quỷ sứ cầm theo lệnh bài của Diêm Vương cũng không dám tiếp cận, xem ra nếu nói “thanh thế bức người” để hình dung về quyền thế, quan to khí thế lớn không sai chút nào.

Tên hoạt vô thường này chỉ là một tên nô bộc ngu xuẩn của một tiểu quan trên dương thế, sau khi nhập âm bắt người cũng không thấy thông minh nhanh nhẹn hơn là bao, nhưng những việc cần kể xung phong đâm đầu vào nguy hiểm thế này cần đến loại người đó, giống như một vài hoạt động cần đến những “phần tử dũng cảm” giờ đầu ra chịu trận vậy. Truyện Trương Ngũ, quyển một trong Dạ đàm tùy lục do Nhân Trai Thị người đời Thanh cũng viết về việc tạm thời mượn dùng hoạt vô thường Trương Ngũ, quỷ sứ muốn anh ta đi bắt huyện đại gia của huyện đó: “Lên vào trong phòng, trông cái này lên cổ quan, giây giụa một lúc, rồi dắt đi ra ngoài”, nhưng Trương Ngũ vốn là một thảo dân, anh ta nói: “Người ta là huyện đại gia, ta là cái gì, đến xông lên ta cũng không dám.” Hai tên quỷ sứ đáp: “Tên này dù là quan lớn nhưng tham tài háo sắc, chém giết dùng hình tràn lan, hôm nay trở thành tội nhân, không có gì phải sợ cả!” Nhưng sự giác ngộ của Trương Ngũ quá kém, nói nửa ngày cũng không khai thông được, cuối cùng hai tên quỷ sứ đành ép anh ta đẩy cửa đi vào phòng, mới coi như hoàn thành nhiệm vụ. Những người thật thà như Trương Ngũ chắc chắn không thể sử dụng như một hoạt vô thường chính thức.

11. Chương 08.2

Đi bắt những kẻ mạnh trên dương gian cần có hoạt vô thường giúp sức, điều này nghe còn có lý, ở đời Đường còn có một cách nói, cũng coi như là lý do không chính thức, khi sứ giả âm phủ lên nhân gian bắt những linh hồn trẻ con, cũng cần dùng hồn người sống làm bạn đồng hành. Trong Quảng dị ký do Đới Phu viết có một câu chuyện, kể về quỷ tốt muốn bắt linh hồn một đứa trẻ, nhưng bố mẹ đứa trẻ đứng hai bên giường canh, quỷ tốt hất tay một cái, bố mẹ đứa trẻ từ từ chìm vào giấc ngủ, sau đó để một sinh hồn làm công thời vụ ôm đứa trẻ đi (đương nhiên là ôm linh hồn của đứa trẻ). Trong một câu chuyện khác cùng cuốn sách này, quỷ tốt liền nói rõ: “Ta nhận lệnh Diêm Vương đi bắt linh hồn trẻ con, cần có sinh hồn làm bạn đồng hành.”

Thuyết này tới tận đời Thanh vẫn còn được nhắc đến trong những câu chuyện ma. Trong truyện Hoạt vô thường quyển bốn quyển Động linh tiểu chí của Quách Tắc Vân, viết về một cử nhân cao chín thước, tạm thời lọt vào mắt hai tên âm sai chuyên đi bắt hồn, nên làm hoạt vô thường, sai anh ta đi bắt hai đứa trẻ đang bị bệnh đậu mùa trong phường làm đậu hũ. Nhưng tình tiết lại có những thêm thắt mới mẻ, chưa từng được nhắc đến trong những câu chuyện trước, đó chính là âm sai phải lọt cả “mũ cao áo trắng” của mình cùng lệnh bài bắt hồn đưa cho người đại diện tạm thời này mặc vào, nếu không anh ta sẽ không thể bắt được hồn. Có điều cử nhân đó không phải kẻ ngốc, bèn hỏi: “Tại sao người không tự mình đi bắt?” Quỷ sai đáp: “m khí quá lớn, không thể tiếp cận.” Cử nhân vờ đồng ý, đi vào rồi lại đi ra, nói: “Ta rất sợ, nhưng phải đi vào lửa lớn, làm thế nào?” Cuối cùng ồn ào cả đêm cũng không bắt được sinh hồn của hai đứa trẻ đó, vô thường thật đành đòi lại mũ áo của mình. Nói dương khí của trẻ con vượng hơn cả dương khí của người trưởng thành, nghe không hợp lý lắm, bởi vì từ xưa tới nay, trong rất nhiều những câu chuyện ma thời Ngụy - Tấn đều nói dương khí của trẻ con không đủ, dễ bị trúng âm khí của ma quỷ, không chừng còn mất mạng. Nhưng quy tắc dưới âm phủ thường khá giống với những gì được nhắc tới trong chuyện, có điều nguyên nhân trong đó khiến người ta khó giải thích. Còn có cách nói khác, tức là đôi khi sứ giả của âm phủ đi bắt hồn, không cần phải nhờ người sống trực tiếp ra tay, mà chỉ cần mượn một hơi “khí người sống” của người đó là có thể bắt được hồn rồi. Trong truyện Tốt bắt hồn, quyển mười bốn Tử bắt ngữ, kể về một người tên Dư họ Giả, người Tô Châu, đêm thu rời khỏi nha môn đi bắt để mèn, quay về thì đã muộn, không vào được trong thành. Đang buồn rầu vì không biết ăn ở đâu thì gặp hai người mặc áo xanh, mời anh ta về nhà mình, có rượu, có thịt, vừa ăn vừa uống khiến anh ta vô cùng cảm kích. Cho đến canh năm, hai người đó lấy ra một bức văn thư, nói với lão Dư: “Nhờ huynh hà hơi lên tờ giấy này.” Lão Dư không hiểu nguyên do, chỉ nghĩ hai người đó đang đùa, liền cười, hà một hơi. “Hà hơi xong, hai người áo xanh vui mừng, nhảy lên nóc nhà. Dư thất kinh, đang định hỏi tại sao thì đã không thấy hai người đó đâu nữa. Bên ngoài có tiếng khóc lớn vang lên. Dư biết hai người mình gặp không phải người mà là quỷ bắt hồn.”

Lão Dư này vô tình làm hoạt vô thường một lần, tạm thời bị mượn, mà không biết, xem ra rượu thịt của người lạ trong nha môn nuốt không trôi. Nhưng ở đời Thanh, thuyết hà khí này dường như chỉ thấy ở mạn Tô Châu. Trong quyển mười một của cuốn Hữu đài tiên quán bút ký do Du Việt viết về một câu chuyện xảy ra ở Tô Châu, cũng giống như chuyện về lão Dư, nhưng cuối cùng lại bàn rằng: “Mặc dù có mang theo lệnh bài của địa phủ, nhưng lại cần người sống phải hà hơi, đạo lý này từ đâu mà ra? Hơn nữa, tại sao nhất định phải cần người sống hà hơi vào đó? Những chuyện xảy ra ở âm giới, thật là khó hiểu.” Thực ra, suy nghĩ một chút là có thể rõ thôi, hơi dương khí mà hoạt vô thường thổi vào đó chẳng phải là “bản mang theo” sao? Đây chỉ là do tạm thời việc bắt hồn không được thuận lợi nên mượn hơi của người sống, chứ không phải lệnh bài nào cũng cần được hà hơi.

Tóm lại, hoạt vô thường làm người đồng hành đi theo, những gì có thể làm cũng chỉ đến thế, nhưng cũng có một vài người về cõi âm ăn tục nói bậy. Giống như hòa thượng Giới Hiển ở triều Thanh, trong quyển năm cuốn Hiệu quả tùy lục có viết về hoạt vô thường trong trấn Mai Lý, thành phố Thường Thục (Tô Châu), rõ ràng là cao thủ Không Không Nhi[6], không, có lẽ phải giống lão Tôn với câu đầu vãn ấy: “Người về cõi âm nhận lệnh được triệu đến địa phủ, bên ngoài cửa có một cái giếng, hắt ta ra đó mặc áo da, cầm gậy lớn, đeo mặt nạ, rồi lại soi mình xuống giếng, “thân nhẹ bằng, xuyên biển vượt núi, một khắc đi cả ngàn vạn dặm. Tất cả những người vắt được đều móc lên gậy, vác lên vai mà bay, một lúc gánh cả hai mươi người cũng vẫn nhẹ như không.” Một cây gậy có thể gánh hai mươi người, khiến những linh hồn bị bắt trước khi xuống địa ngục một lần được hưởng cảm giác cười mây đạp gió, thú vị thật, có điều nói khoác cũng nên tìm cách nói cho chặt chẽ, đừng để hổng một lỗ lớn như thế, con đường thông giữa âm và dương vốn không ở cùng một không gian, không phải nói cứ ngồi máy bay hay tên lửa là đến được, cho dù có là Tề Thiên Đại Thánh, một cái cần đầu vãn có thể bay tới tận Tây Thiên, nhưng cũng không thể bay được xuống địa phủ.

[6]. Không Không Nhi: một nhân vật có tiếng được lưu truyền từ đời Đường.

Còn trong quyển năm cuốn Hữu đài tiên quán bút ký của Du Việt còn nói đến một hoạt vô thường họ Du, người này thậm chí còn có thể có hai “pháp bảo”: “Du kể lại rằng, mỗi lần đi về cõi âm, thần Thành Hoàng lại ban ôit đôi giày cỏ, và một cái quạt. Đôi giày cỏ này khi đi lướt nhanh như bay, tâm muốn đi đâu nó sẽ đi đó, không có trở ngại, dù là thành cao hào sâu cũng nhẹ nhàng bay qua. Còn cây quạt một mặt màu đỏ một mặt màu đen, nếu dùng mặt màu đỏ quạt người khác thì cơ thể nóng hầm hập, dùng mặt màu đen quạt người khác lại lạnh run cầm cập.”

Vị Du tiên sinh này là một phần tử trí thức biết đọc biết viết, có lẽ bình thường đọc quá nhiều những loại tiểu thuyết thần ma, khi ngủ liền mang cả Tây du ký, Phong thần vào giấc mơ, nhưng lại nghĩ là mình đi về cõi âm, do đó những gì ông ta kể chỉ là kể cho người nhà đó, chứ không tuyên truyền lời nhảm nhí này ra ngoài. Tạo hình của quỷ vô thường trong những lễ hội Thành Hoàng dân gian thường là trong tay có cầm một chiếc quạt Ba Tiêu, nhưng cũng chưa chắc đã thần thông như thế. Nếu như để vô thường thật và giả có được hai pháp bảo này thì thế giới này sẽ bị quạt loạn cả lên, khiến người ta lúc nóng lúc lạnh, lúc phải lúc trái, bách tính cũng gặp nạn lớn.

5

Trong truyện Lý Hoa Ninh của quyển thượng, cuốn Thuyết Linh. Minh báo lục, Lục Kỳ người đời Thanh kể về một quỷ sứ đã ép một người tốt thành hoạt vô thường như thế nào, đó là câu chuyện về tay sai nha môn âm phủ. Trong câu chuyện có một vài chi tiết vụn vặt, nhưng có thể vạch rõ bộ mặt thật của những tên quan phủ trên nhân gian sai quân kéo người ta xuống nước, do đó càng nên đọc.

Lý Hoa Ninh là một nông dân thật thà, chất phác ở thôn Tây Hương Thạch Đôn, huyện Hải Ninh, hôm ấy bị bệnh sốt rét, nằm trên giường thì thấy bên gối xuất hiện hai âm sai, một kẻ tự xưng là Sái Hữu Thành, tên kia là Thẩm Lượng, đưa ra một lệnh bài, khua khua trước mặt lão Lý, nói: “Ông anh sắp chết rồi, trên này có tên của ông anh, không phải bọn này muốn lừa ông anh. Nhưng trên lệnh bài này có tên của mấy chục người, bình thường bọn này thấy ông anh thật thà nên mới đến bắt ông anh sau cùng đây.” Lão Lý bị bệnh nên mắt mờ mờ ảo ảo, cũng không nhìn rõ có đúng là tên mình hay không, chỉ ra sức ngàn ơn vạn tạ. Sau khi hai tên quỷ sứ đi rồi, lão Lý liền bảo người nhà chuẩn bị hậu sự. Hai ngày sau, lão Lý đang nằm trên giường, đột nhiên bên gối lại xuất hiện một tiểu quỷ trên đầu vẫn còn để chỏm tóc, chắc khoảng bảy, tám tuổi thôi, không nói không rằng, cầm dây thừng thông vào cổ lão, kéo thẳng đến miếu thổ địa, buộc vào cái cây lớn trước cửa miếu. Một lúc sau, lão thấy hai tên Sái, Thẩm trối dắt mấy chục người đi tới, thấy lão Lý cũng bị trối ở đó, liền quay sang mắng tên tiểu quỷ: “Người là cái thá gì, sao dám mạo danh công sai đi bắt người?”, rồi xông lên cho tiểu quỷ một cái bạt tai, đánh tiểu quỷ phải ôm đầu chạy vào hang chuột. Sau đó, hai tên quỷ sứ kia nói với lão Lý: “m tào địa phủ tư pháp tuy nghiêm nhưng những người có tên ở cuối danh sách vẫn có thể tìm cách lách luật để thoát khỏi cái chết. Bọn ta thấy nhà người tội nghiệp nên không bắt đi ngay, chính là vì muốn người có một cơ hội thoát khỏi cái chết đó. Nhưng không ngờ tên tiểu tử khốn kiếp kia lại bắt hồn người tới đây rồi! Người mau tìm nơi nào lánh đi một lát, sau khi chúng ta giao mấy chục linh hồn này cho thần thổ địa xong, sẽ đưa người quay về.” Đọc đến đoạn này, tôi có cảm giác tên tiểu quỷ kia là do âm sai thuê đến để cùng bọn họ đóng kịch vậy. Dù sao thì bọn chúng cũng đã bắt linh hồn của một người đáng lẽ không phải chết đến đây rồi, không có linh hồn, lão Lý sẽ tắt thở, thành thi thể, còn hồn của ông ta trở thành miếng thịt bị trối. Cuối cùng, hai tên quỷ sứ này cũng đành khai thật, nói: “Chúng tôi mỗi lần đi bắt sinh hồn, nếu không tiến được về phía trước thì phải có quỷ dương dẫn đường. Dù sao cũng đã bắt nhầm rồi, vậy thì hãy giúp chúng tôi đi.”

Lão Lý lúc này không thể không nhận lời, đành trở thành “hoạt vô thường”.

Nhưng ngài Lý đại ngọc này quá thật thà, chỉ có thể trở thành tay sai của âm sai, không thể trở thành người chủ lực đi bắt, trối linh hồn. Mỗi lần hai tên quỷ sứ Sái, Thẩm đi bắt hồn, ông ta lập tức ngủ vùi, sau đó một thấy hồn thoát ra đi theo hai tên đó. Đến nhà nào, nếu người sắp chết có nhiều người thân vây quanh, tức là dương hỏa cao ngất, âm sai không dám tiếp cận, liền sai lão Lý sang phòng bên cạnh giả làm tiếng mèo kêu đuổi bắt chuột, hoặc chạy làm đổ bình rượu, hoặc bát đĩa, người thân của người đó phải tản đi, hai tên âm sai liền nhân cơ hội đó mà xông lên bắt hồn. Theo như lão Lý nói, dường như ông ta không chỉ là giúp đỡ ở phần ngoài, thỉnh thoảng cũng ra vào cơ quan âm phủ nhiều lần, vì vậy ông ta có thể kể ra một vài quy luật ở âm phủ, chưa từng thấy ở những cuốn sách khác, nên ghi lại ra đây để mọi người cùng

biết:

Thứ nhất, nếu người trên nhân thể khi sinh ra ở một nơi, sau này trưởng thành lại di cư bất định thì lệnh bài của âm giới được gửi đến miếu thổ địa nơi người ta sinh ra trước, sau đó mới đi đến nơi người đó ốm bệnh đang nằm mà bắt hồn. Lý luận này còn có thể chấp nhận được ở thời xưa, nếu như bây giờ, gặp một người sinh ra trong nước nhưng lại ốm chết ở nước ngoài thì âm sai phải vượt biển để đuổi bắt, khó khăn biết bao! Chắc có lẽ ngoài cách nhờ Diêm Vương của nước đó dẫn độ về nước thì cũng không còn cách nào hay hơn!

Quy luật thứ hai này càng khiến người ta khó hiểu. Lão Lý còn nói ông ta nhìn thấy những linh hồn sắp được hóa kiếp dưới địa ngục đều tròn tròn giống như viên bánh trôi nước, màu xanh lục, mỗi lần tiểu quỷ bê một đĩa lên, đám linh hồn dưới âm giới lại nhao nhao xông lên, cướp lấy, nhận về làm con cháu mình khiến đám bánh trôi rơi xuống đất lăn lóc khắp nơi, còn đám linh hồn kia cũng lồm cồm bò tìm khắp nơi. Những điều này chưa thấy ai kể lại bao giờ, còn lão Lý thì thật thà tới mức không thể thật thà hơn, có lẽ đã gặp phải đám quỷ đói tranh cướp màn thầu vào ngày Halloween nên nhầm lẫn mà kể như thế chăng?

6

Bình thường, những kẻ làm hoạt vô thường ở âm phủ không nên tìm những bách tính thật thà đến mức này, bởi vì hỗ trợ quỷ sứ bắt hồn dần dần trở thành chức năng thứ yếu của hoạt vô thường, thậm chí chỉ là đội một cái mũ đầu dê mà thôi. Vậy chức năng chủ yếu của những người đi về cõi âm này là gì? Đó chính là làm cầu nối giữa người sống và âm phủ, cũng chính là những kẻ môi giới bàn điều kiện làm ăn dưới âm phủ.

Hoạt vô thường là “trợ lý”, có quan hệ hợp tác với người dưới âm phủ, vì vậy cũng có nghĩa là có thể thay thế người sống liên lạc với âm phủ, đi cửa sau, đồng thời cũng có thể nhận phong bì, bạc nén của người sống giúp đám quan dưới địa phủ. Hơn nữa, bạn có biết đám âm sai dưới địa phủ là những ai không? Sinh thời, bọn họ chính là nha dịch trong nha môn của địa phương. Hai nhà ngang của miếu Thành Hoàng trước kia, thường có hai hàng “nha dịch” đứng hai bên, tức là kẻ tôi tớ dưới âm phủ, những kẻ tôi tớ bằng đất sét đó trên người còn có ghi rõ tên tuổi, vì bọn họ chính là tôi tớ trong nha môn của huyện phủ ở địa phương trước kia. Địa vị của tôi tớ trong xã hội rất đặc biệt, bọn họ vừa là người của quan phủ, tầng lớp thấp kém nhất trong cơ quan nhà nước vừa là một dạng thảo dân, nhưng quan hệ giữa họ và đám dân đen là quan hệ huyết nhục và tương khắc như lửa và nước. Quan hệ xã hội của họ đa phần là bách tính bình dân, nhưng lại có thể gặp gỡ và nói chuyện với quan phủ, địa vị đặc biệt đó khiến họ ngoài làm quan sai ra còn kiêm thêm một chức vụ thứ hai là giúp người dân đi cửa sau. Nhưng nếu xuống dưới địa phủ, đám nha dịch chỉ có quan hệ một đầu với bên âm phủ, còn bách tính trên dương gian lại muốn giao dịch với dưới đó, nhưng thiếu môi giới, hoạt vô thường có lẽ được sinh ra là vì lý do này, trở thành đại lý của “vô thường chết” trên dương gian.

Là người môi giới giữa âm phủ và người sống, hoạt vô thường ngoài những lúc thuyết phục, hỗ trợ cho âm sai bắt hồn, còn có thể làm rất nhiều việc, nhưng việc thường thấy nhất là thay âm sai dò sỏ âm tào. Ví dụ như tuổi thọ dài ngắn, có công danh gì hay không, tiền đồ lớn nhỏ, năm nay hung cát ra sao, nếu trong sổ âm tào đều đã có thành án thì chỉ cần hoạt vô thường đã thông khớp nối của âm sai là có thể dự đoán được ngày hóa kiếp của người đó.

Đương nhiên, bất luận là đối với âm phủ hay người sống, hoạt vô thường cũng không phải người làm công cao cấp của họ, bọn họ làm việc được trả lương, dù là do bên âm phủ khấu trừ lại hay tiền lễ cảm tạ của người sống, dù sao mỗi lần đi về cõi âm, eo lưng của hoạt vô thường được giắt từng túi, từng túi tiền. Còn về chi tiết và quá trình những món tiền, bạc đi cửa sau đó, chúng ta sẽ nói đến ở một chương riêng, nhưng cũng có thể không cần nhắc lại nữa, bởi vì hoàn toàn giống ở trên nhân gian, người đọc đã từng biết, tham gia việc khởi kiện trên nhân gian có lẽ không cần phải tìm hiểu thêm nữa. Ở đây, tôi chỉ muốn nói rõ hơn một chút, sau khi những chế độ trong nha môn dưới địa phủ dần dần được thiết lập chặt chẽ thì hoạt vô thường là một ngành nghề không thể thiếu. Thậm chí, trong ngành này cũng có sự cạnh tranh, chỉ cần nhìn đám hoạt vô thường ra sức tăng bốc, nói nhiều tới mức thành ra nói linh tinh là đủ thấy sự tôn trọng của họ đối với nghề nghiệp mà mình làm.

Phan Luân đời Thanh có viết một chuyện về “đi vô thường”. Quyển tám, cuốn Đạo thính đồ thuyết kể về một người có mười năm kinh nghiệm làm hoạt vô thường, người này họ Sái tên Ngoạn, ông ta nói làm nghề này nhiều tới mức chán ngấy rồi, muốn rửa tay gác kiếm. Nhưng không phải muốn bỏ là bỏ được, muốn bỏ

ông ta phải “cầu thần khẩn Phật, tu Thủy lục đạo dương, hát bài Mục Liên cứu mẹ[7], trăm phương nghìn kế, mới có thể thoát ra được nghề đó”. Theo như những gì ông ta tiết lộ: “Mục đích của tất cả những hoạt vô thường đều là lừa gạt, tâng bốc công trạng, muốn thêm vài năm tuổi trong sổ âm tào hoặc xin được bách niên giai lão trước mặt Diêm Vương.” Loại người này, trên nhân gian chuyện gì cũng ôm đồm. Ông ta nói: “Trong suốt những năm làm tay sai, đầy tớ ấy, chẳng qua cũng chỉ vì muốn tiền trạm cho chức quỷ dịch sau này mà thôi. Chỉ là mỗi tháng, đến trước mặt phán quan một lần, khi chúc thọ vào tết Nguyên đán vào Thâm La điện một lần, nhưng dù có gặp được Diêm Vương, cũng không dám ngẩng đầu nhìn, chỉ vài ba vái rồi lui thì làm sao dám nói chuyện? Vì vậy, người nào đó trên trần gian đến tuổi hạn, đành đợi lệnh bài bắt hồn được giáng xuống. Cái gọi là dự đoán trước được ngày chết của kẻ khác chẳng qua là sai dịch ở dương thế khi vào đi ngang điện thẩm mới nghe được những lời phán xét mà thôi.”

[7]. Mục Liên hay tên đầy đủ là Mục Kiều Liên, một trong những đồ đệ thân tín nhất của Thích Ca Mâu Ni. Ông nổi tiếng về sự hiếu thảo với mẹ. Ông tu luyện thành công nhiều phép thần thông, qua đó biết mẹ mình đang lâm kiếp ngạ quỷ, ông hỏi Phật Tổ về cách cứu mẹ. Phật dạy rằng: “Dù ông thần thông quảng đại đến đâu cũng không đủ sức cứu mẹ ông đâu. Chỉ có một cách nhờ hợp lực của chư tăng khắp mười phương mới mong giải cứu được. Ngày Rằm tháng Bảy là ngày thích hợp để vận động chư tăng, hãy sắm sửa lễ cúng vào ngày đó.”

Theo lời Phật, mẹ ông được giải thoát. Phật cũng dạy rằng chúng sinh ai muốn báo hiếu cho cha mẹ thì cũng theo cách này (Vu Lan Bồn Pháp). Từ đó, ngày lễ Vu Lan ra đời.

Theo những gì Sái Ngoạn nói thì hình như những hoạt vô thường không có khả năng thông thiên, nhưng cũng có những hoạt vô thường được gặp “bộ trưởng bộ tư pháp”, vị trí này không thể coi thường. Hơn nữa, ai cũng biết, muốn hỏi thăm về một vụ án trong nha môn, dò la tin tức cũng không thể đi cửa sau được, quy trình trong đó phải theo từng giai đoạn, thiếu giai đoạn nào cũng không được, bởi vì đám già trẻ, lớn bé, từ trên xuống dưới trong nha môn ai chẳng phải ăn cơm. Vì vậy, những lời mà người này nói, không biết có phải là lời tố cáo những kẻ đã đá mình ra khỏi ngành hay là muốn ba hoa, khoác lác về nghề cũ mình từng làm nữa, hoặc cả hai lý do trên đều có.

Đương nhiên, đi về cõi âm cũng “đâu phải chuyện dễ dàng gì”, nguy hiểm không phải ít.

Khi hoạt vô thường đi về cõi âm, nhìn công việc đó tưởng chừng giống như người cơm no rượu say xong chống ba chân bốn cẳng lên trời mà ngáy khò khò, nhưng khi tỉnh dậy thì mồ hôi đầm đìa, những khổ nhục đang đón chờ họ trong cửa nha môn, bưng trà rót nước, vất vả tới mức ngay bản thân chúng ta cũng không thể hiểu được. Hơn nữa, trong lúc họ ngủ vùi, đôi giày dưới gầm giường đó phải cái ngứa cái úp, nếu ai đó phá đám, ngứa cả hai chiếc giày lên thì linh hồn của hoạt vô thường cho dù lúc đó đang làm việc gì cũng phải ba chân bốn cẳng quay về ngay, nếu cả hai đều úp thì càng nguy hơn, hoạt vô thường đó “chết chắc”.

Nói đến đây, có người sẽ hỏi: “Tôi thấy những gì mà anh nói, bao gồm cả cái gì mà nhân lực không đủ, sợ dương khí, nên phải mượn hoạt vô thường từ trên dương gian xuống,... đấy chẳng qua chỉ là cái cớ mà bọn thầy phù thủy đưa ra để lừa tiền mọi người mà thôi!...” Nếu bạn muốn nghĩ như vậy thì cũng đành chịu thôi, nhưng tôi cho rằng không nên phân tích quá kỹ mọi việc. Quan lớn đều đi xử án rồi, đám phù thủy đi đi về về âm gian để kiếm chút tiền thì đã sao!

12. Chương 09

Chương 09

Bắt hồn trên âm sơn đạo

1

Ham sống sợ chết là bản năng của mỗi người, nhưng con người không giống động vật, vì vậy dù là nói về đề tài này cũng phải thêm chút màu sắc văn chương khiến nỗi sợ hãi cái chết thêm kịch tính.

Một trong số đó là, con người trước khi chết, nằm thoi thóp trên giường, người như cây gỗ nhưng chỉ cần vừa tắt thở, linh hồn liền ngồi dậy, đối mặt với âm sai đến để “dẫn hồn” đang đợi ở đầu giường, chuẩn bị “dẫn giải” lên đường. Mặc dù Phật giáo nói chúng sinh bình đẳng, nhưng đã ai nghe nói đến việc đại ca hoạt vô thường đến để bắt hồn con la, con bê, côn trùng bao giờ chưa?

Dẫn hồn cũng là bắt hồn, bắt chính là bắt bớ, hay còn gọi là “giữ” hoặc “thu”, đều là ý thu bắt. Người chết rồi, trên nhân thể không còn vị trí cho họ nữa, trong vũ trụ, ngoài hai thế giới âm, dương ra không còn thế giới thứ ba nào nữa, vì vậy cũng không có con đường thoát nào khác, lúc này ngoài xuống âm gian ra không biết đi đâu, tại sao dưới âm phủ còn phải cử quỷ sai tới bắt họ đi một cách cưỡng chế như thế? Một cách giải thích mặc dù không được công bố rộng rãi, nhưng lại được rất nhiều người công nhận là, nếu quỷ sứ không đến thăm thì người này nhất định sẽ không chịu tự giác ngộ quay về. Tiền đề của cách diễn giải này chính là, thế giới dưới kia cần phải có một đại nha môn, âm phủ và địa ngục. Nếu quỷ sứ không đến bắt, người chết rồi, mặc dù đã xuống âm giới nhưng không đến quan phủ tự giác “đầu thú”. Cách nói khác gay gắt hơn thì là, nếu như sứ giả âm giới không đến bắt hoặc đứng đó đợi, người này có lẽ không chịu chết luôn.

Những chuyện như thế này trong thời đại nghĩ rằng linh hồn như khí như khói không xảy ra, người nhẹ nhàng từ từ bốc lên, bay lên trên, hoặc theo gió tùy ý đi du lịch khắp đông, tây, nam, bắc, mặc dù không đến nỗi như Nho gia nói rằng tan vào hư không, vậy thì bay lượn mãi như thế cũng chẳng thú vị gì. “Hồn sẽ quay về, về nơi mình đã sinh ra”, cũng chính là quay về trong phần mộ của tổ tông an nghỉ. Lão tổ tông của chúng ta vẫn sống như thế, sau này lại xuất hiện một cái gọi là âm phủ, kết quả tự mình đưa mình vào tròng. Đương nhiên, vào thời đại đã có khái niệm âm phủ, một vài nhân vật chính trong các câu chuyện của thời đó vẫn không ngần ngại mà coi thường sự tồn tại của nó, và vong hồn vẫn như khói như khí hoặc như người đi du lịch, đơn độc hoặc kết bè kết nhóm ngao du trên con đường đến âm gian, có những người chết bao nhiêu ngày rồi mà vẫn còn lang thang trên đường phố, lưu luyến nơi viện đình, có người thì lại vì nghĩ cho gia đình, nhân cơ hội tin mình chết chưa bị lan truyền ra ngoài, đến cơ quan đơn vị tạm ứng chút tiền lương, còn cả những người khi chết rồi nhả húng vẫn chưa hết, nhàn tản đi trong dòng người, quan sát lễ tang mà bạn bè tổ chức ỉn. Bất đắc dĩ có người sinh ra đã dễ tiện, sau khi xác định là chết rồi, không có nha môn quản thúc thì không tự tin, mà khi người thân đốt vàng mã đưa tiền, cũng phải dành riêng một phần cho đại ca áp giải, tự mình phải thừa nhận với bố mẹ là phạm nhân bị áp giải. Vì vậy, ở vấn đề này, tôi theo chủ nghĩ duy tâm “tin thì có mà không tin thì không có”, âm phủ địa ngục chỉ dành cho những người tin vào sự tồn tại của nó mà thôi.

Nếu đã tin, âm phủ cũng sẽ rất ghi nhớ những người tin vào sự tồn tại của nó, thời cơ đến, âm sai sớm đã mang theo lệnh bài đợi ở đầu giường rồi.

Nhưng ở đây lại có một điểm khiến người ta không hiểu. Theo cách nói của một vài hòa thượng thì con người sau khi chết phải được thần thiện dẫn đường, vậy thần thiện đó hẳn phải là Phật A Di Đà rồi, nghe nói phải dẫn đến thế giới cực lạc. Nhưng trong chùa chỉ có những người vừa phải hành đạo vừa phải tin vào đạo Phật mới có tư cách hướng thụ, người bình thường thì sao? Phật tổ luôn luôn từ bi hỷ xả, con người khi còn sống luôn được khuyên răn đủ điều, đến khi du hồn rời xá, như lúc cần than trong tuyết lạnh, chắc chắn ngài sẽ không buông tay bỏ mặc Faust[1] trước khi chết như Chúa, Chúa chẳng phải còn sai thiên sứ xuống hạ giới, cùng với đám ma quỷ tranh giành linh hồn của anh ta hay sao? Nhưng trong những câu chuyện mà các hòa thượng kể thì Phật tổ Như Lai hình như lúc này trốn đi như không phải việc của mình vậy. Cho đến khi linh hồn đáng thương mặt nhăn mày nhí chuẩn bị xuống địa ngục chịu hình rồi, bỗng xuất hiện một Địa Táng Bồ Đà, lại cũng chỉ là một người trợ giúp hằng ngày cùng đốt hương niệm Phật, những cái khác không nói, gì mà những lời to tát như: “Địa ngục không trống, thề không thành Phật”, gào bao nhiêu năm thực ra cũng chỉ là bảo vệ chính mình mà thôi. Nếu lấy những câu chuyện này ra để giải thích, các hòa thượng hằng ngày khuyên chúng ta nên đốt nhang niệm Phật, rõ ràng cũng chỉ là một loại phí bảo hộ mà thôi. Hình tượng vĩ đại huy hoàng của Phật trong lòng tôi đã bị bóp méo trong lời kể của các hòa thượng rồi.

[1]. Faust: là một trong những nhân vật có thực được truyền thuyết hóa nhiều nhất, rồi đi vào đủ loại hình cũng như thể loại văn học nghệ thuật và hiển nhiên sống mãi trong xã hội loài người. Trong nhiều thế kỷ, sự tồn tại của tiền sĩ Faust đã không bị nghi hoặc gì nữa, sự tồn tại vừa trong thực tế vừa qua vô văn giai thoại. Tương truyền ông sinh khoảng năm 1480 ở Knittlingen, xứ Wurtemberg, thuộc CHLB Đức hiện nay.

Chuyện này quả thật có chỗ khiến người ta nghĩ không thông, cuối cùng đành phải suy đoán như sau, Chúa Trời ở phương Tây và Hàn Đán đối lập với nhau mà Phật giáo và âm phủ của Trung Quốc lại chung một nhà. Âm phủ chỉ là công ty con của Phật giáo, giữa hai bên không những không có sự cạnh tranh mà còn hỗ trợ cho nhau rất nhiệt tình. Điều này liên quan đến nguồn gốc về âm phủ của Trung Quốc và quan hệ của Phật giáo, tôi chuẩn bị thảo luận sang một đề tài khác, ở đây chỉ nói đến chuyện Diêm Vương dưới cửa Phật môn sai quỷ sứ lên dương gian dẫn hồn thôi.

2

Người ta thường nói: “Không làm việc gì xấu thì không sợ quỷ tới nhà gõ cửa.” Việc bắt hồn của quỷ sứ, dù bạn có làm việc gì xấu hay không, đúng giờ là đến, giống như câu nói: “Diêm Vương đã định canh ba phải chết, sao dám giữ người đến canh năm.” (Có thể giữ người đến canh năm không là một câu chuyện khác, nhưng canh ba nhất định quỷ sứ sẽ đến.) Hơn nữa, quỷ sứ bắt hồn cũng là đại diện cho quan phủ đi bắt giải nghi phạm nên không có gì phải khách khí. Mặc dù tội của người bị bắt phải tới khi gặp Diêm Vương phán quan mới có thể định được, người đó có thể là người tốt, có thể là do bị người khác ám hại, nhưng trong thông lệ dân gian Trung Quốc từ xưa tới nay luôn là “nghi phạm có tội” (đối với một vài nhân vật đặc biệt thì cũng có trường hợp “nghi phạm vô tội”), còn sau khi đến âm gian rồi thì “không có tội cũng thành có tội”, dùng một câu nói thường được nghe thấy khi thực hiện phong trào “bốn sạch”[2] thì là “có tội hay không có tội cứ đánh ba gậy trước đã”, cứ bắt đến, đánh ột trận rồi nói sau, vậy là gậy gộc, xích sắt chính là những công cụ cần có mỗi khi quỷ sứ lên đời, còn vong hồn ngay từ đầu đã là tội phạm.

[2]. Bốn sạch là sạch trong chính trị, sạch trong kinh tế, sạch trong tư tưởng, sạch trong tổ chức. Đây là hoạt động được tổ chức từ năm 1963-1966 ở nông thôn và các thành phố nhỏ của Trung Quốc.

Chúng ta bắt đầu từ phương pháp đơn giản thường thấy và cũng là phương pháp khách khí nhất, đó là truy đuổi. Trong quyển một cuốn Khuê Đông Chí của Quách Tượng đời Nam Tống có kể về một vị đại phu chuyên chữa bệnh cho trẻ em người Tín Châu tên là Sái Mỗ, lâm bệnh mà chết. Ông ta có một người đồng hương lúc này đang làm việc ở Lâm An, trên đường lớn gặp Sái Mỗ, để đầu trần không mũ nón gì cả, “có hai vị mặc áo vàng đuổi theo sau.” Khi người đồng hương này về quê, mới biết Sái Mỗ đã chết, và chết đúng vào ngày mà ông ta gặp Sái Mỗ trên đường, nên biết rằng lúc ấy mình đã gặp linh hồn Sái Mỗ, còn hai vị mặc áo vàng kia chính là quỷ sứ.

Nếu đã là “truy đuổi” thì việc động chân động tay là khó tránh, còn có cầm gậy vọt hay không, hoặc vong hồn trên người có công cụ thụ hình nào không, trong này không thấy nói đến, chỉ có thể tả sơ qua về quang cảnh bắt phạm nhân thời Nam Tống để chúng ta cùng so sánh.

Việc Đồng Siêu, Tiết Bá áp giải Lâm giáo đầu thì có chút cực đoan, không lấy làm điển hình thì cũng thôi, nhưng gây thủy hỏa của quỷ sứ áp giải có lẽ là công cụ không thể thiếu, không thể chỉ mang hai tay không đi như những tên trộm gà để “đuổi gà” được.

Tôi cũng đã từng được trải nghiệm cảm giác bị “đuổi” này rồi, đương nhiên không phải quỷ sứ của âm phủ đuổi. Năm đó, ga tàu hỏa phải xây lại nên những khách đợi đi tàu đành phải xếp hàng hỗn loạn và ồn ào, nhân viên nhà ga cầm một chiếc cờ đỏ đứng phía trước, làm người dẫn đường đi vào ga, nhưng khách đi tàu không hiểu ý đồ của anh ta, lá cờ đỏ đó chỉ cần cuộn vào, trở thành một cái roi có tính chất tượng trưng, nhằm vào cánh tay, hông của những hành khách không đứng đúng hàng mà đánh, vì ngày đó mọi người đều mặc áo bông nên không ai bị đau. Hơn nữa, nếu nghĩ đến cái gây thủy hỏa mà Đồng Siêu, Tiết Bá dùng để đánh vào khớp xương của Lâm giáo đầu (vừa tiết kiệm sức vừa hiệu quả) thì sẽ cảm thấy dằn, quan tâm hơn, vì vậy có người còn toét miệng cười với người đánh mình, tỏ vẻ hiểu ý của vạn tuế.

Khiến người ta càng khó chịu hơn cả là một quỷ sứ túm tóc đi trước, một quỷ sứ cầm gậy đánh đằng sau.

Trong quyển một Triều dã thiêm tái của Trương Trạc người đời Đường có viết:

Thời Võ Tắc Thiên, Phụng các đãi lang chu Duẩn Nguyên vào buổi chiều sớm. Thái Bình công chúa gọi thầy thuốc đi vào chính cửa, thấy một tên quỷ sứ bắt giải Chu Duẩn Nguyên, tên thứ hai cầm gậy theo sau, đi thẳng vào Cảnh Vân Môn...

Vị thầy thuốc này có bản lĩnh nhìn thấy ma, vì vậy mới có thể nhìn thấy cảnh đại thần bị quỷ sứ bắt đi. Bình thường, khi những lão đại thần trong triều đình ra khỏi cửa, trong nghi thức không thể thiếu những

cây gậy hoặc màu đỏ hoặc màu trắng hoặc ngũ sắc dùng để đuổi đám dân đen, nhưng lúc này, cây gậy lại rời vị trí ra sau lưng mình, đổi thành đánh chính mình. Cách túm tóc kéo về phía trước đây thực sự khiến những nhân vật lớn có chút mất mặt, vì sợ đau nên hai tay phải ôm đầu, điều đó cũng có nghĩa là phải cúi đầu xuống, tư thế không được đẹp mắt cho lắm.

Đến thời nhà Thanh, đàn ông thường để tóc đuôi sam, như vậy khi bị bắt sẽ càng dễ dàng hơn, tức là vừa không bỏ khóa sắt, vừa coi túm tóc là một thủ đoạn đơn giản, hiệu quả. Khi Mậu Tuất lục quân tử[3] bị bắt, bị binh dịch túm tóc lôi đi, Đàm Tự Đồng đã nói: “Cả đời ta là văn nhân, lại có chức quan, hà tất phải làm thế này!” Binh dịch đáp: “Bọn ta vâng lệnh nha môn bắt người, từ trước tới nay vẫn thế.” Trong giới quan phủ Trung Quốc, thấp thì Địa bảo[4] mà cao thì Hoàng thượng, cách cư xử với “nghị phạm” từ trước tới nay vẫn dùng những thủ đoạn hạ lưu bỉ ổi và man rợ như thế, cây quyền thế nhất thời, không bỏ qua bất kỳ cơ hội nào để làm nhục nhân cách người khác. Túm tóc, trói bằng dây sắt, thậm chí là đội mũ cao đi khắp đường phố, không phải sợ nghị phạm không nghe lời hoặc chạy mất, thực ra là thích thú trong việc hủy hoại nhân cách của người ta, từ đó thể hiện uy phong lẫm liệt, độc ác của mình. Từ điểm này có thể thấy, cách cư xử của người đứng trên vị trí cao nhất với đám quan binh, tướng tốt cũng chẳng khác nhau là mấy.

[3]. Mậu Tuất lục quân tử: chỉ sáu chí sĩ Duy Tân bao gồm Đàm Tự Đồng, Khang Quảng Nhân, Lâm Húc, Dương Thâm Tú, Dương Duyệt và Lưu Quang Đệ, cả sáu người đều bị sát hại trong phong trào cải lương chính trị của giai cấp tư sản năm 1898 (tức năm Mậu Tuất), còn gọi là biến pháp Mậu Tuất hay Mậu Tuất Duy Tân.

[4]. Địa bảo: chức quan địa phương ở thời nhà Thanh và những năm đầu dân quốc.

Sự thực chứng minh không chỉ có chó cày chủ nhà, mà người cày thế chó, không có mấy tên chó săn giờ nanh múa vuốt kia làm thay thì đám Thái thượng hoàng, Lão Phật Gia cũng xông ra làm chó không chừa.

3

Vậy khi bắt hồn, “chúng sinh có bình đẳng” không?

Những chương trước chúng ta nói đến những quỷ hồn bị bắt, có bách tính bình dân, có gia đình giàu có, quyền thế, dường như tất cả đều bình đẳng trước cái chết, ngay cả đến Phụng các đại lang chẳng phải cũng bị túm tóc kéo đi đó sao? Vị Chu Duẩn Nguyên trong lịch sử hoàn toàn không làm việc gì ác, còn được nhận lời khen của người khác, vì vậy khi ông ta bị bắt đi, bị ngược đãi như thế hoàn toàn không phải vì ông ta mắc tội ác gì đặc biệt, chỉ là vì Diêm Vương khi đó còn chưa có sự phân biệt, giống như trong Sư Thần ký mà Cam Bảo đã nói: “Khi chết không được đối đãi tử tế như khi sống”, “khi sống vì khanh tướng tử tôn, chết xuống dưới đất thì thái sơn ngũ bá, tiều tụy, khốn khổ, không thể kêu ca” mà thôi. Nhưng trong những câu chuyện về sau, quan tướng có thân phận rõ ràng khi bị bắt đi, có chút khác biệt so với bách dân trăm họ.

Tôi đã từng giới thiệu qua, khi bắt hồn của bách tính thì đúng sách bắt hồn, nhưng đối với những nhân vật chức sắc quan tước thì phải bao phòng như đi xem kịch vậy, cũng phải viết một lệnh bắt riêng, mặc dù cùng là cái chết, nhưng quy cách viết lại như viết “giấy mời”.

Từ xưa tới nay vẫn luôn có quan niệm, đương nhiên quan niệm đó không phải xuất phát từ bách tính bình dân mà là từ trên truyền xuống, tức là những người làm đế vương, tướng quân đó đều có lai lịch. Quan niệm này tới thời Đường càng phát triển mạnh hơn, có lẽ cũng có sự giúp đỡ của Phật giáo và Đạo giáo, giống như những gian thần Lý Lâm Phủ, Lô Kỷ, đều là sinh có tiên cốt, nếu không làm thừa tướng thì có thể làm thần tiên. Đặc biệt là đến thời Bắc Tống, những danh công cự khanh, nếu không phải là tinh tố hạ phàm thì là thần tiên chuyển thế, thấp nhất thì cũng là tinh quái đầu thai. Trong Tiên thị tư chí do Tiên Thế Chiêu thời Bắc Tống viết: “Từ Thần ông đi từ Hải Lăng (nay là Thái Châu Giang Tô) đến kinh sư, Sái Kinh nói với Từ Thần Ông rằng: “Mong cho thiên hạ thái bình.” Thần Ông đáp: “Thái bình cái gì? Các loại ma quỷ trên trời xuống hạ giới, đầu thai sống trong nhân gian, làm hỏng thế giới.” Sái đáp: “Làm thế nào để nhận ra người này?” Thần Ông cười: “Thái sư chính là một trong số họ.” Vì vậy, cái chết của họ chẳng qua là “trở về nơi cũ” mà thôi.

Đại quan đã như thế, nếu là hoàng đế thì khí phách càng lớn, cho dù vị hoàng đế này có chết bất đắc kỳ tử.

Trong quyển một Tục huyền quái lục của Lý Phục Ngôn người đời Đường có truyện Tân Công Bình thượng tiên, ghi rằng: “Hồng Châu Cao An huyện úy Tân Công Bình, Cát Châu Lỗ Lăng huyện úy Thành Sĩ Liêm, cả hai người ngày cùng vào kinh cuối năm Trinh Nguyên[5], trên đường làm quen với một người, tự xưng là Vương Trần, là minh sử, đang đi về Trường An để nghênh đón “Thiên tử thượng tiên”. m binh nghênh tiếp đó là “giáo mã ngũ bách, tướng quân nhất nhân”, người thường không nhìn thấy được, mà Vương Trần lại là minh quân quản lý sổ sách dưới âm phủ, có lẽ chính là “phán quan” mà hậu thế hay nhắc đến. Tân Công Bình cùng với đội âm binh đó đi từ Thông Hoa Môn vào thành Trường An, đến đường Thiên Môn, có thần tiên địa phương cung kính tiếp đón, sau đó binh chia làm năm đội, tướng quân, phán quan và thân binh ở miếu Nhan Lỗ Công. Vài ngày sau, tướng quân nói: “Thời gian đã đến, nhưng trong cung có chúng thần tương hộ, không cách nào tiếp cận được Hoàng thượng thượng tiên, làm thế nào bây giờ?” Vương phán quan nói: “Ta có thể trình xin với minh phủ, bố trí sắp xếp yến tiệc trong cung, trong yến tiệc sẽ có bố trí, khi ấy chúng thần tự nhiên sẽ từ chối, đó là lúc ta hành động.” Không lâu sau, dưới âm phủ báo lên, trong cung đang chuẩn bị yến tiệc. Thế là năm trăm âm binh, ba trăm người cưỡi ngựa, còn lại đi bộ, khi vào cung thì phân nhau đi vào từ rất nhiều cửa khác nhau, sau đó tướng quân ra lệnh bố trí quân dưới đại điện. Lúc này chỉ thấy trong đại điện đèn đóm sáng rực, véo von tiếng hát, réo rắt tiếng đàn. Đến canh ba, đột nhiên có một vị thần tướng mạo hung hăng xuất hiện, tay cầm thanh mâu dài hơn trượng cúi người trước mặt tướng quân, chậm rãi nói: “Thời khắc đã đến rồi!” Tướng quân khẽ chau mày, gật gật đầu, hung thần đó vâng mệnh, đi nhanh lên điện, thẳng tới ghế ngồi của hoàng đế, quỳ xuống. Đương nhiên đây là ám thị cho việc thích sát. Lúc này chỉ thấy đám quần thần bên cạnh hoàng đế hỗn loạn. Hoàng đế nói đau đầu, tiếng hát tiếng nhạc lập tức dừng lại, tả hữu hai bên vội diu hoàng đế về căn phòng ở phía tây. Một lúc lâu sau, không thấy hoàng đế ra, lúc này tướng quân nói: “Thời khắc thẳng thiên giới hạn, không thể để lỡ, xe ngựa đã chuẩn bị xong, sao vẫn chưa manh động?” Có người đáp lại: “Hoàng thượng đang rửa ráy.” Tướng quân nói: “Được, tắm rửa xong khởi giá.” Ngay sau đó, từ trong căn phòng phía tây vọng lại tiếng nước chảy. Đến canh năm, hoàng thượng lên kiệu, phía sau có sáu người mặc áo xanh đi theo, trên mình đều thêu long phượng, khênh kiệu xuống dưới điện. Tướng quân hành lễ, hỏi: “Việc ở nhân gian phức tạp, vất vả cực khổ, lại thêm điều tiếng nóng cả tai, yêu sắc cám dỗ, làm hỏng sự thanh tịnh đã tu dưỡng bấy lâu, còn có thể phục hồi được không?” Hoàng đế đáp: “Trái tim chứ có phải sắt đá đâu, nhìn thấy có thể không rung động sao? Nay phải rời đi, thế cũng đã là xấu rồi.” Tướng quân cười, liền đi lên, cúi người hành lễ rồi dẫn hoàng đế ra khỏi cung, từ nội cung cho đến quan sử không người nào là không nghẹn ngào đưa tiễn, lưu luyến không rời. Qua chính điện, hai trăm kỵ sỹ dẫn đường, ba trăm kỵ sỹ hộ tống, như phong như lôi, nhẹ nhàng lướt đi, rời khỏi Vọng Tiên Môn.

[5]. Năm Trinh Nguyên ở thời nhà Đường.

13. Chương 10

Chương 10

Bịt mũi, hút hơi và các cách khác

Người chết thì gọi là “đoạn khí”, nói văn vẻ một chút thì là “khí tuyệt”, thêm chút hài hước thì là “chỉ có thở ra mà không có hít vào”, nếu thêm chút cảm khái thì là “tam phân khí tại thiên ban dụng, nhất đán vô thường vạn sự hưu[1]”. Từ đó có thể thấy “khí” có quan hệ mật thiết, lớn lao thế nào tới sự sống chết của con người. Một cái chết bình thường là chết trước rồi đoạn khí sau, hay là đoạn khí trước rồi chết sau, những văn nhân chú ý tới vấn đề khoa học thì nhất định phải tìm hiểu tới ngọn tới ngành, còn những người không quan tâm lắm tới khoa học thì chỉ biết trong thủ đoạn mưu sát có “yểm sát”, “bí sát”, đây chính là kiểu đoạn khí trước rồi mới chết. Nhưng kiểu giết người này thật tổn công tổn sức, không được nhanh nhẹn và sáng khoái như đâm dao phủ, vì vậy, những cách đó không hay được dùng, chỉ khi phải suy nghĩ đến việc giữ cho người chết có một thi thể toàn vẹn, đẹp mắt thì mới được mang ra dùng. Nhưng khi dưới âm phủ muốn bắt sinh hồn của người sống thì cách thức chém đầu hay những dạng tương tự như thế không thể

dùng được nữa, cách đơn giản nhất là khiến người sống đoạn khí. Bên này khí đoạn, bên kia liệu có thể bức cho linh hồn chạy ra hay không, cũng còn chưa biết, nhưng bình thường, rất ít khi gặp trường hợp linh hồn chịu giam mình trong thi thể cứng ngắc không chịu ra. Thế là những tên quỷ tốt khi đi bắt người thường có vài cách để bức người ta chết trước.

[1]. Có nghĩa là: trên thế gian này tất cả mọi sự vật đều sẽ thay đổi, một khi ngừng thở, thì tất cả cũng sẽ kết thúc.

Cách đầu tiên là dùng bùn bịt mũi người ta lại. Truyện Hồ Lặc trong Quảng dị ký của Đới Phu đời Đường có viết: Hồ Lặc người Triều Thục, chết vào mùa đông năm Long An thứ ba. Ba ngày sau sống lại, kể rằng, bị người ta bắt đi, dùng đất đỏ bịt mũi, ấn chặt, rồi đưa ra ngoài thiên môn.

Đất đỏ chính là đất sét đỏ, rất dính, sau khi khô có độ kết dính rất cao. Hồi nhỏ, mỗi lần học giờ thủ công, tôi đã từng thấy mất mặt quá, nhưng lại không thể đập vỡ nó để giấu đi, như thế có thể tưởng tượng hiệu quả của việc dùng thứ này và bịt mũi người rồi đấy. Hơn nữa, sau khi bịt lại rồi còn dùng thêm quan ấn, rất giống cách đóng gói văn thư thời Hán, đừng nói là bản thân mình, ngay cả người khác, nếu không có quyền lực nhất định cũng không thể mở phong bì. Hồ Lặc sau khi bị bịt mũi bằng đất sét liền đoạn hơi, lên trời có lẽ được bóc đất sét ra, nhưng hồn mà trong thời gian này không thể hít thở được. Thế là dẫn tới một vấn đề hết sức phiền phức, đó chính là vấn đề hít thở của hồn ma. Dẫn chứng trong rất nhiều câu chuyện, ma không những có thể hít thở mà còn có thể thổi ra âm khí để hại người. Nhưng câu chuyện về Hồ Lặc có thể đưa ra làm ví dụ để phản chứng, linh hồn không cần không khí. Điều này cũng có cái lý của nó, đầu tiên là đoạn khí của người sống khiến người ta trở thành người chết, sau đó lại cấm thêm một ống thở vào cho hồn ma đã đoạn khí để nó trở thành ma sống, thế chẳng phải lãng phí thời gian hay sao! Vậy tại sao sau khi lên trời rồi lại phải gỡ đất sét ra? Tôi nghĩ, dụng ý của thiên đình không phải vì muốn khôi phục lại quyền lợi hít thở của anh ta, chỉ là muốn anh ta mở miệng nói khi ở trước công đường, ngoài ra, có lẽ cũng tránh để thiên gia nhìn thấy cảnh người bị dính đất sét vào mũi khiến thiên gia không vui.

Long An là niên hiệu của Tấn An Đế (hoàng đế thời Đông Tấn), phương thức sử dụng trong câu chuyện này quá lỗi thời, vì vậy sau này không thấy quan lại dưới âm giới sử dụng nữa, nhưng lại bị đám quỷ lưu manh hoang dã dùng để trêu chọc những người đi đường dương khí không vượng nhưng lại phải đi gấp gáp trong đêm, có điều không cần dùng đất đỏ, vợ đại bần hay cò đại cùng rác các loại nhét đại vào miệng, vào mũi, vào tai những kẻ xui xẻo kia là xong.

Còn một cách khác khiến người ta phải đoạn hơi nghe có vẻ hợp lý hơn, chính là lũ quỷ tốt khi đi bắt hồn người sử dụng túi hút khí, hoặc còn gọi là túi lấy khí, một loại chế phẩm bằng da, hình thức của nó được làm mô phỏng ống thổi lửa, một ống gió có thể mang theo bên mình. Thứ này khi đốt lửa rèn sắt thì dùng để thổi hơi, nhưng trước khi thổi phải hít vào.

Trong truyện Dữu Quý Tuyền trong Thuật dị ký của Lương Nhân Nhậm Phưởng có ghi chép một chuyện: “Quỷ tốt tay cầm ống da đi bắt người, hút khí của người đó, còn người đó ít ngày sau sẽ chết.” Người bị hút khí không nhìn thấy đám quỷ tốt này, vì vậy việc này rất mơ hồ, kỳ quái, và người bị hút khí cũng lặng lẽ mà chết, do đó khí bị hút chắc chắn là “dương khí” trong người người đó.

Trong Chi nặc cao trung ở quyển hai tập Tây dương tạp trở do Đoàn Thành Thúc[2] viết, gọi ống da này là “túi hút khí”: “Giữa năm Nguyên Hòa, một nông dân ở Tràn An, trong nhà có người bệnh, bệnh tình ngày càng nặng, liền mời hòa thượng tới đọc kinh, vợ con, người thân đều vây quanh giường bệnh. Một buổi tối, mọi người dường như nhìn thấy một người nhập vào cơ thể, lại cho rằng kẻ trộm, hòa thượng và mọi người đều đứng dậy đuổi bắt. Người đó trong lúc hoảng loạn, không còn đường nào để thoát, không đợi ai mời liền nhảy xuống một chiếc giếng. Trong đám người đó, không biết kẻ vô đạo đức nào, nhưng nhất định không phải là đám hòa thượng tăng ni đại từ đại bi đã đưa ra một chủ ý hết sức vô nhân đạo, đó là nấu một nồi nước Phật thật lớn rồi đổ xuống giếng cạn. Nhưng từ trong giếng không thấy phát ra tiếng kêu thê thảm như dự định, khi nhìn xuống giếng, không có tên trộm nào cả, trên mặt nước nóng chỉ nhìn thấy một cái túi nổi lên phềnh, chính là “túi hút khí” mà đám quỷ sai thường dùng.

[2]. Đoàn Thành Thúc: tự là Kha Cổ, tiểu thuyết gia nổi tiếng thời Đường.

Cùng lúc ấy bỗng tiếng kêu thảm thiết vọng tới, cầu xin trả lại cái túi đó: “Ta sẽ đi bắt người của gia đình khác để thay cho người nhà các người, xin hãy trả lại túi cho ta.” Người nhà đó liền trả lại cái túi, bệnh

nhân cũng dần khỏi bệnh.” Gia đình nhà này vì muốn cứu người nhà mình mà không tiếc mạng sống của người khác, không nghĩ rằng đó chỉ là kế hoãn binh tạm thời mà thôi, đại hạn dù sao cũng không thể tránh được. Điều này chúng ta không quan tâm nữa, chỉ nói đến việc âm sai không có “túi hút khí” thì không thể đi bắt hồn, lẽ nào không thể mang thêm một, hai cái để dự bị hoặc tìm một tên quỷ khác mượn dùng hay sao?

Song cùng quyền nhưng trong truyện khác lại gọi là “túi tích khí”, từ “tích” này nghi ngờ là viết nhầm của từ “giật”[3], giật khí nghĩa là rút khí, còn tích khí để khiến người ta hiểu nhầm là túi hơi dùng khi cứu người. Cũng là chuyện xảy ra giữa những năm Nguyên Hòa, Quân Tướng người Hoài Tây đến Biện Châu công cán, nghỉ đêm ở dịch quán. Nửa đêm vừa chợp mắt, liền cảm thấy có vật gì đó đè nặng lên người. Quân Tướng kinh hãi tỉnh dậy, giằng có với vật đó, cướp được túi da trong tay kẻ đó. Tên quỷ tốt kia gào khóc kể lể, Quân Tướng nói: “Người nói cho ta biết vật này là vật gì, ta sẽ trả lại người.” Quỷ tốt im lặng hồi lâu, rồi nói: “Đây là vật rút khí từ tai”. Người nhà binh không ngại dùng mưu kế, một nhà chính trị xuất thân từ quân đội thì càng không cần giữ chữ tín, cầm một viên gạch lên, ném thẳng về phía tên quỷ tốt, khiến hắn khiếp sợ mà chạy mất. Rồi nhìn lại chiến lợi phẩm mà mình vừa lấy được, vật này có màu hơi đỏ, nhưng trong suốt.

[3] Hai từ đồng âm khác nghĩa. Từ “tích” đầu tiên nghĩ là tích, tích khí, còn từ thứ hai nghĩa là kéo giật.

Ngoài phương pháp rút khí ra, còn có một cách nữa là dùng áo trùm lên đầu người bị bắt, khiến người bị bắt tắc thở mà chết, đây chính là cách mà hoàng đế Tấn Cung Đế[4] cuối thời Đông Tấn sau khi “bị tự nguyện” truyền ngôi lại cho Lưu Dự, Lưu Dự đã dùng cách này để ban cho Tấn Cung Đế được chết toàn thân. Truyện Tiêu Thấm trong Quảng dị ký, Đời Phu đời Đường có viết, quỷ sai khi đến bắt ông ta, chỉ dùng áo trắng trùm đầu. Cái áo trắng này không phải là cái áo thông thường, có lẽ đặc điểm bí và dai của nó còn tốt hơn cả túi nylon thời bây giờ, vì vậy chẳng bao lâu sau, Tiêu Thấm đã không thở được nữa.

[4]. Tấn Cung Đế (386-421): tên thật là Tư Mã Đức Văn, vị hoàng đế cuối cùng của nhà Tấn trong lịch sử Trung Quốc. Ông trở thành Hoàng đế vào năm 419, sau khi người anh trai là An Đế bị Lưu Dự giết chết, và trong thời gian ông trị vì, quyền lực trên thực tế nằm trong tay Lưu Dự.

Còn những gì được nói tới trong Minh báo ký do Đường Lâm người thời Sơ Đường viết, thì lại sử dụng thủ pháp đánh lén, song bắt bằng cách trói giật khuỷu tay, rút khí. Lý Sơn Vu bị bắt xuống âm phủ, nhưng vì biết đọc kinh phạt nên được hoàn dương, trước khi rời đi, còn phải nộp một khoản chi phí, lúc này có ba tên quỷ sai bước tới, chìa tay về phía anh ta. Sứ giả âm phủ liền giải thích với Sơn Vu rằng:

Ba người này là ba người được sai tới bắt ngươi trước đó, một người dùng dây thừng, một người dùng gậy, còn người kia dùng túi hút khí.

Chi phí cho những kẻ dùng gậy, dây thừng, túi hút khí này có thể căn cứ theo quy định là phải đến gặp phán quan Diêm Vương để nhận tiền thù lao, nhưng khi phát hiện bắt nhầm phải trả về dương thế, Diêm Vương lại nói không biết tính số tiền đó vào đâu, âm sai đương nhiên không chịu thiệt, nên đã đòi chi phí từ người bị bắt nhầm. Kể ra thì cũng không phải không có lý, bạn được tuyên bố là vô tội và được phóng thích, cũng nên để đám đại ca âm sai kia vui vẻ cùng bạn một chút, thế chẳng phải rất bình thường hay sao. Đừng nghĩ rằng đây là đám tiểu quỷ dưới âm gian giở trò, thực ra trên nhân gian cũng có những quy tắc như thế.

Tiền thể ở đây nói luôn tới một loại túi khác, đây chính là loại túi dùng để đựng những linh hồn bị bắt. Quỷ sứ bắt người sống, nếu như chỉ bắt một hai người, giống như trên dương thế bắt giải đi là xong, nhưng bắt mười mấy cho tới trên trăm người, nếu tưởng tượng theo cách thông thường trên dương gian thì có lẽ phải khâu thành một chuỗi, kéo kéo lôi lôi trên đất, phải có hai ba nha dịch vừa kéo vừa thúc đằng sau, trong đó còn có một vài nô bộc giúp sức, thế thì sẽ xảy ra hỗn loạn. Trong Tuyên thất chí do Trương Đậu người đời Đường viết có một câu chuyện như sau: “Quỷ sai tới bắt linh hồn người sống, có thể tập trung bọn họ lại rồi đút hết vào trong túi áo, nhưng trong túi áo còn có một vật khác: “Hình dạng giống ruột bò, nhưng màu đen và một dây thừng màu đen dài chục thước”. Nhiệm vụ của âm sai này là phải bắt một trăm linh hồn, sau khi bắt xong phải nhốt vào trong cái “ruột bò” này, và dùng dây thừng buộc chặt.” Nếu túi áo bằng vải thì dễ thoát khí, sinh hồn có thể thoát ra được, thời đó không có túi nylon, vì vậy dùng một thứ giống như ruột bò, thứ này thì đến nước cũng chẳng thoát được, khí cũng không vào được, không những linh hồn không thể thoát ra ngoài, mà còn kiềm luôn tác dụng bịt mũi cho tắc thở. Chủ yếu là ruột bò này có tính

đàn hồi, nhét một, hai linh hồn vào trong đó, vẫn còn rộng rãi, cho tới khi nhét tới mười mấy linh hồn, một mặt cái ruột bò đó sẽ tự động trương phình ra, mặt khác những linh hồn kia cũng phải tự giác co mình lại, còn về việc hình dạng lúc này của họ như thế nào, trong câu chuyện không nhắc tới, mặc dù linh hồn được ví như khói như khí, chắc là hợp với việc chèn ép, co rút này.

Túi rút khí và túi nhốt linh hồn từ sau đời Đường không thấy ai nhắc đến nữa, có lẽ đã dùng phương pháp đánh lén và trói chặt rồi, nhưng đến đời nhà Thanh, đám văn nhân tác quái lại trỗi dậy, kết hợp hai nhân vật khác nhau làm một. Trong truyện Y Ngũ ở quyển một Dạ đàm tùy lục do Nhân Trai Thị viết, vật đó từ “như ruột bò” được đổi thành “hình dạng hơi phình ra như bong bóng lợn”, bong bóng bò và bong bóng lợn không có nhiều khác biệt, thời Đường cũng có người nói: “Lấy hơi người sống cần bong bóng lợn”, chỉ là cách nói khác của loại túi nylon thuần tự nhiên mà thôi. Nhưng sau này lại có khá nhiều thay đổi, Y Ngũ cướp được từ trong tay của quý sai cái bong bóng lợn trương phình, người khác không biết là vật gì, Y Ngũ liền nói: “Cái này là túi rút hơi, trong đó có chứa linh hồn của một đứa trẻ”, thế là mang túi rút khí này đến cửa nhà vừa có đứa trẻ con chết, đặt miệng túi vào đúng lỗ khóa, mở miệng túi ra, một làn khói từ từ thoát ra ngoài bay vào trong phòng, đứa trẻ trong nhà đó lập tức sống lại. Loại túi này không chỉ rút dương khí của người, mà còn rút cả linh hồn của người nữa. Nhưng nếu suy nghĩ một cách nghiêm túc, thì thấy thật không thỏa đáng, phải biết rằng mấy cái ruột bò, bong bóng lợn đó chỉ có tác dụng chứa khí khi thổi khí vào trong đó, còn muốn dùng nó để rút khí thì phải đợi mãi tới sau này, khi khoa học phát triển để lấp thêm van, thêm cái bơm hơi nữa mới làm được như thế.

Ở đời Đường quý sai dưới âm phủ đi bắt người, ngoài túi rút khí ra còn có một cách khác mà đời sau không biết, đó chính là khi đi bắt hồn dùng thuốc độc để giết chết người đó, mời đọc Tuyên thất chí do Trương Đậu viết. Người ở Lưu Vạn Kim ở cùng phòng với Tự Lặc, một hôm Vạn Kim đi ra ngoài, Tự Lặc thấy người mặc áo tím lấy từ trong tay áo ra một vật, nhìn giống hạt thóc và có màu xanh, lấy ra khoảng hơn mười hạt đặt vào trong bát, nói với Tự Lặc rằng: “Ta không phải người trên trần gian, phụng lệnh tới bắt Vạn Kim, Vạn Kim khi ăn vào sẽ chết. Không được để lộ, nếu không tai họa khó lường.” Khi Vạn Kim quay về, quả nhiên cầm cái bát đó lên ăn, ăn xong liền lăn ra chết. Thế nào là “ăn vào sẽ chết”? Lẽ nào nói số của Lưu Vạn Kim là bị trúng độc mà chết, trên nhân gian không có ai ra tay hạ độc, nên âm sai mới phải tự mình ra tay? Hay là vì Lưu Vạn Kim không có tai họa mà cũng chẳng có bệnh tật, âm phủ muốn bắt anh ta nên đành phải hạ độc?

Cùng trong cuốn sách này còn có một chuyện càng kỳ quái hơn: “Bùi Độ có bộ tướng Triệu Mỗ, mắc bệnh nặng nằm trên giường. Con trai ông ta bưng thuốc vào phòng, vừa đi ra thì Triệu Mỗ liền nhìn thấy một người mặc áo vàng đi vào, lấy từ trong túi ra gói thuốc màu trắng, giống như bột mì, đổ vào trong bát thuốc. Triệu Mỗ kể lại những gì mình thấy cho con trai nghe, con trai ông ta nói: “Liệu có phải là ma không? Muốn làm cho bệnh tình của cha nặng hơn sao?” Liền đổ bát thuốc đi. Nhưng khi vừa mang bát thuốc khác vào phòng thì tên quỷ sứ đó lại đến bỏ độc, năm lần bảy lượt, cuối cùng, nhân lúc con trai ngủ say, Triệu Mỗ đã bưng lên uống. Người ta ốm nặng sắp chết rồi, tại sao lại còn phải hạ độc? Không hạ độc thì người đó không thể chết hay số người này phải chết vì thuốc độc, muốn chết bệnh cũng không xong? Nếu căn cứ vào số mệnh, trong thời gian người chết thì dưới âm phủ đã có sắp xếp, muốn sớm muốn muộn cũng không thể tùy ý, vì vậy, cách bắt hồn này quả thật xét thấy rất không hợp lý, có điều trong những câu chuyện sau này không còn gặp những tình tiết như thế này nữa.

Ngoài ra, còn có một vài đạo cụ nhỏ khác liên quan tới việc quỷ sai đi bắt hồn, mặc dù chỉ thỉnh thoảng mới gặp, nhưng cũng vẫn giới thiệu qua một chút.

Một là người trước khi chết, có ma đến mang “diện y”. Diện y chính là miếng vải phủ lên mặt người chết, nhưng bên trên phải cắt một cái lỗ, đúng vào miệng của người chết. Trong Tập dị ký do Tiết Dụng Nhược viết, có kể khi Đường Hiến Tông[5] băng hà, người trong thành nô nức đi xem, trong đó vợ và con gái của Bùi Thông Viễn cùng ngồi xe đi xem, tới gần tối mới quay về. Đi được nửa đường, gặp một bà lão tóc bạc phơ đi bộ theo xe, nhìn bộ dạng thấy có lẽ đã mệt mỏi đến cùng cực rồi. Trên xe có một bà bảo mẫu già và bốn cô con gái, trong số đó có một người thấy bà lão đáng thương liền hỏi bà ta định đi đâu. Bà nói muốn đến Sùng Hiền Lý, mọi người vừa nghe đã biết ngay bà lão đi cùng hướng với mình, liền mời bà ta lên xe, có thể đưa bà ta tới tận Lý Môn. Bà lão cảm kích vô cùng, liên tục cảm ơn. Đến Lý Môn, bà lão xuống xe, nhưng lại làm rơi một cái túi nhỏ. “Mấy cô gái mở ra xem, thấy trong đó có bốn mảnh diện y màu trắng. Mấy cô gái thất kinh, vội vàng thúc ngựa chạy nhanh hơn. Không lâu sau, cả bốn cô gái lần lượt qua đời.”

[5]. Đường Hiến Tông (778-820): tên thật là Lý Thuần, vị vua thứ mười một của nhà Đường trong lịch sử Trung Hoa. Ông trị vì từ năm 805 đến 820. Ông là con trai trưởng của Đường Thuận Tông. Ông đã được đưa lên ngôi sau khi vua cha bị đột quỵ và bị các quan lại trong triều ép thoái vị.

Bà lão tóc bạc này đến Sùng Hiền Lý là vì muốn chuyển diện y cho bốn cô con gái nhà Bùi gia, nhưng một bà lão tóc bạc hoàn toàn không giống quý sai, vậy thì bà ta là người gì? Bốn cô gái trẻ vô duyên vô cớ chết, điều này khiến người ta liên tưởng tới việc bà lão này là một ôn[6] quỷ. Sự suy đoán này có thể tìm thấy chứng cứ xác thực trong Kỷ vấn do Ngưu Túc người đời Đường viết: “Huyện Võ Đức có một nhà nghỉ, trong đó có một vị khách, kéo một chiếc xe chất đầy những túi vải vào trong phòng, khóa cửa rồi bỏ đi. Mỗi lần đi là mười mấy ngày liền, chủ nhà trọ thấy vị khách không quay lại, cảm thấy kỳ lạ, liền mở những cái túi đó ra xem, bên trong toàn là diện y dùng để phủ mặt người chết, khiếp sợ tới mức lập tức khóa cửa chạy ra ngoài. Vào tối ngày hôm đó, cánh cửa căn phòng này tự động mở ra, những túi vải cũng không thấy đâu nữa. Sau đó xảy ra chuyện gì, trong câu chuyện trên không thấy nhắc đến, nhưng quỷ tốt một lần mang theo nhiều diện y như thế, cũng có nghĩa là một lần phải bắt từng đầy linh hồn, ngoài gây ra bệnh dịch và phát động chiến tranh thì còn có thể làm gì được nữa?

[6]. Ôn ở đây nghĩa là bệnh dịch.

14. Chương 11

Chương 11

Một cái cũng không được thì

Trong Dã điều hoang khang thuyết minh bạ (Quyển hạ), tôi từng giới thiệu qua, nhân gian gặp phải tai nạn lớn hoặc khi sắp có một số lượng lớn người chết, thì việc tạo sổ sách dưới âm phủ quả thật trở thành cả một “công trình”, số tay không đủ, lại phải lên nhân gian mượn tạm, những quyển sổ ghi chép người chết này đương nhiên phải chia thành nhiều cuốn. Xem ra làm cái gì cũng không dễ, Diêm Vương lúc này chắc chắn là bận tới “thấp đèn đến canh ba, canh năm gà gáy”, không chỉ từ già với vũ hội tiệc tùng, thậm chí đến ăn đêm cũng không có thời gian mà ăn. Đương nhiên, cần cù thì có thu hoạch lớn, thu hoạch đó là từ việc sắp có vô số những sinh hồn tươi sống, bởi đây chỉ là giai đoạn đầu tiên của công trình lớn mà thôi, ngay sau đó dưới âm phủ sẽ căn cứ vào sổ sách để đi bắt người. Nhưng những sinh linh đến kỳ phải chết lên tới hàng nghìn, hàng vạn, lại phân bổ đều ở khắp các tỉnh, các phủ, các huyện,... phải sai đi bao nhiêu bồ khoái, nha dịch mới có thể bắt từng người, từng người về Thâm La điện đây? Vì vậy tôi vẫn luôn nghĩ, cái mà nhân gian gọi là “đại họa” thực ra chính là một hạng mục công trình do Diêm Vương thiết kế để nhanh chóng bắt được hết số người cần bắt, hoàn thành nhiệm vụ của mình. Tôi nói như vậy, nghe như là tuyên truyền cho địa phủ. Mọi người chẳng phải vẫn nói, bởi vì sắp xảy ra đại hạn, sắp có hàng nghìn, hàng vạn người chết, nên mới vội vàng tạo tử bạ hay sao, sao anh lại đảo ngược nhân quả như thế, tất cả nghe cứ như là “nhân vi” vậy? Nhưng với những lời giải thích kiểu này tôi hoàn toàn không tin, bởi vì tôi vẫn còn nhớ năm sinh năm mất của mọi người, đều được ghi chép trong sổ sách nơi âm phủ, điều đi bao nhiêu đặc vụ, thu thập bao nhiêu tin tình báo, cuối cùng mới quyết định được. Sau khi quyết định rồi, ngày chết của một người đến, thì có uống nước lọc cũng ghen chết, nếu như số vẫn chưa chết, thì có cầm dao kề vào cổ anh ta cũng chẳng mệnh hệ gì. Vì vậy, quan trọng là ở chỗ, những người này liệu đã đến “số chết” hay chưa, chứ không phải sẽ gặp phải những “tai họa” gì.

Thế nào gọi là tai họa? Lớn thì như động đất, lũ lụt, núi lở, vỡ đê, thậm chí hai hành tinh va vào nhau, vũ trụ nổ tung,... chỉ cần nó không gây tổn hại tới sinh mạng và tài sản của người sống thì không gọi là “tai họa”. Vì vậy, nếu muốn để một sự cố trở thành tai họa, nhất định phải làm cho nó được đánh dấu trong cuốn sổ sinh tử của Diêm Vương.

Để đánh dấu có hai cách:

Một là điều kiện hình thành tai nạn ở một nơi nào đó, ví dụ như nơi nào đó mà sắp động đất, dề sắp vỡ, cây cầu ở nơi nào đó sắp gãy, dây điện ở nơi nào đó thường xuyên bị hở,... Diêm Vương sẽ bố trí để đưa người đến “số chết” tới nơi ấy, bạn có thể gọi là “đưa người vào chỗ chết”, nhưng cũng có thể gọi là “nhân thể lợi đảo”, “tiết kiệm năng lượng”. Trong quyển chín của Di kiến chi mậu do Hồng Mai đời Nam Tống viết có một câu chuyện tên là Tiền Đường triều, đại khái có thể coi là một khuôn mẫu cho cách thức đánh dấu tai nạn này.

Ngày Mười tám tháng Tám hằng năm là thời kỳ nước sông Tiền Đường dâng cao nhất, thậm chí có thể được gọi là kỳ quan trong thiên hạ. Theo phong tục của thành Lâm An, thời Nam Tống, đến ngày hôm ấy phải có tới hơn nửa số người trong thành đi ra bờ sông xem thủy triều. Mùa thu năm Cao Tông Thiệu Hưng thứ mười, hai ngày trước khi xem triều lên, vào ban đêm, bên bờ sông có người nghe thấy tiếng thì thầm trong không trung, một người nói: “Năm nay số người chết trên cầu lên đến hàng trăm, toàn những kẻ hung ác, bạo dân, bất hiếu. Danh sách người chết đây, các người hãy phái người đi bắt trước. Những kẻ không có tên trong danh sách, các người hãy mau mau đuổi họ quay về.”, sau đó nghe thấy tiếng một đám người văng vẳng. Người này nghe thấy vậy, sợ tới mức không dám nói lại với ai. Đến đêm hôm sau, trong đám dân đen chen chúc nhau trên cầu, lại có người mộng thấy có người tới cảnh cáo, nói: “Ngày mai nhất định không được lên cầu, cây cầu này sắp sập rồi.” Sáng sớm, anh ta kể lại giấc mơ cho người hàng xóm nghe, không ngờ người hàng xóm cũng có giấc mơ như thế. Đến ngày Mười tám, đại triều dâng lên, trên cây cầu bắc ngang dòng sông chật người, những người được báo mộng chỉ đứng ở bên xem, gặp người quen có mặt trên cầu liền lặng lẽ khuyên họ mau xuống, nhưng những người này đều không tin, nên không nghe. Đột nhiên triều dâng cao ngất, hung hãn khác thường, ào ào chồm lên bờ, cây cầu sụp đổ, những người chết vì cầu sập lên tới hàng trăm người.

Một kiểu nữa là dùng sức mạnh của âm giới tập trung những người đến số chết lại một chỗ, sau đó tạo ra một vụ tai nạn, chìm thuyền ngã xe, hỏa hoạn, lũ lụt, binh đao, bệnh dịch,... đều là những phương án nằm trong dự tính. Trong số đó, đơn giản nhất là làm chìm thuyền, gom hết những người tới số chết lên trên một con thuyền, đưa ra giữa sông, sau đó tạo gió to sóng lớn, khiến con thuyền bị lật, không gì nhanh hơn! Nhưng cách này cũng chỉ có thể dùng cho những “công trình nhỏ” thôi, nếu như số người lên tới hơn nghìn, hơn vạn thì có lẽ khó áp dụng. Trong trường hợp này, tốt nhất là dùng “binh đao” hoặc “bệnh dịch”. Trong Ngọc Đường Nhân thoại của Vương Nhân Dự người đời Ngũ Đại có kể lại lần những nhân sự cao cấp dưới âm phủ thảo luận phương án bắt người:

Đây là chuyện xảy ra ở nhà Hậu Lương[1] thời Ngũ Đại. Có một nhân sĩ đang trên đường đi Ung Châu đến Bân Châu, buổi tối trời thanh trắng sáng, anh ta liền đi cả đêm cho kịp thời gian, đột nhiên nghe thấy phía sau có tiếng xe ngựa, nghĩ có lẽ là vị quan hay quý nhân nào đó, liền tự giác tránh sang vệ cỏ ven đường. Chỉ thấy có ba người cưỡi trên mình ngựa “mũ mào như vương gia”, đám tùy tùng đi bộ theo sau. Ba người đó vừa đi vừa nói chuyện, nghe thấy một người nói: “Lần này phụng mệnh đến Bân Châu, bắt hơn ba nghìn người, đang không biết nên bắt theo cách nào đây, hai vị có kế sách gì không?” Một người đáp: “Nên dùng binh để bắt”, người kia lại nói: “Dùng binh bắt thì thoải mái, nhưng quân tử tiểu nhân dễ ngọc nát đá tan, dùng dịch bệnh thì hơn.” Cuối cùng cả ba người đều đồng ý dùng dịch bệnh để bắt hơn ba nghìn người kia. Khi xe đi xa dần, tiếng nói cũng nhỏ dần cho tới khi không nghe thấy gì nữa. Nhân sĩ đến Bân Châu, quả nhiên ở đó xảy ra dịch bệnh lớn, người chết nhiều vô kể.

[1] Nhà Hậu Lương (907-923): một trong Ngũ đại của thời kỳ Ngũ đại Thập quốc của Trung Quốc. Triều đại này do Chu Ôn (còn gọi là Chu Toàn Trung) thành lập, đóng đô ở Biện Lương (Khai Phong).

Dùng binh bắt dễ xảy ra sai sót, người không đáng chết thì trúng một đao, cho dù có trả linh hồn anh ta về lại với thể xác, nhưng thiếu đầu thì cũng không có cách nào sống lại được. Đương nhiên cũng không phải là không có cách, như trong Định mệnh lục của Lữ Đạo Sinh người đời Đường có viết về năm, sáu trăm chiến sĩ bị rơi vào vòng vây, tất cả đều chết trận, đã tập trung thi thể lại kể “kinh quan” rồi, nhưng sứ giả do âm phủ phái đến để điểm danh, lại phát hiện ra trong số đó có người chưa tới số chết, đành lật tìm trong đồng xác người, rồi gắn lại đầu vào với thi thể, sau khi sống lại cũng có vết sẹo, nhưng vẫn ăn uống được như bình thường. Thậm chí trong truyện Liêu dương quân trong Liêu trai thì sau khi gắn lại đầu còn không để lại sẹo. Những tình huống như vậy, thỉnh thoảng gặp vài người thì còn được, nhưng nếu số người bị giết nhảm lên tới hàng trăm, hàng nghìn người thì riêng việc tìm đầu để gắn lại cho từng thi thể cũng đã tốn rất nhiều thời gian rồi. Tương tự, chúng ta so sánh một chút, dùng dịch bệnh có cơ hội xoay chuyển dễ hơn,

đại nào có chết nhưng cũng không làm đầu bị dập nát. Nếu có thể lựa chọn giữa việc dùng binh và dùng bệnh dịch, vậy thì chìm thuyền, lật xe cũng có lúc được cân nhắc đến, tiện cách nào thì dùng cách ấy thôi.

Nhưng bình thường, chuyện bắt người giống như ở Bân Châu, đến sát giờ lâm trận rồi mới quyết định phương thức là không đúng quy luật, quy luật là khi lập sổ sách dưới âm phủ đã quyết định cách mà người bị ghi trong sổ phải chết rồi. Sổ bắt hồn không phải là một danh sách đơn giản, trong đó ít nhất cũng phải ghi rõ chết ở đâu, lúc nào và chết bằng cách gì? Trùng phạt người lính bằng nước và lửa, độc trùng bằng áp, thêm cả những phương pháp hiện đại như bây giờ là thanh quang điện khí, số lượng mặc dù nhiều, nhưng không thể tùy tiện lựa chọn. Các kiểu tai nạn cũng thế, tai nạn do trời, do người gây ra đều được ghi rõ trong sổ sách dưới âm phủ, theo quy luật là ai phải theo sổ của người ấy.

Cho dù là dụ người vào chỗ chết hay rời nơi chết đến trước đám người, bản chất của hai cách này là như nhau, đó chính là gom tất cả những linh hồn phải chết thành số lượng lớn rồi đưa về âm phủ một thể, và kế hoạch này đều xuất phát từ Diêm Vương hoặc những người còn cao cấp hơn ông ta, ví dụ như Ngọc Hoàng đại đế. Tạo ra mấy trò như đắm thuyền, lật xe,... có lẽ nằm trong phạm vi quyền lực của Diêm Vương, nhưng nếu gây ra lũ lụt, động đất... những kiểu tai họa lớn như thế, e là chỉ có thể do Thiên Đế bố trí, ít nhất cũng phải được Thiên Đế phê chuẩn. Từ đó có thể thấy, thiên tai cũng là nhân họa, chỉ có điều “nhân” ở đây đã được “thần hóa” đến cấp “Thiên Đế” rồi. Không nghe Đức Jehovah ở phương Tây từng nói rằng: “Những người, thú, côn trùng và đám chim muôn bay trên trời do ta tạo ra, ta sẽ tiêu diệt hết chúng trên trái đất này, bởi vì sau khi tạo ra chúng ta đã hối hận... Xem đi! Ta phải cho nước dâng vào đất liền, hủy diệt cả thế giới. Phàm những thứ có máu thịt, có hơi thở trên trái đất này, đều phải chết không trừ một ai.” Đương nhiên chỉ có phu nhân của Jehovah và những chúng sinh lên được thuyền lớn[2] là thoát nạn, mà bản vẽ của con thuyền lớn này lại do chính Jehovah đưa ra.

[2] Thuyền lớn hình cái tử chữ nhật do nghĩa sĩ Noad đóng để tránh nạn hồng thủy, trong Kinh thánh.

Xem lại vụ án ở Bân Châu, người nhận lệnh chấp hành đi bắt người kia đã “mũ áo như vương giả” rồi, “vương giả” này chưa chắc đã là Diêm Vương, bởi vì có một vài “thiên tội” phải do đích thân Thiên Đế định đoạt và ủy thác cho cấp dưới xuống hạ giới để thực hiện. Như trong Sư thần ký, Can Bảo có nói: “Thượng Đế lệnh cho ba tướng quân: Triệu Công Minh, Chùy Sỹ Quý, Các Đốc Sổ, mỗi người mang theo hàng vạn quỷ tốt xuống hạ giới bắt người”, trong Thần chú kinh cũng thuật lại các loại bệnh dịch có thể tiêu diệt được cả hàng triệu, hàng vạn người. Các vị ôn thần dịch quỷ này phối hợp hành động với binh hoạn và nạn đói, đều là do Thiên Đế sắp xếp. Nhìn lại thời cận đại, trong quyển tám cuốn Tục tử bất ngữ của Viên Mai có truyện Ôn tướng quân: “Hôm nay Ôn tướng quân phụng mệnh Thiên Đế đến Sạ Phổ làm hải kiếp nhất án, nên đích thân ra biển”, đó chính là vị Ôn Quỳnh nguyên soái dẫn đầu “Thập thái bảo”, trở thành khâm sai của Ngọc Đế, đích thân tới Sạ Phổ giáng tai họa, cái gọi là “hải kiếp nhất án” chính là muốn chỉ trận sóng thần ở Sạ Phổ, Chiết Giang năm Càn Long thứ ba mươi mốt, số người chết lên tới hàng nghìn người. Còn trong truyện Tạ Vân ở quyển tám Mộng Hán tạp trử do Du Giao viết có ghi lại mùa xuân năm Càn Long thứ ba mươi sáu: “Thượng Đế lệnh cho Đẳng Thiên Quân kiểm tra kiếp nạn ở đê biển”, đến tháng Bảy, Tiêu Sơn, Bạch Dương ở Chiết Giang sẽ bị nước triều cường hung mãnh tràn lên làm vỡ đê, “hơn mười vạn người và súc vật bị nhấn chìm”, đây là thành quả mà Đẳng Thiên Quân phải bận rộn suốt bốn tháng trời mới đạt được. Đẳng Thiên Quân là thiên quân của Lôi Bộ, cũng với Ôn nguyên soái có thể coi là ở cấp bậc “vương giả”.

Đương nhiên, không cần biết sau vụ án này thu hoạch được vài trăm hay mười mấy vạn sinh linh, cũng đều là “ý trời”, mà ý trời thì không bao giờ sai, tức là trước khi làm việc gì đều phải mang sổ sách ra đối chiếu, sau đó cứ theo những gì mà sổ sách ghi chép đi thu hoạch thôi. Trong Liêu trai chí dị có chuyện Quỷ lệ[3], kể về hai nha dịch trong huyện Lịch Thành, phủ Tế Nam, Sơn Đông cuối đời Minh, ra ngoài phủ làm công cán, gặp hai người, ăn mặc cũng giống nha dịch, tự xưng là bổ khoái trong phủ Tế Nam. Hai người ở huyện Lịch Thành hỏi: “Những người trong phủ Tế Nam chúng tôi đều quen cả, sao chưa từng gặp hai vị bao giờ?” Hai người đó nói: “Thật không dám giấu, bọn ta là lính ở phủ Thành Hoàng, giờ đang đến núi Tần để đưa công văn.” Núi Tần là âm phủ, nơi Tần sơn phủ quân ở. Hai người ở Lịch Thành bèn hỏi công văn gì. Quỷ lệ đáp: “Tế Nam sắp có tai họa lớn, chúng tôi đến đưa danh sách những người phải chết trong kiếp nạn đó.” Hai người ở Lịch Thành kinh hãi hỏi có bao nhiêu người sẽ chết trong kiếp nạn, hai quỷ lệ đáp: “Không rõ lắm, nghe nói gần trăm vạn người, mà thời gian là vào tháng Một sang năm.” Hai người nghe thấy vậy hoảng hốt vô cùng, bởi vì sau khi làm xong công vụ, quay về Lịch Thành đúng dịp cuối năm, cũng chính là

thời gian mà kiếp nạn đó xảy ra, nhưng nếu không về, lại sợ huyện thái trách phạt. Hai quý lệ nói: “Không về đúng hẹn là chuyện nhỏ, tránh kiếp nạn mới là chuyện lớn, hai vị nên ở bên ngoài tránh đi.” Tai họa lần này chính là vào năm Sùng Trinh thứ mười hai, quân Thanh xuống phía nam chinh phạt Tế Nam, chiếm thành và cả số dân đen bị chết. Trong Minh sử do người triều Thanh viết, đương nhiên không ghi chép lại, nhưng Bồ Tùng Linh lại viết rằng: “Sau khi quân Thanh rút, thi thể ngổn ngang ở thành Tế Nam.”

[3] Lệ ở đây có nghĩa là nô lệ, nha dịch.

Đám bách tính bị chết đó đều có trong “danh sách”, hai tên nha dịch kia sở dĩ có thể tránh được kiếp nạn đó là vì vốn không có tên trong danh sách. Vì vậy bọn họ mới được sai ra ngoài thành đi làm công cán trước khi kiếp nạn đó xảy ra, vì vậy mới có thể gặp được quý lệ của phủ Thành Hoàng, đại khái là do số mệnh sắp đặt cả rồi. Theo như quyển sáu Động linh tục chí do Quách Tắc Vân viết thì: Quang Tự năm Đinh Hợi (1887) Trịnh Châu vỡ đê. “Số người chết không đếm được”, cái gọi là “không đếm được”, một là đếm không rõ, hai là lười không đếm, nhưng trên dương gian những người làm quan có thể mắt nhắm mắt mở trước số lượng, còn dưới âm thế lại không thể lơ mơ, bởi vì một năm trước Diêm Vương đã bắt đầu điều nhân viên công vụ trong phủ quan ở Hà Nam, xuống âm phủ để “làm sổ sách”, một tới mức người nào người nấy ử rữ, sau khi được trả về dương gian không lâu thì cũng lần lượt tạ thế. Trong quyển ba Nam cao bút ký do Dương Phụng Huy người cuối đời Thanh, đầu thời dân quốc viết, có chuyện Tùng Thành Hoàng ký, kể ở Tùng Phan, Tứ Xuyên đã xảy ra một biến cố lớn trong những năm dân quốc đầu tiên, vì kiếp nạn này, Thành Hoàng Tùng Phan phải bận rộn ba năm mới xong, kẻ nào chưa đi làm nhiệm vụ thì cử đi, kẻ nào chưa đến thì cử đến, kẻ nào phải chết, kẻ nào bị thương, kẻ nào bị phá hủy tài sản, nặng nhẹ thế nào đều được định sẵn hết. Không giết nhầm, không bỏ sót.”

Càng chặt chẽ thì lại càng chứng minh rằng tất cả những kiếp nạn này đều do đại thần lên kế hoạch hết, chính là câu chuyện Diêm Vương điểm thi kiếp quý. Tôi đã từng giới thiệu qua về những câu chuyện thần quỷ xử lý chiến trường hoặc hiện trường kiếp nạn trong Đàm Minh Bạc, đây chính là điểm danh sau khi người ta chết, điều khiển người ta không ngờ là, trước khi kiếp nạn xảy ra, linh hồn của người này đã được Diêm Vương gia đối chiếu với sổ sách một lần rồi. Nhưng không thể nói không có “ngoại lệ”, đây chỉ là sự hốt hoảng ban đầu của người đi thi hành công vụ, sau đó vẫn phải bổ sung vào.

15. Chương 12

Chương 12

Cả một thuyền ma

Trong truyện Tây Tân độ thuyền ở quyển bảy cuối Di kiên chi mậu do Hồng Mai người đời Nam Tống viết, có ghi lại một tai nạn xảy ra tại trấn Tân Độ Khẩu Giang Tây vào tháng Ba năm Thiệu Hưng. Khi ấy, Kim Sơn vẫn còn ở Giang Trung, Tây Tân Độ chính là con đường từ Trấn Giang đến Kim Sơn. Trên thuyền đã có bốn mươi bốn người, chuẩn bị ra khơi thì đột nhiên có một người đàn ông chạy đến, còn dắt theo một đứa trẻ. Đến mạn thuyền, đứa trẻ đó vừa gào vừa khóc, sống chết không chịu lên thuyền. Cha nó tức giận đánh mạnh vào gáy một cái, đứa trẻ đang định phân bua, nhưng mới nói được câu: “Nghe con nói...” thì đột nhiên kêu lên một tiếng, rồi ngã đi, ngã vật ra đất. Thấy người đứa trẻ cứng ngắc, chân tay lạnh ngắt, người cha lúc này mới hoảng sợ, thất thần. Mọi người trên thuyền không thể đợi mãi, đương nhiên cũng không có ai chịu lên bờ ra tay giúp đỡ hai cha con nhà kia, thế là chiếc thuyền liền từ từ ra khỏi bờ. Nhưng con thuyền này còn chưa đi đến Kim Sơn, đột nhiên một trận gió lớn nổi lên, thuyền bị lật, chìm sâu dưới đáy sông. Tính cả người chèo thuyền tổng cộng có bốn mươi sáu người, tất cả đều chết đuối. Trên bến thuyền, đứa trẻ liền chống tay ngồi dậy như vừa tỉnh. Người cha vui mừng vì con sống lại, càng vui hơn là đã tránh được kiếp nạn chìm thuyền, nghĩa chắc chắn trong chuyện này có ẩn khuất, liền hỏi đứa trẻ nguyên nhân vì sao không chịu lên thuyền. Đứa trẻ nói: “Vừa rồi con nhìn thấy trên thuyền toàn ma là ma, hình

dạng rất đáng sợ, vì vậy không dám lên. Con đang định nói thì một con ma lập tức bịt miệng con, khiến con ngã lăn ra đất, chìm vào giấc ngủ.”

Thiên cơ bất khả lộ, nếu bị một đứa trẻ không biết gì bóc mẽ, mọi người bỏ chạy tán loạn, lại phải bố trí, sắp xếp một thuyền đầy người như thế, có lẽ sẽ rất mất thời gian. Thực ra đây cũng chỉ là sự cả nghĩ quá mức của người viết ra câu chuyện này, những người đến số chết kia sớm đã tâm hồn mê muội, sao có thể tin lời nói thật của một đứa trẻ chứ?

Những câu chuyện tương tự như trên thời nào cũng có, đầu tiên chúng ta nói tới thời gần đây nhất. Năm 1875 (năm nguyên Quang Tự) con tàu mang tên “Phúc Tinh” thuộc cục thương gia tàu thủy Thượng Hải đi từ Thượng Hải tới Thiên Tân, đụng phải con tàu mang tên “Auson” của Anh quốc tại vùng biển phía bắc và bị nhấn chìm, làm chết sáu mươi ba người. Đây là một vụ tai nạn biển lớn xảy ra vào cuối đời nhà Thanh, ngoài những sách chuyên ngành, các cây bút khác cũng chỉ viết tới đây, nhưng những câu chuyện liên quan tới âm phủ tôi cũng đã được đọc qua mấy chuyện. Chuyện Tàu thủy Phúc Tinh bị nhấn chìm trong quyển bốn, Dung Am bút ký của Tiết Phúc Thành có viết: Một vị ủy viên họ Giang vừa lên tàu, thấy khách đã chật tàu, hành lý chật sán không có chỗ, hơn nữa, nhìn thấy diện mạo của những người trên thuyền rất mơ hồ, hình dạng kỳ quái, không giống người, nhưng đến khi lại gần thì đều là người cả, vị ủy viên họ Giang này quyết định chuyển hành lý về khách sạn, đợi chuyển sau mới đi. Sau khi sự việc xảy ra, ông ta tự thấy mình may mắn vì đã thoát được một tai nạn chết người, nhưng ông ta lại không nghĩ được rằng trên con thuyền đó tất cả đều là ma, tại sao chỉ có một mình ông ta nhìn thấy mà người khác không nhìn thấy? Đây là bởi vì số ông ta chưa phải chết, vì vậy, dưới âm phủ mới âm thầm khiến ông ta nhìn thấy cảnh tượng ấy, để ra hiệu cho ông ta “tránh xa”. Cũng chính là muốn nói, chỉ cần ông ta không rời khỏi tàu thì con tàu này cũng sẽ không khởi hành được, mà cho dù có khởi hành thì ông ta cũng không chết.

Tháng Chín năm Quang Tự thứ bảy cũng có một vụ tai nạn đường biển. Trong truyện Nịch bạc[1] ở quyển ba trong Túy trà chí quái của Lý Khánh Thần viết, một người cần phải đi ra nước ngoài, lên tàu thủy, đang vờ nằm ngủ trên khoang, trong lúc hoảng hốt nghe thấy tiếng hai người nói chuyện với nhau, một người hỏi: “Đủ số lượng chưa?” Người kia đáp: “Còn thiếu hai người nữa.” Người này giật mình tỉnh giấc, thầm nghĩ những người đi tàu từ trước tới nay đâu buộc phải có số lượng nhất định, sao lại có chuyện điểm danh ở đây, hay là quỷ thần đang kiểm tra “nịch bạc”? Sau đấy đột ngột quyết định quay vào bờ. Con thuyền đó căng buồm đi ra biển, theo gió mà chìm dần, chìm dần như chưa từng tồn tại. Trong câu chuyện này có nhắc đến “nịch bạc”, đây chính là danh sách những người sẽ phải chết trên con tàu này, hai quỷ điểm danh, nếu người đến số chết vẫn chưa lên tàu hết thì con tàu cũng không thể căng buồm ra khơi.

[1] Nịch bạc: nghĩa là danh sách người chết đuối.

Lại kể một câu chuyện cũ, đọc được trong quyển thượng cuốn Độc dị ký do Lý Cang người đời Đường viết: Đường Huyền Tông mùa xuân năm Khai Nguyên[2] thứ năm, Tư Thiên Giám dâng tấu: “Theo thiên tượng sắp có tai họa lớn, sẽ có ba mươi danh sĩ chết oan trong một ngày, năm nay số lượng tiến sĩ đúng bằng con số đó.” Khóa tiến sĩ năm nay có Lý Mông là phò mã của công chúa, Huyền Tông không dám tiết lộ với công chúa về cảnh báo thiên tượng, chỉ khẽ nói với công chúa rằng: “Bất luận có du yển lớn tới đâu, cũng đừng để phò mã của con tham gia, hãy nhốt hẳn ta ở nhà”, công chúa không biết nguyên nhân, nhưng cũng tuân mệnh, không cho phò mã ra khỏi cửa. Phủ công chúa cách hồ Khúc Giang không xa. Hôm đó hồ Khúc Giang rất náo nhiệt, vì hồ Khúc Giang nước dâng cao, rất hợp để du ngoạn bằng thuyền, khóa tiến sĩ mới tập trung đến đây, mang thuyền và mang theo cả ca kỹ, kỹ nữ, chuẩn bị cho thuyền ra khơi mở tiệc. Những tiếng đàn ca vui vẻ đó vang xa, truyền tới cả phủ công chúa, Lý Mông nghe mà tê tái, biết không thể ra được bằng cửa lớn, liền trèo tường mà ra. Các tiến sĩ đang phàn nàn chỉ thiếu một mình Lý Mông thì thấy anh ta đang từ xa chạy lại, miệng không ngừng hét gọi. Lý Mông nhảy lên thuyền, thuyền vừa rời bờ, đang yên đang lành chìm xuống lòng sông, ngoài đám ca kỹ và những phu chèo thuyền, ba mươi vị tiến sĩ chết sạch, không sót một ai.

[2] Khai Nguyên: niên hiệu của Đường Huyền Tông, từ năm 713-741

Số đã tới, mệnh đã tận, muốn tránh cũng không được. Từ cuộc sống hiện thực có thể thấy, vị phò mã quý này có lẽ là cọng cổ cuối cùng khiến con lạc đà phải chết vì sức nặng, nhưng nếu nói theo số mệnh thì dù vị phò mã này không lên thuyền, con thuyền đó cũng sẽ mãi đợi anh ta.

Nhưng cũng có lúc cả một thuyền người không phải tất cả đều phải tới gặp Diêm Vương, hoặc sẽ có một,

hai người thoát chết, đây chính là nội dung mới mẻ mà những câu chuyện loại này đề cập tới. Ví dụ thuyền đã ra khơi rồi, đột nhiên phát hiện ra trên thuyền có một vị chưa tới “số” trà trộn trong đó, thế thì phải nhờ ý trời để đá anh ta ra khỏi thuyền. Trong truyện Đỗ Xiêm của Quảng dị ký do Đới Phu người đời Đường có viết:

Khi Đỗ Xiêm còn trẻ, cũng từng nhiều lần đi sông đi biển. Thời ấy, nước sông Hoàng Hà chảy xiết, lại chưa có cầu bắc qua, muốn qua sông chỉ có cách đi thuyền. Người lên thuyền rất đông, thuyền phu đã bắt đầu nhổ neo, đột nhiên trên bờ có một người già, cao giọng gọi: “Đỗ tú tài mời xuống thuyền.” Đỗ Xiêm thấy ông ta hình như có chuyện gì đó cần gấp, bắt đắc dĩ rời khỏi thuyền. Ông lão đó xì xầm với anh ra một hồi không ngớt, thuyền phu không đợi được nữa, liền ném trả hành lý của Đỗ Xiêm lên bờ, cho thuyền rời bến. Đỗ Xiêm đang vội, quay đầu lại thấy thuyền đã đi, còn ông lão lại cứ kéo lấy anh ta nói một thôi một hồi không dứt, trong lòng bắt đầu sốt ruột. Ngày hôm ấy gió to sóng lớn, đột nhiên thấy từ dưới nước thò lên mấy chục cánh tay ma bám lấy mạn thuyền, kéo cho con thuyền lật ngược, cả một thuyền người chết dưới đáy sông Hoàng Hà. Lúc này ông lão mới nói với Đỗ Xiêm: “Số cậu phải làm quan lớn, vì vậy ta mới cố ý tới đây cứu cậu”, nói xong liền biến mất.

Đỗ Xiêm sau đó trở thành công khanh vào thời Đường Huyền Tông, được ghi chép trong Đường thư. Nói ông lão là thần tiên, đây có lẽ là do Đỗ Xiêm hoặc những kẻ theo sau đít ngựa khác thêm thắt vào để sau này tăng bốc về thiên mệnh của Đỗ tướng gia. Nhưng nếu nhìn từ góc độ của thế giới u minh, ông lão này không thể là thần tiên, nếu nói ông ta là quỷ sứ chấp hành mệnh lệnh đi lật ngược con thuyền này, là một trong những đầu mục ở dưới nước tác oai tác quái khiến thuyền bị lật thì có vẻ hợp tình hợp lý hơn. Con thuyền này vốn những người không phận sự không thể lên được, trong lúc hỗn loạn đã để Đỗ Xiêm trà trộn vào, có Đỗ Xiêm con thuyền này không thể chìm được, mà chìm rồi còn phải vớt Đỗ Xiêm lên, như thế càng tốn sức, tốn thời gian. Thế là vị lão quỷ này đã làm một việc hết sức có tình, cứ như ông ta có thể tùy ý thay đổi vận mệnh sống chết không bằng. Do vậy, khi ta đọc đến câu chuyện Ông lão trong quyển một cuốn Bắc mộng tỏa ngôn sẽ thấy có những chi tiết thành thực hơn:

Tiến sĩ Dương Đỉnh Phu đi du ngoạn sông nước, khi đi qua Tào Giang, thuyền va vào hòn đá lớn giữa dòng sông, chìm dưới dòng nước xiết. Hơn năm mươi người trên thuyền đều chết cả, chỉ có Dương Đỉnh Phu là như được trợ giúp, trôi dạt vào bờ. Lúc này có một ông lão xuất hiện, dùng gậy kéo anh ta lên bờ, cười nói: “Thì ra là người trong muối, vốn không phải vật trong nước.” Dương Đỉnh Phu còn chưa kịp nói lời cảm ơn, ông lão đã biến mất. Sau đó, Dương Đỉnh Phu quay về thành, kể lại với bạn bè câu chuyện trên, nhưng không hiểu nghĩa câu nói “thì ra là người trong muối” là có ý gì. Sau này, Đỉnh Phu vì phụ tá cho những vị có quyền thần, chủ quản vựa muối độc quyền, lâm bạo bệnh mà chết. Vì phải đưa về quận Thục để mai táng, sợ đi giữa đường thì thể thối rửa, liền dùng hơn trăm cân muối ướp thi thể, bạn bè giờ mới hiểu “người trong muối” là ý đó.

Sau khi Dương Đỉnh Phu được cứu khỏi con thuyền bị lật, còn viết một bài thơ về chuyện này, bài thơ có tên là Ghi lại chuyện bị lật thuyền ở sông Tào, giờ vẫn còn có thể đọc được trong Thơ Đường toàn tập, trong đó có câu: “Hôm nay ơn sâu không thể báo, khiến phải mang nặng nỗi xấu hổ trong lòng”, hoàn toàn không biết rằng ông lão đó cứu anh ta thoát chết đuối không phải vì muốn “cứu”, mà số anh ta không được chết ở đây, không chừng nếu để anh ta chết ở đây ông lão đó mới không hoàn thành trách nhiệm của mình. Vì vậy, ông lão không nhận lời cảm ơn của anh ta, chỉ ám thị cho anh ta biết đây là số mệnh, không liên quan gì tới ân cứu. Cùng thể loại chuyện này nhưng hậu thế có rất nhiều phiên bản, ví dụ như trong Lưu Mỗ ở quyển hai Nam cao bút ký do Dương Phượng Huy người cuối đời Thanh, đầu thời dân quốc có viết rằng: “Lưu Mỗ không có tên trong sổ này, nơi anh ta chết là ở sông hồ”, còn có chuyện lại hơi biến hình, trong những câu chuyện đó đều ghi rõ “không chết ở đây” hoặc “chưa đến lúc chết”.

Tiền đây cũng nói thêm một chút, những câu chuyện như thế này không chỉ xảy ra ở Trung Quốc, chúng ta có thể đưa ra một, hai ví dụ, từ đó để thấy một vài quan niệm về thế giới u minh của người phương Tây cũng khiến người ta kinh ngạc.

Trong quyển sáu Di kiến chi mậu do Hồng Mai viết có truyện Trương Tứ sát Xương, vào thời Tống Ninh Tông[3], Trương Tứ đi chơi gái, do cãi cọ, liền giết chết người kỹ nữ. Sau khi bị tra khảo đã nhận tội, thế là bị phán tội tử hình và báo lên quan trên, không ngờ công văn của quan trên chưa xuống, Trương Tứ đã ốm chết trong ngục. Cai ngục sợ cứ để thi thể ở đây thì sẽ bị chuột bọ tới gặm, liền dùng chiếu cói quấn lại, treo lên xà. Nhưng khi quan viên tới kiểm tra, Trương Tứ sống lại, thậm chí hoạt động hết sức bình thường,

không có dấu hiệu gì của bệnh tật. Trương Tứ nói: “Trong lúc hoảng loạn, tôi bị sai dịch gọi đi, áp giải tới Bình Chính Môn, vừa đến đầu cầu, lại thấy một sai dịch chạy đến, nói với sai dịch trước là: “Tại sao không dạy Trương Tứ cắm hoa, cuốn dây?” rồi đẩy tôi xuống dưới cầu. Như vừa tỉnh khỏi giấc mộng, không biết mình đã chết.” Cả phủ từ trên xuống dưới nghe xong đều thấy lạ, liền nghi ngờ rằng liệu có phải Trương Tứ bị oan, những lời cung khai cũng chỉ cần dùng chiêu nhục hình là có thể có được. Nhưng ngày hôm sau, quan trên gửi lệnh phê chuẩn án xuống, quyết định xử treo cổ Trương Tứ, thế là chẳng ai còn quan tâm tới việc anh ta có bị oan hay không nữa. Khi bị dẫn ra pháp trường, quan sử cài hoa cho Trương Tứ, sau khi bị treo cổ chết, cũng không cởi sợi dây thừng trên cổ ra mà để phơi thây ngoài chợ, đây chính là nghĩa của câu: “cắm hoa cuốn dây” mà Trương Tứ nghe được trong mơ.

[3] Tống Ninh Tông (1168-1224): tên thật là Triệu Khoách, là hoàng đế thứ mười ba của nhà Tống và cũng là hoàng đế thứ tư của Nam Tống trong lịch sử Trung Hoa.

Còn phương Tây thì sao? Tôi có đọc một truyện ngắn của nước ngoài, nói một kẻ giết người cố chấp không chịu nhận tội, nhưng vẫn bị bồi thẩm đoàn định đoạt là kẻ có tội, bị phán tội chết. Nhưng hai lần tiêm thuốc độc đều có sự cố, phạm nhân trong lúc hoảng loạn như nghe thấy có tiếng người khẽ nói: “Còn chưa đến lúc!” Sau đó đổi sang ngồi ghế điện, nhưng lại xảy ra chuyện cả tòa nhà bị cắt điện, còn trước mặt phạm nhân như xuất hiện ảo ảnh một thiên sứ to lớn mọc ra đôi cánh. Cả ba lần tử hình đều không thành công, cuối cùng kết luận chắc chắn có oan tình, ngay cả người làm chứng cũng xin rút lại lời làm chứng. Sau khi tuyên bố phạm nhân vô tội và được phóng thích, anh ta đặc ý thừa nhận với luật sư biện hộ rằng chính mình đã giết người, nhưng khi anh ta bước tới cửa lớn của tòa án, tượng thạch cao nữ thần chính nghĩa đang treo trên trần nhà làm vật trang trí rơi xuống trước mặt các ký giả và những người tới tham dự phiên tòa, anh ta bị thịt nát xương tan, vị thần chính nghĩa đó chính là “thiên sứ hộ vệ” mà anh ta ngộ nhận trong mơ. Đây mới chính là lúc anh ta phải chết, cũng chính là ý “trong u minh, ngay giữa chính điện” khiến người này phải chết giữa thanh thiên bạch nhật và trước sự chứng kiến của tất cả mọi người.

Hình như đã hơi xa đề rồi, giờ chúng ta quay lại bàn tới đề tài có một con thuyền ma, bởi vì cách thức này hãy còn một sự biến hình rất quan trọng nữa, ngoài ý nghĩa “số đã định thế”, qua đó còn có thể nhìn thấy nhân tình thế thái, những tình tiết kiểu ấy có vẻ phức tạp hơn. Trong truyện Kim tử bài ở quyển tám, Từ thị bị tình do Từ Bội người đời Minh viết:

Ngày Mười bốn tháng Năm năm Vạn Lịch, sông Dương Tử gió to sóng lớn. Có một con thuyền chở hơn trăm người, đột nhiên thấy một bộ mặt quỷ trong sóng tay cầm lệnh bài giơ lên, bên trên viết chữ “Kim”. Những người trên thuyền cho rằng điều đó muốn chỉ những người mang họ Kim sẽ chết, quả nhiên trên thuyền có một người mang họ Kim, định len khỏi đám người nhảy xuống nước. Người mang họ Kim này vốn ăn chay niệm Phật, nói: “Để cứu mạng mọi người, sao ta lại phải tiếc, chỉ cần mọi người trên thuyền bình an vô sự”, nói rồi nhảy xuống nước. Lúc này gió thổi điên cuồng, sóng tung bọt trắng, người họ Kim kia như được ai giúp đỡ dìu ra khỏi sóng lớn, đưa thẳng vào bờ, còn con thuyền đó lật, tất cả đều chết.

Cái chết của con người đôi khi là do tự họ gây nên, dù là tai nạn tự nhiên hay kiếp nạn chính trị cũng đều giống nhau.

16. Chương 13

Chương 13

Sinh hồn mang xiềng xích

Chương trước có thuật lại chuyện đứa bé không chịu lên thuyền, chuyện này còn có một bản khác ở đời Thanh. Đầu tiên là chúng ta có thể thấy trong Minh phạm[1] quyển mười Tam cương thức lược do Đồng Hàm viết: “Bến thuyền ở sông Hoàng Phố, Thượng Hải đã có mười chín người lên thuyền, lại thêm hai người nữa tiếp tục lên, một đứa trẻ đứng trên bờ nói với họ: “Những người trên thuyền ai cũng thấy đeo gông xiềng tay, chắc là phạm nhân, mọi người đừng lên thuyền đấy.” Hai người này cho rằng đứa trẻ nói đùa, hơn nữa trên thuyền có rất nhiều người quen, liền gạt đứa trẻ sang một bên, cùng nhau nhảy lên thuyền.

Thuyền ra tới giữa dòng, đang yên đang lành tự dưng lật, kết quả mười chín người gặp nạn, hai người lên thuyền sau đó may mắn thoát chết.” Thứ mà đứa trẻ trong chuyện này nhìn thấy không phải là “ma quỷ” mà là “tội phạm” rồi. Trong chuyện Nịch phạm[2] ở quyển một Hương ẩm lâu tân đàm do Lục Trường Xuân viết cũng đã phát triển đề tài này: “Người trên thuyền đều bị xiềng xích gông cùm, bộ dạng rất nặng nề.” Ngoài ra, còn có một người đứng ở đầu thuyền, tay cầm gậy gỗ ngắn, giống như người giải tù nhân, diện mạo hung ác. Người cuối cùng đứng ở đầu thuyền này là ma thật, còn những người trên thuyền mặc dù sắp trở thành bạn đồng hành của anh ta, nhưng lúc này vẫn chưa nhìn thấy anh ta.

[1] Minh phạm: mình ở đây là âm phủ, phạm là tội phạm.

[2] Nịch phạm: nịch là chết đuối, phạm là tội phạm.

Bắt đầu từ thời Minh cho tới cuối đời Thanh, thần Thành Hoàng chính thức trở thành minh thần, còn miếu Thành Hoàng ở các phủ, châu, huyện lại trở thành minh ti giống như nha môn các cấp trên nhân gian. Hình thức cải cách thêm minh phủ cơ sở dưới quyền Diêm Vương hay Đông Nhạc đại đế[3], thành quả của nó hiện lên bách tính trăm dân, điều rõ ràng nhất là khi sinh hồn của chính bản thân mình bị mình sai đưa đi nhìn rất giống với một tên tội phạm. Nhưng điều này không có nghĩa là sinh hồn nào bị bắt cũng phải đeo gông, mang xiềng xích, những bách tính thật thà bình thường chỉ cần dùng một sợi dây thừng là có thể dắt cả đoàn, hà tất khi đi làm nhiệm vụ phải mang theo bao nhiêu là hình cụ như thế? Trẻ con “tinh mắt”, rõ ràng cả một thuyền đầy khách, thế mà nó lại chỉ nhìn thấy hình dạng của những sinh hồn chuẩn bị bị bắt đi, xiềng xích chính là xích sắt và khóa sắt, còn thêm cái gông gỗ, chính là “trang phục” của những tử tù trên nhân gian, lẽ nào cả thuyền người này đều là những kẻ hung ác, bị giải đến âm gian cũng phải chịu xử phạt nặng? Tôi cảm thấy người viết câu chuyện đó chưa chắc đã có suy nghĩ như vậy, ý của ông ta chỉ là những người này chuẩn bị bị “xử lý tập thể” trong tai nạn, để đề phòng có chuyện ngộ nhỡ xảy ra, nên dùng xiềng xích dưới âm phủ xích sinh hồn của họ lại, khiến những người đó không thể rời khỏi thuyền vì bất kỳ nguyên nhân nào.

[3] Đông Nhạc đại đế còn gọi là thần Thái Sơn.

Phạm là những linh hồn bị xích sắt trói chặt rồi, không thể chạy thoát khỏi nơi xảy ra tai nạn. Còn nếu thoát khỏi nơi xảy ra tai nạn thì sao, thì đó là những người không bị đeo xiềng xích. Đây cũng là một logic thường thấy trong những câu chuyện về âm phủ. Trong Hỏa hoạn Quảng Đông ở quyển hai Bắc đông viên bút ký lục Tư Biên do Lương Cung Thần viết có ghi lại trận hỏa hoạn xảy ra ở Quảng Châu vào năm Đạo Quang thứ hai mươi lăm (tức 1845), thiêu chết cả nam lẫn nữ tổng cộng hơn một nghìn bốn trăm người, chỉ có hai người thoát được trận hỏa hoạn đó, có lẽ hai người này đã “gặp may”, cũng chỉ là cách để lại hai người làm đầu mối kể lại câu chuyện này mà thôi.

Ngày Hai mươi tháng Tư năm ấy, Cửu Diệu Phường Cảnh của Quảng Châu diễn kịch, tạm thời dựng sân khấu trước nha môn học sử, nhưng xung quanh lại là những chiếc lều san sát nhau, đằng sau sân khấu có một tên tiểu tử hút thuốc để rút tàn lửa nên đã gây ra trận hỏa hoạn lớn hiểm thấy này. Một đêm trước đó, một tay trống của đoàn kịch vì phải thức trông rương hòm tư trang nên ngủ trên sân khấu, vừa chợp mắt liền nhìn thấy mấy người mặc áo màu đỏ, rõ ràng là thần lửa rồi, tiếp theo đó là một đám người mất đầu, mất chân tay, người cháy đen sì. Sau khi sợ hãi giật mình tỉnh dậy, vừa nhắm mắt lại, lập tức mơ, chỉ thấy một người quần áo, mũ mào, tay cầm dây xích, ăn mặc như nha dịch mang theo hơn ba mươi người, đi vào trong lều của đoàn kịch, hề gặp người là bắt. Sau khi giật mình tỉnh giấc, anh ta biết sắp xảy ra chuyện lớn rồi, nhưng lại không dám nói với ai. Ngày hôm sau đoàn kịch diễn vở mở màn, cái trống lớn do anh ta gõ chẳng hiểu sao lại bị nứt, thế là anh ta lấy luôn đó làm cái cớ trốn khỏi đoàn kịch. Còn một người sống sót nữa là tên tiểu tử đóng vai nhảy mở màn cho vở kịch, khi anh ta mang mặt nạ lên sân khấu, nhìn xuống phía dưới thấy khán giả người nào người nấy đen sì, sau này nghĩ, đúng là bộ dạng bị lửa thiêu.

Một trận hỏa hoạn lớn thiêu chết hơn một nghìn bốn trăm người, tương đương với số người có thể chết bị bệnh dịch, trong truyện cũng chỉ ra rõ ràng rằng sai dịch dưới địa phủ tay cầm xiềng xích để lên bắt người. Cũng chính là muốn nói, hoàn toàn không khác gì so với những cách bắt hồn thông thường, đều giải đi như giải những phạm nhân. Kỳ lạ là, trong quyển Ký kham bính chí do Tôn Đức Tổ người thời Thiệu Hưng cũng có ghi lại vụ hỏa hoạn này, nhưng chi tiết chỗ giống chỗ khác, bởi vì ông ta là nghe người khác kể lại, những cũng nhờ đó mà thấy được rất nhiều chi tiết đặc sắc do dân gian thêm thắt vào.

Trận hỏa hoạn này lại xảy ra ở trước đền Hàn Văn Công, giữa Nghị môn và Học sử nha môn, thời gian đổi

thành tháng Sáu, số người chết là “hàng nghìn người”, và số người thoát được lại thành ba người. Người đánh trống lặn này không có, thay thế anh ta và sống sót là một kỹ nữ và một người buôn bán nhỏ. Lửa vẫn bốc lên đằng sau sân khấu, đối diện với chỗ người kỹ nữ đó ngồi chính là nơi bốc lửa, từ xa đã nhìn thấy ánh lửa lập lòe, nên muốn nhanh chóng rời khỏi hiện trường. Nhưng nơi cô ta ngồi lại là tầng cao nhất, nếu đi cầu thang xuống, sợ rằng không kịp, gần chỗ ngồi có một con đường, nhưng lại cách lan can, cô ta không thể nhảy qua được. Đúng lúc đó có một người bán hạt dưa đứng bên ngoài lan can, cô ta vội vàng gọi hắn lại, nói mình đau bụng muốn chết, nhờ hắn công về nhà. Nhưng tên bán hạt dưa đó không chịu, thoái thác không công được, cô ta liền tháo chiếc vòng vàng trên tay đưa cho hắn, nói mình dùng cái này để đổi lấy mạng sống, rồi trèo qua lan can lên vai hắn, sau đó giục hắn chạy au. Nhắc đến cô kỹ nữ này lại thấy cô ta nhanh nhẹn, quyết đoán, nhưng trong mắt của người hiểu chuyện thì đó là vì mệnh cô ta chưa phải chết, cũng chính là muốn nói cả hai người này đều không phải mang xiềng xích của âm phủ. Bởi vì cái tên chuyên đóng vai nhảy mở màn cho vở kịch kia, từ sau mặt nạ nhìn thấy hàng nghìn khán giả không phải là mặt mũi đen sì, mà là “đều bị xiềng xích chân tay”!

Điều đáng chú ý hơn cả là, bình thường những người có thể nhìn thấy ma quỷ chỉ có thể là những đứa trẻ tinh mắt và những thuật sĩ có bản lĩnh đặc biệt, nhưng tên nhảy mở màn vở kịch này lại có thể nhìn thấy là bởi vì anh ta đã đeo mặt nạ, mặt nạ thần thánh đó dường như cũng có chút thần tính, qua lỗ mắt có thể nhìn thấy những thứ mà người phàm trần không thấy được.

Những người sẽ bị tai nạn hoặc gặp kiếp nạn thì đều bị quỷ tốt đeo xích sắt trên cổ trước, chi tiết này thường thấy trong những câu chuyện ở đời Thanh. Như trong quyển ba, cuốn Dạ đàm tùy ký của Nhân Trai Thị có ghi lại một trận động đất lớn xảy ra vào năm Ung Chính thứ tám ở Bắc Kinh, khiến người ta nghe phải nổi hết cả gai ốc: “Trước một ngày xảy ra động đất, ở phía tây thành có người bế một đứa trẻ tầm ba, bốn tuổi ra quán trà. Vừa đến cửa, đứa trẻ liền ôm chặt cổ bố, khóc rống lên, nói thế nào cũng không cho bố vào. Người đó thấy lạ, hỏi: “Sợ ở đây đông người quá phải không?” rồi tìm đến một quán trà khác, nhưng đứa trẻ vẫn khóc rất to, liên tục đổi quán nó vẫn khóc. Hỏi nó bình thường rất thích đến quán trà, hôm nay làm sao lại thế? Đứa trẻ nói: “Hôm nay trong các quán trà từ người uống cho đến người bán, cổ ai cũng thấy đeo xiềng xích!” Người lớn lại cho rằng trẻ con nói năng linh tinh, liền bế nó quay về, trên đường đi gặp người quen, mới kể lại cho người đó chuyện này, người đó phá lên cười ha hả. Đứa trẻ nói: “Ông ta còn cười người khác nữa, trên cổ ông ta cũng có xích kia kia!”

Trong quyển ba Nam cao bút ký do Dương Phượng Huy viết có ghi lại chuyện “thoát khỏi thủy nạn” xảy ra vào năm Quang Tự thứ mười bảy (1891), cũng có những lời đồn thổi tương tự, người chết đuối lên tới hàng nghìn người, những đứa trẻ “mất tinh” có thể nhìn thấy, những người bị nước cuốn đi trên cổ không những đeo xiềng xích, mà bên cạnh còn có quỷ tốt được phân công tới để bắt hồn người đó mang đi. Diêm Vương không vì số người bị bắt lớn mà có sơ suất, “một người cũng không thể thiếu”, “lưới trời lồng lộng” là để đối phó với bách tính trăm dân!

Dùng xích sắt để trói phạm nhân, không biết bắt nguồn từ thời nào, triều nào, nhưng những câu chuyện về xích sắt gặp nhiều ở đời Thanh, như vậy có thể nói, triều Thanh vượt qua những triều đại trước về mặt này. Những xiềng xích của địa phủ người thường không thể nhìn thấy được, người bị xiềng tự bản thân mình cũng không biết, cũng như thế, đám người trong quán trà vẫn không lơ đi bản cáo thị “không bàn việc thị phi trong nước” để mà tám chuyện rôm rả, âm ỉ, nói nhăng nói cuội, hoàn toàn không biết rằng đám quỷ tốt dưới địa ngục đã phối hợp với “giọt máu” của Ung Chính gia, đang đợi thời cơ, quăng một mẻ lưới bắt hết bọn họ!

Tiền đây cũng nói thêm một chút, linh hồn của những người sắp chết sẽ có hiện hiện bất thường, không chỉ giới hạn trong việc linh hồn đeo xiềng xích ở đời Thanh. Trong quyển một, tập Bắc mộng tỏa ngôn của Tôn Quang Hiến sống ở thời Ngũ đại, một thuật sĩ nhìn thấy giám quân, thái giám, tự lâm quân sứ, phó sứ trở xuống đều mang mặt nạ có “tai sắc”[4], dự liệu sẽ chết cũng một ngày, đương nhiên là chết đột ngột rồi. “Tai sắc” này là một thứ “mị khí” mà người thường không nhìn thấy được, thực ra gọi là “quỷ khí” còn chính xác hơn. Lại có người sắp bị chết đuối, trên mặt hiện “thủy văn”, chỉ những thuật sĩ có công năng đặc biệt kiêm nhìn quỷ nhân mới có thể nhìn thấy được. Trong Dạ đàm lục ký có nói đến đứa trẻ trước đêm xảy ra động đất, tôi nghĩ, chỉ nhìn thấy những người đó cổ đeo xiềng xích thì không đến nỗi khiến nó sợ hãi mà khóc, sợ là những người sắp chết trong trận động đất đó trên mặt đã mang “quỷ tướng” của những người chết.

[4] Tai sắc: tai là tai ương, sắc là màu sắc.

Ở thời Thanh còn có một cách nói khác, những người không còn ở trên trần thế lâu nữa, lại có thể nhìn thấy trên tai người khác có treo tiền giấy. Quyển nằm trong Động linh tiểu chí của Quách Tắc Vân viết về một người họ Hứa có thể nhìn thấy quỷ. Người phụ nữ hàng xóm ốm, Hứa mỗ vừa nhìn liền nói: “Không sống lâu nữa đâu, ta thấy bên tai có treo tiền giấy rồi.” Quả nhiên, chưa đến ba ngày sau người phụ nữ đó chết. Vợ chồng Hầu Nghi Sử (tức khắc triện[5] gia Hầu Nghi, chết năm 1951) thường gặp Hứa mỗ ở nơi diễn kịch, kịch vừa hết, Hứa mỗ vội vàng bỏ đi. Hầu hỏi vì sao, Hứa đáp: “Ta thấy số khán giả ngồi đây tai đeo tiền giấy, không biết sẽ xảy ra chuyện gì.” Không lâu sau xảy ra đại dịch, người chết rất nhiều, đến nỗi những người bán quan tài cũng không còn hàng mà bán.

[5] Khắc triện: khắc dấu.

Nghe nói ngày xưa mỗi khi đóng vai ma quỷ, đều đeo trên tai một xâu tiền giấy, có lẽ cách nói quỷ nhân là xuất phát từ những hình tượng được diễn trên sân khấu.

17. Chương 14

Chương 14

Làm sai dịch không thể bỏ bữa cơm

Trong nhà môn Trung Quốc, đương nhiên tôi muốn nói tới thời cổ đại, hình như đã hình thành một thói quen, đây chính là ăn cơm trước, làm việc sau. Trên thực tế, việc chưa chắc đã làm nhưng cơm thì nhất định phải ăn. Đối với những người còn chút lương tâm thì họ sẽ nói “ăn không của người ta”, còn với những người chẳng có lương tâm mà cũng chẳng cần giữ thể diện thì họ đập luôn “ăn cả nguyên cáo, ăn cả bị cáo”, việc này trong mắt những người ở nhà môn là việc hết sức bình thường. Nhưng sự phạm ăn của những âm sai dưới âm phủ lại có tình để có thể lượng thứ, việc ăn cơm của những người ở thế giới đó đã được nói trong một cuốn sách khác, bình thường ở cơ quan mọi người đều đối bụng, cũng vậy thôi, một khi đã là “âm sai” đến thế giới u minh rồi, một con chó khi nóng cũng phải thè lưỡi ra, nếu lúc này bạn không cho nó ăn thì thật chẳng có tình người gì nữa.

Trong truyện Trường quỷ bị trói ở quyển bốn Tử bất ngữ do Viên Mai viết, có kể về chuyện khi còn trẻ của hàn lâm Thấm Hậu Dư, anh ta đến nhà bạn học họ Trương đang bị thương hàn để thăm bệnh, nhìn thấy một con quỷ cao lớn đang ngồi lừng lững trong phòng khách, ngửa mặt nhìn lên. Thấm mỗ thấy không giống người, liền cúi thắt lưng ra trói hai chân con quỷ đó vào chân ghế. Con quỷ không thể cử động được, đối mặt với một nhân vật lớn trước mắt, đành phải làm mặt khổ sở. Thấm Hậu Dư hỏi nó tại sao lại đến đây, con quỷ nói: “Trương mỗ sắp chết, ta là quỷ sai, theo quy định phải đến chào hỏi thần linh trong gia đường nhà anh ta trước, sau đó mới bắt anh ta đi.” Thấm Hậu Dư xin thay cho Trương mỗ, con quỷ cũng không phải kẻ xấu, nghe nói nhà Trương mỗ mẹ góa con côi, liền cảm động, nói: “Chỉ có một cách có thể cứu được Trương mỗ. Trưa ngày mai, Trương mỗ sẽ chết, sẽ có năm quỷ tốt theo ta đến đây. Đám quỷ tốt dưới địa phủ bị bỏ đói đã lâu, nhìn thấy đồ ăn sẽ quên hết những chuyện khác. Người hãy bày ra hai bàn tiệc, mỗi bàn sáu người ngồi, thấy có gió lốc từ trên xuống dưới thì lập tức mời vào trong, khi chúng ngồi xuống bàn thì chuốc rượu liên tục. Đợi khi nào qua buổi trưa thì hãy để tiệc tàn, nếu đã lỡ thời gian, thì dù có nghĩ cách nào họ cũng không thể làm gì được nữa.”

Quỷ đói thấy tiệc rượu, chẳng còn màng tới thứ gì khác nữa, nói thế cũng không có gì là quá đáng. Những người như chúng ta chưa từng phải trải qua cảm giác làm quỷ đói. Công một trăm cân cải trắng mua được từ trên núi xuống, trong ba mươi chín ngày đập gần một trăm dặm, lại thêm bệnh huyết áp thấp, về đến nhà, vứt xe đạp ở đó, gặp ai cũng chẳng muốn chào, ôm lấy thằng bé đang bưng nồi cơm, chỉ hận một nỗi không thể nhét luôn đầu mình vào trong đó. Việc này không thể nói là chúng ta không ra gì, chỉ vì khi ấy quỷ đói nhập vào thân, không còn điều khiển được chính mình nữa. Nói đi cũng phải nói lại, chúng ta cũng nên đồng cảm với đám quỷ sứ mỗi lần bị bỏ đói là tới mấy tháng liền.

Trong quyển chín của cuốn Duyệt vi thảo đường bút ký do Kỷ Quân viết, Hắc – Bạch vô thường phụng mệnh đi bắt người, đến nhà người ta, đầu tiên là chạy vào bếp, gắp gì cũng vơ cho vào miệng, kiểu ăn đó của chúng khiến chúng ta không thấy buồn cười, mà chỉ thấy đáng thương. Kết quả là bị thầy đồ do chủ nhà mời đến dạy học phát hiện, hét lên một tiếng, khiến Bạch vô thường thất kinh chuồn nhanh như chuột chạy vào hang, Hắc vô thường lại bị thầy đồ đồ nhốt vào trong phòng, không ra được, đành nấp trong góc tường. Hai quỷ vô thường này cũng biết xấu hổ, đói tới mức ấy nhưng vẫn biết ăn vụng là việc mất mặt, giống những tham quan ô lại trên nhân gian, hành động đó của chúng khiến người ta phải tỏ lòng ngưỡng mộ. Đương nhiên, vị thầy kia có mệnh làm quan, có quý nhân phù trợ, hai quỷ vô thường đó không dám mạo phạm, cũng là nguyên nhân khiến chúng rơi vào cảnh khó khăn. Nhưng có những quỷ sai chưa đạt được sự thỏa mãn tối thiểu, nên vẫn còn lòng tham, ham muốn được hưởng thụ những thú vui cao cấp của người giàu có, đương nhiên cũng đáng giận, nhưng vẫn có chỗ đáng thương. Trong quyển bảy của Tử bất ngữ có chuyện Quỷ sai thêm rượu, viết về một con quỷ xui xẻo, đã bắt được sinh hồn trong tay, chỉ vì nhìn thấy ở vườn bên cạnh có người đang uống rượu, liền không chịu đi. Người đó thấy quỷ sai thêm quá tới mức đáng thương, liền cho hắn một ly, chỉ nghĩ chứ không uống. Người đó hỏi có phải quỷ tốt chê rượu lạnh không, nó gật đầu. Đưa cho nó một ly rượu đã hâm nóng, nó vẫn nghĩ chứ không uống, nhưng hơi rượu ngào ngạt, mỗi lần ngửi là mặt nó lại ửng đỏ rồi dần dần tái như gan lợn, miệng mở to không khép lại được. Người kia thấy thế, liền đón lại ly rượu, đổ vào miệng nó, mỗi lần rượu được rót vào, mặt quỷ tốt co lại, đến khi uống cạn ly, quỷ tốt đã bé xíu như một em bé, sau ngất không biết gì nữa. Người hàng xóm vốn chỉ là có ý tốt hoàn thành tâm nguyện thêm rượu của nó, nhưng khi anh ta phát hiện ra nó là âm sai, thậm chí người nó đang dắt trong tay là sinh hồn người tình của mình, liền “nảy sinh ý ác”. Anh ta mở hũ rượu ra, tóm lấy quỷ tốt nhốt vào trong, đập nắp lại, rồi vẽ lên trên một đồ bát quái. Kết cục là khiến quỷ tốt biến thành sâu rượu, say mê man ngày đêm.

Đói khát tới mức đó, nên khi đi bắt sinh hồn, quỷ sứ gần như đánh mất nguyên tắc của mình, vi phạm kỷ luật, chỉ cần người mà nó bắt không phải là người ác thì còn có chỗ tha thứ.

Trong truyện Trương ngự sử ở Quảng dị kí của Đới Phu đời Đường viết về một quỷ sai như thế, chuyện xảy ra vào năm Thiên Bảo, Đường Huyền Tông, ngự sử phán quan Trương mỗ phụng lệnh đến Hoài Nam điều tra vụ án, đã lên thuyền chuẩn bị qua sông rồi, từ trên bờ thấy có người vội vàng chạy đến, Trương mỗ nghĩ anh ta có chuyện gấp, liền cho thuyền dừng lại. Người đó bắt kịp, định đi nhờ qua sông. Lái thuyền không chịu, nói anh ta làm lỡ việc quan, còn cậy quyền cậy thế định giơ tay đánh anh ta. Nhưng Trương phán quan liền nói: “Cho một bách tính nghèo đi nhờ thuyền, có gì mà không được?” Nhìn mặt mũi anh ta trông đói khát, Trương phán quan nhường phần cơm thịt còn lại của mình cho anh ta, người đó mặc dù không đưa đẩy qua lại, nhưng sắc mặt rất hổ thẹn. Sau khi qua sông Hoài, hai người người đi về phía đông, người về phía tây, nhưng khi Trương phán quan đến dịch trạm, đã thấy người đó đứng ở cửa chờ hầu. Người đó nói: “Thật không dám giấu, ta không phải là người, là do âm phủ sai đến bắt sinh hồn của người, số người phải chết đuối dưới sông Hoài, nhưng cảm tình người đã chăm lo ta khi đói, không nỡ ra tay, cho người thêm một kỳ hạn nữa, chuẩn bị hậu sự đi. Trong âm phủ ta chỉ là một tiểu tốt ở trạm nhỏ nơi đầu đường, nếu cho người nhiều thời gian thì lại nằm ngoài quyền hạn của ta.” Trương phán quan nghe xong liền run rẩy cầu xin, quỷ sai nói: “Sợ là không dễ đâu. Nhưng nếu nhà người có thể đọc thông một nghìn lần Kim Cương kinh trong vòng một ngày thì có thể kéo dài thêm tuổi thọ.” Trương phán quan nói: “Hôm nay đã tối, sao có thể đọc một nghìn lần chứ?” Quỷ sai đáp: “Không nhất thiết phải một mình nhà người đọc, chỉ cần có người đọc, là được tính.” Thế là Trương phán quan gọi hết tạp dịch, bách tính trong dịch sở tới mười mấy người, đến tối ngày hôm sau, cuối cùng cũng đọc được một nghìn lần quyển kinh đó, và cũng là lúc quỷ sai xuất hiện. Trương phán quan đi cùng quỷ sai xuống dưới âm phủ, báo cáo công đức với Diêm Vương, kết quả đúng như mong muốn. Trương phán quan được sống thêm mười năm nữa và được đưa về dương gian ngay lập tức.

Đến đây thì vai trò có vẻ bị đảo lại, tới lượt Trương phán quan phải mang ơn chịu nghĩa. Quỷ sai đó nói nghe rất thương: “Vì người mà ta bị lỡ việc, bị đánh một trận, người không định bồi thường cho ta sao?”, nói xong liền tụt quần xuống, có vết thương làm chứng. Trương phán quan nói: “Ta là một quan nghèo, lại đang đi công tác đường dài, sợ không làm được việc báo đáp, bồi thường cho người.” Quỷ sai đáp: “Ta chỉ cần hai trăm quan tiền giấy.” Phán quan đồng ý ngay: “Nếu chỉ là tiền giấy, ta có thể cho nhà người năm trăm quan.” Quỷ sai vội từ chối: “Ta không có phúc phận lớn như thế đâu, hai trăm quan là đủ rồi.” Thế là đàm phán, thỏa thuận xong, vội vàng đưa Trương phán quan về lại dương gian, để đốt tiền chuyển khoản.

Đây có lẽ là món tiền lớn đầu tiên trong đời của quỹ sai này, lòng tốt được báo đáp, xét về tình có thể tha thứ, nhưng chuyện đã có khởi đầu, e là sau này khó chịu đựng được.

Nhưng do đó cũng có thể thấy, quỹ tốt này ngã xuống nước là do người sống kéo, mà con người có đức hiếu sinh, cũng không thể trách. Vậy thì vấn đề ở đâu đây? Theo tôi, vấn đề nằm ở Diêm Vương và hòa thượng. Khi bọn họ mở ra cánh cửa sau, đọc kinh là có thể kéo dài tuổi thọ, cũng chính là muốn móc tiền người trên nhân gian để bù đắp cho tội lỗi của họ. Một câu: “Lão tử có tiền” và “Bố ta là Cao cầu” cũng giống nhau, lập tức khiến phán quan phải nhìn bằng ánh mắt khác, trong lòng đã bắt đầu suy nghĩ làm thế nào để giải quyết vụ làm ăn này đây, quỹ tốt cũng thế, có điều không tham lam nhiều mà thôi.

Người đời Đường có câu: “Kẻ trộm phạm pháp, pháp luật còn. Người gian phạm pháp, pháp luật mất!” Quỹ tốt đó vì tình riêng mà kéo dài tuổi thọ cho Trương phán quan thêm một ngày khiến tôi nhìn thấy cách chấp pháp có bản tính con người trong đó, đây rõ ràng là lợi dụng mũ quan, nhiều nhất cũng chỉ là “phạm pháp” thôi, mà kiểu như “đọc kinh kéo dài tuổi thọ” hay “ngoại lệ” gì gì đó đều là một cách “biến hóa của luật pháp” mà thôi! Có điều, những người làm hồng pháp luật lúc này không phải người gian mà là Diêm Vương và các bậc hòa thượng đại diện của Phật giáo thường trú dưới âm phủ.

Những chuyện liên quan tới nhân sự cấp cao dưới địa phủ xin tạm dừng ở đây, bởi vì những người có tư cách để tiếp xúc với họ thật ra quá ít, như tôi cả đời là thảo dân, vào Diêm La điện, e rằng đến mặt của Diêm Vương cũng không có cơ hội để nhìn, mà cho dù có nhìn thấy, sợ là dưới tấm biển “Chính đại quang minh”, cũng không dễ dàng mở miệng làm chứng cho ai. Vì vậy, tốt hơn là kể những chuyện thực tế một chút, đó là làm thế nào giải quyết được vấn đề mâu thuẫn với quỹ sai đi bắt hồn. Một kẻ phải bắt hồn, một người không muốn bị bắt, đây chính là “mâu thuẫn”. Xử lý ổn rồi thì có thể không bắt hay bắt muộn, cũng không ảnh hưởng tới việc bắt nữa, vui vẻ nắm tay nhau đến gặp Diêm Vương. Xử lý không tốt thì kết cục ai cũng hiểu, vì vậy mọi người phải biết hài hước một chút.

Biết hài hước rồi thì sẽ hiểu rằng những sai nhân đó cũng cần ăn cơm, hưởng hồ bọn họ toàn là quỹ đói. Bách tính chúng ta ai cũng đã trải qua cảm giác bị đói bị khát, vì vậy cũng phải hiểu cho hoàn cảnh khó khăn của đám quỹ sai đó. Kẻ hôn quân như Tấn Huệ Đế có thể nói những lời mát mẻ như: “Không có lương thực, sao không ăn thịt? Không có thịt lợn, sao không ăn cá?” Ông ta không biết rằng bách tính không có lương thực phải gọt vỏ cây mà ăn, không có vỏ cây đành phải ăn muối than. Trong thế giới âm phủ chỉ có bờ sông Nại, thậm chí có mấy cái cây bên bờ sông gần với dương thế, còn không có cả lá cả vỏ, chỉ có thể làm móc áo, cho dù không phải là người bi quan cũng biết, ngay cả muối than, đám quỹ sứ dưới đó cũng đã ăn hết từ lâu. Vì vậy bọn họ mới gửi gắm sự thèm thuồng của mình vào thế giới dương gian, đi làm việc mang ầm ục trong lòng, khi quay về, linh hồn bị bắt trở thành nơi trút giận.

Có vài người không chịu hiểu, phải sau khi người chết rồi mới đốt tiền giấy cho âm sai đại ca làm phí đi đường, không nghĩ rằng, tìm đâu được quán cơm trên m sơn đạo đây? Hơn nữa, đọc sách cũng bằng thừa, đến ngay câu: “Mạc vũ đây đủ” cũng không hiểu, phải biết rằng khi âm sai đại ca đến phải bày một bàn tiệc rượu đón tiếp.

Thứ hai là, cho dù khi âm sai vừa vào đến cửa đã bày tiệc rượu, cũng vẫn gọi là hơi muộn, tốt nhất là bình thường nên móc nối quan hệ sẵn với thần quỷ dưới âm phủ, bắt đầu từ thần ở trung đường, thần giữ cửa, thần bếp nhà họ cho đến thổ địa ở địa phương. Đừng coi thường những vị thần chức sắc nhỏ đó, cũng đừng tin “cốc nước bát hương” những lời liêm khiết hảo đó, gà rượu là những đồ cúng tế tối thiểu, thỉnh thoảng cũng thêm cái đầu lợn cũng không gọi là quá. Sau khi quan hệ tốt rồi, nếu không “lên trời nói những lời có cánh” giúp thì bình thường cũng không lạng lẹ tới kiểm tra, điều tra, khi đi bắt hồn đoạt mệnh, những vị thần nhỏ này nếu không báo tin qua gió thì cũng không đến nổi đổ thêm dầu vào lửa.

Ở đây không phải là làm ăn với mấy vị thần nhỏ đó mà là lấy ví dụ để chứng minh. Trong Tục huyền quái lục do Lý Phục Ngôn người đời Đường viết có kể về một người thợ mộc tên Sái Vinh, coi thần thổ địa như thần tiên, mỗi lần ăn cơm đều đặt một phần xuống đất, lầm nhảm đọc: “Thổ địa gia, mời ngài về thưởng thức” hay đại loại như thế, mặc dù bát cơm này cuối cùng vẫn vào bụng mình nhưng cũng coi là đã hiếu kính. Ông ta kiên trì làm như thế, cho đến mùa xuân năm đó ông ta ngã bệnh, nằm trên giường sáu, bảy ngày không dậy được. Tối muộn hôm ấy, có một võ sư chạy tới, nói với mẹ Sái Vinh rằng: “Bà mau cắt hết quần áo, đồ dùng của Sái Vinh đi, đừng để người khác nhìn thấy, rồi mặc cho anh ta bộ quần áo của bà, nếu có người đến hỏi, bà cứ nói là anh ta ra ngoài rồi, hỏi đi đâu thì bà cứ nói đại một địa điểm, đừng để người

đó biết Sái Vinh đang ở nhà.” Sái mẫu vừa sắp xếp cho con theo lời của võ sư xong thì có một vị tướng quân tìm đến, tay cầm cung tên, đem theo hơn mười tùy tùng, đi thẳng vào nhà, gọi tên Sái Vinh ra. Sái mẫu hoảng sợ đáp: “Sái Vinh uống rượu say túy lúy, tôi tức giận cầm gậy đuổi đánh, nó sợ quá chạy mất, hơn mười ngày chưa thấy về, tôi cũng không biết nó chạy đâu mất rồi.” Tướng quân lệnh cho tùy tùng lục soát, kết quả tìm suốt một ngày không thấy gì, trong nhà không có đàn ông, đến đồ dùng của đàn ông cũng không có. Tướng quân gọi thổ địa lên, ra lệnh cho thổ địa tìm Sái Vinh về, thổ địa cũng nói y hết lời mẹ Sái Vinh. Tướng quân nói: “Phía hậu điện của Diêm Vương hơi bị nghiêng, phải tìm một thợ mộc xuống sửa chữa. Thời hạn đã đến, người xem ai có thể thay thế được anh ta?” Vậy là thổ địa liền đáp: “Ở làng Lương Thành có một người tên Diệp Can, tay nghề còn khéo hơn cả Sái Vinh, vừa hay đại hạn của anh ta đã đến, cũng sắp phải đuổi bắt anh ta rồi.” Thế là nhờ một câu nói của thổ địa mà Sái Vinh đã tai qua nạn khỏi. Vì vậy, đừng ai nghĩ rằng mình chỉ cần tuân thủ kỷ luật, luật pháp là không sợ ai, mỗi bữa ăn ít đi vài miếng thì coi như trong nhà đã nuôi được long vật đó.

18. Chương 15.1

Chương 15

Nửa đêm không sợ quỷ gõ cửa

1’

Từ một vài câu chuyện được nhắc tới ở các chương trước, chúng ta có thể thấy âm sai đi bắt người mặc dù giữ chức vụ thấp nhất trong quan phủ, nhưng đôi khi cũng có quyền tạo ra sự sinh tử. Nếu có thể bắt tay với bọn họ thì khi thời khắc sinh tử đến họ có thể tha mạng cho bạn. Những cực đoan xảy ra trong nha môn trên nhân gian thực sự cũng xuất hiện dưới âm phủ, chỉ vì mọi người không chịu từ bỏ chút hy vọng cuối cùng về người nắm giữ chính nghĩa, do đó luôn tưởng tượng rằng Diêm Vương phán quan khi xử án bao giờ cũng công bằng hơn những quan phủ trên nhân gian, vì vậy những thói quen xấu, làm ăn gian lận đều bị đổ tội lên đầu âm sai. Cái gì mà “Diêm Vương bảo người canh ba phải chết, ai dám giữ đến canh năm”? Đây chỉ là cách nói khuyếch trương quyền lực của Diêm Vương mà thôi, và coi thường quyền thực thi mệnh lệnh của sai dịch. Trên thực tế, trong giai đoạn bắt hồn, những kẻ được sai đi bắt hồn trong tay nắm giữ một nửa quyền chủ động, chỉ cần thực hiện đúng pháp luật, đừng nói là cách biệt giữa canh ba và canh năm, mà có rời thêm ba tháng, năm tháng nữa cũng chẳng phải chuyện to tát gì, thậm chí tha cho người đó trong lần đi bắt bố này cũng là việc trong tầm tay.

Đương nhiên, kiểu làm việc lộng quyền này không phải chỉ làm suông, làm không, hoặc sẽ xem xét tới tình người, một kiểu giống như được nhắc tới ở chương trước, hoặc là phải trả tiền duyên. Tiền duyên đương nhiên là chỉ tiền tài, người xưa có câu: “Tay không không vào được cửa công.” Chỉ cần bạn đi kiện thì dù bạn là nguyên cáo hay bị cáo, không chi tiền chắc chắn không thành, chi ít tiền cũng không có tác dụng, quyền tiền giao dịch chính là phải nhìn tiền để đưa ra quyết định.

Chỉ cần đáp ứng đầy đủ về vật chất cho âm sai thì họ dám thả cả vong hồn đáng lẽ ra phải bị bắt, tha cho người đó quay về dương gian lắm. Trong quyển bốn cuốn *Sưu thần hậu ký* do Đào Tiềm viết có kể câu chuyện về một người tên là Lý Trừ người Tương Dương, bị mắc dịch bệnh (một loại bệnh truyền nhiễm có khả năng lây lan nhanh thời đó) mà chết, cha và vợ anh ta ngồi giữ xác trong phòng. Cho tới nửa đêm canh ba, Lý Trừ đột nhiên ngồi dậy, túm lấy cánh tay vợ, tuốt cái vòng đeo tay bằng vàng ở cổ tay chị ta, cha anh ta cũng giúp sức, cuối cùng kéo được chiếc vòng ra. Anh ta cầm chiếc vòng trong tay, sau đó lại chết ngay lập tức. Người vợ đoán chắc chắn sẽ có điều gì đó xảy ra tiếp theo, nên ngồi bên chờ. Quả nhiên khi trời sáng, đầu Lý Trừ ảm đạm, anh ta từ từ sống lại. Lý Trừ liền nói, khi anh ta bị âm sai bắt đi, thấy người bạn cùng bị bắt lấy vàng bạc trang sức trên người mang ra đổi mà được thả về, liền nghĩ ngay đến chiếc vòng tay bằng vàng của vợ, nên đã thương lượng với âm sai cho quay về trần gian lấy, âm sai đồng ý, thế nên mới có chuyện sống lại để tuốt lấy chiếc vòng. Mặc dù Lý Trừ đã giao chiếc vòng vàng cho âm sai dưới âm phủ rồi, nhưng trên dương gian chiếc vòng vẫn còn ở nguyên chỗ cũ, có điều vợ anh ta không bao giờ còn dám đeo nó nữa, đành tìm chỗ chôn đi.

Đi kiện cáo dưới âm phủ, dù cho có lý cũng phải bỏ tiền ra, Trong truyện *Thành Hoàng giết quỷ* không được phép thành tiệm[1] ở quyển ba *Tử bát ngữ* do Viên Mai viết, kể về một người phụ nữ được ác quỷ tôn sùng,

chồng chị ta dùng dao chém quỷ, làm nó bị thương ở trán, rồi lại dùng súng bắn nó bị thương ở vai. Không ngờ ác quỷ này hung ác khác thường, nhất định đòi lấy mạng người phụ nữ kia. Chồng chị ta và nhạc phụ liền viết cáo trạng, ra miếu Thành Hoàng đốt. Tối đó người phụ nữ nằm mơ thấy có hai công sai, cầm theo lệnh bài đòi chị ta nghe phán, thẳng thắn ra giá, nói: “Vụ án này, ta đảm bảo nhà người sẽ thắng, nhưng phải đốt hai nghìn tiền giấy cho ta. Nếu người vẫn chê nhiều, thì âm gian chỉ cần hai mươi lượng bạc. Cái này không phải ta hưởng một mình, mà dùng để chạy chọt cho người thôi.”

[1] Tiệm là quỷ sau khi chết. Người mê tín thường cho rằng, người chết làm ma, ma chết làm tiệm.

Cách vôi vĩnh công khai thế này tốt nhất là đưa ra một cái giá cụ thể, khiến hai bên đều vui vẻ. Sợ nhất là những món tiền không rõ ràng, cứ lạng lẽ giầy vò, hành hạ bạn, cuối cùng bạn phải cầu xin người ta nhận tiền, thế mới gọi là thất đức.

Trong truyện Minh ty, quyển một cuốn Túy trà chí quái của Lý Khánh Thần người đời Thanh, kể về người ở tên Lý mỗ trong một gia đình giàu có, vì rất biết lựa thuyền theo gió nên được nhà chủ yêu quý. Còn một người ở già khác tên n mỗ không hiểu việc, dần dần bị nhà chủ ghét, cuối cùng bị đuổi đi. n mỗ trong lòng không phục, buồn bã mà chết, xuống âm gian, viết giấy tố cáo gửi lên Thành Hoàng nói mình bị Lý mỗ hại chết. Hôm ấy Lý mỗ vừa ra ngoài, liền gặp hai vị công sai đứng ngay bên cửa, dùng dây thừng thông vào cổ anh ta, kéo đến miếu Thành Hoàng. Vào miếu Lý mỗ mới biết, một ngôi miếu bình thường không lớn lắm nay đã biến thành một nha môn rộng rãi, thư sứ, nha dịch đi đi lại lại, rất náo nhiệt. Nhưng hai tên công sai đó không giải anh ta lên công đường mà nhốt vào một căn phòng nhỏ tối thui, khóa cửa, trong phòng tối đen như mực, không phân biệt được ngày đêm, không biết bao lâu sau, vừa đói vừa khát, buồn bã ưu phiền, tiêu tụy không sao kể xiết. Lúc này mới thấy cửa được mở ra, hai tên quỷ sai đó nói: “Đại lão gia hai ngày nay không có thời gian thăm vấn người, người quay về đi”, sau đó liền đuổi anh ta ra khỏi nha môn. Anh ta tìm đường quay về, tới cửa nhà, vẫn may sống sót, hỏi người nhà, mới biết hôm đó anh ta đột nhiên ngã nhào trước cổng, hơi thở yếu ớt, được người ta dìu vào nhà, tới hôm nay đã chết được ba hôm rồi. Lý mỗ như vừa được chữa khỏi bệnh, rất nhiều ngày sau mới hồi phục được, hai tên cầu sai nhân đó lại đến. Tất cả lại diễn ra y như cũ, vẫn bị nhốt trong căn phòng tối đó ba ngày, rồi lại được thả về. Cứ thế kéo dài phải nửa tháng, đi đi về về giữa âm và dương, anh ta cũng thuộc cả đường xuống địa phủ, còn bộ dạng thì chẳng thể phân biệt được là ma hay người nữa. Đến lúc này, anh ta mới như bừng tỉnh, thì ra nha môn ở âm ti và nhân gian không khác gì nhau, hai tên quỷ sai kia muốn vôi tiền. Anh ta mua mười mấy dây tiền giấy, đốt xuống, hai tên quỷ sai lập tức trở thành bạn, vụ án cũng đã được phán quyết xong, khi quyết định được đưa xuống, ghi là n mỗ đã vu cáo, Lý mỗ vô tội được thả về.

Nếu số tiền hối lộ đủ nhiều thì có thể kết giao được với những người bạn rất có thế lực. Trong Báu dị ký do Trần Ngao người đời Đường có ghi chép lại một chuyện: “Một mình sử xin Lý Toàn Chất dụng cụ mài chiếc sừng tê giác, Lý Toàn Chân liền nhờ người vẽ một cái rồi đốt inh sử đó kèm theo cả tiền giấy. Thế là mình sử báo mộng, cảm tạ nói: “Được tặng đĩa mài, thật hổ thẹn thay, vì không có gì đáp lễ. Nhiên công bình sinh sẽ chết do tai nạn nước, nhưng khi gặp nguy hiểm, ta nhất định nghĩ cách.” Lý Toàn Chất vốn chết vì nước, nhưng lại có một mình sử cứu hộ kịp thời nên anh ta thoát được kiếp nạn ấy. Đây chính là hành động ngang nhiên tiết lộ cơ mật của mình phủ, để giúp người sống thoát khỏi cảnh bị âm sai truy đuổi. Nhưng những lời hứa kiểu này, có độ rủi ro quá cao, chẳng qua cũng chỉ là một phút lỡ miệng, chưa chắc đã thực hiện đến cùng, điều đó được chứng minh bằng việc Lý Toàn Chân không sống được tới ngày hôm nay. Đường nhiên cũng có một khả năng là, mình sử này bị Sâm La điện khuyên nhủ hồi tâm, cái ô bảo vệ không còn hiệu lực, hợp đồng miệng bị hủy bỏ.

Vì vậy không thể hoàn toàn tin vào những lời hứa của mình sử, có kẻ sau khi đạt được thứ mình cần rồi, thực ra ân huệ chẳng xác thực, chỉ là kéo dài thời gian đến bắt hồn đi thôi. Những chuyện này có lẽ thường xuyên xảy ra ở những nơi cửa công rồi. Quyển một tập Tây dương tạp trở của Đoàn Thành Thúc người đời Đường viết về một thiếu niên độc ác tên Lý Hòa Tử. Người này thường xuyên ăn trộm chó mèo của người khác nuôi về thịt ăn, cuối cùng hơn bốn trăm sáu mươi con chó, con mèo cùng liên minh lại viết đơn kiện hấn ta dưới âm phủ. Lý Hòa Tử mời hai tên quỷ sai tới bắt hấn ta vào quán ăn, quỷ sai biết án này nặng, không dám làm trái quy tắc, nên chịu khát nhịn đói không vào quán. Lý Hòa Tử lại kéo bằng được bọn họ vào quán rượu, gọi chín bát rượu, hấn ta uống ba bát, sáu bát còn lại vờ để sang một bên. Hai quỷ sai bắt lực, cuối cùng không thoát được cám dỗ, liền nói: “Ăn đồ hối lộ rồi. Đã nhận được ơn cho được say, đành thay người xin giảm án vậy. Người hãy chuẩn bị bốn mươi vạn tiền, trưa ngày mai bọn ta tới lấy, kéo dài

tuổi thọ cho người thêm ba năm nữa. “Sau khi hai quỷ đi rồi, Lý Hòa Tử vẫn còn muốn tiếp tục hưởng thụ sáu bát rượu còn lại, uống một hớp, không ngờ vị nhạt như nước, thậm chí lạnh buốt cả răng. Hắn ta vội chạy về nhà bán đồ đạc mua tiền giấy, đúng kỳ hạn gửi xuống阴 sứ. Nhưng ba ngày sau, Lý Hòa Tử vẫn phải chết. Thì ra, “ba năm theo lời quỷ nói là ba ngày trên nhân gian.”

Chỉ có thể sống thêm ba ngày thì số tiền hắn ta đốt quả là vô ích, nhưng có người khẳng định có tiền là mua được sự xê dịch của quỷ, nhưng không ngờ quỷ cũng có quyền hạn của mình, hy vọng quá cao thì kết quả sẽ là quỷ nhận tiền trước, rồi tới bắt người sau.

Trong Kiến văn lục của Từ Nhạc người đời Thanh viết về một phú ông, sau khi ốm chết bị một con quỷ mặt xanh bắt đi, ông ta ai oán nói: “Tài sản nhà ta quá nửa nằm trong tiệm cầm đồ, giờ có vài việc vẫn chưa giải quyết xong, kéo dài cho ta vài ngày nữa, sau khi xong việc, ta có chết cũng không hận.” Quỷ mặt xanh trả lời: “Hãy đốt tiền bạc cho ta, ta sẽ cho nhà người thêm mấy ngày”, phú ông đồng ý và được sống lại. Đếm đúng số lượng quỷ mặt xanh yêu cầu, đốt cho nó, sau khi lo liệu xong xuôi mọi việc, đến giờ lại chết. Phú ông quen mùi, lại nói với quỷ: “Con trai ta là tú tài, sắp đến kỳ thi hương rồi, nếu cho ta sống đến khi nó thi xong ba kỳ thi, được nhìn thấy nó áo gấm về làng, người hãy ra giá đi.” Quỷ đưa ra một con số và lần này thì gấp đôi lần trước, phú ông đồng ý, liền được sống lại, đốt tiền đúng hạn. Đến ngày Mười lăm tháng Tám, kỳ thi hương cuối cùng kết thúc, đêm đó phú ông mở tiệc đãi khách, ngay giữa bữa tiệc rượu, phú ông tắc thở mà chết. Lần này quỷ mặt xanh còn mang theo mấy tên quỷ nữa cùng đến, nói: “Con trai ông lần này không đỗ, tối nay ông phải đi cùng chúng tôi rồi. Nhưng nếu ông chịu chi cho chúng tôi nhiều hơn một chút, chúng tôi sẽ nghĩ cách giúp ông đi cửa sau, để con trai ông được làm cử nhân, đồng thời tha cho ông qua kiếp nạn này. Ông thấy thế nào?” Phú ông đương nhiên đồng ý ngay, có bao nhiêu tiền bạc liền bỏ ra hết, thế là lại được sống lại. Đến ngày công bố bảng vàng, con trai ông ta quả nhiên đỗ cử nhân, ông lão vui mấy ngày liền. Nhưng không lâu sau, quan về điều tra việc gian lận trong thi cử, con trai ông ta không những bị tước danh hiệu cử nhân, mà còn bị giam vào nhà lao. Ông lão trên đường vào thăm con, giữa đường tự nhiên lăn ra chết.

Chiêu cuối cùng của quỷ mặt xanh có chút tàn nhẫn, nhưng cũng là vì nó nhìn rõ được sự tham lam vô độ của lão tài chủ, ngoài ra cũng khiến lão ta được vui vẻ mấy ngày, không thể nói là số tiền bỏ ra không xứng đáng được. Sợ nhất là mấy kẻ ham tiền đó chỉ nghĩ cách moi tiền, có được tiền rồi liền quên luôn việc mình đã hứa thì còn tệ hơn. Trong Quảng dị ký có một chuyện, từ câu chuyện này chúng ta có thể thấy sự phủ bại và hỗn loạn trong quan trường dưới âm gian cũng không kém gì trên dương gian. Cáo Trùng, võ sĩ người Kinh Triệu sau khi bị âm sai bắt nhầm, liền đến một cơ quan dưới âm phủ gọi là “nơi tiếp nhận những vụ án oan khuất” để tố cáo. Trung thừa hỏi: “Người có oan khuất gì?” Cáo Trùng đáp: “Số tôi vẫn chưa tận, người bắt tôi lại không mang theo lệnh bắt, cứ thế ép tôi đi bằng được.” Vị trung thừa này đòi tiền hối lộ là năm trăm nghìn. Cáo Trùng đồng ý, trung thừa liền phán: “Bị bắt bừa, thực tế chưa tới số”, sau khi phán xong liền thả ra, sai người đưa Cáo Trùng đến chỗ đại phụ thông phán, vị thông phán giữ cửa này cũng đòi tiền Cáo Trùng. Cuối cùng được thả ra, nhưng lại không trả Cáo Trùng về dương gian, kết quả là âm phủ không nhận mà dương gian cũng không thể về, “không biết đi đâu, lang thang phiêu bạt”. May mà gặp được người em rể đã chết, mới đưa Cáo Trùng quay lại dương gian, nếu không thì sẽ trở thành một con “quỷ lang thang” ba giới không nhận, “ba trăm năm cũng không thể hóa kiếp”.

Tôi cho rằng cơ quan thẩm lý này cũng cấu kết với lũ quỷ tốt rồi. Người lên dương thế bắt người, ta ở âm gian mở một nơi gọi là thụ lý án oan để moi tiền, sau khi có tiền rồi sẽ chia cho quỷ tốt một ít. Vì muốn moi tiền mà tạo ra oán an đã đủ thấy vô sỉ rồi, lại còn có thể treo biển tiếp nhận những vụ án oan để kiếm tiền nữa. Giống như trong Hà đông ký do Tiết Ngưng Tư người đời Đường viết, có một tên âm sai vì muốn kiếm tiền, mà đang yên đang lành đi bắt sinh hồn, sau đó nói: “Người vẫn chưa tới lúc chết, ta có thể thả người, nhưng phải cho ta hai nghìn quan tiền.” Tôi thấy tên quỷ sai dùng hình thức bỉ ổi này còn đáng ghê tởm hơn cả vị quan chuyên “xử án oan” kia.

2

Nếu đem ra so sánh, nếu uốn cong pháp luật vì tình người, đặc biệt là những minh sử quỷ tốt uốn cong pháp luật vì tiền không chỉ có thể tha thứ được, mà còn khiến người ta cảm thấy gần gũi hơn. “Đã nhận của người rồi”, vì trả món nợ ân tình đó mà làm một vài thủ thuật nhỏ, mặc dù kể ra sẽ đổ mắt, nhưng chỉ cần người được thả không phải người xấu thì cũng có gì là ghê gớm đâu. Những bách tính hiền lành, lương thiện đó, chẳng ảnh hưởng gì tới lịch sử, cũng không phải là những đại thần chết sớm thì thái bình sớm,

chết muộn mấy ngày, cũng không có gì phải vội!

19. Chương 15.1

Chương 15

Nửa đêm không sợ quỷ gõ cửa

1‘

Từ một vài câu chuyện được nhắc tới ở các chương trước, chúng ta có thể thấy âm sai đi bắt người mặc dù giữ chức vụ thấp nhất trong quan phủ, nhưng đôi khi cũng có quyền tạo ra sự sinh tử. Nếu có thể bắt tay với bọn họ thì khi thời khắc sinh tử đến họ có thể tha mạng cho bạn. Những cực đoan xảy ra trong nha môn trên nhân gian thực sự cũng xuất hiện dưới âm phủ, chỉ vì mọi người không chịu từ bỏ chút hy vọng cuối cùng về người nắm giữ chính nghĩa, do đó luôn tưởng tượng rằng Diêm Vương phán quan khi xử án bao giờ cũng công bằng hơn những quan phủ trên nhân gian, vì vậy những thói quen xấu, làm ăn gian lận đều bị đổ tội lên đầu âm sai. Cái gì mà “Diêm Vương bảo người canh ba phải chết, ai dám giữ đến canh năm”? Đây chỉ là cách nói khuyếch trương quyền lực của Diêm Vương mà thôi, và coi thường quyền thực thi mệnh lệnh của sai dịch. Trên thực tế, trong giai đoạn bắt hồn, những kẻ được sai đi bắt hồn trong tay nắm giữ một nửa quyền chủ động, chỉ cần thực hiện đúng pháp luật, đừng nói là cách biệt giữa canh ba và canh năm, mà có rời thêm ba tháng, năm tháng nữa cũng chẳng phải chuyện to tát gì, thậm chí tha cho người đó trong lần đi bắt bố này cũng là việc trong tầm tay.

Đương nhiên, kiểu làm việc lộng quyền này không phải chỉ làm suông, làm không, hoặc sẽ xem xét tới tình người, một kiểu giống như được nhắc tới ở chương trước, hoặc là phải trả tiền duyên. Tiền duyên đương nhiên là chỉ tiền tài, người xưa có câu: “Tay không không vào được cửa công.” Chỉ cần bạn đi kiện thì dù bạn là nguyên cáo hay bị cáo, không chi tiền chắc chắn không thành, chi ít tiền cũng không có tác dụng, quyền tiền giao dịch chính là phải nhìn tiền để đưa ra quyết định.

Chỉ cần đáp ứng đầy đủ về vật chất cho âm sai thì họ dám thả cả vong hồn đáng lẽ ra phải bị bắt, tha cho người đó quay về dương gian lắm. Trong quyển bốn cuốn *Sưu thần hậu ký* do Đào Tiềm viết có kể câu chuyện về một người tên là Lý Trừ người Tương Dương, bị mắc dịch bệnh (một loại bệnh truyền nhiễm có khả năng lây lan nhanh thời đó) mà chết, cha và vợ anh ta ngồi giữ xác trong phòng. Cho tới nửa đêm canh ba, Lý Trừ đột nhiên ngồi dậy, túm lấy cánh tay vợ, tuốt cái vòng đeo tay bằng vàng ở cổ tay chị ta, cha anh ta cũng giúp sức, cuối cùng kéo được chiếc vòng ra. Anh ta cầm chiếc vòng trong tay, sau đó lại chết ngay lập tức. Người vợ đoán chắc chắn sẽ có điều gì đó xảy ra tiếp theo, nên ngồi bên chờ. Quả nhiên khi trời sáng, đầu Lý Trừ ẩm dần, anh ta từ từ sống lại. Lý Trừ liền nói, khi anh ta bị âm sai bắt đi, thấy người bạn cùng bị bắt lấy vàng bạc trang sức trên người mang ra đổi mà được thả về, liền nghĩ ngay đến chiếc vòng tay bằng vàng của vợ, nên đã thương lượng với âm sai cho quay về trần gian lấy, âm sai đồng ý, thế nên mới có chuyện sống lại để tuốt lấy chiếc vòng. Mặc dù Lý Trừ đã giao chiếc vòng vàng cho âm sai dưới âm phủ rồi, nhưng trên dương gian chiếc vòng vẫn còn ở nguyên chỗ cũ, có điều vợ anh ta không bao giờ còn dám đeo nó nữa, đành tìm chỗ chôn đi.

Đi kiện cáo dưới âm phủ, dù cho có lý cũng phải bỏ tiền ra, Trong truyện *Thành Hoàng giết quỷ* không được phép thành tiệm[1] ở quyển ba *Tử bất ngữ* do Viên Mai viết, kể về một người phụ nữ được ác quỷ tôn sùng, chồng chị ta dùng dao chém quỷ, làm nó bị thương ở trán, rồi lại dùng súng bắn nó bị thương ở vai. Không ngờ ác quỷ này hung ác khác thường, nhất định đòi lấy mạng người phụ nữ kia. Chồng chị ta và nhạc phụ liền viết cáo trạng, ra miếu Thành Hoàng đốt. Tới đó người phụ nữ nằm mơ thấy có hai công sai, cầm theo lệnh bài đòi chị ta nghe phán, thẳng thắn ra giá, nói: “Vụ án này, ta đảm bảo nhà ngươi sẽ thắng, nhưng phải đốt hai nghìn tiền giấy cho ta. Nếu ngươi vẫn chê nhiều, thì âm gian chỉ cần hai mươi lượng bạc. Cái này không phải ta hưởng một mình, mà dùng để chạy chọt cho người thôi.”

[1] Tiệm là quỷ sau khi chết. Người mê tín thường cho rằng, người chết làm ma, ma chết làm tiệm.

Cách vói vĩnh công khai thể này tốt nhất là đưa ra một cái giá cụ thể, khiến hai bên đều vui vẻ. Sợ nhất là những món tiền không rõ ràng, cứ lằng lẽ giằng vò, hành hạ bạn, cuối cùng bạn phải cầu xin người ta nhận tiền, thế mới gọi là thất đức.

Trong truyện Minh ty, quyển một cuốn Túy trà chí quái của Lý Khánh Thần người đời Thanh, kể về người ở tên Lý mỗ trong một gia đình giàu có, vì rất biết lựa thuyền theo gió nên được nhà chủ yêu quý. Còn một người ở già khác tên n mỗ không hiểu việc, dần dần bị nhà chủ ghét, cuối cùng bị đuổi đi. n mỗ trong lòng không phục, buồn bã mà chết, xuống âm gian, viết giấy tố cáo gửi lên Thành Hoàng nói mình bị Lý mỗ hại chết. Hôm ấy Lý mỗ vừa ra ngoài, liền gặp hai vị công sai đứng ngay bên cửa, dùng dây thừng thông vào cổ anh ta, kéo đến miếu Thành Hoàng. Vào miếu Lý mỗ mới biết, một ngôi miếu bình thường không lớn lắm nay đã biến thành một nha môn rộng rãi, thư sứ, nha dịch đi đi lại lại, rất náo nhiệt. Nhưng hai tên công sai đó không giải anh ta lên công đường mà nhốt vào một căn phòng nhỏ tối thui, khóa cửa, trong phòng tối đen như mực, không phân biệt được ngày đêm, không biết bao lâu sau, vừa đói vừa khát, buồn bã ưu phiền, tiêu tụy không sao kể xiết. Lúc này mới thấy cửa được mở ra, hai tên quỷ sai đó nói: “Đại lão gia hai ngày nay không có thời gian thăm vấn người, người quay về đi”, sau đó liền đuổi anh ta ra khỏi nha môn. Anh ta tìm đường quay về, tới cửa nhà, vẫn may sống sót, hỏi người nhà, mới biết hôm đó anh ta đột nhiên ngã nhào trước cổng, hơi thở yếu ớt, được người ta dìu vào nhà, tới hôm nay đã chết được ba hôm rồi. Lý mỗ như vừa được chữa khỏi bệnh, rất nhiều ngày sau mới hồi phục được, hai tên cầu sai nhân đó lại đến. Tất cả lại diễn ra y như cũ, vẫn bị nhốt trong căn phòng tối đó ba ngày, rồi lại được thả về. Cứ thế kéo dài phải nửa tháng, đi đi về về giữa âm và dương, anh ta cũng thuộc cả đường xuống địa phủ, còn bộ dạng thì chẳng thể phân biệt được là ma hay người nữa. Đến lúc này, anh ta mới như bừng tỉnh, thì ra nha môn ở âm ti và nhân gian không khác gì nhau, hai tên quỷ sai kia muốn vơ tiền. Anh ta mua mười mấy dây tiền giấy, đốt xuống, hai tên quỷ sai lập tức trở thành bạn, vụ án cũng đã được phán quyết xong, khi quyết định được đưa xuống, ghi là n mỗ đã vu cáo, Lý mỗ vô tội được thả về.

Nếu số tiền hối lộ đủ nhiều thì có thể kết giao được với những người bạn rất có thế lực. Trong Bắc dị ký do Trần Ngao người đời Đường có ghi chép lại một chuyện: “Một mình sử xin Lý Toàn Chất dụng cụ mài chiếc sừng tê giác, Lý Toàn Chân liền nhờ người vẽ một cái rồi đốt inh sử đó kèm theo cả tiền giấy. Thế là mình sử báo mộng, cảm tạ nói: “Được tặng đĩa mài, thật hổ thẹn thay, vì không có gì đáp lễ. Nhiên công bình sinh sẽ chết do tai nạn nước, nhưng khi gặp nguy hiểm, ta nhất định nghĩ cách.” Lý Toàn Chất vốn chết vì nước, nhưng lại có một mình sử cứu hộ kịp thời nên anh ta thoát được kiếp nạn ấy. Đây chính là hành động ngang nhiên tiết lộ cơ mật của mình phủ, để giúp người sống thoát khỏi cảnh bị âm sai truy đuổi. Nhưng những lời hứa kiểu này, có độ rủi ro quá cao, chẳng qua cũng chỉ là một phút lơ miệng, chưa chắc đã thực hiện đến cùng, điều đó được chứng minh bằng việc Lý Toàn Chân không sống được tới ngày hôm nay. Đường nhiên cũng có một khả năng là, mình sử này bị Sâm La điện khuyên nhủ hồi tâm, cái ô bảo vệ không còn hiệu lực, hợp đồng miệng bị hủy bỏ.

Vì vậy không thể hoàn toàn tin vào những lời hứa của mình sử, có kẻ sau khi đạt được thứ mình cần rồi, thực ra ân huệ chẳng xác thực, chỉ là kéo dài thời gian đến bắt hồn đi thôi. Những chuyện này có lẽ thường xuyên xảy ra ở những nơi cửa công rồi. Quyển một tập Tây dương tạp trở của Đoàn Thành Thức người đời Đường viết về một thiếu niên độc ác tên Lý Hòa Tử. Người này thường xuyên ăn trộm chó mèo của người khác nuôi về thịt ăn, cuối cùng hơn bốn trăm sáu mươi con chó, con mèo cùng liên minh lại viết đơn kiện hấn ta dưới âm phủ. Lý Hòa Tử mời hai tên quỷ sai tới bắt hấn ta vào quán ăn, quỷ sai biết án này nặng, không dám làm trái quy tắc, nên chịu khát nhịn đói không vào quán. Lý Hòa Tử lại kéo bằng được bọn họ vào quán rượu, gọi chín bát rượu, hấn ta uống ba bát, sáu bát còn lại vờ để sang một bên. Hai quỷ sai bắt lực, cuối cùng không thoát được cám dỗ, liền nói: “Ăn đồ hối lộ rồi. Đã nhận được ơn cho được say, đành thay người xin giảm án vậy. Người hãy chuẩn bị bốn mươi vạn tiền, trưa ngày mai bọn ta tới lấy, kéo dài tuổi thọ cho người thêm ba năm nữa. “Sau khi hai quỷ đi rồi, Lý Hòa Tử vẫn còn muốn tiếp tục hưởng thụ sáu bát rượu còn lại, uống một hớp, không ngờ vị nhạt như nước, thậm chí lạnh buốt cả răng. Hấn ta vội chạy về nhà bán đồ đạc mua tiền giấy, đúng kỳ hạn gửi xuống inh sứ. Nhưng ba ngày sau, Lý Hòa Tử vẫn phải chết. Thì ra, “ba năm theo lời quỷ nói là ba ngày trên nhân gian.”

Chỉ có thể sống thêm ba ngày thì số tiền hấn ta đốt quả là vô ích, nhưng có người khẳng định có tiền là mua được sự xê dịch của quỷ, nhưng không ngờ quỷ cũng có quyền hạn của mình, hy vọng quá cao thì kết quả sẽ là quỷ nhận tiền trước, rồi tới bắt người sau.

Trong Kiến vấn lục của Từ Nhạc người đời Thanh viết về một phú ông, sau khi ốm chết bị một con quỷ mặt xanh bắt đi, ông ta ai oán nói: “Tài sản nhà ta quá nửa nằm trong tiệm cầm đồ, giờ có vài việc vẫn chưa giải quyết xong, kéo dài cho ta vài ngày nữa, sau khi xong việc, ta có chết cũng không hận.” Quỷ mặt xanh trả lời: “Hãy đốt tiền bạc cho ta, ta sẽ cho nhà người thêm mấy ngày”, phú ông đồng ý và được sống lại.

Đếm đúng số lượng quỹ mặt xanh yêu cầu, đốt cho nó, sau khi lo liệu xong xuôi mọi việc, đến giờ lại chết. Phú ông quen mùi, lại nói với quý: “Con trai ta là tú tài, sắp đến kỳ thi hương rồi, nếu cho ta sống đến khi nó thi xong ba kỳ thi, được nhìn thấy nó áo gấm về làng, người hãy ra giá đi.” Quý đưa ra một con số và lần này thì gấp đôi lần trước, phú ông đồng ý, liền được sống lại, đốt tiền đúng hên. Đến ngày Mười lăm tháng Tám, kỳ thi hương cuối cùng kết thúc, đêm đó phú ông mở tiệc đãi khách, ngay giữa bữa tiệc rượu, phú ông tắc thở mà chết. Lần này quỹ mặt xanh còn mang theo mấy tên quỹ nữa cùng đến, nói: “Con trai ông lần này không đỡ, tối nay ông phải đi cùng chúng tôi rồi. Nhưng nếu ông chịu chỉ cho chúng tôi nhiều hơn một chút, chúng tôi sẽ nghĩ cách giúp ông đi cửa sau, để con trai ông được làm cử nhân, đồng thời tha cho ông qua kiếp nạn này. Ông thấy thế nào?” Phú ông đương nhiên đồng ý ngay, có bao nhiêu tiền bạc liền bỏ ra hết, thế là lại được sống lại. Đến ngày công bố bảng vàng, con trai ông ta quả nhiên đỗ cử nhân, ông lão vui mấy ngày liền. Nhưng không lâu sau, quan về điều tra việc gian lận trong thi cử, con trai ông ta không những bị tước danh hiệu cử nhân, mà còn bị giam vào nhà lao. Ông lão trên đường vào thăm con, giữa đường tự nhiên lăn ra chết.

Chiêu cuối cùng của quỹ mặt xanh có chút tàn nhẫn, nhưng cũng là vì nó nhìn rõ được sự tham lam vô độ của lão tài chủ, ngoài ra cũng khiến lão ta được vui vẻ mấy ngày, không thể nói là số tiền bỏ ra không xứng đáng được. Sợ nhất là mấy kẻ ham tiền đó chỉ nghĩ cách moi tiền, có được tiền rồi liền quên luôn việc mình đã hứa thì còn tệ hơn. Trong Quảng dị ký có một chuyện, từ câu chuyện này chúng ta có thể thấy sự phủ bại và hỗn loạn trong quan trường dưới âm gian cũng không kém gì trên dương gian. Cáo Trùng, võ sĩ người Kinh Triệu sau khi bị âm sai bắt nhầm, liền đến một cơ quan dưới âm phủ gọi là “nơi tiếp nhận những vụ án oan khuất” để tố cáo. Trung thừa hỏi: “Người có oan khuất gì?” Cáo Trùng đáp: “Số tôi vẫn chưa tận, người bắt tôi lại không mang theo lệnh bắt, cứ thế ép tôi đi bằng được.” Vị trung thừa này đòi tiền hối lộ là năm trăm nghìn. Cáo Trùng đồng ý, trung thừa liền phán: “Bị bắt bừa, thực tế chưa tới số”, sau khi phán xong liền thả ra, sai người đưa Cáo Trùng đến chỗ đại phụ thông phán, vị thông phán giữ cửa này cũng đòi tiền Cáo Trùng. Cuối cùng được thả ra, nhưng lại không trả Cáo Trùng về dương gian, kết quả là âm phủ không nhận mà dương gian cũng không thể về, “không biết đi đâu, lang thang phiêu bạt”. May mà gặp được người em rể đã chết, mới đưa Cáo Trùng quay lại dương gian, nếu không thì sẽ trở thành một con “quỷ lang thang” ba giới không nhận, “ba trăm năm cũng không thể hóa kiếp”.

Tôi cho rằng cơ quan thẩm lý này cũng cấu kết với lũ quỷ tốt rồi. Người lên dương thế bắt người, ta ở âm gian mở một nơi gọi là thụ lý án oan để moi tiền, sau khi có tiền rồi sẽ chia cho quỷ tốt một ít. Vì muốn moi tiền mà tạo ra oán an đã đủ thấy vô sỉ rồi, lại còn có thể treo biển tiếp nhận những vụ án oan để kiếm tiền nữa. Giống như trong Hà đông ký do Tiết Ngự Tư người đời Đường viết, có một tên âm sai vì muốn kiếm tiền, mà đang yên đang lành đi bắt sinh hồn, sau đó nói: “Người vẫn chưa tới lúc chết, ta có thể thả người, nhưng phải cho ta hai nghìn quan tiền.” Tôi thấy tên quỷ sai dùng hình thức bỉ ổi này còn đáng ghê tởm hơn cả vị quan chuyên “xử án oan” kia.

2

Nếu đem ra so sánh, nếu uốn cong pháp luật vì tình người, đặc biệt là những minh sử quỷ tốt uốn cong pháp luật vì tiền không chỉ có thể tha thứ được, mà còn khiến người ta cảm thấy gần gũi hơn. “Đã nhận của người rồi”, vì trả món nợ ân tình đó mà làm một vài thủ thuật nhỏ, mặc dù kể ra sẽ đổ mắt, nhưng chỉ cần người được thả không phải người xấu thì cũng có gì là ghê gớm đâu. Những bách tính hiền lành, lương thiện đó, chẳng ảnh hưởng gì tới lịch sử, cũng không phải là những đại thần chết sớm thì thái bình sớm, chết muộn mấy ngày, cũng không có gì phải vội!

20. Chương 15.2

Trong Chân dị lục do Đới Tộ người đời Tấn viết, Trương Khải đánh xe từ gia trang dưới quê quay lại nơi thành thị, giữa đường gặp một người nằm bò bên vệ đường, hỏi anh ta, anh ta trả lời: “Chân bị hỏng rồi, không đi được. Nhà tôi ở Nam Sở, cũng chẳng có cách nào báo tin ọi người.” Trương Khải thấy thương hại anh ta, liền ném bớt đồ trên xe xuống, đưa người này lên xe về nhà mình. Sau khi về đến nhà, người này nói với về mặt không hề cảm kích: “Ta vốn chẳng bệnh tật gì cả, chỉ là muốn thử người thôi.” Trương Khải tức giận: “Người là ai sao dám trêu đùa ta?” Người đó đáp: “Ta là quỷ, phụng mệnh âm ti tới dương gian để lên danh sách những người sắp chết. Gặp người là bậc trưởng giả, không kìm được ý muốn làm quen,

cố ý giả bệnh, nằm bên đường. Người có thể bỏ của để cứu người, thật là vô cùng cảm động. Có điều ta phụng mệnh tới đây, không thể tự mình quyết định, biết làm sao bây giờ?” Thế là Trương Khải thất kinh, vội vàng mời tên quỷ sai này ở lại, cúng rượu tế thịt, khóc lóc thỉnh cầu. Quỷ hỏi: “Có người nào cùng tên với nhà người không?” Trương Khải đáp: “Có một người từ nơi khác đến tên Hoàng Khải.” Thế là tên quỷ sai viết tên Hoàng Khải thay cho Trương Khải vào danh sách chết. Cuối cùng, tên quỷ sai này lại nói: “Người có quý tướng, ta thấy đáng tiếc, chắc sẽ được làm quan. Nhưng thần đạo u mật, không thể tiết lộ.”

Trương Khải sau đó thọ đến sáu mươi tuổi, làm quan tới chức quang lộc đại phu.

Cứu người tốt, việc này không sai, nhưng nếu người này đồng ý dùng một người vô tội khác để chết thay mình thì có còn là người tốt nữa không? Nghĩa cử của những người sắc tước thường luôn như vậy, với nguyên tắc không bao giờ được để mất của mình dù chỉ là một cọng lông, một khi gặp phải những chuyện đầu rơi máu chảy, sẽ kêu gọi đám dân đen thân mình đại nghĩa, vì nghĩa mà thay những nhân vật này hy sinh. Đương nhiên tên quỷ sai này cũng có chỗ khó của hắn, nhìn ra được quý tướng của Trương Khải, có giá trị để đầu tư, nhưng bất lực vì mình quyền lực quá ít, dùng người vô tội để thay thế cũng là vì không còn cách nào khác nữa. Từ đó có thể thấy, muốn làm việc tốt tới cùng thì trong tay phải có đủ quyền lực, đáng tiếc là những người nắm trong tay quyền lực thời ấy lại thường không muốn làm việc tốt. Nghĩ đến đây, tôi lại thấy rất hiểu cho những gì mà tên quỷ sai đó làm.

Trong quyển mười chín cuốn Di kiên chi mậu do Hồng Mai viết có truyện Thảm Truyền gặp minh sử, vị Thảm Truyền đó là “người lương thiện dưới quê”, bị bệnh thương hàn, tám, chín ngày không chữa khỏi, chuẩn bị đi gặp Diêm Vương rồi. Bỗng thấy một tên quỷ áo vàng, tướng tá diện mạo giống như võ quan cấp thấp trong quan phủ, tay cầm gậy, đứng ở đầu giường không nói không rằng, dường như đang chờ đợi điều gì. Không lâu sau, lại thấy một minh sử mặc áo xanh mũ đen đến, tay cầm văn thư, chần chừ chưa dám viết vào. Tên quỷ áo vàng lắc lắc tay nói với minh sử kia: “Thiện thiện!” Quỷ áo xanh liền dừng chân, lấy bút từ trong tay áo ra, mở giấy, gạch một hàng, sau đó rời đi. Đầu tiên Thảm Truyền thất kinh, tới lúc này mới thở phào nhẹ nhõm, một ngày sau, bệnh tình của người tốt này khỏi hẳn. Chỉ có điều, không biết hành vi của hai vị minh sử văn võ kia là hành vi cá nhân hay trong văn bản đó có điều lệ hoặc chính sách khoan hồng nào mà tạm thời tha cho, ít nhất thì một phần trong đó cũng là do họ làm chủ quyết định.

Có những tên quỷ sai lại chỉ chăm chăm lo cho chủ nhân cũ của mình, khi đi bắt hồn cũng có chút khoan dung, điều này không có gì là đáng trách cả. Trong Chí quái lục do Chúc Duẩn Minh viết có chuyện Hoa Lão. Hoa Lão Tài giàu có nhưng đối xử với mọi người rất tốt, một hôm đang đi dạo bên ngoài, đột nhiên nhìn thấy một diên hộ đi đến, gọi lớn: “Tiểu nhân ở đây.” Hoa Lão Tài đang định trả lời, đột nhiên nhớ ra anh ta đã chết rồi, liền hỏi: “Người chẳng phải đã chết rồi sao, sao lại ở đây?” Quỷ sai đó liền trả lời: “Sau khi chết tôi làm minh sử, giờ phụng mệnh đi bắt lão chủ nhân. Chỉ có điều một đợt phải bắt hơn năm mươi người, tôi đến báo trước cho lão chủ nhân, để người lo liệu việc trong nhà, đến lúc đó có thể ra đi thanh thản.” Sau khi quỷ sai đi rồi, Hoa Lão Tài lập tức về nhà, sắp xếp hậu sự, chào tạm biệt người thân, bạn bè, sau đó bị bệnh, gần một tháng thì mất.

Từ đó có thể thấy, khi đi bắt hồn cũng không cần quá cứng nhắc, chưa chắc quỷ sai không thể linh động xử lý. Trong một câu chuyện ở phần trước có nói rằng, khi đi bắt hồn không thể để xảy ra dù chỉ là một sai sót nhỏ, cứ như qua mắt vài phút thì lệnh bắt đó mất tác dụng không bằng, e rằng những lời đó chỉ là những lời cổ chấp mà thôi. Song việc quỷ sai khoan dung nói rộng về mặt thời gian, cũng giống như nhờ gió báo tin cho người có liên quan, nếu như người đó không biết điều, không chịu theo đi thì quỷ sai sẽ bị liên lụy, không tránh khỏi việc bị phạt đánh.

Dường như trong những câu chuyện về âm phủ của chúng ta cũng có ý muốn giáo dục, nội dung đều là ở hiền gặp lành. Trong quyển mười một Hữu đài tiên quán bút ký do Du Việt viết có một câu chuyện về Trương Ông, rõ ràng là một phiên bản khác của Hoa Lão Tài, có điều địa điểm chuyển đến Sơn Đông. Quỷ sai đi bắt hồn phải bắt hồn của người chủ cũ Trương Ông, vốn là người đầu tiên trong danh sách bị bắt lần này, nhưng lại được chuyển xuống cuối danh sách, gia hạn thêm cho gần một tháng. Hoa Lão Tài dùng thời gian này để lo liệu mọi việc trong nhà, còn Trương Lão Tài lại cho rằng: “Mình có ăn có mặc, vợ con đầy đủ, chết có gì hối tiếc”, điều hối tiếc duy nhất là, làm mối cho con trai của người bạn cũ, nhưng sau khi người bạn đó chết, tên tiểu tử con trai ông ta cũng kiệt quệ, chẳng đủ tiền để làm đám cưới, nên nhà gái có ý hủy hôn, khi Trương Lão Tài còn sống, bọn họ còn không dám nói gì, nhưng nếu ông ta chết rồi thì sao? Thế là ông ta nghĩ ra một cách, gọi hết đám con trai của mình đến, nói: “Bố của cậu ra đã qua đời

rồi, từng cho cha mượn tám mươi vạn tiền giấy. Giờ ta già rồi, tiền nợ người ta chưa trả được, nếu nhờ một mai chết đi, làm sao còn mặt mũi để gặp lại bạn dưới đó!” Các con ông ta đều là người hiểu chuyện, lập tức chuẩn bị tám trăm xâu tiền, mang đến nhà con trai người bạn của cha để trả. Trương Lão Tài lại chọn ngày giúp cho anh ta, rước dâu về nhà, lúc đó mới vui vẻ nói: “Việc ta đã làm xong, giờ chết cũng không ân hận”, nhưng hơn một tháng qua đi, cơ thể vẫn khỏe mạnh, không bệnh tật gì. Lại thêm vài ngày nữa thì mình sai đến, gặp mặt liền vui vẻ nói: “Chủ nhân chưa phải chết, dưới âm phủ đã ra công văn, bỏ tên chủ nhân khỏi danh sách rồi.”

Những câu chuyện kiểu này rất nhiều, giống như Bộ khác trong Liêu trai và m sai ở quyển một cuốn Văn kiến dị từ do Hữu Thu Xá viết, nhưng nhân vật chính trong những câu chuyện kia không đáng yêu được như Trương Lão Tài, bởi vì đều có ý cổ vũ người ta “nước đến chân mới nhảy”, tận dụng thời gian còn lại làm việc thiện, có ý muốn chuyển họa thành phúc.

3

Nếu đã coi cái chết của con người là do sự bắt bớ dưới âm phủ, vậy nếu gặp phải những người chống cự, không có cách nào để bắt thì đành để người ta sống vậy. Nhưng việc chống cự ở âm phủ là không thể, kể cả Tề Thiên Đại Thánh đại náo Thập Vương điện sau này, không phải là trong khi say, ngủ mơ, bị hai vị âm sai “đến gần, không nói không rằng, quàng dây vào cổ, bắt linh hồn của Hầu Vương đi, loạn chà loạn quạo mang đi” sao? Còn người phạm lại càng không phải nói, ngông cuồng như Lý Quỷ, muốn chống cự, cùng lắm cũng chỉ giằng co rồi bị đánh thêm vài gậy mà thôi, cuối cùng vẫn cứ phải theo âm sai về âm phủ. Còn hung hăng hơn Lý Quỷ là những kẻ huênh hoang như huyện đại gia, ngồi trên công đường muốn thị uy, thấy âm sai liền bắt quỳ, âm sai lờ đi thì lại đòi đánh đòn, nhưng đám tay chân dưới quyền đâu có nhìn thấy âm sai, chỉ thấy huyện lão gia tay chân khua khoắng, mồm miệng la hét, chúng coi như ông ta uống say làm càn mà thôi. Trong Hoàng huệ châu, quyển hai cuốn Di kiên chi mậu do Hồng Mai viết, có những trường hợp như, tuổi cao sức yếu, bệnh tình liên miên, sắp như ngọn đèn hết dầu, có muốn chống cự cũng chẳng còn sức; thanh niên khỏe mạnh, nhưng chết do gươm đao hoặc côn trùng cắn, núi lở, động đất hoặc chết đuối, chết thiêu,... nghĩa là có sự trợ giúp của tạo hóa, quỷ tốt chỉ cần khoanh tay đứng nhìn trò vui; còn lại là đám thanh niên sức dài vai rộng nhưng lại không có gan làm càn, cũng không biết pháp luật, chỉ cần quỷ tốt vừa đến, mấy con hổ giấy đó sẽ ngoan ngoãn để bị bắt đi.

Điều dân không phải không có, giống như vị gặp hầu tử công sai không chịu chấp hành lệnh trong Thuyết minh bác, tôi đã giới thiệu qua, còn lăng nhăng đôi co việc giữ chữ giản thể, còn túm được những chi tiết chấp pháp sơ hở, nhưng bắt được chỗ sơ hở rồi thì sao, chẳng phải cuối cùng vẫn phải theo về âm phủ ư? Còn về việc gặp công sai cãi lý, hỏi một câu: “Xin hỏi tội gì?”, thì tôi nghe mà cũng muốn cười.

Nhưng như thế không có nghĩa là mình sai khi đi bắt hồn sẽ vơ đại như đi bắt người trên phố, những chuyện phiền phức lớn nhỏ không phải không có. Ví dụ như trong truyện Hoàng giải nguyên diễn bộ ở quyển một Di kiên chi mậu, người bị bắt đang mời hòa thượng, đạo sĩ làm phép, nên âm sai không có cách nào để vào phòng. Điều này khiến người ta nghi ngờ những lời tuyên truyền về đạo tử tạng đạo, đó là vì muốn tìm một chỗ ăn uống miễn phí và còn có tiền tiêu vật thường xuyên để ở. Hơn nữa, dù tăng ni, đạo sĩ không ở trong phòng, mà là đàn bà con gái ở trong đấy, quỷ sai cũng không thể ra tay được. Nhờ việc này mà đám tăng đạo cũng bớt được hiềm nghi, bởi vì vào bệnh viện làm hộ lý chăm sóc cũng không thể một ngày ở bên cạnh hai mươi tư giờ đồng hồ, vì vậy tăng đạo không những phải ăn cơm, mà còn phải ngủ nữa.

Trong truyện Đứa trẻ bán tương ở quyển mười trong Tử bát ngữ do Viên Mai viết, nói nếu người ta thỉnh “ngũ tạng” thì quỷ không thể nào vào nhà bắt người. Nhưng nghi lễ Diên thỉnh đó cũng phải đến lúc kết thúc, vì vậy âm sai đành đứng đợi bên ngoài, khát khô cả cổ, nhập vào người một đứa trẻ để tìm nước uống. Ngũ tạng chính là kiểu như ngũ thông, ngũ hiện... từ đời Tống đến nay vẫn được nhân dân vùng Giang Nam tin thờ.

21. Chương 16.1

Chương 16

Chết nhầm người là chuyện thường thấy

1

Có một câu nói thế này: “Chết người là chuyện thường thấy.” Nhưng cũng còn một câu nói không chính thức nữa là: “Chết nhầm người là chuyện thường thấy.” Chết nhầm ở đây không phải là những vụ án oan án sai trên dương thế, những cái đó không được ghi là “chết nhầm” trong sổ sách dưới âm phủ, giống như bác sĩ giết người, đều là do quỷ thần dưới âm phủ tác oai tác quái, nhìn thì tưởng “chết nhầm” nhưng thực ra rất đúng “ý trời”. Chết nhầm ở đây có nghĩa là thời hạn trong sổ sinh tử chưa đến, bị bắt trước, hoặc vốn quỷ sai phải bắt Mã Ngũ thì lại dặt về Ngưu Lục.

Việc nha môn bắt nhầm người vốn là chuyện có thể tránh, nhưng lại thường xuyên xảy ra. Đám sai nha chỉ chăm chăm lo việc bắt người, những lời giải thích biện hộ của người bị bắt chúng không thèm nghe, câu cửa miệng là: “Đến gặp lão gia rồi nói”, nhưng khi đã đến trước mặt lão gia rồi thì lại càng hỗn loạn, đầu tiên là chịu một trận đòn, khi mông đít nở hoa, hỏi lại chẳng thấy ai dám kêu oan nữa. Những việc bắt nhầm, phán nhầm, thẩm nhầm, thậm chí là giết nhầm trên nhân gian thường xuyên xảy ra, nghĩ tới đây, đôi lúc cũng không thể đưa ra yêu cầu cầu toàn cho âm giới. Nhưng sự bắt nhầm dưới âm phủ đồng nghĩa với việc giết nhầm trên nhân gian, nếu như những kẻ dưới âm phủ hồ đồ thì người trên nhân gian có thể một đi không trở về. Cũng may, âm phủ trong những câu chuyện ma đều rất rõ ràng, sinh hồn áp giải đến đó, có thể nhanh chóng phân biệt được đúng sai, phân biệt rõ rồi thì sẽ được thả về, rất ít để lại hậu quả. Tác phong biết sai là sửa này khác hoàn toàn với quan trường trên nhân gian, dường như khiến người ta phải ngưỡng mộ, nhưng nếu như làm sai ít đi hoặc dừng làm sai thì có phải tốt hơn không? Điểm này thật khó mà làm được, giống như trong chuyện Cổ Văn Hợp trong Sư thần ký do Can Bảo viết, khi ông ta đuổi kịp đám linh hồn bị bắt thì những người trùng tên với ông ta, tính cả nam cả nữ là hơn mười người, cũng chính là một lần bắt nhầm tới hơn mười người.

Suy đoán để tìm nguyên nhân, có lẽ là vì minh phủ cũng giống như quán sứ trên dương gian, cần được đánh giá, sự đánh giá này cần những người bị bắt nhầm giúp họ làm quảng cáo. Những sinh hồn được hoàn dương này, sau khi quay về dương gian nhất định khen ngợi sự công chính nghiêm minh dưới âm phủ, không tha cho kẻ xấu mà cũng không hàm oan người tốt, bởi vì đồng thời lúc này cũng có thể chứng minh ọi người biết mình là người tốt, vì vậy kể chuyện càng thêm thất, hào hứng hơn. Sau đó lại được viết báo, thêm mắm thêm muối, truyền từ người này qua người khác, đến tai Ngọc Hoàng đại đế, đánh giá cuối năm sẽ được thêm vài điểm, khiến cho danh tiếng của Diêm Vương có thể xếp ngang hàng với Bao Thanh Thiên ngàn năm có một trên dương gian.

Bắt nhầm người là một việc vui như thế, hà tất gì mà lại không bắt nhầm chứ? Diêm Vương nghĩ thế, đám quỷ tốt cũng vui vẻ phối hợp, mặc dù Diêm Vương cũng làm bộ làm tịch mắng mỏ, giáo huấn vài câu, nhưng sau đó lại nhận được tiền cảm ơn của cái tên từng chết một lần còn muốn tạ long ân kia. Đặc biệt không thể xem thường là, đám hòa thượng cũng rất nhiệt tình với việc này, đừng nói gì đến Diêm Vương, tiểu quỷ. Bởi vì bọn họ có thể nhân lúc những sinh hồn này chuẩn bị hoàn dương, đưa họ đi thăm địa ngục, thế là tuyên truyền Phật pháp, giáo hóa ngu mị. Trong quyển năm cuốn Hữu đài tiên quán bút ký của Du Việt có một câu chuyện, hoài nghi trước việc bắt nhầm người dưới địa phủ, cho rằng trong đó ít nhiều là do cố ý.

Phật ác khuyến thiện, công đức vô lượng, tiếp theo đó đi khát thực cũng là vô lượng, bởi vì “hòa thượng cũng phải ăn cơm” mà! Những lời này, mặc dù khó tránh khỏi mấy kẻ làm ở những ngành nghề không rõ ràng lấy ra làm cớ, nhưng cũng còn hơn là khuyến người khác hít gió uống sương như mấy tên giả đạo học nhiều.

2

Mặc dù việc chết nhầm nhiều như cơm bữa, nhưng những cách chết nhầm lại không nhiều, hàng nghìn năm nay, gần như chỉ có một hình thức duy nhất: Bắt nhầm xuống địa ngục – tra sổ biết là nhầm – thẩm quan địa ngục – thả về dương gian, thậm chí trước khi được thả về còn đặc biệt dặn dò, sau khi quay về dương gian đừng quên tuyên truyền cho địa ngục và minh phủ. Chuyện này ở thời Ngụy – Tấn – Lục triều cũng

có chút mới mẻ, nếu như hàng nghìn năm nay cách thức đó vẫn lặp đi lặp lại, điều đó chẳng khác gì muốn nói những người khỏe mạnh đi thối nhựa thành dế lê.

Chúng ta đừng nghĩ những vị hòa thượng xây dựng chuyện thiếu sức sáng tạo, bởi vì hàng nghìn năm nay vẫn cứ kể như vậy, vĩnh viễn là một loạt các câu chuyện như Pháp uyển châu lâm, các tín nam tín nữ đều nghe với vẻ mặt háo hức như thế, say mê như thế thì hòa thượng thuyết pháp chỉ cần luyện cho cách nói của mình điêu luyện, trơn tru hơn là đủ rồi.

Nếu suy nghĩ kỹ thì tình tiết bắt nhầm người đó thật ra rất khó để sáng tạo thêm những chi tiết mới mẻ, so đi tính lại, quanh quẩn vẫn là vì nhầm tên. Một đất nước Trung Quốc rộng lớn thế này, dân số hơn tỷ người, những người cùng họ cùng tên thật ra không ít, lấy ngay những ví dụ gần đây cho dễ, những tên như “Viện Triều”, “Quốc Khánh”, “Văn Cách” thì có hàng vạn người cùng đặt, lại thêm một khoản nữa đó là họ tên không giống nhưng âm đọc lại tương đồng, lại có người lúc lơ mơ, nhìn poster quảng cáo mua vé “Lưu Đức Hoa”, vào rồi mới biết là “Lưu Đức Hải”, lại còn có những trường hợp họ và tên đệm thì giống nhưng tên không giống, chán cái là họ đều làm quan, thế là chuyện xưa mới kể rằng có người mang quà đến nhà Lý sở trưởng nhưng lại mang nhầm vào nhà bảo vệ Lý sở trưởng... Những kiểu như thế bình thường bị nhầm lẫn cũng không phải chuyện gì ghê gớm, đặc biệt là vụ quà cáp biếu xén, đúng là một việc tốt “hiếm khi mà hồ đồ” đến vậy, nhưng nếu hồ đồ tới mức liên quan đến tính mạng, pháp luật thì tuyệt đối không phải chuyện đơn giản.

Nếu cùng tên cùng họ, thậm chí cùng nơi ở, cùng làng, cùng xã thì việc bắt nhầm có thể hiểu được, ai bảo bọn họ khi đặt tên cứ thích chạy theo thời thượng cơ! Vấn đề là nhiều người tên họ rất khác nhau, thế mà vẫn bị bắt nhầm. Giống như câu chuyện được nhắc tới ở trước, Đường Cao Tông ở dưới âm phủ hưởng thanh phúc muốn tìm phản quan Tịnh Châu – Bối Tử Nghị xuống làm bạn, kết quả người bị bắt xuống địa ngục là quan địa phương Chu Tử Cung. Mặc dù chức quan thì giống nhau, trong họ tên có một chữ Tử, nhưng chỗ này sai cũng hơi thái quá. Trên đây là hai hiện tượng cực đoan. Ngoài ra, còn có trường hợp nhầm giữa tên và tự của người ta, như trong Kê thần lục do Từ Huyền thời Ngũ Đại viết, quan coi kho người Nam Đường là Hữu Tạng, tên Trần Cư, tự Đức Ngộ, tới đó trực ban tại kho, vợ ở nhà, đột nhiên mộng thấy hai nữ sử, tay cầm văn thư, hỏi: “Đây là nhà của Trần Đức Ngộ phải không?” Vợ ông ta trả lời, đúng, nhưng thấy tình hình có vẻ không ổn, không giống tới để tặng quà hoặc tạo quan hệ, liền vội vàng nói: “Chồng tôi tự là Đức Ngộ, nếu quý quan muốn tìm một người có tên Đức Ngộ, vậy thì là quan chủ nông kho Trần Đức Ngộ rồi. Nhà ông ấy ở phía đông.” Hai sử nhìn nhau cười, nói: “Suýt nữa thì nhầm.”

Còn có những người giống tên không giống họ, chỉ lý do đó thôi mà cũng trở thành người bị bắt nhầm. Trong quyển năm Lục dị ký của Đỗ Quang Đình thời Ngũ Đại có ghi lại một chuyện, Tây Thục có hòa thượng Huệ Tiến, tên tục Vương Thị. Một hôm, sáng sớm ra khỏi nhà, gặp một người rất cao, màu xanh, đi sát theo sau. Anh ta cảm thấy hơi bất thường, liền đi nhanh hơn, rồi lên vào nhà một hộ dân. Không ngờ người đó cũng vào theo, tóm chặt lấy tay, bám riết không tha. Hòa thượng cầu xin tha mạng, lúc này người ấy mới hỏi một câu: “Người họ gì?” Hòa thượng nói họ Vương. Người đó liền buông tay: “Cùng tên khác họ”, sau đó đến một câu xin lỗi cũng không có, quay đầu bỏ đi.

Có trường hợp thì lại trùng họ, trùng chức quan, rất dễ bị quỷ sai nhầm lẫn. Trong quyển bảy Di kiên tam kỷ do Hồng Mai viết có truyện Trai trưởng[1] Tiết Tĩnh Du, kể về chuyện xảy ra ở thời Tống Quang Tông, trai trưởng của thái học tiết tính trai Du Sâm, tự Đức Mậu, bệnh tim bộc phát, bất tỉnh nhân sự, thấy một tên lính áo vàng cầm lệnh bài đi đến, trên lệnh bài viết: “Du trai trưởng – Phong Châu...” Còn chưa đọc xong, tên tốt áo vàng liền nói: “Nhầm rồi”, cướp lại lệnh bài rồi bỏ đi. Ngày hôm sau, Học dụ tiền lang Du Lương, tự Quý Lương đột nhiên bị bệnh nặng, chết ngay. Thì ra Du Lương là trai trưởng tiền nhiệm của Tiết Tĩnh, tiếp nhận học dụ xong, Du Sâm mới nhậm chức trai trưởng. Cũng may trên lệnh bài không chỉ ghi chức vụ mà còn ghi cả danh tính. Sự thay đổi về chức vụ và đổi tên đổi tự cũng rất dễ gây ra những phiền phức trong quá trình đi bắt hồn của âm phủ, nhưng dưới âm phủ có nhiều đặc vụ, mật thám chuyên kiêm chức như thế, về lý mà nói thì phải nắm bắt được tình hình tùy thời chứ. Trong Khâu giản phản hồn ở quyển bốn Di kiên tam nhâm có kể về một sĩ nhân tên Khâu Giản, bị âm sai đuổi bắt, giải về âm phủ. m sai bẩm báo với cấp trên: “Bắt được Khâu Giản rồi ạ!” Người bên cạnh liền nói: “Bảo người bắt Khâu Viên, sao lại bắt Khâu Giản? Mau trả về dương gian!” m sai đưa Khâu Giản ra ngoài, lạnh lùng đẩy xuống một cái hồ sâu, Khâu Giản giật mình tỉnh khỏi giấc mơ. Không ngờ người này vốn tên là Khâu Viên, Khâu Giản là tên mới anh ta vừa đổi. Thế là anh ta rất đắc ý, nghĩ rằng mình đã thoát khỏi kiếp nạn này. Không

ngờ ngày hôm sau tên âm sai đó lại lên bắt anh ta, thì ra người ta đã tra được tên gốc của Khâu Giản, nạn này khó thoát.

[1] Trai trưởng: là một chức vụ trong các trường học thời Tống.

Còn một kiểu bắt nhầm nữa, đó là cùng tên khác họ, nhưng lại cùng hàng. Điều này càng khiến người ta thấy khó hiểu, lẽ nào trên lệnh bắt hồn của âm phủ chỉ ghi “Trương lão tam”, “Vương lão ngũ” sao? Và khi thẩm vấn cũng hỏi: “Ta hỏi ngươi, Trương lão tam” sao? Trong truyện Tiết Nhị ở quyển hai Bắc Đông Viên bút ký lục tư biên do Lương Cung Thần viết rất hay, viết đúng cách hỏi như thế.

Huyện lệnh thực tập Tiết Định Vân, một hôm đang ăn mỳ trong phủ, đột nhiên một tên âm sai tới hỏi: “Người họ Tiết phải không?” “Phải.” “Người xếp hàng thứ hai đúng không?” “Không sai.” “Lão gia của bọn ta sai tới bắt ngươi.” Tên âm sai này cũng không để Tiết huyện lệnh ăn hết bát mỳ, lập tức bắt đi ngay. Vào trong quan đường, thấy phía trên có một vị quan đang ngồi, mũ quan mang hàm cấp một, nghiêng đầu hỏi: “Ngươi là Tiết lão nhị phải không?” Tiết huyện lệnh trong lòng bức bối, chúng ta là cán bộ cùng cấp, sao lại chào hỏi nhau kiểu như thế được! Vị quan ngồi trên kia lại nói: “Tại sao gặp ta không quỳ?” Cũng không đợi Tiết lão gia giải thích, lệnh cho lính tát hai mươi cái vào miệng. Tiết lão gia bị đánh vào miệng xong, trong lòng thầm nghĩ, vị đại nhân này dám trách phạt ta, chắc chắn chức quan phải to hơn ta, liền lớn tiếng kêu thảm thiết: “Xin đại lão gia điều tra rõ bị chức mắc phải tội gì.” Vị quan ngồi trên đáp: “Ngươi là cái thá gì, mà dám xưng bị chức?” Lúc này Tiết lão gia mới có thời gian để nói rõ thân phận của mình. Vị quan ngồi trên hoảng hốt, vội vàng đứng dậy tạ lỗi, rồi trách mắng tên khốn kiếp nào dám bắt Tiết huyện lệnh đến đây. Sau đó phạt tên âm sai đó ba mươi trượng vào mông, hai mươi trượng là để đền cho hai mươi cái tát vào miệng Tiết huyện lệnh, mười trượng là trị tội tên âm sai làm ăn linh tinh, sau đó lệnh cho hắn đưa Tiết huyện lệnh quay lại nhân gian. Ra khỏi quan phủ, Tiết Định Vân quay đầu lại nhìn, thì ra là miếu Thành Hoàng của bản huyện. Mặt ông ta bị đánh đau rất như xát ớt, cổ họng nghẹn ứ như vừa bị ai nhét vào màn thầu vào, xin nghỉ liền mười ngày phép, mới dám ra ngoài gặp người khác. Miếu Thành Hoàng đó làm ăn quá vớ vẩn, tắc trách, kết quả một mối lửa trời thiêu rụi không để lại dấu vết.

m sai đó bắt nhầm người, nguyên nhân là lệnh bắt của Thành Hoàng đại lão gia viết không rõ ràng, nhưng đại lão gia sẽ không bao giờ thừa nhận mình sai, đành mang tên âm sai ra gánh giúp tội. “Thông minh, chính trực ở đâu!” Vì vậy, miếu Thành Hoàng làm ăn vớ vẩn đó mới bị đốt cháy rụi.

Mà kiểu làm ăn vớ vẩn nhất là đến nam hay nữ cũng không phân biệt được, vốn phải bắt chồng thì lại bắt nhầm vợ. Đây là chuyện xảy ra vào cuối triều Thanh, vì muốn tăng công hưởng lộc, âm dương từ trên xuống dưới đều rất một lũ làm ăn chẳng ra sao.

Chuyện ghi lại trong quyển tám cuốn Động linh tiểu chí, kể về huyện lệnh Lý Gia Trác, con dâu của ông ta Bành Thị bị ốm nặng và mất. Theo phong tục của địa phương, những người đi đưa tang phải dùng giấy cuộn thành kiệu giấy, người giấy, coi như lễ bắt buộc để xuống địa phủ, mà sau lưng mấy kiệu phu đó đều phải ghi tên, và đó là tên của những nha dịch đã chết trong nha huyện. Sau khi đốt kiệu giấy và người giấy xong, Bành Thị chưa được đưa vào quan tài, vẫn nằm trên giường, có mấy người đứng quanh để giữ xác qua đêm, trong số đó có một người là anh trai của Bành Thị. Không ngờ, đến nửa đêm, Bành Thị đột nhiên ngồi dậy, mọi người sợ hãi bỏ chạy, chỉ có anh trai thị là không sợ, hỏi thăm dò: “Em gái, em không sao chứ?” Bành thị nói: “Không sao rồi. Mấy kiệu phu đó đều biết em, gọi em là thiếu phu nhân, sau đó rước em vào âm phủ. Lão gia trong âm phủ vừa nhìn, biết là bắt sai người, vội vàng đưa về. Thế là em được sống lại.” Nhưng khi mọi người còn đang vui mừng vì thiếu phu nhân đã sống lại, thiếu gia chồng của Bành Thị đang yên đang lành, không bệnh không tật chết đột ngột, thì ra người mà âm phủ muốn bắt là người chồng, nhưng lại bắt nhầm vợ. Ngày đầu tiên chồng khóc vợ, ngày thứ hai vợ lại khóc chồng, đây có lẽ là trường hợp duy nhất trong lịch sử từ trước tới nay.

3

Trong quyển ba Tập dị tân sao do Lý Hạc Lâm người đời Thanh viết có truyện Chu Đại, kể về một người đang bị bệnh sốt rét là Chu Đại, ban ngày ban mặt bị một tên quỷ sai túm cổ lôi đi. Cũng may một tên quỷ sai khác phát hiện ra vấn đề vội xua tay nói: “Nhầm rồi, chúng ta phải bắt Châu Đại chứ không phải Chu Đại.” Hai tên quỷ sai tranh cãi một hồi, rốt cuộc thì cũng tìm được cách giải quyết cho hai chữ Châu và Chu, sau đó lao người ra ngoài bằng đường cửa sổ. Một lúc sau, hai quỷ sai lại bắt về một người, có chiều cao tương đương Chu Đại, đó đương nhiên là linh hồn của Châu Đại, một tên quỷ sai vòng tay nói với Chu

Đại: “Xin lỗi vì đã mạo phạm, thật đáng xấu hổ. Giờ người còn đang bệnh nặng, nhưng cũng nhanh chóng qua khỏi thôi.” Bách tính của chúng ta thời đấy thật đáng yêu, Chu Đại quên mất là mình đang bị sốt rét, ra sức giữ hai quý tốt lại dài cơm, hai vị vất vả quá, lại quan tâm đến sự thống khổ của bách tính như thế, sao có thể không ăn cơm mà đã đi! Hai tên quý tốt này cũng còn chút lương tâm, đổ mặt rồi từ chối.

Bình thường mà nói, mình sai bắt nhầm người sẽ không dễ dàng nhận sai như thế. Bởi vì khi truy xét để sửa sai, vàng đã dát lên mặt những tên quan to đó, đối với những việc nhầm lẫn, sai trái vẫn phải trừng phạt, không trừng phạt cấp dưới sao thể hiện được sự anh minh của người cấp trên đây? Vì vậy, khi những âm sai quý tốt xảy ra chuyện, đặc biệt là bắt nhầm linh hồn đưa tới m sơn đạo rồi thì thà để cho sai thành sai luôn. Trong quyển mười ba cuốn Di kiên giáp chí có truyện Hoàng thập nhất nương kể về Hoàng thập nhất nương bị bắt nhầm, chết vì bệnh tim, linh hồn bị áp giải đi khoảng mười dặm, sắp đến nha môn âm phủ thì mấy tên âm sai vô lại mới phát hiện ra mình nhầm, liền hốt hoảng nói: “Chết rồi, Diêm Vương sai chúng ta bắt Vương thập nhất nương, thế mà lại bắt nhầm người tới đây. Lát nữa gặp Diêm Vương, người chỉ cần nói mình là Vương thị, nếu như người định nói thật, ta sẽ đập chết người!” Hoàng thập nhất nương đành phải đồng ý, cũng may là chị ta gặp được người cha đã mất của mình đang làm quan dưới âm phủ, nếu không, có lẽ cũng vì bị bắt nhầm mà thành ma thật mất.

Gặp phải những chuyện thế này mới có thể nhìn ra được trình độ của các đại quan. Trong quyển bốn Di kiên giáp chí có truyện Trịnh Lâm tái sinh, viết về sự inh của Diêm Vương khi xử lý những trường hợp nhầm lẫn thế này, rất xứng đáng để cho toàn bộ quan lại hai giới âm dương phải noi gương học tập. Vốn người bị bắt sẽ là Trịnh Lâm, kết quả lại bắt nhầm Trịnh Lâm vẫn còn mười tám năm dương thọ nữa xuống. Sau khi phát hiện ra là bị nhầm, mọi người nhìn sắc mặt Diêm Vương, một là mặt không biến sắc, không thể để người ta nhìn thấy sự lo lắng trong lòng mình, hai là rất hòa nhã, làm ra vẻ thân thiện hỏi: “Nhìn người có vẻ là người lương thiện, trên nhân gian có thường xuyên đọc kinh Phật không?” Chỉ một câu nói thôi cũng khiến lòng Trịnh Lâm dịu lại, liền nói: “Vâng, tôi thường đọc thầm Cao Vương kinh, và nhìn sách đọc Quan Thế m kinh.” Diêm Vương nói: “Quả nhiên không sai, người tốt sẽ gặp được việc tốt, ta sẽ cho người đưa người quay về, cho sống thêm vài năm nữa.” Sau đó là bước thứ ba, nhằm ngăn chặn việc Trịnh Lâm trở về dương gian nói năng linh tinh mà ảnh hưởng tới danh tiếng của âm phủ, liền cho chị ta đi thăm quan âm phủ một lúc. Thấy bộ dạng đám linh hồn, ma quỷ dưới âm phủ khi phải chịu phạt, Trịnh Lâm sợ hãi tột độ, Diêm Vương lúc này mới nói với bộ mặt hết sức ôn hòa: “Nhìn thấy chưa, những người này không chịu học điều hay, nên phải chịu cảnh này, sau khi người trở về dương gian nên khiêm nhường, cẩn trọng, tự xem xét lại bản thân đi.” Trịnh Lâm cũng tự hiểu, mười tám năm sau, ngoài nơi này ra không có nơi nào khác để đi nữa.

22. Chương 16.2

Gặp phải những chuyện thế này mới có thể nhìn ra được trình độ của các đại quan. Trong quyển bốn Di kiên giáp chí có truyện Trịnh Lâm tái sinh, viết về sự inh của Diêm Vương khi xử lý những trường hợp nhầm lẫn thế này, rất xứng đáng để cho toàn bộ quan lại hai giới âm dương phải noi gương học tập. Vốn người bị bắt sẽ là Trịnh Lâm, kết quả lại bắt nhầm Trịnh Lâm vẫn còn mười tám năm dương thọ nữa xuống. Sau khi phát hiện ra là bị nhầm, mọi người nhìn sắc mặt Diêm Vương, một là mặt không biến sắc, không thể để người ta nhìn thấy sự lo lắng trong lòng mình, hai là rất hòa nhã, làm ra vẻ thân thiện hỏi: “Nhìn người có vẻ là người lương thiện, trên nhân gian có thường xuyên đọc kinh Phật không?” Chỉ một câu nói thôi cũng khiến lòng Trịnh Lâm dịu lại, liền nói: “Vâng, tôi thường đọc thầm Cao Vương kinh, và nhìn sách đọc Quan Thế m kinh.” Diêm Vương nói: “Quả nhiên không sai, người tốt sẽ gặp được việc tốt, ta sẽ cho người đưa người quay về, cho sống thêm vài năm nữa.” Sau đó là bước thứ ba, nhằm ngăn chặn việc Trịnh Lâm trở về dương gian nói năng linh tinh mà ảnh hưởng tới danh tiếng của âm phủ, liền cho chị ta đi thăm quan âm phủ một lúc. Thấy bộ dạng đám linh hồn, ma quỷ dưới âm phủ khi phải chịu phạt, Trịnh Lâm sợ hãi tột độ, Diêm Vương lúc này mới nói với bộ mặt hết sức ôn hòa: “Nhìn thấy chưa, những người này không chịu học điều hay, nên phải chịu cảnh này, sau khi người trở về dương gian nên khiêm nhường, cẩn trọng, tự xem xét lại bản thân đi.” Trịnh Lâm cũng tự hiểu, mười tám năm sau, ngoài nơi này ra không có nơi nào khác để đi nữa.

Còn một kiểu nữa, tức là khi âm phủ bắt nhầm người, cho dù đã phát hiện ra, nhưng cũng không thể để linh hồn bị bắt nhầm đó trở về, mà bắt người đó phải làm một vài việc cho âm phủ. Quy tắc kỳ lạ này đương nhiên cũng có đạo lý của nó. Vốn bắt những linh hồn chưa phải chết này xuống âm phủ là để làm giúp âm phủ một vài việc, làm xong sẽ thả cho về, chứ không phải là bắt nhầm. Nhưng thỉnh thoảng lại bắt nhầm xuống một đứa trẻ, một đứa trẻ thì có thể làm gì cho âm phủ chứ? Nhưng đã là quy tắc thì không thể không theo. Trong truyện Vương Kỳ ở quyển Quảng dị ký do Đới Phu viết có kể về một đứa trẻ chín tuổi tên Vương Kỳ bị bắt nhầm, nhưng trước khi thả về phải sai đứa trẻ đó đi làm một việc. Làm hoạt vô thường đi bắt hồn một lần? Không thể làm được, đành phải nhờ phán quan tra trong sổ sinh tử, vừa hay có một con chó chuẩn bị đến ngày tận số, thế là: “m sai đưa ra một viên đan cho Kỳ, lệnh cho Kỳ gọi chó ra khỏi cửa. Con chó ra, ném viên đan về phía nó, chó nuốt vào lập tức chết ngay”, sau đó mình quan khen ngợi vài câu, nói: “Đứa trẻ này thật lanh lợi, lần sau sẽ có âm sai đến gọi ngươi”, đại loại những lời như thế rồi thả về, thiên hạ thái bình. Linh hồn của súc sinh cũng phải dùng đến sức người để bắt, những trường hợp như thế gặp không ít trong các câu chuyện về âm giới, có lẽ vì muốn thay đổi nên phá lệ thôi.

Đứa trẻ này vẫn được xem là may mắn, có những âm sai sau khi biết mình đã bắt nhầm người, liền tìm đủ mọi lý do để chỉnh đốn người đó một trận, chúng ta có thể dùng chuyện xảy ra trong ngành tư pháp trên dương thế để làm ví dụ: quan phủ đánh một người rất tàn nhẫn với tội danh giết người, nhưng trước khi xử án lại phát hiện ra người tưởng đã bị giết kia đột nhiên quay về từ nơi khác, lúc này phải đổi tội danh giết người thành tội phạm đánh bài, lưu manh... Dù sao không phải bắt sai là được. m phủ cũng dùng chính thủ đoạn như thế để chứng minh rằng mình không bắt sai người, cũng coi như cách để đỡ mất mặt. Trong Minh báo thập di có một truyện viết về chuyện này: “Hàm Dương có một người phụ nữ tên Lương Thị, sau khi chết bảy ngày thì sống lại, kể lại rằng khi xuống âm phủ, điều tra rõ ràng chị ta chỉ là trùng tên, trùng họ nên bị bắt nhầm. Vốn là được trả về sớm, nhưng âm phủ còn muốn kiểm tra xem trước kia chị ta đã từng mắc tội gì, bắt chị ta phải chịu hình rồi mới tha. Kết quả chỉ điều tra ra chị ta “hai lần mắng người khác với những lời lẽ tàn độc”, “lệnh ột người kéo lưỡi, một người cầm rìu chặt, mỗi ngày đủ bốn lần, sau bảy ngày thì thả””

Sau khi quay về dương gian, lưỡi Lương Thị bị sưng phồng, từ đó về sau không dám chửi mắng người khác nữa. Cái kết của câu chuyện có thể cho ta thấy dụng ý của người viết, muốn khen ngợi quan lại dưới âm phủ không chịu từ bỏ bất kỳ cơ hội nào có thể giáo hóa ngu dân, nếu không phải thấy thân thể chị ta sắp thối rữa, có lẽ vẫn còn nhẫn nại giáo hóa tiếp.

Việc âm phủ bắt nhầm người và kinh khủng nhất, chính là khi phát hiện ra sự nhầm lẫn thì thi thể của sinh hồn đã thối rữa, không có nhà để về, mà người này nhất định phải hoàn hồn, bởi vì trên nhân gian còn có số làm quan, đây là sự sắp xếp của thượng thiên, không thể không chấp hành. Thế là mới có chuyện kỳ lạ xảy ra, chết mười tám năm rồi đột ngột sống lại. Trong Quảng dị ký có ghi lại chuyện Thôi Mẫn Xác người Bắc Lăng, xuất thân con nhà gia giáo, năm mười tuổi bị âm phủ bắt nhầm, phải hơn một năm dưới đó mới phát hiện ra sự nhầm lẫn này, mà người này vừa sinh ra đã có số làm quan, không thể ồm ở cho qua được. Diêm Vương liền thương lượng với anh ta: “Theo lý thì phải trả ngươi về dương gian, nhưng xác ngươi đã hỏng, ngươi xem nên làm thế nào? Hay là ngươi hóa kiếp nhân thế, ta tăng gấp đôi số lần làm quan cho ngươi, thế nào?” Thôi Mẫn Xác không đồng ý, nói rằng: “Ta không cần biết xác ta hỏng hay không hỏng, ta cần phải quay về.” Diêm Vương không còn cách nào khác, đành sai người đến Tây Thiên xin thuốc tái sinh, việc này còn khó khăn hơn cả việc Đường Tam Tạng đi thỉnh kinh, mất mười năm mới quay về được, sau đó dùng thuốc sát lên xác của Thôi Mẫn Xác, từ xương trắng da thịt bắt đầu xuất hiện. Sau khi Mẫn Xác hồi sinh, một lòng muốn gây chuyện với Diêm Vương. Ở âm phủ, anh ta đã biết mình được làm mười nhiệm kỳ thích sứ, sau khi làm quan, anh ta cố ý chuyên đi tìm “hung khuyết”, cũng chính là những vị quan khuyết thiếu nhậm chức chưa được bao lâu thì chết. Chuyện này khiến Diêm Vương rất đau đầu, bởi vì âm phủ đã bố trí lịch rất kín cho những hung khuyết này rồi, cần phải đợi đến khi người đương nhiệm chết, nhưng giờ lại xuất hiện một kẻ không thể nào khiến hắn chết được, âm phủ nhất định phải tổn công tổn sức, ít nhất thì rất nhiều những vụ án dưới âm phủ phải sửa đổi. Vị Thôi tiên sinh không dễ chơi này giầy vò âm phủ phải mười lần, sau khi đạt được mục đích cũng đã dạy cho những quan lại dưới âm phủ một bài học.

Trong quyển năm Du Thọ Quốc trong Lý Thừa do Hứa Thúc Bình người đời Thanh viết, ghi lại chuyện Du Thọ Quốc, người đầu đời Thanh bị quỷ tốt bắt nhầm, áp giải tới âm phủ nếm mùi của hình phạt bào cách[1], lúc đó dưới âm phủ mới biết là bắt nhầm người. Minh quan đánh cho tên quỷ tốt kia một trận, lệnh tên đó lập tức phải đưa Du về dương gian, nhưng trời quá nóng, chỉ một ngày mà thi thể đã thối rữa rồi. Quỷ

tốt không cách nào hoàn thành nhiệm vụ, liền dạy Du một phép thuật để anh ta trộm viên đơn, khiến anh ta trở thành địa tiên, coi như trong họa có phúc. Câu chuyện này được lấy trộm ra từ truyện Vương Lan trong Liêu trai.

[1] Bào cách: một loại hình phạt dã man thời cổ, bắt đi trên ống đồng nóng, không chịu được, ngã xuống đồng than hồng mà chết.

Có những tên quan dưới âm phủ càng đáng ghét hơn, trong Bất nhảm ở quyển ba cuốn Ảnh Đàm do Quản Thế Hạo người đời Thanh viết, kể về một minh vương uống say lướt khướt rồi thăng đường, rõ ràng là bắt nhầm người, nhưng lại trách người đó không chịu nhận tội, dùng trăm loại nhục hình cho người đó vào cối xay để xay, thịt nát xương tan, rồi lại bốc bột thịt vào trong nước máu, giống như nhào nặn thành hình người, sau đó lại dùng cửa hình, cứ như ép dầu phải chảy trong đá ra vậy. Cuối cùng, sau khi làm rõ là bị bắt nhầm, vẫn còn rất hung hăng hỏi: “Người rõ ràng là Vương Thúc, sao lại mạo nhận là Vương Vực?” Cũng may minh vương không xử tội mạo nhận là Vương Vực, cũng không bắt anh ta phải trả phí những nhục hình đã dùng, coi như đã gia ân rồi.

4

Người chưa đến số chết thì đã chết rồi, dù là chết thật hay chết giả cũng hoàn toàn là do lỗi “bắt nhầm” của âm phủ. Bởi vì có một vài việc thật sự là không liên quan đến sự bất cẩn và bắt nhầm, chỉ là dưới âm phủ cần nên đã cố ý bắt những người chưa đến số chết về âm phủ. Như ở phần trước cũng có nói qua, chuyện hậu điện phía sau của Diêm Vương hơi nghiêng, cần tìm thợ mộc trên nhân gian xuống sửa, nên đã đi bắt Sái Vinh vô tội xuống đó, không phải là chỉ bắt xuống để dùng tạm thời, mà bắt xuống sẽ không thả về nữa.

Đáng chán hơn nữa là, dây xe của minh quan đứt, cũng phải dùng gân lớn của sinh hồn để thay. Trong Tây dương tạp Trĩ do Đoàn Thành Thúc viết có ghi lại chuyện Lư Châu nhà sử học Vương Dữ đi đêm ra ngoại thành, đột nhiên nghe thấy phía trước có người gọi, liền nhanh chóng nấp vào sau gốc cây to để tránh. Kỵ sĩ dẫn đường đi qua rồi, có người thân mặc áo tím, phía sau đoàn tùy tùng hùng dũng đi theo, rõ ràng là quan lớn. Theo phía sau có một chiếc xe, đang định qua sông, người đánh xe đi lên báo cáo: “Dây cương bị đứt rồi, không thể đi tiếp được nữa.” Người mặc áo tím nói: “Tra sổ đi.” Đám người đi theo sau lật sổ sách ra tìm, một tên lên nói: “Có thể dùng gân trên lưng của vợ Trương Đạo ở Lư Châu để thay thế.” Nhà sử học nghe thấy thế, vợ của Trương Đạo này chẳng phải là cô mình hay sao? Một lúc sau, thấy một tên quay lại, trên tay cầm hai sợi dây màu trắng lác lác, đo độ dài xong, thay vào xe, tiếp tục qua sông. Nhà sử học đến nhà cô, cô anh ta từ trước tới nay không bệnh tật gì, chỉ qua một đêm đã mắc bệnh đau lưng, nửa ngày sau thì chết.

Sổ sách này cũng giống như loại sổ sinh tử, bất luận nó ghi chép số mệnh của mọi người trong cả nước hay chỉ là của địa phương thì số lượng cũng không nhỏ, ngay cả đi công cán cũng phải mang theo, thật khiến người ta thấy nghi ngờ. Nhưng không nên quan tâm tới nó nữa, câu chuyện đã được viết như thế, chỉ là muốn chứng minh bọn họ làm quan nên có cả quyền rút gân róc da người khác mà thôi. Chỉ đứt dây cương xe mà giết một mạng người, cho dù số người này cũng sắp chết đi nữa thì cũng không có lý gì mà rút gân người ta. Mà gân chúng dùng không phải “vật thật” lấy ra từ trên lưng người, chỉ là một thứ hư vô của linh hồn người đó, thứ đó dưới âm phủ tất phải có, sao còn cần lấy mạng người ta? Với kinh nghiệm trên nhân thế thì có thể thấy, cái gì nhiều cũng không còn đáng giá nữa, trong tay bọn quan lại dưới âm phủ là mạng người, nếu có cái mới, hà tất phải dùng đồ cũ? Huống hồ người sống lại ở ngay bên cạnh thế kia.

Còn về việc tha cho kẻ đáng ra phải chết, rồi bắt linh hồn của người vô tội thế vào, những màn kịch kiểu này dưới âm thế, chính Diêm Vương cũng dùng. Vốn quyết định là mời người bạn nào đó của mình xuống âm phủ làm quan, nhưng nhà người này còn có mẹ già, không thể bỏ nhiệm, đành phải tìm người khác thay thế. Chuyện này nói ra thì nghe có vẻ thuận tình hợp lý, nhưng vẫn là một vở kịch đùa giỡn với tính mạng con người mà thôi, bởi vì “người khác” kia sẽ chết trước khi tới số mà không được thương lượng, bàn bạc.

Mặc dù như thế, chúng ta cũng phải nói một tiếng công bằng cho quan lại dưới âm phủ, có thể tùy ý bắt linh hồn người sống đi như thế, hoàn toàn không phải những hành động chỉ của âm phủ, mà còn rất nhiều những thần tiên lớn nhỏ trên trời dưới đất, những người này từ công hầu đến thổ phỉ, khi cần cũng không nghĩ gì đến việc phải được sự phê chuẩn của quan phủ. Trong những câu chuyện về âm phủ thời Ngụy – Tấn, có không ít câu chuyện về những thần tiên, thổ thần bắt nạt đàn ông, ức hiếp đàn bà, thấy con gái nhà ai diện mạo xinh đẹp, chẳng nói chẳng rằng cưới về luôn, mà cái “cưới” kia đồng nghĩa với việc con gái

nhà người ta đột ngột qua đời. Những câu chuyện kiểu này xuất hiện ở thời Đường rất nhiều, giống như Tây Bản Hoa Sơn đại thần được hoàng đế phong là Kim Thiên Vương (tức là Hoa Bản Tam Lang, xem trong Dật sử do Đường Dật Minh viết, Kỷ vấn do Ngưu Tiêu viết), cái gì mà Đông Bản chi tử Thái Sơn Tam Lang (xem trong Quảng dị ký do Đới Phu viết, Ngọc Đường nhàn thoại do Vương Nhân Dụ thời Ngũ Đại viết), đại sứ ngũ đạo đại thần dưới âm phủ (tức là ngũ đạo tướng quân, xem trong Kỷ vấn do Ngưu Tiêu viết), cũng với những tiểu yêu thần ở địa phương, đều là những kẻ có những hành vi bỉ ổi như xông vào phòng con gái nhà người ta ở nhân gian. Đương nhiên nói đi thì cũng phải nói lại, thê thiếp của những vị đại thần này không thể chịu được sự cô đơn, cũng phải nghĩ cách để bắt hồn những thiếu niên trên nhân gian, kết quả không đến nỗi linh hồn của những thiếu niên đó bị bắt mất, nhưng hồn đột nhiên biến mất một thời gian là điều không tránh khỏi. Giống như vị Hoan Bản tam phu nhân đa tình trong Quảng dị ký, nhân lúc từ ngày Bảy đến ngày Mười hai tháng Bảy hằng năm, Bản thân lên trời báo cáo, ả liền gọi tình nhân Lý Thị xuống để vui vẻ. Những thứ gặp tiên hội chân trong tiểu thuyết tài tử nói đều là thứ mà tâm hướng về, nhưng để Lý Thị nói thì sẽ là một loạt những lời than thở: “Từ sáng tới tối, ngày nào cũng mệt hết hơi. Người ta giữ rịt cả ngày, bộ dạng tôi tả, hơn mười ngày mới tha.”

Ngoài ra, có một vài phiền phức là do bách tính trăm dân tự gây ra. Ví dụ có một vài người đã làm ma, nhưng lại không rõ “người ma phân định”, mà vẫn muốn qua lại thân mật với họ hàng, anh em, bạn bè như khi còn sống, thậm chí còn căn cứ vào quy tắc không biết là của Thiên Đế nào đặt ra, những lời mời đến từ âm gian không được từ chối, thế là bạn bè, họ hàng thân thích của anh ta đành phải vất vả đi một chuyến.

Huyện lệnh huyện Sần Lăng Châu Đạo Chân và Thị tào Kinh Châu Lưu Khoác đều ở Giang Lăng, hai người là bạn cờ của nhau, có thể chơi không kể ngày đêm, rất hứng thú. Nhưng Châu Đạo Chân không may chết trước, Lưu Khoác mặc dù cảm thấy rất cô đơn, nhưng cũng không có ý định xuống âm gian tìm bạn để chơi cờ. Không ngờ mấy tháng sau, Lưu Khoác đang ngồi trong thư phòng, đột nhiên có người đến đưa thư, trên phong thư đề là: “Châu Sần Lăng thư”, mở ra xem, bên trong viết: “Mỗi lần muốn đánh cờ lại nhớ, không biết tìm ai, Nếu chúng ta có duyên, có thể lại được gặp.” Vừa đọc xong, lá thư biến mất, còn Lưu Khoác ngay sau đó bệnh mà chết, là do bị bạn cờ triệu xuống.

Chuyện này có thể đọc được ở Chữ cung cự sự do Dư Tri Cổ người đời Đường viết, nhưng lại ghi về chuyện Lưu Tống thời Nam Triều. Có lẽ cho rằng cách thời cổ chưa xa nên việc không chế giữa tối và sáng dưới âm phủ không được nghiêm ngặt lắm, nhưng cũng chưa chắc, bởi những câu chuyện kiểu này về sau thỉnh thoảng vẫn gặp. Dị vấn ký do Trần Hàn người đời Đường viết, có kể câu chuyện hai anh em nhà này cày thể nhà có tiền, khi bố mẹ chết, việc tang sự làm rất khoa trương, gỗ quan tài mua loại thường không dám dùng. Sau khi người em trai mất, vì tội này mà phải làm phục dịch dưới âm phủ, khổ không kể xiết, liền lên dương thế kéo anh trai đi theo. Người em trai cũng có lý của mình, lỗi là do hai người cũng gây ra thì tội cũng phải do hai người cũng gánh chịu, dù người anh có muốn hay không cũng bị bắt đi.

Kê thần lục do Từ Huyền thời Ngũ Đại viết: “Bố mẹ chồng chết đã nhiều năm rồi. Năm nay con dâu cũng chết, nhưng sau khi chết được nửa tháng thì sống lại, thì ra bố mẹ chồng ở dưới âm phủ thiếu người hầu hạ, nên đòi chị ta xuống lo cơm nước. Nơi ở của lão phu nhân rất gọn gàng, sạch sẽ, đầy đủ, chỉ thiếu nước, con dâu thấy nước ở kênh rất trong, liền múc để nấu cơm, không ngờ bị mẹ chồng phát hiện, liền tức giận nói: “Không ngờ nhà người lại bắn thủy đến thế, cần người làm gì nữa!” rồi đuổi chị ta về.”

Người bây giờ thật không sao hiểu được, âm phủ Trung Quốc lại có thể hòa nhã, thân thiện đến thế, đi về rất tự do. Nếu như một nhà có bảy người con trai, vậy thì con dâu chỉ cần phân công nhau mỗi người phục vụ từ thứ Hai đến thứ Bảy là xong, vừa tận hiếu lại thuận lòng cha mẹ. Nhưng nếu bảy người con trai này cũng già và chết theo cha mẹ mình thì sao? Đời này kiếp khác, âm gian trở thành xã hội lão hóa không nói làm gì, giao thông đi lại giữa âm gian và dương thế cũng là vấn đề lớn. Để tránh gây loạn cho âm phủ, đến sau đời Tống – Nguyên, những câu chuyện kiểu này rất ít gặp, người vừa chết linh hồn sẽ vào vạc dầu, chăm lo cho bản thân còn không xong, ai còn nghĩ đến việc thăm hỏi người thân.

23. Chương 17.1

Chương 17

Hoàn hồn tái sinh

1

Bình thường, ý nghĩa của “hoàn hồn” và tái sinh, sống lại không có sự khác biệt, chính là muốn nói người đã chết sống lại. Nhưng nếu phân tích cụ thể thì lại là hai trường hợp khác nhau. Một là người đã chết rồi, hồn rời khỏi thể xác, còn thể xác cũng không có dấu hiệu sống nữa, lúc này nếu “hoàn hồn” thì chính là hồi sinh từ cái chết. Còn có một trường hợp nữa, đó chính là hồn đã rời khỏi xác, nhưng người đó lại chưa chết, ví dụ như chúng ta thấy trong các cuốn tiểu thuyết thường viết “tim vẫn còn ấm”, lúc này nếu “hoàn hồn” thì không thể được gọi là sống lại sau khi đã chết. Hai trường hợp này thực ra chỉ có một chút khác biệt, thể xác kia dù đã chết hay chưa, nhưng một khi không có linh hồn thì cũng không khác gì người chết cả, vì vậy khái niệm “hoàn hồn” mà tôi nói tới ở đây bao gồm cả hai trường hợp: người chết hoàn hồn và người sống hoàn hồn.

Do các tăng lữ của Phật giáo thường dùng những câu chuyện về hoàn hồn, tái sinh làm phương pháp tuyên truyền của bản giáo, vì vậy, thường người ta cho rằng khái niệm về hoàn hồn bắt nguồn từ sau khi Phật giáo được du nhập vào. Thực ra không hoàn toàn như thế. Trong Nhân quả hoàn hồn không bắt nguồn từ Phật pháp ở quyển hai mươi cuốn Tùy Viên tùy bút do Viên Mai người đời Thanh viết có đề cập đến trường hợp của gián điệp nước Tần bị nước Tần bắt trong Xuân Thu Tả Thị truyện, đem ra chợ giết, sáu ngày sau thì sống lại, hoặc trường hợp người con gái Triệu Xuân sau khi chết rồi lại hoàn hồn trong Hán thư. Ngũ hành chí[1], đây đều là những chuyện xảy ra trước khi Phật giáo lưu truyền vào Trung Quốc. Nhưng nếu chúng ta để ý kỹ hơn một chút sẽ phát hiện ra tính chất của hai chuyện này hoàn toàn không giống nhau, và sự khác biệt của nó chính là ở quan hệ với cõi âm, hay nói cách khác thì một người là sống lại, còn người kia chỉ là sống lại sau khi chết lâm sàng, hoàn toàn không liên quan gì đến việc hoàn hồn.

[1] ‘Hán thư’: một tài liệu lịch sử Trung Quốc cổ đại viết về giai đoạn lịch sử thời Tây Hán từ năm 206 TCN đến năm 25 TCN. Đôi khi sách này cũng được gọi là ‘Tiền Hán thư’ để phân biệt với cuốn ‘Hậu Hán thư’. Ngũ hành chí là quyển bảy trong phần ‘Chí của ‘Hán thư’.

Gián điệp nước Tần trong Tả truyện xảy ra vào năm Lỗ Tuyên Công[2] thứ sáu, nhưng chỉ là bị trọng thương dẫn đến hôn mê, người chưa chết nên không thể nói là sống lại, cũng không có tình tiết hồn lìa khỏi xác. Tả truyện đặc biệt ghi chép lại, chỉ vì người này “sáu ngày sau mới sống lại”, thời gian khá lâu, thậm chí còn được coi là “chuyện lạ”, hoặc có thể gọi đây là kỳ tích trong hiện tượng sinh lý của cơ thể con người. Đương nhiên, nói mang ra chợ giết, giết ở đây không phải chặt đầu, khiến đầu lìa khỏi xác, tôi thường nghĩ, hình thức tử hình của hậu thế đa phần đều là chém đầu thậm chí còn treo cái đầu đó lên một cây sào, thì chúng ba ngày cũng chưa chắc không phải không có ý ngăn người bị chặt đầu sống lại.

[2] Lỗ Tuyên Công: tức Cơ Nỗ (608-591 TCN), tại vị mười tám năm. Nước Lỗ là tên gọi một quốc gia thời cổ đại tại Trung Quốc trong thời kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc.

Còn Triệu Xuân trong Hán thư. Ngũ hành chí lại là một trường hợp “hoàn hồn” điển hình. Nguyên văn như sau:

Tháng Hai năm Nguyên Thủy Bình Đế[3] thứ nhất, người con gái tên Triệu Xuân ở phương Bắc bệnh chết, đã cho vào quan tài được sáu ngày, sau khi ra khỏi quan tài, nói rằng đã gặp cha chồng đã chết, cha chồng nói rằng: “Năm hai mươi bảy không hợp tuổi để chết.”

[3] Nguyên Thủy Bình Đế: tức Hán Bình Đế, tên thật Lưu Khản hay Lưu Diễn, là vị hoàng đế thứ mười bốn của nhà Tây Hán trong lịch sử Trung Quốc. Ông ở ngôi từ năm 1 TCN cho đến khi bị ngoại thích Vương Mãng sát hại năm 5 CN. Trong thời ở ngôi, Hán Bình Đế sử dụng hai niên hiệu là Nguyên Thọ (năm 1 TCN), đây vốn là niên hiệu của Hán Ai Đế, đến đây, Hán Bình Đế tiếp tục sử dụng từ tháng Chín đến tháng Mười hai năm 1 TCN và Nguyên Thủy (1-5).

Triệu Xuân đã được cho vào quan tài sáu ngày rồi lại sống lại, mặc dù hiếm gặp nhưng cũng không phải không thể xảy ra. Nếu chỉ nhìn tình tiết đó thì thấy không khác nhiều so với chuyện gián điệp ở nước Tần,

nhưng cô ta tự nói rằng sau khi chết đã gặp người cha chồng quá cố, tình tiết này liên quan tới âm gian rồi, hồn của cô ta đã xuống âm gian, sự sống lại của cô ta rõ ràng là sự trở về của linh hồn. Chỉ là có một điểm phải lưu ý, cha chồng của cô ta biết rằng cô ta chưa thể chết ở tuổi hai mươi bảy, nên bảo cô ta quay về, chi tiết này không rõ ràng lắm, không giống với những tác dụng của âm phủ được giảng giải kỹ càng trong các câu chuyện hoàn hồn đời sau, có lẽ khi ấy vẫn chưa có khái niệm về sổ sinh tử.

Chân tướng của chuyện này không phải điều đáng quan tâm nhất, mà điều đáng quan tâm là chuyện này đã phản ánh được ý thức về âm gian của con người thời đó (những năm cuối Tây Hán). Không hề nghi ngờ rằng, khái niệm sống lại xuất phát từ bản thân người Trung Quốc, câu chuyện của Viên Mai thực ra cũng xảy ra khá muộn, thuật phù thủy nguyên thủy của Trung Quốc đã có tình tiết chiêu hồn rồi, đương nhiên khi ấy không có quan niệm “âm phủ” dưới đất, linh hồn chỉ là phiêu du lang bạt trên không trung mà thôi. Cho dù sau khi Phật giáo được lưu truyền vào phía đông Trung Quốc, do sự tuyên truyền của nó bị hạn chế rất lớn, trước thời Tam Quốc, sức ảnh hưởng của nó trong dân gian không nhiều, vì vậy, đa phần những câu chuyện hoàn hồn sống lại ở thời Đông Hán và Ngụy - Tấn đều mang tính chất đặc thù của Trung Quốc, không liên quan gì tới Phật giáo.

Đương nhiên, sự “hoàn hồn” của Triệu Xuân cũng có thể được lý giải là “cái chết giả” trong y học. Chuyện này và chuyện về gián điệp nước Tần trong Tả truyện trước đó cùng với Tấn thư. Lưu Diêu tái ký[4] sau này kể về Trương Lô chết được hai mươi bảy ngày, do có kẻ trộm đào trộm mộ mà được sống lại, đều không trừ một phần sự thật nhất định. Chúng ta có thể lấy ghi chép Chết đi sống lại trong Tục Hán thư. Ngũ hành chí ngữ:

[4] ‘Tấn Thư’: một trong hai mươi tư cuốn sách lịch sử Trung Quốc (Nhị thập tứ sử), do Phòng Huyền Linh và Lý Diên Thọ phụng mệnh vua Đường Thái Tông biên soạn vào năm 648. Sách kể về các sự kiện bắt đầu từ Tư Mã Ý thời Tam Quốc đến khi Lưu Dụ phế Tấn Cung Đế lập nhà Lưu Tống năm 420, đồng thời sách còn bổ sung hình thức “kỷ tái” (ghi chép), dùng để tường thuật tình hình chính quyền của mười sáu nước. ‘Lưu Diêu tái ký’: nằm trong quyển ba của phần ‘Tái ký’.

Năm Hiên Đế[5] Sơ Bình[6], có một người họ Hoàn ở Trường Sa chết, cho vào quan tài được gần một tháng, bỗng mẹ anh ta nghe thấy trong quan tài có tiếng động, phát hiện ra anh ta vẫn còn sống. (Xem trong quyển sáu cuốn Sư thần ký do Can Bảo viết.)

[5] Hiên Đế là Hán Hiên Đế (181 - 21/4/234, tại vị 189 - 25/11/220): tên thật là Lưu Hiệp, tự Bá Hòa, vị hoàng đế thứ mười bốn của nhà Đông Hán và cuối cùng của nhà Hán trong lịch sử Trung Quốc.

[6] Sơ Bình: một trong những niên hiệu mà Hán Đế dùng trong ba mươi hai năm làm vua. Niên hiệu Sơ Bình từ năm 190-193.

Tháng Hai năm Kiến An thứ tư (199), Khắc huyện phụ Quận Vũ Lăng tên là Lý Nga, năm nay hơn sáu mươi tuổi, bị bệnh chết được mười bốn ngày, được chôn cách thành vài dặm, có người qua đường nghe thấy trong mộ có tiếng nói về mạch lại với người nhà. Người nhà đi đến mộ xem xét, quả nhiên nghe thấy tiếng phát ra từ bên trong, đào lên cứu sống Lý Nga.

Những chuyện kể trên có lẽ đều là một dạng sống lại của trạng thái chết giả, cho dù thời gian đều là hơn tháng, gần tháng nghe có phần hơi khoa trương, nhưng miễn cưỡng thì cũng có thể là cho qua được.

Cho dù là mất đi khả năng chân thực, ví dụ như não đã chuyển nhà đi nơi khác mà vẫn tiếp nhận được sự sống, có thể ăn cơm, sinh con đẻ cái, nhưng chỉ cần không giống như Triệu Xuân đã liên quan tới tử hồn ở âm giới thì không phải là chuyện ma, cũng không thể quy vào văn hóa âm phủ, chỉ có thể coi nó là tin tức xã hội có tính hư cấu. Những lời đồn đại này không liên quan gì tới việc linh hồn đi về giữa hai thế giới âm và dương, đương nhiên không thể coi là “hoàn hồn” trong câu chuyện về âm phủ. Còn về việc sau này mọi người cảm thấy thời gian giả chết ngắn quá không gây được chú ý với người nghe, lập tức thoát ly khỏi kiến thức thông thường như cuộc thi phóng vệ tinh ở thời kỳ đại nhảy vọt, bắt đầu hư cấu nhiều hơn, để người sống lại nằm trong mộ tới vài tháng, vài năm, mười mấy năm, thậm chí hàng trăm năm vẫn có thể bước từ mộ ra, như thế thì có lẽ quá xa chủ đề rồi. Chúng ta hãy đọc hai truyện được ghi lại trong quyển bảy của Bác vật chí[7] do Trương Hoa đời Tây Tấn viết:

[7] ‘Bác vật chí’: nghĩa là loài vật có chí lớn.

Cuối đời nhà Hán, quan trung đại loạn, phát hiện ra mộ của một cung nhân đời Tiền Hán, người cung nhân này vẫn còn sống, lập tức ra ngoài, lại như bình thường. Ngụy Quách Hậu yêu mến, cho nạp vào cung, ở bên hầu hạ sớm tối. Hỏi về những chuyện xảy ra trong cung thời Hán, người đó đều kể vanh vách, rất có trật tự. Sau Quách Hậu biết, khóc lóc rất thảm, rồi chết.

Cuối đời nhà Hán phát hiện ra mộ của Phạm Minh Hữu, người vẫn còn sống (Phạm Minh Hữu là con rể của Hoắc Quang[8]), nói về chuyện nhà Quang, chuyện truất ngôi, giống hệt như những gì được ghi lại trong “Hán thư”. Tên này thường đi khắp nhân gian, không dừng lại ở đâu, không biết sống ở đâu. Hỏi thăm về người này, đáng tin nhưng chưa ai gặp bao giờ.

[8] Hoắc Quang: tự Tử Mạnh, một nhà chính trị thời Tây Hán, làm quan dưới triều Hán Vũ Đế và là phụ chính đại thần thời Hán Chiêu Đế, Xương Ấp Vương và Hán Tuyên Đế.

Hai câu chuyện trên đều là những người chết bị chôn dưới mộ hàng trăm năm mà vẫn “còn sống”, nhưng chúng cũng chỉ giống như tường thuật lại “sự việc” trong các mẫu tin tức xã hội, chứ không nói gì đến âm phủ, quỷ thần. Từ điểm này có thể thấy, chúng thậm chí còn đơn giản hơn cả chuyện về Triệu Xuân được viết trong Hán thư. Ngũ hành chí từ mấy trăm năm trước, không có một chút thông tin nào về thế giới âm phủ. Quách Hoàng hậu chỉ biết hỏi người sống lại kia chuyện trong cung thời nhà Hán hoặc chuyện nhà Hoắc Quang, chứ hoàn toàn không hỏi tới chuyện xảy ra ở âm phủ, dường như hoàn toàn ngược lại với chuyện Hán Văn Đế nói: “Không hỏi chúng sinh, hỏi quỷ thần.” Mặc dù tác giả của câu chuyện cố ý đề cập tới điểm này chỉ vì muốn chứng minh người sống lại là người chết từ mấy trăm năm trước, còn mọi người cũng chỉ coi nó như một hiện tượng tự nhiên, rất hiếm gặp mà thôi.

Nhưng cũng chưa chắc đã là như thế. Những chuyện kỳ lạ này mặc dù không đề cập tới vấn đề “quỷ”, song một khi đã khiến đám Nho sinh ưa bàn chuyện lớn lao về ngũ hành chú ý, thì họ sẽ nghĩ cách để liên hệ những câu chuyện trên với tình tiết “ý trời”, tức là những chuyện này cũng giống như hiện tượng nhật thực, sao chổi, động đất... vậy, đều mang ý dự báo một “tai địch”[9] nào đó trong biến cố chính trị, trở thành lời “thị cáo” của ông trời đối với chúng sinh. Ví dụ như chuyện Triệu Xuân sống lại, những thứ mà họ quan tâm hoàn toàn không phải việc Triệu Xuân đã ở địa ngục và có giao tiếp với linh hồn người chết, mà là bản thân việc sống lại này đã là một chuyện kỳ quái, muốn qua đó “đưa ra dự báo trước việc con người sẽ phạm phải”, ý của họ là chuyện này báo trước việc Đại tư mã Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán. Gia tộc ngoại thích Vương thị đã bị lật đổ thời Hán Ái Đế, không còn hy vọng lấy lại giang sơn nữa, nhưng đang trị vì thì Hán Ái Đế bệnh chết, Vương Mãng lập nên kỳ tích chỉ trong vòng một đêm mà khôi phục lại địa vị, chuyện này dường như có liên quan đến việc Triệu Thị chết rồi sống lại.

[9] Tai địch: có nghĩa là tai ương và biến cố.

Những Nho sinh này hoàn toàn không dựa vào điềm báo gì, chỉ là liên hệ, kết nối những chuyện xảy ra trong thời gian gần nhất với những “tai địch” lại với nhau, chứ không luận để so sánh, trên lập trường thuận nghịch cũng chẳng có gì chuẩn xác. Ví dụ, cuối thời Tam Quốc, Ngô Tôn Hưu[10] vào năm Vĩnh An thứ tư, An Ngô Minh Trần chết được bảy ngày lại sống lại, đội mồ mà lên, Can Bảo nói đây là ám thị việc Ô trình Hầu Tôn Hạo[11] “được lên ngôi”, còn vào năm Hàm Ninh thứ hai Tấn Vũ Đế[12], Lang Gia Nhân bệnh chết lại nói là giai đoạn Ngũ Hồ loạn Hoa[13] là lúc Lưu Uyên, Thạch Lặc phản lại nhà Tấn.

[10] Ngô Tôn Hưu: Tôn Hưu (235 - 3/9/264), tự là Tử Liệt, sau này trở thành Ngô Cảnh hoàng đế, vị quân vương thứ ba của nhà Đông Ngô trong thời kỳ Tam Quốc. Năm Vĩnh An (258-264) là niên hiệu khi Ngô Tôn Hưu trị vì.

[11] Hầu Tôn Hạo (242-284), hay Đông Ngô Mạt đế là vua thứ tư và là cuối cùng của nhà Đông Ngô thời Tam Quốc trong lịch sử Trung Quốc. Ông có tự là Nguyên Tông, tên gốc là Tôn Bành Tổ. Tôn Hạo là cháu của Tôn Hưu. Khi Tôn Hưu lên ngôi thì Hạo được phong làm Ô trình hầu. Về sau, Tôn Hưu mất, các quan Đông Ngô cho Hạo là người sáng suốt nên đã lập lên làm vua.

[12] Tấn Vũ Đế: tên thật là Tư Mã Viêm, tên tự là An Thế (236-17 tháng 5 năm 290), là hoàng đế đầu tiên của nhà Tây Tấn (265-316) trong lịch sử Trung Quốc. Ông là người có công thống nhất Trung Hoa, chấm dứt thời chia cắt Tam Quốc. Hàm Ninh là một trong những niên hiệu của Tấn Vũ Đế, từ năm 7-280.

[13] Giai đoạn Ngũ Hồ loạn Hoa: (năm dân tộc Hồ làm loạn Trung Hoa) Ngũ Hồ tính năm tộc: Hung Nô (Lưu Uyên - Hán Triệu), Yết (Thạch Lặc - Hậu Triệu), Tiên Ti (Mộ Dung - các nước Yên, trừ Bắc Yên),

Đê (Phù Kiên - Tiền Tần, Lý Đặc - Thành Hán), Khương (Diêu Trường - nước Hậu Tần). Một thuật ngữ ít được sử dụng hơn là giai đoạn thập lục quốc để miêu tả thời kỳ hỗn loạn này từ năm 304 đến 439.

Những chuyện này dường như không liên quan gì tới những câu chuyện về địa phủ mà chúng ta muốn bàn tới, vì vậy nói tới những chuyện đó, chỉ vì muốn chỉ ra rằng, trong mắt Nho sinh của Trung Quốc, những câu chuyện về hiện tượng sống lại này nếu có thể kích thích chút gì đó tưởng tượng của họ, thì cũng không phát triển theo hướng nghĩ về thế giới dưới âm phủ, mà điều họ quan tâm hơn cả là ý trời và những liên tưởng về con người, sự vật.

Trong quyển năm của Ngũ tạng trở do Tạ Triệu Chiết người đời Minh đã từng nói rằng, cuối thời nhà Hán và thời Ngụy Tấn có rất nhiều những câu chuyện về việc đội mồ sống lại, và được ghi chép trong chính sử Ngũ hành chí, điều đáng ngạc nhiên nhất là, thời Ngụy Minh Đế, khi khai quật mộ lên, cô gái chôn trong đó còn sống, tính toán thì đã chôn được khoảng năm, sáu trăm năm rồi. Nhưng ông lại nói: Kỳ lạ là, vào cuối thời Đường “Ôn Thao, Hoàng Sào đào xới phần mộ khắp thiên hạ, mà chưa từng nghe nói chuyện lạ nào xảy ra.”

Những câu chuyện về việc đội mồ sống lại đa phần xảy ra vào cuối đời Hán, đầu đời Ngụy - Tấn, hiện tượng này đáng để chúng ta phải suy ngẫm.

2

Từ thời Hán - Ngụy tới nay, văn hóa u minh của Trung Quốc đang xảy ra những biến đổi lớn trong dân gian. Nói chuyện người chết sống lại mà không thăm dò tình hình của người đó khi còn ở âm giới là không hợp với lễ thường. Vấn đề này được đề cập hơi muộn bởi Can Bảo, trong quyển mười lăm của Sư thần ký, Can Bảo đã tường thuật lại một câu chuyện được lưu truyền từ trước đó khá lâu, như sau: Thời Tào - Ngụy, có người đi đào mộ phá áo quan, phát hiện ra người phụ nữ trong quan tài diện mạo tươi tỉnh như người sống, bèn dừng dậy hỏi chuyện, đúng là một người sống thật, liền đưa chị ta vào kinh sư. Nhưng hỏi chị ta chuyện sau khi chết, chị ta không hề biết gì. Chỉ nhìn tấm bia gỗ trên mộ, chị ta có lẽ chết được hơn ba mươi năm rồi. Sau đó Can Bảo có đặt câu hỏi thế này:

“Không biết người phụ nữ này có phải đã sống ba mươi năm trong lòng đất hay không? Hay là vừa sống lại đúng lúc có người tới đào mộ?”

Câu hỏi này có lẽ sẽ khiến những người ở thời hiện đại cảm thấy rất mờ mịt, nhưng thực ra hoàn toàn không đơn giản như những gì chúng ta nhìn thấy. Đối với câu hỏi này, Can Bảo cũng đưa ra câu trả lời, câu trả lời mời xem trong Tấn thư. Can Bảo truyện, chính là câu chuyện về người thiếp của cha Can Bảo mà tôi đã từng nói tới.

Cha Can Bảo sinh thời có một người thiếp yêu, mẹ ông đem lòng ghen tuông, khi cha Can Bảo mất, bèn chôn sống người thiếp đó vào trong mộ với ông. Anh em Can Bảo khi ấy tuổi còn nhỏ, không thể khuyên can. Hơn mười năm sau, mẹ Can Bảo mất, đào mộ lên, thấy người thiếp kia đầy nắp quan tài mà dậy, vẫn còn sống. Nói rằng vẫn thường ăn uống qua lại với cha Can Bảo, tình cảm nồng ấm như khi còn sống. Sau đó xuất giá lấy chồng, sinh con.

Người tiện thiếp bị chôn sống cùng cha Can Bảo, lại có thể ở trong trạng thái giữa sự sống và cái chết, bà ta là người sống, nhưng hơn mười năm trời lại “sống” dưới mộ, bà ta vẫn có thể sống cùng với vong linh của cha Can Bảo. Tất cả mọi thứ diễn ra dưới âm phủ trong mắt bà ta không khác gì trên trần gian, và không cảm thấy có gì là không thích ứng được. Chỉ hồn ma mới có thể trải nghiệm được điều đó. Thứ mà bà ta ăn là thực phẩm của con người, vì vậy mới có thể duy trì sự sống, nhưng lại có thể tiếp xúc được với linh khí của hồn ma, vì vậy mới có thể biết trước được hung cát giống như ma.

Mặc dù dường như là quyển chính sử, nhưng những câu chuyện kỳ dị mà Tấn thư ghi chép lại vẫn có thể không đáng tin. Có điều bây giờ chúng ta không đi truy cứu xem có đúng là chuyện ấy xảy ra với nhà Can Bảo hay không, mà là xem con người thời ấy đã bày tỏ quan niệm của mình về thế giới u minh như thế nào trước thân nhân hư cấu của Can Bảo. Trong chương mười lăm của Sư thần ký còn có một câu chuyện tương tự nữa: “Đời nhà Tấn có một tiện tì bị chôn nhầm không ra được. Hơn mười năm sau, đào mộ mở quan, người tiện tì đó vẫn sống. Nói rằng: “Như vừa nhắm mắt, cảm giác nghiêng dần.” Hỏi ra mới biết, cảm giác của người đó chỉ như vừa mới ngủ một giấc dậy mà thôi. Khi bị chôn, mới mười lăm, mười sáu tuổi. Sau đào mộ lên, tư chất vẫn như cũ. Sống lại năm mười lăm, mười sáu tuổi, lấy chồng, sinh con.” Tôi

cảm thấy mấy câu chuyện này đều xuất phát từ một vấn đề chính. Nhưng hậu thế vẫn có những câu chuyện tương tự, ví dụ như trong quyển 375 của Thái bình quảng ký dẫn lời Thôi Hàm sau khi chết sống lại trong Tháp tự ký, Văn Thôi Hàm nói rằng: “Ở dưới đất hai mươi năm. Như người ngủ say, không cần ăn uống. Tỉnh thoảng du hành, hoặc gặp đồ ăn, giống như trong mơ, vẫn phân biệt được.” Còn dẫn lời của Lý Trung trong Kinh thánh lục làm nô tì dưới đất ba năm, sau khi sống lại nói rằng “giống như vừa ngủ một giấc.”

Đây là quan niệm về u minh hoàn toàn không có chút liên quan gì tới Phật giáo, nó là sản vật đậm chất quê hương của Trung Quốc. Quan niệm về hai thế giới âm dương của lớp người này có thể kéo dài tới tận hậu thế, trở thành tư tưởng cơ sở cho rất nhiều những câu chuyện ma, đặc biệt là những câu chuyện về tình yêu giữa người sống và ma quỷ của Trung Quốc, cho tới cả những tiểu thuyết kỳ quái đời Minh - Thanh, ví dụ như Liêu trai, có thể còn tìm thấy rất nhiều ví dụ chứng minh nữa, có điều một người sống với nhục thể đầy đủ thì thời gian ở dưới âm giới không dài mà thôi. Ví dụ một đoạn khá quen thuộc với độc giả trong Ngũ Thu Nguyệt dưới đây: “Vương Đĩnh và người tình Ngũ Thu Nguyệt tản bộ trong viện đình vào một đêm trăng sáng, Vương Đĩnh hỏi Thu Nguyệt: “Dưới âm phủ có thành quách không?” Thu Nguyệt đáp: “Giống hệt dương thế, có thành quách. Nhưng thành quách dưới âm phủ không phải ở đây, mà cách đây khoảng ba, bốn dặm nữa, có điều lấy đêm làm ngày.” Vương Đĩnh muốn tới đó xem, Thu Nguyệt đồng ý, thế là:

Nhân lúc đêm trăng họ cùng đi, nàng lướt như gió, chàng vội vàng đuổi theo, chẳng mấy chốc đến một nơi, nàng nói: “Không còn xa nữa.” Vương cố nhướn mắt nhưng không thấy gì, cô gái lấy nước bọt bôi lên mắt chàng, mở ra lại nhìn thấy như bình thường, nhìn ban đêm rõ không khác gì ban ngày, chợt thấy một bức tường ẩn hiện trong đám sương mù xa xa, người đi trên đường tấp nập như đi chợ.”

Rất rõ ràng, Vương Đĩnh đi xuống âm giới với thân phận của một người còn sống, anh ta không thể bay lượn nhẹ nhàng như linh hồn, mà mắt của người sống cũng không thể nhìn thấy những thứ dưới âm giới. Khi anh ta mang theo vong hồn của người anh trai Vương Nại đưa về dương thế, hồn của Vương Nại lập tức tương hợp với thi thể mình, còn Vương Đĩnh lại không có trình tự ấy.

24. Chương 17.2

3

Can Bảo đã từng đưa ra câu hỏi “hay vừa mới sống lại, thì gặp ngay người đào mộ?”, cũng chính là muốn nói, con người đã chết rồi, nhưng lại sống lại, và thời gian sống lại vừa trùng hợp với thời gian có người đào mộ lên. Đây cũng là một giả thiết hợp lý của người thời ấy. Nhưng giả thiết này cũng có chỗ không ổn, đó là tại sao lại có thể “trùng hợp” như thế, nếu không “trùng hợp” như thế thì sẽ thế nào? Thì sẽ lại phải có thêm những tình tiết kỳ quái khác xảy ra để câu chuyện trở nên hợp lý, ví dụ như người chết lại báo mộng cho người sống hoặc linh hồn mượn xác người để nói.

Trong quyển mười lăm của Sưu thần ký, Can Bảo có ghi lại một câu chuyện những năm đầu của thời Tây Tấn như sau: “Nhan Kỳ người Lang Gia[14] bị ốm, đến nhà thầy thuốc chữa bệnh, chết ở nhà thầy thuốc. Sau khi nhập quan, người nhà đưa tang, nhưng lá cờ tang lại quấn chặt vào cành cây, không sao tháo ra được, dường như linh hồn người chết lưu luyến không muốn rời khỏi nhân thế, càng khiến những người đưa tang thêm đau lòng. Đột nhiên, người dẫn quan ngã nhào xuống đất, miệng nói ra toàn những lời của Nhan Kỳ rằng: “Ta chưa đến số chết, nhưng uống nhiều thuốc quá, khiến lục phủ ngũ tạng bị tổn thương. Giờ đang sống lại, đừng đưa tang vội.” Thế là cha Nhan Kỳ vui mừng nói: “Giờ là đón con về nhà, chứ không phải đem chôn con.” Lúc này lá cờ đó mới chịu buông cành cây ra. Đến khi linh cửu về tới nhà, vợ của Nhan Kỳ lại mộng thấy anh ta, nói: “Ta đang sống lại, mau mau mở nắp quan tài ra.” Những người khác trong gia đình cũng liên tiếp mơ thấy giấc mơ đó, cuối cùng cũng thuyết phục được song thân “không tin tà ma” của Nhan Kỳ, mở nắp quan tài ra. ThácC thi thể của Nhan Kỳ quả nhiên nhìn vẫn như người đang sống, nhưng vì lấy tay để cào nắp quan tài, nên móng tay bị thương hết, hơi thở yếu ớt, sống hay chết còn chưa biết.”

[14] Lang Gia: một địa danh từ thời Tiên Tần đến triều Đường.

Nhan Kỳ cào tay trong quan tài, rõ ràng là đã sống lại, nhưng anh ta lại có thể điều khiển lá cờ tang làm trò kỳ quái, mượn xác báo mộng, rõ ràng là những việc mà người bình thường khi còn sống không thể làm được. Vì vậy chỉ có thể coi Nhan Kỳ trong quan tài đang ở trong trạng thái giữa sống và chết. Thiếp của cha Can Bảo có thể sống trong mộ bao nhiêu năm như thế, còn Nhan Kỳ nếu chỉ chậm một chút là đã có thể tắc thở trong huan tài. Cùng là người sống bị chôn nhưng lại có hai kết quả khác nhau, từ đó có thể thấy được sự biến đổi kỳ diệu và tính tùy hứng trong các câu chuyện về thế giới u minh.

Tình tiết phá quan tài sống lại này đương nhiên cũng có tính địa phương, khi đào mộ lên cần phải báo mộng cho người nhà, bởi vì chỉ người nhà mới có thể đào mộ một cách hợp pháp. Nhưng điều này cũng không dễ dàng cho lắm, Nhan Kỳ mặc dù báo mộng cho người nhà, nhưng chưa chắc tất cả mọi người đều tin, cũng may cha anh ta là người theo chủ nghĩa duy vật không đến nơi đến chốn, cuối cùng cũng đồng ý thử một lần xem sao, nếu không anh ta chỉ còn cách dùng móng tay mình mà cạy quan tài ra thôi. Mà một truyện trong Chi diên lục của Đinh Dụng Hối người đời Đường viết rằng, việc tìm người thân để báo mộng không dễ, phu nhân Tiêu Thị vì sinh con mà mất, chồng là Thôi Sinh lại lấy vợ kế là Trịnh Thị. Tiêu Thị chết mười hai năm sau sống lại, nhưng không ra được khỏi quan tài. Lúc này chồng bà ta cũng đã chết, đành phải báo mộng cho con trai, nhưng đứa con trai mười hai tuổi sau khi mơ giấc mơ đó không dám nói lại với mẹ kế Trịnh Thị. Tiêu Thị không còn cách nào khác, đành phải tiếp tục báo mộng cho lão bộc. Lão bộc cũng không có quyền thay chủ nhân đào mộ lên, cuối cùng vẫn phải bẩm báo lại với chủ mẫu Trịnh Thị. Cũng may Trịnh Thị hiền đức, nếu như gặp phải một tiểu thư vương phượng, thì chắc chắn là Tiêu thị sẽ chết trong quan tài rồi.

Không biết báo mộng cho ai cũng chưa chắc đã phải chết, nhưng trong tình huống đó thì còn đau khổ hơn cả cái chết. Trong quyển 375 Thái bình quảng ký có dẫn một chuyện trong Thần dị lục như sau: “Vào thời Ngụy Văn Đế, một cung nữ của Chân Hoàng hậu, sau khi chết chôn trong Nghiệp đô[15]. Nhưng sau khi chết không lâu, “sự sống được phục hồi, nhưng ta chẳng có người nhà để khiêu nại”, “khiêu nại” ở đây chính là muốn chỉ báo mộng. Cung nữ này có lẽ vào cung từ rất sớm, nên không nhớ gia đình mình giờ đang ở nơi nào, vì vậy không có ai để báo mộng, cũng là đoạn tuyệt với hy vọng duy nhất được ra khỏi huyết mộ. Thế là cung nữ này đành phải âm thầm sống trong mộ tới hết ngày này qua ngày khác, muốn sống cũng không được mà muốn chết cũng chẳng xong, cho tới ba trăm năm sau, Đậu Kiến Đức quy hoạch lại Nghiệp đô với quy mô lớn, khai quật những ngôi mộ cổ lên, lúc đó cô ta mới được giải phóng. Ba trăm năm đó cô ta sống ở trạng thái nào, dường như từ trước tới nay chưa có ai nghiên cứu về vấn đề này, người sống trên nhân thế, có ăn có uống cũng khó sống được hơn trăm tuổi, vậy thì người sống trong mộ có lẽ phải ở trạng thái hôn mê hoặc người thực vật, nhưng như thế lẽ ra cũng nên có người đánh thức cô ta dậy chứ? Sau này, Đậu Kiến Đức bị quân nhà Đường tiêu diệt, cung nữ này để cảm ơn ơn cứu mạng của Đậu, đã lấy cái chết để tương ngộ, điều này cho thấy cô ta không chỉ cảm kích vì được cứu mạng, mà cảm kích hơn cả là vì Đậu Kiến Đức đã giải thoát cô ta khỏi ngôi mộ.

[15] Tên một địa danh thuộc vùng Đông Bắc tỉnh Hà Bắc hiện nay.

Câu chuyện này cũng có một điểm đáng chú ý, “sự sống được phục hồi” của cung nữ này có liên quan gì đến tác dụng của âm phủ hay không? Nếu sự sống lại của cô ta là do âm phủ thả về, vậy thì dưới âm phủ đã hồ đồ quá rồi. Nếu đã cho người ta sống lại, thì nên để người ta quay về với cuộc sống nơi nhân thế, nhưng giờ chỉ vứt cô ta ra khỏi âm phủ, chẳng hỏi han xem cô ta có thể quay lại dương gian hay không, chẳng khác gì nhà tù giữa sa mạc, thả người, nhưng lại không quan tâm người ta sẽ ra khỏi sa mạc thế nào. Nhưng trong câu chuyện này hoàn toàn không nhắc đến âm phủ, chỉ giải thích nguyên nhân của sự sống lại vào một chữ “mệnh”. Chuyện này mặc dù được viết vào thời Đường, nhưng hình thức sống lại gần giống với quan niệm thời Hán - Ngụy, hoàn toàn không liên quan gì tới âm phủ.

Từ đây có thể hiểu được những lần đào mộ với quy mô lớn của nông dân, cũng giống như đánh những nhà thủ hào vật, ngoài việc có thể bổ sung vàng bạc châu báu cho quân thực ra, còn có thể có thu hoạch bất ngờ là giải phóng những sinh hồn. Giống như cung nữ xinh đẹp này, đương nhiên làm thế thiếp của Đậu Đại vương rồi, nếu là một tên hư danh vợ vắn, có lẽ cũng sẽ chết dưới đất rồi. Chỉ đáng tiếc những sản phẩm như thế này quá ít, nhưng cũng có lẽ những công ty đào mộ tư nhân ở Trung Quốc quá nhiều, làm ăn phát đạt, Diêm Vương còn chưa kịp giáng chỉ cho người chết sống lại, thì bên này quan tài đã bị đào lên hết.

Những chuyện trộm mộ trong lịch sử rất nhiều, đặc biệt là chính quyền Xích Mi trong thời kỳ Tân Mãng và dưới sự thống trị của Tào Tháo cuối thời Đông Hán, càng nổi tiếng trong lịch sử trộm mộ. Phong khí đến, dân gian tự nhiên cũng sẽ thay đổi theo, vì vậy những câu chuyện kỳ quái được xây dựng lên do đào trộm mộ mà xuất hiện người chết sống lại cũng khó tránh được. Phần trước chúng ta có nhắc đến “huyện phụ Quận Vũ Lăng tên là Lý Nga sống lại”, vốn là có người qua đường nghe thấy “mộ bà ta có tiếng” sau đó đi về báo với người nhà để đến đào mộ lên. Nhưng sau này lại xuất hiện một phiên bản khác của việc đào trộm mộ, cũng được ghi chép trong *Sưu thần ký*. Nguyên văn gần cả nghìn từ, còn nhiều hơn mười lần so với bản “tin tức xã hội” trước đó, câu chuyện cũng khúc khuỷu, sinh động hơn nhiều, rõ ràng là đã thêm thắt rất nhiều chi tiết được nhân gian sáng tạo ra. Một trong số đó chính là giới thiệu về “mộ tặc”. Phần mở đầu câu chuyện đã thay đổi thành bà lão Lý Nga sáu mươi tuổi sau khi chết được chôn bên ngoài thành, đã qua mười bốn ngày. Người hàng xóm nhà bà ta có người tên Sái Trung, biết nhà Lý Nga có tiền, nên cho rằng trong mộ bà ta có chôn theo không ít vàng bạc, của cải, liền đi đào mộ trộm tiền. Sau khi đào mộ lên, dùng búa mở nắp quan tài, mới chém được vài cái, liền nghe thấy tiếng Lý Nga hét trong quan tài: “Sái Trung, cẩn thận không chém vào đầu ta.” Sái Trung nghe thấy vậy, sợ tới mức nhảy ra khỏi mộ chạy biến mất, lại bị tên lính đi tuần bắt gặp, cuối cùng giúp Lý Nga được nhìn thấy ánh mặt trời.

Ngoài ra, câu chuyện này còn có gia giảm thêm một tin tức quan trọng về thể giới u minh, tức là sự sống lại của Lý Nga là do âm phủ bắt nhầm, vì vậy linh hồn của bà ta mới có thể quay về dương gian dễ dàng như thế, cũng may là bà ta gặp được người anh họ bên ngoại làm quan dưới âm phủ. Những chuyện về sống lại ở cuối thời Hán sau khi truyền đến đời Ngụy - Tấn, thì đã xảy ra sự biến đổi tác dụng của âm phủ. Hơn một nghìn năm về sau, đại đa số những câu chuyện sống lại đều có phiên bản như thế. Ngụy - Tấn là thời kỳ mà thể giới tư tưởng của Trung Quốc xảy ra những biến động lớn, văn hóa u minh không tránh khỏi việc chịu ảnh hưởng, từ đó xuất hiện thêm một vài nội dung mới mẻ hơn.

4

Nghiêm túc mà nói, báo mộng không phải là phương thức liên lạc duy nhất của những người đã chết rồi sống lại trong mộ với người sống, bởi vì theo như những câu chuyện ma xuất hiện trong dân gian từ rất sớm, thì những nhân vật chính bị giam trong mộ này, linh hồn của họ không những có thể báo mộng cho người sống, mà còn có thể hiện hình trên thể gian. Bởi vì theo quan niệm của người Trung Quốc xưa, người sau khi chết, hồn ở dưới mộ, trong một điều kiện nhất định, ví dụ như “cảm nhận được sự chân thành” thì có thể thoát ra khỏi mộ và ra ngoài gặp người sống. Thế nào gọi là “chân thành”? Tình yêu nam nữ không bị chia cắt bởi cái chết là một trong những dạng “chân thành”.

Trong quyển mười lăm của *Sưu thần ký* do Can Bảo viết có ghi chép lại một câu chuyện tình yêu của một người vợ xinh đẹp thời Tần Thủy Hoàng như sau: “Vương Đạo Bình có quan hệ yêu đương với thiếu nữ nhà họ Đường cùng thôn, thề kết làm phu thê. Nhưng Đạo Bình bị bắt đi lính, sang Nam Quốc, chín năm không về. Nhà họ Đường ép gả con gái làm vợ Lưu Tường, cô gái mặc dù trong lòng không muốn, nhưng lệnh bố mẹ không thể không nghe, đành lấy Lưu Tường. Nhưng từ đó về sau buồn bã không vui, thường nhớ nhung Đạo Bình, oán hận sâu dần, cuối cùng buồn bã mà chết. Ba năm sau khi cô con gái nhà họ Đường chết, Đạo Bình mới trở về huê hương, biết người yêu đã chết, liền đến trước mộ khóc tế, nói rằng: “Nếu nàng linh thiêng, hãy để cho ta nhìn thấy nàng. Nếu không linh, thì chúng ta cáo biệt từ đây.” Không ngờ linh hồn của người con gái họ Đường đi từ mộ lên, nói: “Thân thiếp chưa tan, có thể tái sinh, chúng ta lại là vợ chồng. Xin hãy mau đào mộ mở quan tài ra, để thiếp được sống lại.”

Kết quả cuối cùng đương nhiên là đôi tình nhân phải sinh ly tử biệt suốt mười mấy năm nay lại mặn nồng ân ái bên nhau.

Rõ ràng câu chuyện này rất giống câu chuyện mang tính hài hước Ngô Vương tiểu nữ Tử Ngọc được thu thập trong *Sưu thần ký*, một vở kịch được diễn với cùng một cách thức nhưng khác địa điểm và thời gian. Con gái của Ngô Vương phu sai là Tử Ngọc, trong thời gian người yêu Hàn Trọng đến Tế Lỗ du học, do cha không đồng ý ỉn được gả về nhà họ Hàn mà lâm trọng bệnh chết. Ba năm sau khi Hàn Trọng quay về, “khóc lóc rất thương tâm, quỳ trước mộ suốt”, còn linh hồn của Tử Ngọc đã ra khỏi mộ để gặp Hàn Trọng. Sau đó Hàn Trọng tiễn Tử Ngọc vào lại trong mộ, “Ngọc cùng chàng làm lễ bầy tiệc, ở lại ba ngày ba đêm, kết thành phu thê.” Nhưng cuối cùng vẫn là “người ma đôi đường”, một kết cục bi thương.

Nhưng trong câu chuyện của Tử Ngọc, tình tiết người sống đi xuống âm phủ để “làm lễ kết thành vợ chồng”,

không nghi ngờ gì nữa, đây chính là một tình tiết đột phá trong quan niệm về âm phủ, mà ngoài kết thúc bi thảm người và ma mỗi người mỗi ngã ra, lại có một diễn biến theo hướng khác, tức là chỉ cần cuộc sống vợ chồng của họ kiên trì trong một thời gian nhất định, thì có thể khiến xương cốt sinh thịt, người chết sống lại. Câu chuyện về Đàm Sinh trong Liệt di truyện do Tào Phi viết xuất hiện chi tiết này sớm nhất:

Đàm Sinh, bốn mươi tuổi, không vợ, ham mê đọc sách. Đột nhiên nửa đêm có một người con gái, tuổi khoảng mười lăm, mười sáu, dung nhan xinh đẹp, quần áo lượt là, thiên hạ vô song, đến bên muốn kết làm vợ chồng với Sinh. Nói rằng: “Ta và chàng không giống nhau, không được để ánh sáng chiếu vào ta. Ba năm sau, mới được ra ánh sáng.” Làm vợ chồng, sinh một đứa con trai, đã hai tuổi. Không thể tìm được, sau khi vào phòng, lén nhìn trộm, người đó từ phần eo trở lên, có da thịt như người sống, nhưng từ phần eo trở xuống chỉ là một bộ xương. Người con gái đó biết, liền nói: “Chàng phụ ta, ta đang hồi sinh, không thể nhìn thêm một năm nữa để được nhìn thấy nhau sao?”

“Dung nhan xinh đẹp, quần áo lượt là, thiên hạ vô song” mà nửa đêm nhìn thấy cảnh đó, chỉ cần có ánh lửa trên dương thế liền hiện nguyên hình là một bộ xương. Đây có thể trở thành đề tài khủng bố mang tính chất trào phúng dưới ngòi bút của văn nhân, nhưng tình yêu giữa người và ma ở thời cổ đại lại rất sâu sắc, Đàm Sinh nhìn thấy nửa dưới là bộ xương hoàn toàn không sợ hãi, mà nữ cũng không vì bị ánh sáng chiếu vào người mà nổi giận, cả câu chuyện chỉ là tiếng kêu ai oán bị thương, nhất là người con gái kia đa tình trọng nghĩa, trước khi hoàn toàn biến mất còn sắp xếp để chồng và con trai mình được gặp gỡ cha mẹ giàu có của mình nữa, khiến kết cục bi thảm có chút an ủi, đồng thời cũng cảm nhận được tình cảm của người vợ.

Sau Can Bảo, những câu chuyện loại này còn tiếp tục được lưu truyền tới đời sau nữa và không ngừng phong phú hơn.

Sưu thần hậu ký do Đào Tiềm viết có ghi rất nhiều, mà trong đó có hai câu chuyện về con gái của Thái thú Quảng Châu - Từ Huyền Phương và con gái của Thái thú Vũ Đô - Lý Trung Văn, có thể hai câu chuyện có cái kết bi hỷ đan xen đại diện cho thể loại truyện này. Tình tiết trong hai câu chuyện gần giống nhau, nhưng những câu chuyện loại này đã được dân gian phục chế và thêm thắt rất nhiều, trở thành một loại hình của truyện dân gian.

Con gái Thái thú Vũ Đô - Lý Trung Văn, năm mười tám tuổi bị bệnh chết, chôn cất ở phía bắc thành. Thái thú kế nhiệm Trương Thế Chi có người con trai tên Tử Trường, đêm mộng thấy một thiếu nữ, kết thành vợ chồng. Sau đó tì nữ nhà Trung Văn đến thăm mộ tiểu thư, đến nhà Trương Thái thú chào hỏi trước. Không ngờ nhìn thấy một chiếc giày thêu của của tiểu thư quá cổ trong phòng con trai Trương Thái thú, tì nữ liền lén lút mang về, báo cáo chủ nhân. Lý Thái thú hỏi Trương Thái thú: “Sao con trai ngài lại tìm thấy giày của con gái tôi?” Trương Thái thú gọi con trai đến, Tử Trường kể lại đầu đuôi câu chuyện. Hai vị thái thú đều thấy rất kỳ lạ, liền đào mộ lật áo quan lên xem, chỉ thấy thi thể Lý tiểu thư vẫn như người sống, nhan sắc như xưa, chỉ còn một chiếc giày bên chân phải. Nhưng sau đó thi thể nhanh chóng thối rữa, không thể sống lại nữa.

Câu chuyện kết thúc với một cái kết bi thương, nhưng nội dung của truyện Con gái Từ Huyền Phương lại có cái kết vui, trong đó có kể về quá trình cô gái sống lại, chữa khỏi bệnh sau thời gian ốm nặng, rất có đầu có đuôi.

... Khi mở nắp quan tài ra, ngay đầu tiên nhìn thấy, con gái dung nhan vẫn xinh đẹp như xưa. Từ Từ ôm con ra, cuốn vào trong chăn, một lúc sau tìm đập lại, bắt đầu thở. Lệnh cho bốn nữ tì trông giữ thi thể. Hai mắt đang nhắm nghiền dần dần mở ra được, miệng có thể uống nước cháo, rồi bắt đầu nói. Trong vòng hai trăm ngày, chóng gầy đi lại, sau một kỳ, nhan sắc, da dẻ, khí lực trở lại bình thường. Chọn ngày lành tháng tốt, tìm rể gả chồng cho con.

Những câu chuyện kiểu này có ảnh hưởng rất lớn đến hậu thế, bởi vì nó đã mở ra một cánh cửa trong suốt trong nhân tính về lễ giáo được đóng kín của con người, khiến nhân tính được sống lại. Đây cũng chính là điểm những người theo đạo rất không hài lòng, thế là một loại đề tài khác lại được du nhập, với ý đồ những dạng chuyện kiểu này sẽ duy trì được hình thức đạo đức mà họ đang bảo vệ. U minh lục của Lưu Nghĩa Khánh người đời Lưu Tống có ghi lại chu Cện Chung Diêu thời Tam Quốc. Chung Thái phó đạo này không lên triều, thì ra là vì thường có một người con gái theo về nhà ông ta, “nhan sắc xinh đẹp hơn người thường”, do đó ông ta mới chìm đắm trong tình ái. Đồng liêu hỏi rõ xong liền nói: “Chắc chắn là ma quỷ,

phải giết”, thế là khi người con gái đó lại đến, Chung Diêu mặc dù có chút không nỡ, nhưng vẫn cho cô ta một dao. Người con gái bỏ chạy, máu chảy ròng ròng, lần theo vết máu đến một ngôi mộ, đào mộ lên thấy bên trong là một người con gái, nhìn như người đang sống. Đạo sĩ Đỗ Quang Đình thời Ngũ Đại có viết một chuyện trong Tiên truyền thập di coi việc sống lại của vong thể này là thi thể của yêu quái.

Vợ Trương Ủy người Thục Xuyên đã chết rồi sống lại, lại là vợ chồng. Diệp pháp than thở nói: “Đây là thi thể của yêu mị, nếu không sớm diệt trừ, thì Trương cũng chết.”

Đây thật cũng là chuyện quá vớ vẩn, khiến người ta không khỏi coi Diệp thiên sư là yêu đạo. Song đến thời Tống, cùng với sự ảnh hưởng của khoa học ngày một lớn, trong những câu chuyện hoàn hồn còn đặc biệt thêm những cách thuyết giáo phạt để răn dạy sự “đa dâm”.

Trong truyện Người con gái thành Nam, Ngạc Châu ở quyển một Di kiên chi mậu do Hồng Mai viết, kể về gia đình Ngô Thị giàu có một người con gái, cảm mến người phục vụ tên Bành Tiên ở quán trà đối diện nhà, có ý muốn được kết duyên, ngày đêm tương tư thành bệnh. Cha mẹ hỏi ý, liền nói muốn đính hôn với Bành Tiên, không ngờ Bành Tiên “khinh bỉ những hành động của người con gái đó, lên tiếng khước từ”. Thế là con gái nhà họ Ngô dần dần ốm o mòn mỏi mà chết, chôn cất tại một ngôi mộ cách nhà hàng trăm dặm. Tang lễ rất khoa trương, mời họ hàng gần xa đến dự. Dưới núi có một người tiều phu trẻ tuổi, nghĩ rằng trong mộ hẳn chôn cất theo rất nhiều của quý, liền nửa đêm mò tới để đào trộm mộ. Khi mở nắp quan tài, nâng xác người con gái nhà họ Ngô lên, đang định lục áo, không ngờ cô gái mở mắt nhìn trừng trừng, da thịt ám dần, từ từ sống lại. Con gái nhà họ Ngô cảm kích ơn cứu mạng của chàng tiều phu, hứa rằng sau khi hết bệnh sẽ làm vợ chàng. Nhưng người con gái nhà họ Ngô vẫn lưu luyến không quên được Bành Tiên, liền yêu cầu chàng tiều phu cùng cô về Ngạc Châu, đi thẳng đến quán trà. Cô nhờ chàng tiều phu đi xuống dưới lầu gọi rượu, còn mình thì hẹn Bành Tiên ra gặp mặt nói chuyện, kể lại nguyên nhân mình tái sinh, và vẫn muốn được tái hợp cùng Bành Tiên. Nhưng Bành Tiên lại không nể mặt mà mắng cô rằng: “Ma quỷ sao dám hiện hình giữa ban ngày ban mặt!” Con gái nhà họ Ngô khóc lóc bỏ đi, Bành Tiên đuổi theo, cô gái trượt chân ngã từ cầu thang xuống, nhìn lại thì đã chết. Vụ án này quan phủ xử cũng rất vớ vẩn, tiều phu phải ngồi bên quan tài rách nát trông thi thể người con gái kia chết một lần nữa, còn tên Bành Tiên thì chỉ bị xử phạt nhẹ.

Khi kết chuyện Hồng Mai có nói, câu chuyện này gần giống với câu chuyện về con gái nhà Trương Thị trong Thanh Tôn Lục do Liêm Tuyên biết. Đây chính là chỉ người con gái sống lại bị đẩy ngã mà chết, nhưng xét về nội dung cả câu chuyện hoàn chỉnh thì không giống. Thanh Tôn Lục kể về một cô gái quyết liệt sống lại sau khi chết, tìm gặp người con trai phụ mình để tìm cách báo thù, sau khi bị đẩy chết lại xong, quan phủ đã xử tội kẻ kia bị tử hình vì tội mưu sát, kết cục viên mãn hơn trong Di kiên chí nhiều.

Đến đời Minh, những câu chuyện ác thế này vẫn còn, đại diện là Mẫu đơn đăng ký trong Tiễn đăng tân thoại do Cù Tông Cát người đầu đời Minh viết.

Câu chuyện đèn mẫu đơn ở Nguyệt Triều, Ninh Bắc lúc đầu được lưu truyền trong nhân gian cũng rất hay, nhưng một câu chuyện “tình người và ma đã kết thúc” vào tay Cù Tông Cát lại trở thành Bảo tháp trấn hà yêu. Những câu chuyện người và ma yêu nhau trong tiểu thu Cốt thời Ngụy - Tấn được định hình là ma nữ say mê một tên thư sinh háo sắc. Ma nữ tối đến sáng đi, đêm đêm cùng thư sinh hoan lạc. Đến khi có người nhìn trộm vào, “thấy một bộ xương cùng thư sinh ngồi dưới ánh đèn”, và cùng thư sinh đến Triều Tâm Tự tìm quan tài của ma nữ đó trong một am thất, thư sinh sợ hãi, khẩn cầu pháp sư trừ ma. Pháp sư cho anh ta hai lá bùa, một lá dán ở cửa, một lá dán ở giường, cấm không được đến Triều Tâm Tự nữa, từ đó ma nữ mới không dám vào nhà. Nhưng một hôm thư sinh sau khi uống say bên ngoài, quên mất lời ngăn cấm của pháp sư, đi thẳng tới Triều Tam Tự, lại gặp ma nữ kia. Ma nữ “lập tức nắm tay thư sinh, đưa đến trước áo quan, áo quan tự động mở ra, ma nữ ôm thư sinh cùng vào, lập tức áo quan đóng lại, thư sinh chết dần trong áo quan”. Từ đó về sau thư sinh và ma nữ trở thành yêu quỷ đi hút tinh khí của người sống, làm mưa làm gió khắp nơi. Cư dân mời pháp sư về trừ yêu, nhưng yêu ma tác oai tác quái, pháp sư bất lực, đánh lên đỉnh Tứ Minh Sơn cầu pháp sư với pháp lực lớn hơn. Ở đây mới được Hoàng Căn lực sĩ, “dùng khoá áp giải ma nữ và thư sinh đi, dùng roi đánh, máu chảy lênh láng”.

25. Chương 18

Chương 18

Trả túi da cho ta

Xem những bộ phim nước ngoài, khi một người bệnh chết trên giường của bệnh viện, bác sĩ điều trị chính sẽ trình trọng tuyên bố, người đó chết vào lúc mấy giờ, mấy phút. Không biết Trung Quốc, đặc biệt là Trung Quốc cổ đại có quy tắc này hay không, nhưng tôi biết trong các câu chuyện về thế giới âm phủ của Trung Quốc, cho dù nói người nào đó “chết rồi” (thường là chỉ “đã tắt thở” rồi), nhưng chỉ cần tâm khẩu vẫn ấm, thì không được đưa đi chôn, bởi vẫn có cơ hội sống lại. Vào những lúc như thế, người đó “sống” hay “chết” rất khó để phán đoán, bởi vì mặc dù tim vẫn còn ấm nóng, có nghĩa là cơ quan nội tạng và cơ thể người đó vẫn ở trong trạng thái “sống”, vì vậy không thể tuyên bố rằng người đó đã chết, mà đã chưa chết, nhưng sự hoàn hồn của người đó cũng chỉ là hoàn hồn mà thôi, không thể gọi là “phục sinh” - sống lại. Thế thì sự hoàn hồn này chẳng qua cũng chỉ là sự hôn mê tương đối nghiêm trọng, tức là chìm đắm trong mộng mị, tác dụng và hiệu quả đối với việc tuyên truyền về âm phủ không khiến người ta phải chú ý. Vì vậy nếu thật sự muốn để những kẻ ngu ngốc cảm nhận được sức mạnh hồi thiên của âm phủ và lúc nào cũng có thể khiến bạn “hồi địa”, tốt nhất là để người nào đó chết hẳn một lần.

Thế là trong những câu chuyện hoàn hồn của chúng ta, còn có không ít những trường hợp “tim không còn nóng ấm”, mà cả thể xác đều đã mất đi vết tích của sự sống, cũng chính là nói, người đó thật sự đã chết rồi, nhưng vẫn thuận lợi quay về dương thế. Để tạo được hiệu quả kinh động này, không còn nghi ngờ về việc chủ nhân thời đó đã phải rất mạo hiểm, bởi vì bắt đầu từ giây phút người đó chết, “căn nhà” mà linh hồn đã từng ở bắt đầu phải đối mặt với quá trình thời rữa, sau đó mục nát theo quy luật tự nhiên. Kiến thức y học về mặt này tôi không rõ lắm, nhưng có đọc tiểu thuyết tội phạm của Shimada Sôji[1], đại khái giới thiệu về quá trình này. Ví dụ người chết sau khoảng hai đến ba tiếng đồng hồ là thi thể sẽ cứng lại, mười hai đến mười lăm tiếng, thi thể bắt đầu trương phình, sau ba mươi sáu tiếng, thi thể bắt đầu xuất hiện sự thời rữa và biến sắc hơn bốn mươi tám tiếng đồng hồ, rất nhiều bộ phận trong cơ thể bắt đầu mềm đi và phân hủy, bắt đầu dính dính nhớt nhớt, tóc và móng tay, móng chân rất dễ bị rơi ra. Cũng chính là muốn nói, nếu linh hồn hoàn xác sau khi chết hai ngày, thì anh ta sẽ phải đối mặt với tình trạng cơ quan nội tạng đã bắt đầu rữa nát. Nhưng trong những câu chuyện về thế giới địa phủ của chúng ta, thì thể xác đó có chết sáu, bảy ngày cũng chẳng ảnh hưởng gì đến việc hoàn hồn, bởi vì tiêu chuẩn để đánh giá thể xác đó chỉ là nhìn bề ngoài, cho dù cơ quan bên trong đã thời rữa bầy nhầy, chỉ cần nhìn bên ngoài vẫn là hình dạng của con người, thì linh hồn có thể quay về được, mà một khi linh hồn đã quay lại, thì người đó lập tức có thể ngồi dậy ăn uống bình thường.

[1] Tác giả nổi tiếng người Nhật Bản.

Nếu thời gian kéo dài lâu hơn, lâu đến mức thi thể biến dạng, đến hình dạng bên ngoài cũng không thể nhìn ra là kiểu gì nữa, thì lúc ấy phiền phức rồi, vì vậy dưới âm phủ khi phát hiện ra việc bắt nhầm người, thì tốt nhất là phải nhanh nhanh thả người ta về. Những câu chuyện mà chúng ta đọc đều là trường hợp thả về kịp thời, bởi vì những trường hợp không thả về kịp thời thì không được ghi thành chuyện, chúng ta cũng chẳng có cơ hội để đọc. Theo tôi thấy, những trường hợp không được thả về kịp thời có lẽ cũng không ít. Trong Quảng dị ký do Đới Phu viết, kể về Thừa Vương Giáp huyện Kim Đan bị bắt nhầm, cũng may gặp được Thôi Hy Dật từng chơi với nhau hồi còn sống, đang làm một chức quan sai dưới âm phủ, lúc này mới được phán xét rõ ràng. Nhưng cho dù là thế, Thôi phán quan vẫn phải dặn dò âm sai: “Vương Thừa huyện Kim Đan là bạn thân của ta, theo sổ sinh tử huynh ấy chưa đến số chết. Sự việc đã xảy ra rồi, hy vọng sớm được trả về. Thời tiết nóng nực, sợ là thi thể sẽ hỏng.” Từ đó có thể thấy, nếu không dặn dò cẩn thận, thì chuyện lỡ xe không được trả về có thể sẽ xảy ra.

Nếu một khi xảy ra chuyện “thi thể bị hỏng” mà người đó nhất định phải hoàn dương, thì làm thế nào? Thế thì đành phải sửa chữa “căn nhà” đó, để linh hồn có thể vào ở. Chương trước tôi có nhắc đến chuyện xác của Thôi Mẫn Xác người Bác Lăng, đây là vì Diêm Vương sai người đến Tây Thiên xin thuốc trùng sinh, dùng thuốc bôi lên thi thể, sẽ khiến xương trắng sinh ra thịt, tự nhiên lục phủ ngũ tạng cũng được khôi phục nguyên trạng. Câu chuyện đó cũng được ghi chép trong Quảng dị ký. Xem ra tác giả của cuốn sách này rất quan tâm đến “căn nhà” của linh hồn, còn mấy câu chuyện trong đó đều đề cập đến việc sửa chữa “căn nhà”, nhưng phương pháp không giống nhau.

Huyện úy huyện Vũ Thành - Ngụy Tĩnh, bạo bệnh mà chết, sau khi cho nhập quan lại vì sự cố mà chưa đem chôn được, không ngờ mười hai ngày sau lại sống lại. “Khi thi thể cho vào áo quan, anh em họ hàng rời đi. Mẹ ông ta mở nắp quan tài ra, thì thấy có hơi thở. Vì để lâu ngày, cơ thể đã thối rữa.” Cho dù là như thế, Ngụy Tĩnh uống một cốc sữa bò, lại có thể nói chuyện được. Thì ra có một vị hòa thượng tàng trữ đồ ăn cấp, khi Ngụy Tĩnh xét xử đã giảm nhẹ tội cho ông ta rất nhiều, nhưng thích sử Tào Châu chê ông nương tay, mang án đó về tự mình xét xử, cuối cùng đánh chết vị hòa thượng kia. Vị hòa thượng này là một tên hồ đồ chỉ biết bắt nạt kẻ yếu không dám động vào kẻ mạnh, xuống âm phủ, không tìm thích sử Tào Châu tính toán, mà vu khống Ngụy Tĩnh đã giết hãm ta. Thế là dưới âm phủ cho bắt Ngụy Tĩnh đi, sau khi mặt đối mặt, hòa thượng đuối lý, cuối cùng âm phủ phải thả Ngụy Tĩnh về. Nhưng đám lâu la nói: “Không dễ gì, thi thể của ông ta đã bắt đầu mục rữa rồi.” Dưới âm phủ sai người đi lấy một bao thuốc, đưa cho âm sai, nói: “Có thể giúp ông ta lấy lại xương thịt”, âm sai trả Ngụy Tĩnh về nhà, nghe trong phòng có tiếng khóc lóc, Ngụy Tĩnh kinh hãi không dám vào, âm sai cưỡng ép lôi ông ta vào trong vườn, đến cửa nhà, rải thuốc vào trong quan tài (quan tài mặc dù được đóng chặt, quỷ sai lại có thể ra vào tự nhiên), sau đó kéo tay Ngụy Tĩnh đẩy vào quan tài. Sau khi Ngụy Tĩnh sống lại, hơn một tháng sau, da thịt trên người mới dần dần hồi phục như cũ.

Theo như câu chuyện này, thì loại thuốc đó không phải là của Thôi Mẫn Xác dùng còn thừa, mà là được âm phủ lưu trữ, xem bộ dạng tên quan dưới âm phủ không thấy hoảng sợ lắm, có thể thấy việc bắt nhầm người dưới âm phủ là chuyện thường xảy ra, bắt nhầm nhưng không thả về kịp thời cũng là chuyện thường thấy. Chỉ là đưa Ngụy Tĩnh xuống âm phủ để đối chất, vốn chỉ là một án treo, nói thả về thì thả về, sao phải đợi tận mười hai ngày sau? Có lẽ đầu óc của những kẻ dưới âm phủ chậm chạp quen rồi, biết trong tay mình có thuốc sửa chữa “căn nhà” của linh hồn chẳng? Hoặc thuốc mặc dù không nhiều, nhưng đủ dùng cho không ít người, không đến nỗi không có chỗ quay về?

Ngoài ra, từ câu chuyện này có thể hiểu thêm một điều nữa, Ngụy Tĩnh nghe thấy trong vườn có tiếng khóc, liền sợ hãi không dám vào trong, vì vậy, người nhà có người chết không nên khóc lóc mãi không thôi, cho dù phải nhẫn nhịn đau thương, khóc không thành tiếng cũng đành, không những bản thân người nhà khóc, mà còn thuê thêm người ngoài đến khóc, thì sẽ ảnh hưởng đến việc hoàn hồn của người chết. Trong truyện Ôn tướng quân ở quyển tám cuốn Tục tử bất ngữ do Viên Mai viết, “dặn người nhà không được khóc, khóc sẽ khiến hồn tan, không thể quay về sống lại” cũng là muốn nói tới ý đó.

Chuyện Ngụy Tĩnh xảy ra ở thời Võ Tắc Thiên, đến thời Đường Huyền Tông, loại thuốc đó từ dạng bột đổi thành dạng viên. Huyện úy Hoắc Hữu Lân, bị một con dê chết tố cáo, bị bắt xuống âm phủ đối chất. Diêm Vương hỏi: “Vị dê tiên sinh này nói, người đã giết chết nó, sao người có thể làm chuyện độc ác như thế?” Hữu Lân đáp: “Là vì Thích sử Đoạn Sùng Giản đại nhân muốn ăn thịt dê, thôi thúc, giục giã mãi, đồ tể đành phải giết dê mổ bụng ra lấy nguyên quả thận, tôi chỉ là người ở giữa đi truyền lệnh thôi.” Diêm Vương lại sai phán quan kiểm tra danh sách thực đơn của Đoạn Sùng Giản, thì ra con dê này có trong danh sách, bèn tức giận dùng dùi mấu con dê đã chết kia một trận: “Số người chắc chắn phải làm đồ ăn cho Đoạn Sùng Giản, người không những không cảm tạ sự vinh dự và hạnh phúc vì được phục vụ thủ trưởng, mà còn tố cáo cái gì? Thật là điều dân không biết điều!” Hoắc Hữu Lân được thả về. Trên đường về, đi ngang qua nhà của đại phu ngự sử, hỏi thì được biết người đương nhiệm chức ngự sử đại phu lúc ấy là Dịch Nhân Kiệt, danh thần thời Võ Tắc Thiên, “danh thám” hàng nghìn năm sau trong các câu chuyện, quan trọng nhất là cậu ruột của Hoắc Hữu Lân, liền vào hỏi thăm. Cũng may khi ông ta đi một vòng, Dịch công nói với ông ta: “Người xuống đây cũng đã được bảy ngày rồi, trời lại nóng thế này, thể xác chắc chắc sớm đã hỏng rồi”, rồi lệnh cho tả hữu lấy ra hai viên đan, nói với Hữu Lân: “Sau khi mang về, nghiền thành bột, chỗ nào trên thi thể hỏng thì rắc vào.” Phần chuyện phía sau không cần nói nữa, dù sao thì sau khi Hoắc Hữu Lân hoàn dương, trên mặt và cơ thể trông rất đáng sợ, nếu không nhờ viên thuốc cậu cho, thì bộ dạng ấy thật là làm tổn hại đến hình tượng của quan viên chính phủ quá, nha dịch của huyện úy e rằng cũng không được nhận, chỉ sợ phải ra ngoài đóng vai cương thi mà thôi.

Cho dù không lo thiếu thuốc trong kho, nhưng cách coi hình dạng của nghi phạm như trò đùa thế này cũng là có khuyết điểm lớn. Vì vậy có một cách ngăn ngừa việc đó xảy ra: “Phạm là chuyện gì, thuốc được giao cho địa giới chủ giả, tránh trường hợp xấu xảy ra.” “Địa giới chủ giả” ở đây chính là thần thổ địa, thuốc dưới âm phủ được phát thẳng cho cơ sở, do thần thổ địa đích thân hoặc sai người trông coi thi thể, lúc cần dùng thuốc bôi lên đó, để đạt hiệu quả đảm bảo sự tươi sống của thi thể, cho tới khi sự việc kết thúc. Những trường hợp này chúng ta có thể thấy ở trong Thông u ký do Trần Thiệu đời Đường viết (cũng có thể đọc ở

Hội xương giải nguyên lục do Dật Minh thời Đường viết), nhưng những chuyện chưa biết đó thật sự cũng kéo dài quá lâu, có những việc trải qua chín mươi năm cũng chưa được giải quyết, cuối cùng đành bỏ mặc. Sau đó, kết quả tốt đẹp tới mức khiến người ta phải ngưỡng mộ.

Nhà Vi Phúng ở Nhữ Dĩnh, thông thuộc thi thư, vui vẻ điền viên, tự mình trồng trọt. Hôm đó tiểu đồng đi cắt cỏ trong vườn, nhìn thấy có tóc người dưới đất, chôn không sâu, mà tóc lại nhiều nhưng không bị rối, như vừa được chải chuốt xong. Vi Phúng thấy lạ, bèn đích thân dùng tay cẩn thận đào lên như những chuyên gia khảo cổ thứ thiệt. Khi đào sâu được một thước, bắt đầu thấy đầu một người con gái, da dẻ, dung nhan vẫn xinh đẹp như còn sống. Tiếp tục đào xuống, thì cả thi thể lộ hết ra ngoài, chỉ có quần áo là mủn đi theo tay người đào. Một lúc sau, người con gái dần tỉnh, có thể ngồi dậy, sau đó đứng ở đó, cúi người làm lễ, tự xưng là nữ nô tên Lệ Dung của tổ tiên nhà Vi Phúng. Nguyên nhân người con gái tên Lệ Dung này hàm oan mà chết không thể bỏ qua, tóm lại là án oan được đưa xuống để âm phủ phán xét, nhưng người phán quan đó đã từ chức rồi, phán quan mới tới nhậm chức cũng giống hệt quan lại trên nhân gian “không phải chuyện của mình, tạm gác ở đây đã”, kết quả là án này thành án chết, không ai giải quyết, treo ở đấy gần một thế kỷ. Cũng may năm nay Thiên Đế phái thiên quan đi tuần thị, kiểm tra những vụ án còn tồn đọng, một loạt những người hàm oan được giải phóng, nên cô ta mới có cơ hội hoàn dương, đương nhiên việc Vi Phúng bói đất cũng là kết quả của việc ma xui quỷ khiến. Từ đó về sau, Lệ Dung ở cùng với Vi Phúng, cùng nhau tu tiên đạo, luyện nội đan trong lò. Sau nhiều năm, hai người cùng biến mất tại nơi ở, có lẽ là cùng nhau vào núi hoặc thăng thiên trở thành “thần tiên” rồi.

Một án có nguyên nhân rõ ràng như thế mà bị chìm đi hơn chín mươi năm, thật sự khiến người ta không thể kiềm chế được muốn buột miệng mà chửi, nhưng đây chỉ là một ngón tay nhỏ trong mười ngón tay, mặt quang minh của âm phủ vẫn là chủ đạo. Đầu tiên, mặc dù linh hồn của cô gái kia ở dưới âm phủ gần một thế kỷ, nhưng cô ta không hề bị giam, mà được phép đi lại khắp nơi, không bị trói buộc, ví dụ đến cứu u mười tám ngục học miễn phí. Chủ yếu và cũng đáng tuyên truyền nhất là, vì để giúp thi thể của cô ta luôn tươi mới, âm phủ đã tiêu phí hàng tấn dược phẩm, cho dù món tiền này do trung ương và địa phương chi, thì cuối cùng vẫn là móc từ hầu bao của người nộp thuế, chuyện này cũng khiến người ta phải cảm động rồi. Thế là tôi liền nghĩ đến một tiết mục radio nghe trên xe buýt vài hôm trước, nói rằng tòa án của Đức vì cần nhân chứng ột tên kẻ trộm chưa tới một phút làm chứng trước tòa, đã để nhân chứng bay từ Ý đến Đức, tiền vé máy bay khứ hồi do chính phủ Đức chi trả, trên xe không ít người cảm thán trước tin tức này, nhưng nếu đem so sánh với tổ tiên chúng ta dưới âm phủ, thì hành động của bọn họ có đáng gì đâu! Vì vậy khó trách được khi tới đời Minh, những tình tiết này vẫn được ghi chép lại trong Mẫu đơn đình hoàn hồi ký, tiếp tục khiến không ít người Trung Quốc phải cảm động không thôi.

Có điều từ sau đời Đường, dự án dùng dược phẩm tái tạo hay bảo dưỡng thân thể của người chết bị dừng lại, chỉ đến đầu thời Thanh, trong Kiến văn lục do Từ Nhạc viết, mới lật lại câu chuyện cũ từ hàng nghìn năm trước này, dùng câu chuyện Thang Công trong Liêu trai chí dị lược bớt đi, trở thành câu chuyện thần thoại dùng bùa Mâu Ni bôi giữ thi thể. Nhân vật chính trong câu chuyện vẫn là Thang Sính, người này dưới ngòi bút miêu tả của Bồ Lưu Tiên[2], là dùng “Công quá cách”[3] của đạo học để biểu dương đức tính thuần chính của mình, tự xưng tội ác lớn nhất của mình “chẳng qua là năm bảy, tám tuổi từng giết một con chim non mà thôi”, còn biết giả vờ hơn vị Cừu Quý Trí rút roi ra đánh con bò già một cái mà buồn đau tới tận cuối đời, nhưng vào tay của Từ Nhạc, lại trở thành một đại hiếu tử không làm quan chết không nhắm mắt.

[2] Bồ Lưu Tiên: tức Bồ Tùng Linh.

[3] Công quá cách: có nghĩa là dùng điểm số để đánh giá chỉ số thiện ác của mình.

Khác nội dung trong Liêu trai là tên Thang Sính đó khi chết đã đậu tiến sĩ, mà trong Kiến văn lục lại đổi thành khi anh ta làm tú tài đã lâm bệnh mà chết. Linh hồn của Thang tú tài bị quỷ tốt bắt đến chỗ Đông Nhạc Đại đế, có lẽ người này có thói quen làm việc gì cũng phải mặc cả một chuyến, lúc này liền khẩn cầu đại đế, nói mình là đại hiếu tử, không thể chết lúc này được, có hai lý do, một là “nhà còn mẹ già, không ai chăm sóc, Sính chết rồi mẹ biết sống với ai?”, hai là “cả đời đọc sách chưa đạt được kết quả gì”, không đạt được công danh cảm thấy có phần bất hiếu. Đông Nhạc Đại đế nói: “Số người chỉ đến đây thôi, công danh cũng chỉ đến đây là chấm dứt, ta chẳng có cách nào khác cả. Nếu người là đệ tử Nho gia, thì nên đi tìm Khổng Tử thánh nhân đi.” Cũng may Khúc Phụ cách Thái Sơn không xa, linh hồn Thang tú tài nhanh chóng được áp giải tới miếu Khổng Tử. Không ngờ Khổng Phu Tử cũng theo luật quan mà làm: “Số chết theo Đông Nhạc, công danh do Văn Xương, ta không can dự được.” Văn Xương Đế quân đang ở

tận Tứ Xuyên, lần này thì rắc rối to rồi, Thang tú tài ra khỏi miếu Khổng Tử, không ngừng hỏi thăm khắp nơi. Vừa hay Quan m Bồ Tát đi ngang qua đất này, nghe thấy tiếng khóc lóc kể lể của Thang tú tài, lòng đại từ đại bi trời dậy, nói: “Thật đúng là đại hiếu tử, sao không thể đặc biệt chiếu cố một lần!”, nói rồi liền ra chỉ dụ. Quý tốt áp tải anh ta nói: “Giờ nói gì cũng muộn rồi, thi thể anh ta đã thối rửa rồi.” Bồ Tát nói không sao, liền lệnh cho thiện tài đồng tử đến Tây Thiên lấy bùa Mâu Ni, bôi khắp thân thể của Thang tú tài. Bùa đó có lẽ chính là “thuốc trùng sinh” mà Thôi Mẫn Xác thời Đường từng dùng, nhưng Diêm Vương vì lấy thuốc này mà phải mất tới mười mấy năm mới quay về được, thiện tài đồng tử nhờ vào nhân duyên của Bồ Tát mà chỉ mất có ba ngày.

Tiền đây cũng nhắc đến việc thi thể thối rửa của Thang Sính phục sinh trong Liêu trai, trong đó Quan m Bồ Tát “trát đất làm thịt, dùng cành liễu làm xương”, dùng phương pháp liên hoa tái sinh của Na Tra Thái Tử. Giờ Từ Nhạc chỉ muốn bùa Mâu Ni của Tây Thiên bị tuột tay, thì sẽ không cần thận khiến phép thần thông của Quan m Bồ Tát đi đến một con dốc trơn trượt. Hơn nữa thứ bùa này màu sắc, hương thơm nhức mũi. Thiện tài mang hồn Thang Sính quay về, thi thể anh ta quả nhiên đã thối rửa, ruồi nhặng bâu bên ngoài, dòi bọ đục bên trong. Sự tu bổ thi thể của bùa Mâu Ni toàn bộ là tự động. “Thiện tài dùng bùa đắp quanh thi thể, mùi hôi thối bắt đầu bớt dần, ruồi nhặng tản đi, dòi bọ cũng rời đi, thi thể bị thối rửa trước đó đã hoàn toàn trở lại như bình thường, dần dần có sinh khí.” Sau đó thiện tài nhét linh hồn của Thang Sính vào thi thể đó từ đằng miệng, thi thể lập tức ngồi dậy. Sau đó Thang Sính làm cử nhân, đỗ tiến sĩ, làm huyện lệnh tại địa phương, chết khi đang đương nhiệm, ăn hại không biết bao nhiêu thóc gạo của bách tính, cũng chẳng làm được việc gì lợi nước lợi dân.

26. Chương 19.1

Chương 19

Mượn Thi Thể

1

Mượn thi hoàn hồn hoặc còn gọi là Dịch hình tái sinh, cũng chính là muốn nói thể xác của mình bị thối rửa hoàn toàn rồi, không thể hoặc không muốn sửa chữa, vậy thì đành để linh hồn mượn thi thể của người khác mà sống lại.

Về mặt đạo lý thì “mượn xác hoàn hồn” với “linh hồn phụ thể[1]” thời cổ xưa là giống nhau. Cổ nhân thích ví thể xác của con người như một căn phòng, vậy thì bình thường linh hồn phụ thể, giống như khái niệm “hạ thần” của các thầy phù thủy và khái niệm “va chạm” mà dân gian thường nói. Căn phòng đó chỉ có thể mượn dùng tạm thời, chủ nhân cũ của nó vẫn còn, hoặc tạm thời đi xa, hoặc cùng chen chúc trong đó, thủ tục mượn thi thể không thể làm được, bởi vì đến một lúc nào đó vẫn phải trả lại cho người ta. Nhưng mượn xác hoàn hồn đa phần không giống ở chỗ chủ nhân sở hữu căn phòng đã bị đá ra ngoài, chỉ cần chuyển vào ở là có thể ở lâu dài, cho tới khi tới số phải chết.

[1] Linh hồn phụ thể: linh hồn bám vào cơ thể.

Mọi người đều biết, những căn phòng như thế mỗi ngày, mỗi giờ đều phải trống mất một khoảng thời gian, nếu như để đám du quỷ tự ý ra ra vào vào, đổi đi đổi lại, thì thiên hạ đại loạn. Vì vậy thường thì những trường hợp mượn xác hoàn hồn đều do quan phủ sắp xếp, không thể làm việc theo chủ nghĩa vô chính phủ. Trình tự bình thường của nó thường là Diêm Vương phát hiện người nào đó mặc dù đã chết, nhưng vẫn chưa tận số, có điều thể xác đã hỏng, liền tìm một người vừa mới chết “lấy đó làm nhà cho người kia”, thể là hồn của Trương Tam liền chiếm lĩnh thể xác của Lý Tứ một cách hợp pháp, nhưng đây mới là bắt đầu của sự việc, bởi vì đồng thời Trương Tam còn phải chiếm hữu mọi thứ mà Lý Tứ có khi sinh thời một cách hợp lý. Những ví dụ kiểu này rất nhiều, mà được nhiều người biết đến, nhất là chuyện Lưu Toàn nhập vào quả dưa trong Tây du ký. Lưu Toàn và vợ là Lý Thúy Liên cãi nhau mấy câu, Lý Thúy Liên trong lúc tức

giận nhất thời, tìm dây thừng treo cổ tự vẫn. Đến khi Diêm Vương tra ra vợ chồng Lưu Toàn đều sống thọ đăng sơn thì thi thể của Lý Thúy Liên đã hỏng không còn ra hình ra dạng nữa. Đúng lúc ấy, ngự muội của Đường Thái Tông là Lý Ngọc Anh phải chết vào ngày đó, Diêm Vương bèn ra lệnh cho quỷ sai mượn thi thể của Lý Ngọc Anh, để cho Thúy Liên hoàn hồn. Quỷ sai đó tuân mệnh, lập tức mang linh hồn của Thúy Liên vào trong hoàng cung nội viện. Chỉ thấy Ngọc Anh công chúa đang tản bộ ngắm trăng ngắm hoa, bị quỷ sai nhảy bổ vào lòng, đẩy ngã xuống đất, bắt sống linh hồn, đồng thời đưa linh hồn của Thúy Liên nhét vào trong cơ thể của Ngọc Anh. Vợ của một thường dân trong chớp mắt trở thành công chúa ngự muội. Từ đó có thể thấy, nếu như dưới âm phủ không có vị quan nào quản thúc những linh hồn đã rời khỏi thể xác, thì bọn họ nhất định sẽ chen chúc nhau đứng trước cửa lớn nơi hoàng cung, phủ quan, đợi vị quý nhân nào để “phòng” trống.

Nhưng không phải tất cả những trường hợp mượn xác hoàn hồn đều là quan phủ sắp xếp, có những du hồn hoặc là thấy kim thì luồn chỉ, hoặc là vì cơ hội trước mắt, liền lập tức bám vào thi thể thích hợp vừa bị trống nào đó. Nhân vật nổi tiếng nhất trong trường hợp mượn xác hoàn hồn là Lý Thiết Quả trong bát tiên, là trường hợp không phải do quan phủ bố trí.

Tiên nhân Lý mỗ (ở đây gọi là Lý mỗ, không phải là vì mất tên tuổi, mà là trong những phiên bản khác nhau thì tên của người đó cũng khác nhau, Lý Huyền, Lý Nhạc, Lý Nhạc Thọ, Lý Khổng Mục, Lý Bát Bách, Lý Ngưng Dương v.v... không thống nhất, nên đành tinh lược bớt đi) phải đi dự yến tiệc chỗ Thái thượng lão quân. Nhưng tiên nhân đi xa, không giống với người phàm, chỉ cần nằm xuống nhắm mắt lại, lập tức nguyên thần xuất ra khỏi thể xác, thế là đi thôi. Vì vậy nếu người ở dưới nghe được vị đại tiên nào đó nói rằng ngài chỉ cần trong nháy mắt là có thể chu du năm châu bốn bể, thì cũng đừng nghĩ ngài khoác lác, thực ra chỉ cần nhắm mắt lại, là có thể đi hết mọi nơi rồi. Lại nói Lý đại tiên trước khi “xuất thần”, dặn dò đồng tử coi sóc xác mình cho tốt, đừng để con gì tham ăn ăn mất, nói là bảy ngày sau sẽ về, nếu không về, thì mang thể xác đi hỏa thiêu. Không ngờ mẹ của tên đồng tử đó lâm trọng bệnh, có người mang thư tới đòi hán ta phải về nhà gấp. Lúc này đã là ngày thứ sáu, đồng tử tự ý quyết định, liền mang thể xác của Lý đại tiên ra đốt. Khi linh hồn của Lý đại tiên đúng ngày đã hẹn trở về, lại không tìm được nhà, trong lúc nguy cấp, cũng không cần biết tốt xấu gì nữa, liền tìm ngay xác một người chết đói bên lề đường gửi hồn vào, sống trong bộ dạng vừa thọt vừa xấu đó. Hình tượng này rõ ràng là không được tương xứng lắm so với một tiên phong đạo cốt, nhưng tên thọt chống gậy lại trở thành hình tượng của ông ta, thôi cũng coi như là “trong họa có phúc”, vì vậy ông ta cũng không kỳ thị “căn nhà” mới nữa. Câu chuyện này không chỉ thấy trong Liệt tiên toàn truyện của người đời Minh, mà trong tạp kịch ở đời Nguyên và tiểu thuyết thời Minh cũng có những phiên bản khác nhau được lưu truyền. Không chỉ thế, trong tạp kịch thời Nguyên ngoài Lã Động Tân độ Thiết Quả Lý Nhạc ra, trong Hoắc Toàn Phong mượn xác hoàn hồn, Sái Chân Nhân dạm đoạn bích đào hoa đều có những tình tiết tương tự, từ đó có thể thấy, mượn xác hoàn hồn thật sự rất đi vào lòng người.

Ngoài trường hợp này ra, nếu vẫn còn trường hợp thứ ba, thì chính là quan phủ và người cùng nhau hợp tác để giải quyết. Nhưng kiểu mượn xác hoàn hồn này rất ít gặp, tôi chỉ đọc được một lần trong cuốn sách cũ, hơn nữa lại hoàn toàn không đáng tin. Trương Đậu người đời Đường có viết truyện Trúc Quý Trinh trong Tuyên thất chí, nói đến việc âm phủ có một quy định, có cách ba mươi năm lại có một người được tái sinh, cho phép linh hồn trong âm phủ được đưa ra lời thỉnh cầu. Nội dung thỉnh cầu chính là kể lại tội phúc mình có ở kiếp trước, chứng minh bản thân đã từng là một đại lương dân, sau khi sống lại sẽ không gây phiền phức cho hai thế giới âm dương nữa. Nếu như được thông qua, sẽ được trùng sinh. Việc này nhìn thì đơn giản, thực ra còn khó hơn cả trăm nghìn lần so với việc thi trạng nguyên trên nhân gian. Một là về mặt thời gian đã ba mươi năm chứ không phải ba năm, hai là số ma quỷ dưới âm phủ phải nhiều gấp mười lần số người trên nhân gian, vậy là Trúc Quý Trinh lại là người may mắn đó. Nhưng ông ta đã chết mười năm rồi, thi thể đã hỏng, minh quan hỏi ông ta làm thế nào. Trúc Quý Trinh nói: “Trong chỗ tôi có một người tên là Triệu Tử Hòa, vừa chết được mấy ngày, xin lão gia hãy cho tôi được mượn xác của anh ta để hồi sinh.” Minh quan cũng chẳng hỏi Triệu Tử Hòa và vợ anh ta có đồng ý hay không, cũng không đi tìm hiểu xem Trúc Quý Trinh có lòng ham tài ham sắc hay không, tùy tiện gật đầu một cái, Trúc Quý Trinh liền trở thành chủ nhân của Triệu gia một cách hợp pháp, vợ con, nhà đất của Triệu Tử Hòa trở thành của ông ta cả.

Kiểu tự ý chọn lựa và minh quan liền phê chuẩn này dễ khiến người khác hiềm khích, để ổn thỏa hơn, thì sự tùy cơ sắp xếp của minh quan có lẽ hợp lý hơn nhiều. Đường nhiên, chính sách ba mươi năm lại chọn

một ngu dân cho trùng sinh này mặc dù nhằm cổ vũ bách tính của hai thế giới luôn hướng thiện, nhưng số lượng ma quỷ đệ đơn nhiều lại trăm phương nghìn kế, chen chúc nhau ở trong cửa thập điện, chỉ riêng việc duy trì trật tự thôi cũng phải dùng cả nghìn cảnh lực, lại thêm những công văn, đơn báo tích lại thành núi, Diêm Vương phán quan bắt người thẩm vấn làm những việc chính còn bận không kể xiết, giờ lại phải hy sinh giấc ngủ và niềm vui, đọc đơn xin tái sinh và phê chuẩn, kiểm tra bên trong, điều tra bên ngoài, thảo luận phỏng vấn, sao có thể không loạn như khi Tôn Hành Giả lên trời đại náo chứ? Vì vậy, chính sách mới này cũng chỉ thực hiện được một hai lần, sau này không ai nhắc đến nữa.

2

Cho dù ngoài miệng thì mọi người nói linh hồn quan trọng hơn thể xác, nhưng con người một khi liên quan tới vấn đề quyền lợi, lại căn cứ vào thể xác để phân bổ. Thể xác của Trương Tam có quyền sở hữu tiền bạc, quyền thế, danh tiếng, bố mẹ, vợ con của Trương Tam v.v..., tất cả mọi thứ, điều này dường như không cần phải nghi ngờ trong một thế giới bình thường. Nhưng giờ lại xảy ra trường hợp mượn xác hoàn hồn, linh hồn và thể xác lại tổ hợp với nhau, sẽ xảy ra chuyện khó giải quyết. Ví dụ, Trương Tam chết rồi, Lý Tứ chạy lại nói, linh hồn của Trương Tam đang ở trong thể xác của tôi, thế là đòi vào trong nhà Trương Tam, vào phòng Trương Tam, còn đòi ngủ trên giường của Trương Tam nữa, e là nếu làm vậy sẽ bị người nhà Trương Tam đánh đuổi ra mất. Linh hồn của Trương Tam dù cảm thấy áy náy, sợ là chẳng có cách nào, đành quay về ngủ trên giường của Lý Tứ. đương nhiên, trong tiểu thuyết cũng có rất nhiều những câu chuyện, thường là Lý Tứ sau khi kể rõ đầu đuôi ngọn ngành, thì được gia đình Trương Tam tiếp nhận, và vợ của Trương Tam cũng vẫn ân ái mặn nồng như ngày nào, vẫn thản nhiên trước sau như một, nhưng những chuyện như thế này cuối cùng cũng khiến người ta cảm thấy kỳ quái, dễ khiến người ta nghi ngờ bị người thứ ba lợi dụng, không chỉ chen chân vào, mà còn thay thế luôn cả người chồng xui xẻo kia.

Mượn xác hoàn hồn mà gây ra đa số những chuyện lằng nhằng thì chỉ có loại này, không chỉ thấy trong tiểu thuyết, bút ký, thậm chí còn thấy cả trong chính sử. Ví dụ như Kim sử. Ngũ hành đức có một truyện:

Kim Thế Tông đại định chính nguyệt năm 13, thượng thư tể tướng: “Uyển Bình Trương Hiếu Thiện có người con trai tên Hợp Đắc, bệnh chết vào tháng Ba năm Đại Định thứ mười hai, sau được sống lại, chạy đến nói là con trai Vương Kiến tên Hỷ Nhi, nhà ở Lương Hương, mà Hỷ Nhi đã chết từ ba năm trước, Kiến kiểm tra mọi chuyện xảy ra trong nhà, Hỷ Nhi đều có thể nói rõ tỏ tường. Thiện này đã mượn xác hoàn hồn, trở thành con của Vương Kiến.”

Hỷ Nhi người huyện Lương Hương, chết từ ba năm trước, nhưng lại mượn xác của Trương Hợp Đắc người huyện Uyển Bình để sống lại, hai huyện này cách nhau không xa, khoảng như trong và ngoại thành Bắc Kinh ngày nay. Sự việc kinh động đến chính quyền của tỉnh, là bởi vì chuyện này đã gặp nhiều trong những tiểu thuyết kỳ quái, đến khi thực sự xảy ra ngoài đời thế này, lại liên quan đến rất nhiều những vấn đề trong thực tế, quan trọng nhất chính là quyền thừa kế tài sản và địa vị. Thượng thư tể tướng thì cho rằng, nếu đã là mượn hồn thì nên trả Trương Hợp Đắc về cho Vương Kiến. Nhưng xem ra Kim Thế Tông có vẻ suy nghĩ cẩn thận, chu đáo hơn những vị đại thần kia, ông ta sợ rằng nếu để chuyện này lộ ra ngoài, thì không khéo trong nhân gian sẽ lại xuất hiện rất nhiều những sự việc mượn xác hoàn hồn khác nữa, người nào đó vừa ngủ một giấc, khi tỉnh lại lập tức trở thành con trai của vị đại tài vừa mới mất, điều đáng sợ hơn là, ngộ nhỡ có người nào đó nói cha, mẹ, hoàng tử, công chúa của hoàng đế mượn xác ông ta để hoàn hồn, thế thì chẳng phải sẽ còn đáng giá hơn cả sự mua bán của Lã Bất Vi hay sao! Vì vậy, đúng như những gì Kỷ Quân từng nói, trong dân gian khi lại phát hiện những sự việc như trên thì “quan phủ khi xử án này, căn cứ vào thể xác không căn cứ vào linh hồn”. (Quyển bốn Duyệt vi thảo đường bút ký) mà sau này mặc dù trong chính sử cũng có ghi chép lại việc mượn xác hoàn hồn, như Minh sử. Ngũ hành chí: “Tháng Tám năm Hồng Vũ hai mươi bốn, phụ ty long môn Hà Nam tên Mẫu Đơn mất đã ba năm, mượn xác của Viên Mã Đầu tái sinh”, nhưng họ chỉ bình luận đây là việc yêu dị mà thôi.

Nhưng nếu nói cách khác, Trương Tam chết rồi, linh hồn của Lý Tứ chiếm thể xác của Trương Tam, vậy thì có thể đường đường chính chính và nhà của Trương Tam, vào phòng, lên giường, chỉ cần bản chủ không nói, thì không ai có thể nghi ngờ việc Trương Tam bị hồn người khác mượn mất xác, mà cho dù có nói, e là cũng chẳng có ai tin. Trong truyện Mượn xác hoàn hồn ở quyển sáu cuốn Dục quynh bại biên do Thang Dụng viết về một nho sinh già, tuổi đã ngoài bảy mươi, gia cảnh nghèo khó. Một tối khi đang nằm trên giường cùng vợ, mơ thấy mình ngã lăn xuống dưới, có lẽ là đã chết rồi. Nhưng không biết tại sao, linh hồn lại chạy sang thể xác của người khác. Khi ông ta tỉnh dậy, “da thịt nồn nà, quần áo tỉnh tươm, thơm tho

sạch sẽ, không phải là loại vải thường. Trên giường có người nằm bên cạnh, đưa tay ra chạm vào người ấy, hoàn toàn không phải bà vợ già của mình, lật chăn ngồi dậy, người cùng giường cũng tỉnh, gọi người ở mang lửa đến, thì ra người cùng giường chỉ là một thiếu phụ trẻ hơn hai mươi tuổi.” Một ông lão nho sinh nghèo khó, bỗng chốc trở thành công tử nhà giàu, mặc dù bỏ lại người vợ già đáng thương, nhưng bản thân lại “có được rất nhiều điều tốt đẹp”. Còn chàng thiếu gia trước kia vốn mít đặc, nay tỉnh lại bỗng thơ văn đầy đầu, đối với nhà tài chủ này thì đây cũng là một may mắn lớn. Việc linh hồn của vị thiếu gia kia đang lưu lạc phương nào, tới nay không ai còn nghĩ đến nữa. Cái kết của câu chuyện cũng rất có hậu. Vị lão nho này “mỗi lần nhớ tới người vợ già ở kiếp trước, liền lên tới thăm nom”. Năm ấy ông ta đậu cử nhân, khi đến Bắc Kinh dự thi, lại đi đường vòng về thăm nơi ở cũ. “Thấy bà lão tóc bạc trắng, có hai đứa con nghèo khó, xác của mình còn chưa được chôn cất, cảm thấy buồn phiền mà bỏ đi.”

Những chuyện may mắn như thế không phải dễ gặp, nhưng có người gặp được lại chưa chắc cho nó là chuyện tốt. Trong Trường Thanh Tăng ở Liêu trai chí dị, một vị cao tăng đặc biệt thâm nghiêm, sau khi chết linh hồn đột nhiên nhập vào xác một quý công tử đã chết, khi tỉnh lại chỉ thấy “rất nhiều người da trắng tóc xanh, tập trung tra hỏi”, từ đó lão tăng không dám mở mắt, không cả dám thở, thê thiếp của vị quý công tử đó cũng đành phải làm quả phụ sống giữ tiết, như thế này thật không phù hợp với cả hai bên. Nhưng trong hàng vạn cao tăng giống như vị cao tăng này cũng tìm được một người, trong mắt chúng sinh người đó rõ ràng là một quái vật, không thể trở thành tấm gương để người khác học tập.

27. Chương 19.2

3

Hình và hồn trong việc mượn xác hoàn hồn, tuyệt đại đa số khoảng cách giữa họ đều không xa, khi kết hợp khá thuận tiện, thậm chí còn có thể đi lại với nhau thân thiết như họ hàng. Thỉnh thoảng cũng có những trường hợp cách xa nhau hàng trăm dặm, nhưng cũng không gặp trắc trở gì, đã là âm dương hai thể giới thì có thể liên hệ với nhau, cùng trong một làng, cùng trên địa cầu, dù là ở cách xa trăm ngàn dặm thì cũng chẳng phải chuyện gì to tát.

Trong Động linh tiểu chí, Quách Tắc Vân viết về câu chuyện do một người đồng niên với ông ta là Hứa Tổ Quân từng đích thân trải nghiệm qua. Tổ Quân nhậm chức dịch bộ, từng có người Pháp mang công văn đến, một người Việt Nam đã chết nay sống lại, nhưng nói tiếng Trung Quốc, tìm phiên dịch đến, mới biết là người ở huyện Sơn Đông mượn xác hoàn hồn. Chính phủ Pháp cảm thấy chuyện này rất quái dị, nên yêu cầu triều đình nhà Thanh cử người đến Sơn Đông kiểm tra. Kết quả điều tra thế nào trong truyện này không đề cập đến, nhưng nhiều năm về sau, khi Quách viết Động linh tiểu chí, lại ghi lại chuyện mà người bạn thơ Dương Vị Vân từng kể. Dương nói năm đó anh ta đang làm sở trưởng sở tài chính Sơn Đông, có một vị chủ tịch huyện tới chơi, kể rằng ở một làng trong huyện có người nông dân, bệnh chết sau đó sống lại, ngữ khí buồn bã vô cùng. Người đó vốn không biết chữ, đột nhiên lại có thể cầm bút viết sách, văn phong rất hay, tự nhận là một người Việt Nam nào đó mượn xác hoàn hồn. (Thời ấy Việt Nam và Triều Tiên giống nhau, những người tỏ tường văn tự chữ Hán trong phần tử tri thức rất nhiều.) Dương Vị Vân cảm thấy chuyện này khá hiếm, liền lệnh cho huyện lệnh giải người quê ở Sơn Đông đó tới, cung kính hỏi thăm. Dương nghe người ta nói người Việt Nam giỏi việc khoan giếng, nên hỏi người đó có biết hay không, người này nói rằng mình có thể tìm mạch nước, cũng có thể khoan giếng. Xem ra hai chuyện này chỉ là một, người Sơn Đông và người Việt Nam kia không ngại vạn dặm xa xôi, đã hoán hồn đổi xác cho nhau. Giải thích cho việc này cũng không phải khó khăn gì, chỉ cần để Diêm Vương Trung Quốc và Diêm Vương Việt Nam gặp nhau, đổi lại hồn cho hai người bọn họ là xong.

Bình thường mà nói, chỉ xét riêng về phần “linh hồn” thì việc mượn xác tái sinh của nó chỉ có lợi mà không có hại.

Một linh hồn vốn đã bị chôn vùi dưới đất sâu nơi âm tào địa phủ, có thể tự do quay lại trần gian nhập vào thân phận của một người, việc này không thể không nói là việc vui bất ngờ, mà đôi khi còn là đại hỷ, cùng lắm thì hai bên chủ khách nhất thời có chút sợ hãi và ngượng ngạo. Cho dù địa vị từ giàu có trở thành bần hàn, nhưng sống nghèo khổ thì vẫn hơn là chết sung sướng, cũng chưa nghe có trường hợp nào vì chuyện này mà tự sát. Điều đau khổ và tương đối ảnh hưởng tới nhân tình thế thái, không phải việc từ người giàu có trở thành người nghèo hèn, mà là sự thay đổi về hình dạng. Giống như Lý Thiết Quả, từ tiên phong đạo

cốt trong nháy mắt trở thành một kẻ vừa xấu vừa tàn tật, ông ta là thần tiên, điều đó không ngăn cản ông ta du ngoạn nhân sinh, có thể “chân nhân không lộ tướng”, quan trọng nhất là ông ta không có vợ và bạn bè để nhận ra hình dạng của mình, vì vậy cũng chẳng cảm thấy có gì không thích hợp. Nhưng với người phàm trần thì không thể thế. Trong truyện Thổ nhân giáp ở quyển U minh lục do Lưu Nghĩa Khánh viết có kể chuyện xảy ra vào năm Nguyên Đế thời đầu Đông Tấn. Thổ Nhân Mỗ Giáp, bạo bệnh mà chết. Lên đến trời (khi đó vẫn còn quan niệm về Thiên đế Tư Minh), Tư Minh lão gia phát hiện anh ta chưa đến số chết, vội vàng trả anh ta về lại dương thế. Nhưng chân của Mỗ Giáp lại giòn cứng, không đi được. Mấy tên âm sai bắt đầu nổi cáu, bởi vì nếu Mỗ Giáp bị đau chân không kịp quay về dương gian, thì họ sẽ phải ngồi tù oan. Thế là hỏi ý kiến tư mệnh. Tư mệnh suy nghĩ hồi lâu, nói: “Cũng may vừa có tên Hồ Nhân Khang Ất, nhà ở Tây Môn, cách nhà Mỗ Giáp không xa. Chân của tên ấy rất khỏe, đổi cho nhau, cả hai chẳng ai tổn hại gì.” Nhưng tên Hồ Nhân này ngoại hình rất xấu, đôi chân đó đặc biệt trông rất kỳ dị, Mỗ Giáp không chịu đổi. Quỷ sai nói: “Nếu người không đổi, thì phải ở đây lâu đấy.” Mỗ Giáp chẳng còn cách nào khác, đành phải đồng ý. m sai lệnh cho hai người nhắm mắt lại, trong giây lát, chân của hai người được đổi cho nhau. Sau khi Mỗ Giáp sống lại, vừa nhìn xuống đôi chân, quả nhiên đã đổi thành chân của Khang Hồ rồi, lông lá rậm rạp, mùi hôi thối bốc lên. Mà Mỗ Giáp vốn là người hay tự trách thương bản thân, nên đến ngay cả chân tay cũng xót xa vô tận, giờ thành ra bộ dạng thế này, tự nhiên buồn bã muốn chết. Cũng may người nhà nói Khang Hồ còn chưa bị đem chôn, Mỗ Giáp liền đến nhà Khang Hồ xem, nhìn thấy đôi chân của mình trên người Khang Hồ, bất giác không kìm được nước mắt tuôn rơi, thương xót một hồi cho đôi chân nhìn thì đẹp mà vô dụng đó. Chuyện phiền phức còn ở phía sau, thì ra con trai của Khang Hồ là một người có hiếu, sau khi biết chuyện đổi chân, mỗi khi năm hết Tết đến, nhớ đến cha mình, lại không kìm được sự buồn đau, chạy đến phủ Mỗ Giáp, ôm lấy đôi chân với đám lông rậm rạp, hôi thối mà khóc lóc. Thỉnh thoảng gặp Mỗ Giáp trên đường, người con hiếu thảo đó cũng vuốt ve đôi chân cha, khóc lóc không ngớt. Đôi chân đó vốn là của cha ruột người ta, nếu từ chối thì xem ra không được hay ho cho lắm, thế là Mỗ Giáp đành tìm cách tránh, mỗi lần ra ngoài, đều lệnh cho người ra cửa, nhìn trước ngó sau, tránh con trai của Khang Hồ đột ngột xông ra...

Mới chỉ đổi chân thôi mà đã như thế rồi, nếu đổi cả thể xác của Khang Hồ thì con ông ta còn thể nào nữa? Mượn xác hoàn hồn, bản chất của việc này không tồn tại tính không xác định, số lượng những cô gái thôn quê bao giờ cũng nhiều hơn những cô nương trong hoàng cung, chắc các vị mượn hồn cũng không vì chuyện này mà nảy sinh những suy nghĩ khác, mà những người đẹp trai, râu rậm chỉ là số ít thôi, nhưng một khi nhập vào xác một người râu rậm, cho dù bản thân có chấp nhận, thì vợ cũng chưa chắc để ông ta vào nhà. (Trong truyện Linh Bích nữ mượn xác hoàn hồn ở quyển một Tử bất ngữ do Viên Mai viết, nói về linh hồn của Tuấn Tiểu sau khi nhập vào thể xác của một người phụ nữ xấu, lại có thể biến người phụ nữ xấu đó thành người phụ nữ đẹp, nhưng những ví dụ có thể biến cũ thành mới thế này quá ít, tốt nhất đừng ôm hy vọng thì hơn.) Nhưng đây không phải thứ khiến chủ nhân của nó khó chịu nhất, nếu để linh hồn của nam nhập vào xác của nữ thì thế nào? Xảy ra trường hợp đó không thể không khiến người ta nghĩ đến cảnh ngộ của Lâm Chi Tường ở trong vương quốc nữ nhi.

Truyện Tuần kiểm phụ hồn trong quyển bảy cuốn Cô Thặng do Nữ Tú viết, có ghi lại một câu chuyện xảy ra vào thời Khang Hy. Ở huyện Hà Nguyên, ti Lam Khẩu có tuần kiểm Vương Học Cống, sau khi chết không lâu, người con gái chưa xuất giá của ông ta vì khóc thương cha mà sinh bệnh, mấy ngày sau cũng chết. Nhưng khi đang cho cô ta vào trong quan tài, thì cô ta đột nhiên ngồi dậy, tự nhìn xuống cơ thể mình nói: “Ta là Vương tuần tư, sau lại ăn mặc như con gái thế này?” Thì ra Vương Học Cống dương thọ chưa hết, nên được trả về dương gian, phụng mệnh Diêm Vương, mượn luân thi thể con gái của ông ta. Vốn Diêm Vương có ý tốt, không ngờ, cô gái duyên dáng khuê các này lại cởi bỏ vải buộc chân, cắt đi mái tóc dài của mình, thế cũng không có gì làm lạ, lạ là cô ta tìm tới gặp huyện thái gia, yêu cầu khôi phục lại chức cũ cho cha mình.

Trong Duyệt vi thảo đường bút ký do Kỷ Quân viết, ghi lại một truyện có những thành phần ác bá. Chuyện này xảy ra vào giữa năm Càn Long ở thị bộ viên ngoại trưởng công thái gia. Nhà ông ta có một đầy tớ, mới hơn hai mươi tuổi, trúng gió mà chết, ngày hôm sau lại sống lại. Nhưng từng lời nói, hành động của chị ta lại giống hệt như nam nhi, gặp chồng cũng không có vẻ gì là tỏ ra quen biết. Sau khi mọi người nghiên cứu tìm hiểu nguyên do, chị ta mới nói mình vốn là đàn ông, sau khi chết xuống âm phủ, phán quan kiểm tra thấy dương thọ của anh ta chưa hết, nên theo lý phải được hoàn dương, nhưng có một điều kiện, phải trở thành nữ nhi, thế là trong nháy mắt đã thấy nằm trên giường người khác. Lại hỏi tới danh tính, quê quán

của chị ta, chị ta kiên quyết không chịu nói, người khác biết ngay có ẩn tình, cũng không truy hỏi nữa. Đến tối, chồng kéo chị ta vào giường, nói thế nào chị ta cũng không chịu thuận theo. Nhưng chồng chị ta thoát nhìn thì tưởng người lỗ mãng, nhưng lại là một hảo hán không tin vào tà ma, cuối cùng cũng khiến chị ta phải nhìn nhận sự thật, trở lại làm phụ nữ. Từ đó mỗi lần vợ chồng ân ái xong, chị ta đều khóc lóc không thôi, thút tha thút thít khóc cho tới sáng. Có người còn nghe thấy chị ta lầm rầm nói: “Lão phu đọc sách hơn hai mươi năm, làm quan ba mươi năm có lẽ, sao lại phải chịu nỗi nhục này hả trời!” Nói thì nói thế, nhưng nhục thì vẫn phải chịu. Nghe nói cho tới tận khi chết, chị ta cũng không chịu tiết lộ chút tin tức nào về thân phận trước kia của mình, sợ tin truyền về quê cũ sẽ khiến “người thân đau lòng, mà kẻ thù thì hả hê.”

4

Đọc câu chuyện ở trên, cảm thấy âm phủ phân phát thi thể cho việc hoàn hồn, cũng hoàn toàn không phải là tùy cơ hoặc tùy hứng. Cùng là hoàn hồn, trong nháy mắt liền xảy ra những biến đổi lớn, hoặc rơi xuống vực sâu, hoặc bay lên tận mây xanh, thật không khỏi khiến người ta phải cảm thán trước sự trở trêu của tạo hóa. Thế là chủ đề trừng phạt cái ác, ca ngợi điều thiện bắt đầu thu hút sự chú ý của mọi người, từ đó việc nhân quả luân hồi không chỉ thêm một phương thức nữa để thực hiện nhanh hơn, mà việc luân hồi này còn mang cả một ký ức hoàn chỉnh của kiếp trước, càng có ý nghĩa giáo dục hơn. Kết quả của hơn ba mươi năm làm quan là hằng đêm “nhấn nhin nỗi nhục của một kẻ nô lệ”, thì từ đây có thể suy đoán được khi làm quan ông ta như thế nào.

Nhưng những câu chuyện có nội dung dùng việc mượn xác hoàn hồn để tuyên truyền luật nhân quả còn có một phương thức khác, hoàn toàn không liên quan gì đến linh hồn và thể xác của chủ nhân. Trong truyện Mượn xác hoàn hồn trong quyển ba Vọng vọng lục, kể về Mỗ Giáp nào đó là một đại tài chủ, bán hàng giá cao, mở cửa hàng cầm đồ, nhưng đối xử với người khác thì rất hà khắc. Ông ta đã hơn sáu mươi tuổi, sau khi thê thiếp lần lượt qua đời, chỉ còn lại một đứa con trai, giờ đang lâm trọng bệnh sắp chết. Hôm đó, canh ba nửa đêm, đột nhiên có người gõ cửa, thì ra là mang tiền đến lấy lại đồ đã cầm. Mỗ Giáp trong lòng đang buồn bực, liền mở miệng quát mắng người kia, nói ngày mai hãy đến. Người đó nói: “Sáng sớm ngày mai thì đã đến thời hạn rồi, tôi phải gom góp mọi thứ mang đi bán, mới gom được đủ tiền, chính là muốn chuộc lại món đồ đó.” Mỗ Giáp suy nghĩ nhanh, thầm tính toán con trai cũng sắp chết rồi, cả đời cát da cát thịt bách tính, vì tiền làm bao việc thất đức như thế, giờ còn giữ lại chút tiền đó để làm gì nữa. Hôm sau, ông ta trả lại hết những ruộng vườn và đồ vật mà người dân mang đặt, đốt hết những giấy ghi nợ đang cầm trong tay. Nhưng con trai ông ta cuối cùng vẫn phải chết, ông ta ôm thi thể con khóc lóc, đến nửa đêm vẫn còn ngồi trước linh cữu rơi nước mắt. Đột nhiên, có một người đẩy cửa đi vào, ông ta ngẩng đầu lên nhìn, nhận ra đây là người thường xuyên tới tìm ông ta vay nợ. Người đó nói: “Con trai ngài là một quỷ đòi nợ, sau khi đòi hết những gì ông nợ anh ta từ kiếp trước rồi thì đương nhiên phải đi, vì vậy ông cũng đừng đau buồn quá. Tôi thấy ông trượng nghĩa, nguyện làm con trai ông, sống cùng ông nốt những năm còn lại.” Nói xong, người đó biến mất, cùng lúc đó thi thể trên giường cũng sống lại. Ngày hôm sau, Mỗ Giáp đến nhà người đó nghe ngóng, mới biết người đó đã chết tối qua, còn con trai ông hiện giờ là do anh ta mượn xác hoàn hồn.

Trong quyển ba cuốn Hữu đài tiên quán bút ký do Du Việt viết có một truyện, được viết cũng khá kỳ diệu. Ở Tô Châu có một người đàn ông mất đi đứa con trai trong lần loạn lạc năm 1860, nhưng trong trận loạn đó lại thu nhận một đứa trẻ bị lạc cha mẹ. Sau trận loạn lạc, ông ta trở về quê cũ, nhận đứa trẻ đó làm con nuôi, còn lấy vợ cho con. Nhưng thật không may người con nuôi cũng chết, hôm ấy, đúng lúc chuẩn bị nhập quan, thì người con nuôi lại sống lại, vái cha, nói: “Ly biệt cha mẹ đã lâu, cha mẹ vẫn khỏe chứ?” Động tác và giọng nói ấy, chính là của đứa con ruột ông ta. Khi hỏi kỹ lại, người con này nói sau khi bị lạc, lưu lạc tới một vùng đất nào đó, sau khi loạn lạc qua đi, mới nhờ thuyền người ta về lại nhà. Đang nói, thì ngoài cửa có người đi vào, thì ra chính là “người ta” mà con trai ông vừa nhắc đến, nói: “Tôi đưa con ông về nhà, không ngờ vừa vào đến cửa, con ông lâm bạo bệnh mà chết rồi, giờ thi thể của anh ta vẫn ở trên thuyền tôi.” Lúc này ông ta mới hiểu, thì ra linh hồn của con để mình mượn xác của con nuôi để tái sinh.

Xem qua thì tình tiết của hai câu chuyện này rất giống nhau, nhưng nếu đọc kỹ thì cách hồn mượn xác trong hai câu chuyện lại khác nhau. Mặc dù là “mượn xác hoàn hồn” nhưng chủ thể trong hai câu chuyện đó vẫn là ma. Câu chuyện đầu tiên không giống thế, chỉ cần da thịt là của con trai, còn bên trong là linh hồn của ai, thì cũng vẫn là con trai tôi, thế thì không phải là “mượn hồn sống lại” sao? Căn cứ vào quy tắc

từ trước tới nay của những câu chuyện kiểu này, thì việc đưa con trai sống lại lưu luyến không quên được “nhà cũ” của linh hồn mình, anh ta nên chủ động đi thăm bố mẹ cũ, vợ con mình, nếu ở đây có ý gì đó liên quan tới việc “báo ứng”, thì chính là việc anh từ một kẻ nghèo rớt mồng tơi đột ngột thành người giàu có, đầy đủ. Lương Công Thần đã đưa ra suy nghĩ cảm thán của mình ở phần kết của câu chuyện, nói rằng: “Đứa con đòi nợ đi rồi, đứa con trả nợ đến, cùng trong một cơ thể, thiện ác chỉ báo ảnh hưởng là ở đây.” Đương nhiên, cũng có thể suy nghĩ về câu chuyện này từ một góc độ khác, lão tài chủ tham lam cả đời, kết quả cuối cùng là, con quý đòi nợ đi rồi, lại thấy một con quý đòi nợ khác đến, chỉ có điều con quý này sẽ ở lại mãi, không đi nữa. Suy nghĩ lương thiện một chút, đứa con được sống lại nhờ linh hồn của người khác, nghĩ đến những người nghèo bị ông ta hại cũng không ít, ông trời thế là cũng không xử tệ với ông ta rồi.

Câu chuyện thứ hai nhìn từ góc độ báo ứng thì có vẻ hợp lý hơn, đứa con trai mà ông lão bị lạc mất, vẫn chưa biết sống chết thế nào, vì vậy ông ta nhận nuôi con của người khác cũng là một hành động cao đẹp, cuối cùng con giả biến thành con thật, coi như người tốt được báo đáp rồi. Nhưng có một lỗ hổng lớn, khiến toàn câu chuyện không có tính kết nối cho lắm. Mặc dù con đẻ đồng ý hoàn hồn rồi, ngoài cửa là thi thể của chính mình, bề ngoài hoàn chỉnh không thiếu thốn gì, nội tạng bên trong vẫn tươi mới như còn sống, hà tất phải đi mượn thể xác của người khác? Nếu Du Khúc Viên cũng giống Lương Công Thần hứng chí đưa ra nhận xét, nói rằng: “Con đẻ về rồi, con nuôi cũng không chịu đi, con đẻ, con nuôi hợp trong một thân thể.” Có thể như thế cũng khiến câu chuyện rõ ràng hơn. Huồng hồ bên cạnh đó còn có con dâu ông ta nữa, nếu con đẻ ông ta không mượn xác của con nuôi, không những phải xây một căn nhà khác, mà cưới con dâu khác cũng phải tốn mớ tiền nữa.

Kiểu quả báo xảy ra trong đề tài mượn xác hoàn hồn này, hình như xuất phát từ sự sáng tạo của những người ở đời Thanh, còn trước đó chưa từng nghe qua.

28. Chương 20.1

Chương 20

Di hồn

Di hồn và mượn xác hoàn hồn cũng gần giống nhau, đều là di chuyển linh hồn của người này vào thể xác của người khác, nhưng sự khác biệt giữa chúng chính là có sự phân chia về tà, chính. Mượn xác hoàn hồn chính là đem linh hồn của một người đã chết gửi vào thể xác của một người khác cũng đã chết, còn cái gọi là di hồn, tức là đưa linh hồn của một người còn sống di chuyển vào thể xác của một người đã chết, hoặc là đổi thể xác của hai linh hồn người sống, mà bên chiếm thể chủ động, lại mang động cơ không những được lợi về mình mà còn rất tà ác.

Mượn xác hoàn hồn vẫn luôn khoác trên mình cái áo là do quan phủ sắp xếp hoặc cho tặng hợp pháp, mặc dù kết quả cuối cùng chưa chắc đã được sự chấp nhận của pháp luật trên nhân gian, nó vẫn luôn chỉ là một vở kịch vui, kém nhất cũng vẫn có tính chất hài hước. Nhưng di hồn thì không giống thế, người thao tác nó là thuật sĩ và phù thủy, dùng thủ đoạn bí ẩn và nguy hiểm không thể nhìn thấy người thực hiện để tiến hành một cuộc lừa đảo ngoạn mục với mục đích là sinh mệnh và tài sản, quá trình của nó rất kinh dị, kết cục luôn luôn là bị thương.

Nhìn từ góc độ kỹ thuật của thầy phù thủy thì là “di hồn”, nhưng mục đích cuối cùng là khiến nhân vật chính “dị hình”, vì vậy, kiểu phép thuật này còn được gọi là “dị hình pháp”, dễ nghe hơn một chút thì gọi là “thủ pháp mượn hình”, ngoài ra còn có những cách gọi như “thiết ngư pháp”, có điều không biết tên này xuất phát từ đâu.

Trong bút ký tôi đọc được tài liệu sớm nhất về thuật dị hình, là một truyện trong quyển hạ, biệt tập Quý tân tạp chí do Chu Mật viết:

Có vị đạo nhân mạnh khoẻ họ Trần, thường xuyên qua lại với một người tên Kiệt Tác, uống rượu nói chuyện. Kiệt hỏi đạo nhân sẽ làm gì, đạo nhân trả lời: “Ta đang tìm khoảng mười bảy, mười tám thi thể nam nhân cường tráng.” Một đêm, đột nhiên có Lưu Thái úy dùng roi đánh chết tiểu đồng, Kiệt được mời đến lo ma chay. Đạo nhân cho thi thể đó vào trong chum nước nóng, lại cho cả quần áo của mình vào trong đó, Kiệt Tác ngồi một bên, đạo nhân bắt đầu kết hợp. Cho đến sáng, thi thể của đạo nhân cùng thi thể tiểu đồng sống lại.

Kiệt Tác là người lo việc tang lễ, chôn cất, tin tức tình báo về thi thể trong thành phố, vì vậy vị lão đạo này muốn tìm được thi thể vừa ý thì phải kết giao với Kiệt Tác, người làm trong ngành. Quá trình di hồn hoá hình rất ung dung nhàn nhã, trong bồn nước, hai người ngồi đối diện với nhau, nhìn từ bên ngoài vào, rõ ràng là cảnh sư đồ truyền đạo. Thậm chí còn có thể lý tưởng hoá quá trình này hơn nữa, ví dụ nói thành tiểu đồng “bị tự nguyện” cống hiến toàn bộ “cơ quan” của mình cho lão đạo, nhưng cách nói này có chút giống với kiểu “chuyên gia” thời nay, không thích hợp với khả năng lý giải của những dân đen kiểu tôi.

Chu Mật là người cuối thời Nam Tống và đầu thời Nguyên, trước đó liệu có phải đã có những ghi chép về việc di hồn dị hình, chỉ giận là những sách tôi đọc có hạn, còn chưa gặp được, nhưng không thể vì thế mà kết luận rằng kiểu phép thuật này chưa từng xuất hiện sớm hơn. Nếu chúng ta mở rộng phạm vi lớn hơn một chút, thì có thể coi Liệt tử là câu chuyện di chuyển trái tim trong thời Ngụy - Tấn như một cách khác của di hồn dị hình. Bởi vì trái tim trong đó đề cập đến bao gồm tất cả những gì mà linh hồn người này có, trên thực tế thì là thông qua thủ đoạn y học để hoàn hồn cho người ta. Liệt tử. Thang vấn đại khái như sau:

Lỗ Công Hộ, Triệu Tề Anh, hai người này đều có bệnh, đồng thời cùng đi mời Biển Thước[1] tới trị bệnh. Biển Thước chữa khỏi bệnh cho họ rồi, lại nói với họ rằng: “Bệnh của hai vị là bệnh tạng phủ[2] từ ngoài xâm nhập vào, dùng thuốc có thể chữa khỏi. Nhưng hai người vẫn mang bệnh tim bẩm sinh, ngày một nặng hơn, và không có thuốc nào chữa được.” Sau đó nói tiếp: “Công Hộ chí mạnh nhưng khí yếu, vì vậy có cơ mưu nhưng không dám quyết đoán. Tề Anh chí yếu nhưng khí mạnh, vì vậy kém cỏi trong việc suy nghĩ nhưng lại quyết đoán. Nếu hai người có thể đổi tim cho nhau, thì cả hai người ai cũng sẽ trở nên hoàn hảo hơn.” Thế là Biển Thước cho hai người bọn họ uống rượu độc, mê man chết lâm sàng ba ngày, phanh ngực tìm tim, đổi cho nhau, sau đó lại cho thần phục, hai người sống lại như thường. Hai người bệnh cáo từ Biển Thước quay về, Công Hộ đi thẳng đến nhà Tề Anh, coi vợ con Tề Anh như vợ con mình, nhưng bọn họ đương nhiên không thể nào chấp nhận được một người lạ như thế. Ngược lại, Tề Anh cũng vậy, coi nhà Công Hộ như nhà mình, và cũng bị đuổi ra ngoài. Hai nhà ồn ào một trận, cuối cùng vẫn phải do Biển Thước đứng ra giải thích, mới coi là ổn thỏa. Vợ của hai vị đó đành phải “đắc ý vong hình”, dần dần thích ứng với vị phu quân lạ lẫm.

[1] Biển Thước được mệnh danh là thần y của Trung Quốc. Tên thật là Tần Hoãn, tự Việt Nhân, vốn người Châu Mạc, Bột Hải (nay là huyện Nhiệm Khâu, tỉnh Hà Bắc - thời Chiến Quốc thuộc nước Triệu). Ông sinh khoảng năm 401 trước công nguyên, mất năm 310 trước công nguyên, thọ hơn chín mươi tuổi.

[2] Tạng phủ: Đông y gọi là vị (dạ dày), đởm (mật), đại tràng (ruột già), tiểu tràng (ruột non), bàng quang (phủ).

Những người cầm dao thực hiện thuật di hồn dị hình này không phải là người trong cuộc muốn di hồn, thứ mà Biển Thước dùng cũng không phải là tà thuật, chỉ là suy nghĩ của ông ấy với thuật di hồn dị hình xuất phát từ một góc như nhau mà thôi. Còn về việc câu chuyện này có phải xuất phát và được lưu truyền trong nhân gian hay không, cũng không thể ngồi đó mà đoán mò được. Vấn đề là ở chỗ, cho dù khi đó dân gian vẫn chưa có ma pháp di hồn, nhưng suy nghĩ tuyệt vời của danh y Biển Thước và kinh nghiệm của việc mượn xác hoàn hồn, cũng có thể là khởi nguồn của thuật phù thủy khai phá ma pháp này, càng quan trọng hơn là, các hoàng đế Trung Quốc rất thích trải nghiệm những phương pháp để kéo dài tuổi thọ, chỉ bằng cách luyện đan, bất luận là nội đan hay ngoại đan, thuốc gì cũng dám uống, so sánh với phương pháp di hồn dị hình thì những phương pháp đó an toàn hơn nhiều. Nhưng thiên cổ nhất để cùng những người theo đuổi phương pháp này không chịu thành lập dự án, kêu gọi sự hỗ trợ, ủng hộ, vẫn là vì thể xác của những người quyền thế đó quá quan trọng đối với họ, đại diện cho địa vị của người đứng trên hàng vạn người, hai thứ quyền lợi và tiền bạc, thì ai cũng phải công nhận đó là thứ quan trọng duy nhất trên thế giới. Bọn họ tuyệt đối không dám mạo hiểm, thử nghĩ mà xem, nếu linh hồn của Sử Hoàng đế mà lại bị di chuyển vào trong thể xác của Trần Thắng, Ngô Quảng, cho dù sống khỏe mạnh vạm vỡ, nhưng Lý Tư, Triệu Cao còn

có thể coi ông ta là hoàng đế hay không? Vì vậy, bọn họ chỉ còn cách dùng bất tử đan, trường sinh dược, những thủ thuật trong phòng the để duy trì sự “thanh xuân” cho vẻ bề ngoài, ít nhất là khiến người ta khi nhìn cũng thấy thần sắc phơi phới, da dẻ hồng hào. Còn đối với những thuật sĩ trên giang hồ, những đạo sĩ vườn mà nói, thì họ không phải lo lắng tới việc này, thứ duy nhất mà họ mất chỉ là một lớp da cũ, còn họ lại có được tất cả những gì họ muốn.

Trong Chí quái lục của Chúc Duẩn Minh người thời Minh có ghi chép lại một câu chuyện xảy ra ở những năm cuối của thời Nguyên, đã trở thành một phần khiến người thực hiện phép di hồn phải sợ hãi. Một người tên là Diệp Tổng Khả, đang trên đường đi đến Hoài Dương, gặp họa binh đao, thầy chết đầy đường. Trời đã tối, anh ta nghe thấy phía trước có tiếng động, không dám đi tiếp, mà nằm bò dưới đất, trà trộn vào đám thi thể. Dưới ánh sáng của trăng chỉ thấy có người đi lại gần, là một đạo sĩ, bên cạnh có một tiểu đồng cầm đuốc, quan sát đám thi thể.

Phàm là đàn bà, người già, trẻ con, người ốm yếu bệnh tật đều bị bỏ qua, dùng tay xách lên để ước lượng, sau đó lại đặt xuống như thả một chiếc lá. Một người đàn ông tráng kiện chết vì đói, nằm đó. Đạo sĩ nhìn thấy liền vui mừng, lập tức cởi áo ra, ôm thi thể đó trong lòng, miệng kề miệng hà khí vào trong thi thể. Một lúc lâu sau, khí của đạo sĩ yếu dần, còn thi thể bắt đầu cử động. Người chết đói đó, lại mở mắt ra, thản nhiên đứng dậy, mang theo tên tiểu đồng cầm đuốc đi về phía trước, không biết đi đâu.

Giữa đêm khuya thanh vắng, nơi đồng không mông quạnh, nằm bò lên trên thi thể, miệng đối miệng hà hơi không ngừng, cảnh tượng này không chỉ khiến người ta phải nổi da gà, mà hình tượng xem ra cũng không được đẹp dễ cho lắm. Chuyện này sau đó được làm mới lại trong truyện Dị hình ở cuốn Trâm Vân lâu tạp thuyết do Trần Thượng Cổ người đời Thanh viết, địa điểm đổi thành huyện Gia Hưng, Sùng Đức ở tỉnh Chiết Giang, đạo sĩ biến thành người già, và quá trình “dị hình” cũng được đổi từ thể nằm sang thể đứng.

Lật đi lật lại đám thi thể đó, những kẻ mất đầu bị bỏ qua. Chỉ có một thi thể duy nhất là trông khá to lớn, ông già cỡi trần, vực thi thể đó đứng dậy, áp miệng mình vào miệng thi thể, sau một lúc hà hơi, ông lão dần dần kiệt sức ngã xuống đất, thi thể từ từ có phản ứng, đột nhiên đứng thẳng lên, áo mũ chỉnh tề, đi tiếp.

Đây là một loại hình, dùng thi thể vẫn còn tươi mới để đổi cho đối tượng, miệng người và miệng thi thể áp sát vào nhau, chính là dùng miệng làm đường di chuyển linh hồn. Nhưng Trần Thượng Cổ còn kể về một loại hình khác, tức là hai người sống đổi linh hồn cho nhau.

Đây là chuyện xảy ra ở huyện Đông An, phủ Hoài An thời Sùng Trinh. Trong một ngôi miếu, có một vị hòa thượng và đồ đệ của ông ta. Sư phụ năm nay hơn năm mươi tuổi, còn đồ đệ mới chỉ hai mươi. Sư phụ có việc phải đi đến Hải Dương, để đồ đệ ở lại trông miếu. Hôm ấy có một lão hòa thượng tới xin nghỉ chân, tuổi tầm ngoài bảy mươi. Ngày hôm sau, lão hòa thượng bỏ tiền ra mời tiểu hòa thượng ăn một bữa, sau đó nói: “Muốn tìm sư huynh mượn đồ, không biết người có đồng ý không?” Tiểu hòa thượng đáp: “Vậy thì phải đợi sư phụ tôi về hẵng hay.” Lại thêm một ngày nữa trôi qua, lão hòa thượng lại bày ra một bàn tiệc, tổ vẽ thành khăn nài nỉ, tiểu hòa thượng nghĩ một lát, đại khái cảm thấy trong miếu cũng chẳng có thứ đồ gì đáng tiền, cũng không hỏi kỹ, liền đồng ý, nhưng rốt cuộc lão hòa thượng muốn mượn đồ gì, lão hòa thượng cũng không nói rõ. Đêm hôm đó, hai người nằm cùng phòng, tiểu hòa thượng nghe thấy lão hòa thượng mở cửa đi ra ngoài, cũng không quay lại, nên thấy rất lạ. Sáng sớm hôm sau, tiểu hòa thượng vừa tỉnh dậy đã đi hỏi hàng xóm, không ngờ khi mọi người nhìn thấy hần ta thì vẻ mặt như chưa từng quen biết, hỏi: “Lão sư phụ từ đâu tới đây? Tới đây từ lúc nào?” Tiểu hòa thượng đáp: “Tiểu tăng vốn là người ở miếu này”, mọi người đều thất kinh kêu lên: “Không ngờ mới chỉ là một thiếu niên nhỏ, mà giờ đã thành ra già nua thế này.” Tiểu hòa thượng vội vàng quay vào miếu soi gương, không ngờ mình lại biến thành hình dạng của lão hòa thượng hơn bảy mươi tuổi. Cuối cùng cũng không thắng nổi sinh lão bệnh tử, vài năm sau buồn sâu đau khổ mà chết.

Trong quyển mười một Chỉ vấn lục do Dung Nột - cư sĩ người đời Thanh viết có truyện Đổi xác, tình tiết đại để cũng tương tự, có địa điểm được rời đến Cám Châu, Giang Tây. Nhưng đoạn cuối cùng là, tiểu hòa thượng phát hiện mình trở thành lão hòa thượng, trong lòng mặc dù biết rõ chuyện gì đã xảy ra, nhưng ngoài miệng lại rất khó để nói cho rõ ràng, đành nhờ người khác giúp hần ta đi bắt lão hòa thượng kia. Người đó nói: “Chẳng phải ông là lão hòa thượng hay sao?” Hần đáp: “Không phải vậy. Lão hòa thượng tối qua nói muốn nằm nhờ ở phòng tôi, tôi đồng ý, nhưng không ngờ ông ta không chỉ mượn phòng, mà còn mượn cả cơ thể tôi. Giờ ông ta mang theo cơ thể tôi chạy mất, còn vứt lại thân thể già nua của mình cho

tôi. Tôi muốn tìm lại thân thể của mình, và trả lại ông ta thân thể hiện tại.” Tất cả những vị hòa thượng khác càng nghe càng thấy khó hiểu, đều cho rằng vì ông ta già quá nên hồ đồ. Vị hòa thượng này cuối cùng đành đi cáo quan, huyện thái xuất thân từ tiến sĩ nên năng lực lý giải cũng tốt hơn, sau khi nghe chuyện, lại nói là trên thế giới này làm gì có chuyện kỳ lạ như thế, nếu người còn ăn nói hồ đồ nữa, ta sẽ phán người tội tuyên truyền những lời mê tín dị đoan.

29. Chương 20.2 (hết)

Chuyện này tôi nghĩ chắc là do thuật sĩ trên giang hồ và những kẻ mạo danh đạo sĩ tuyên truyền mà ra, giờ đổ tội đổ lên đầu các vị hòa thượng quả là hơi quá đáng. Dân gian thời xưa thường coi hòa thượng là những người khác loài, đến ngay cả những câu chuyện cười cũng không quên kéo họ vào. Để các vị hòa thượng không quá cảm thấy ấm ức, sau đây chúng ta sẽ kể một câu chuyện về đạo lão, để cân bằng hai giáo. Từ đó có thể thấy, cho dù hòa thượng thật sự biết thuật dị hình, cũng chỉ để đối lấy thể xác của một người trẻ tuổi mà thôi, nhưng nếu rơi vào tay đạo lão, di hồn đại pháp là món tài sắc kiêm nhiệm.

Câu chuyện ở trong quyển một Tử bất ngữ do Viên Mai viết, Lý Thông phán là đại phú hào nổi tiếng ở Quảng Đông, tiền bạc, châu báu nhiều như núi, chỉ riêng những cô vợ bé xinh đẹp thôi cũng đã lên tới bảy người. Chỉ đáng tiếc, Lý Thông phán chỉ sống đến năm hai mươi bảy tuổi, mắc bệnh đột ngột rồi qua đời, tiền vàng, mỹ nữ chẳng mang theo được thứ gì. Nhất định sẽ có những kẻ rồi hơi bên ngoài lo lắng thay cho anh ta, bọn họ mong muốn tài sản của Lý Thông phán chia làm bảy phần, cho bảy người vợ xinh đẹp cùng hưởng, sau đó bảy cô vợ lại được gả đi, còn bản thân là một trong những kẻ may mắn lấy được vợ người ta. Nhưng trong nhà Lý Thông phán có một lão nô bộc đã già và rất trung thành, thay chủ nhân coi giữ phần gia tài mà chủ nhân để lại. Lúc này, ông ta đang đau buồn vì việc chủ nhân mất sớm, nên cùng với bảy cô vợ trẻ xinh đẹp của chủ nhân siêu độ vong nhân. Hôm nay, đột nhiên có một đạo sĩ đến hòa duyên, lão bộc xua đuổi nói: “Chủ nhân ta vừa mất, không có thời gian để mất tới người đâu.” Đạo sĩ cười đáp: “Người không muốn chủ nhân nhà này sống lại sao? Ta có thể làm phép, khiến hồn anh ta quay lại.” Lão bộc vừa nghe thấy chuyện kỳ quái đó, vội vàng bấm báo lại với các nữ chủ nhân, nữ chủ nhân đương nhiên đồng ý, để lão bộc tiếp đón vị thần tiên sống kia. Nhưng đạo sĩ lại nói: “m tào địa phủ có quy định, người chết muốn hoàn hồn dương, cần phải có người khác xuống thay thế.” Bảy cô vợ trẻ xinh đẹp lúc này lại rất thống nhất ý kiến, đều không đồng ý làm người thay thế kia, thế là lão bộc điềm nhiên nói: “Các vị phu nhân đây còn trẻ, lão tôi cũng sắp về với trời đất rồi.” Liền nói với đạo sĩ: “Ngài xem lão nô tôi có thể làm người thay thế không?” Đạo sĩ đáp: “Được! Chỉ cần một là không được hối hận, hai là không nhất gan.” Lão bộc nói: “Chỉ cần chủ nhân có thể sống lại, ta chẳng sợ gì hết.” Đạo sĩ đáp: “Niệm tình người thành tâm, có thể ra ngoài cáo biệt họ hàng bạn bè thân thích, khi ta làm phép, ba ngày phép thành, bảy ngày phép nghiệm.” Lão bộc mời đạo sĩ vào nhà, đối xử rất kính trọng, còn mình thì đến từng nhà người thân, họ hàng của chủ nhân, để nói lời cáo từ. Bạn bè, họ hàng, người thân của chủ nhân ông ta đều cười, người thì cảm thấy đáng thương, người thì tôn trọng, người lại không tin. Lão bộc khi đi ngang qua Thánh đế miếu mà cả đời mình tôn kính, liền vào trong, vừa vái vừa khấn: “Chủ nhân nô tài đã chết, cầu Thánh đế giúp đạo sĩ thả linh hồn chủ nhân nô tài quay lại dương gian.” Lời vừa nói xong, chỉ thấy một vị hòa thượng hiện ra trước hương án, nói: “Mặt người đầy yêu khí, họa lớn sắp giáng xuống rồi. Ta tới cứu người, người không được để lộ ra ngoài.” Rồi cho ông ta một cái túi giấy, nói rằng khi có việc cần dùng thì mở ra, nói xong liền biến mất. Lão bộc trở về nhà, lặng lẽ mở túi giấy ra thấy bên trong có một bộ móng vuốt, dây thừng, không hiểu ý gì, liền ôm vào trong lòng. Rất nhanh thời hạn ba ngày đã đến, đạo sĩ lệnh cho gia đình đẩy giường của lão bộc và linh cữu của chủ nhân sát lại với nhau, khóa chặt cửa lại. Còn đạo sĩ lại ở gần đám thê thiếp, khóc lóc. Một lúc sau, chẳng có bất kỳ động tĩnh gì, lão bộc bất giác nảy sinh nghi ngờ, nhưng đúng lúc này, phía dưới giường có tiếng động, thấy hai người đen xì nhảy lên, da xanh mắt thâm, khắp người đầy lông mao, thân cao hơn hai thước, đầu to như bánh xe, hai mắt nhìn lão bộc sáng rực, vừa nhìn vừa đi, đi vòng quanh quan tài, sau đó dùng răng cắn đứt đai quấn quanh quan tài. Nấp quan tài bị hai quỷ cắn hở một lỗ, liền nghe thấy có tiếng ho phát ra từ bên trong. Hai quỷ liền mở nắp quan tài ra, đỡ chủ nhân ra ngoài, trông khỏe mạnh không giống như người bị ốm. Hai quỷ lại bắt đầu làm phép, miệng chủ nhân bắt đầu nói được. Nhưng lão bộc thấy hình dạng thì giống chủ nhân, tiếng nói lại như của đạo sĩ, bất ngờ thốt lên: “Lời của Thánh đế quả linh nghiệm.” Nói xong liền mở túi giấy vẫn ôm trong lòng ra, chỉ thấy năm bộ móng vuốt bay ra, biến thành kim long, dài hàng chục trượng, quấn theo lão bộc lên trên không trung, dùng dây thừng làm cầu. Lão bộc mơ mơ hồ hồ nhìn xuống dưới, thấy hai quỷ sau khi đỡ chủ

nhân ra khỏi quan tài, đỡ đến giường của lão bộc, nhưng không thấy lão bộc đâu, bắt giắc hoảng hốt. Lúc này chỉ nghe thấy tiếng chủ nhân hoảng sợ hét lớn: “Phép hồng rồi!” Hai quỷ nhanh trí, chạy khắp phòng để tìm, nhưng không thể tìm thấy lão bộc. Chủ nhân nổi giận, cầm chăn gối trên giường lão bộc lên, cắn thành trăm mảnh, nát rươm. Lúc này một quỷ ngẩng đầu, thấy lão bộc đang đứng trên cầu, vui mừng, đỡ chủ nhân đứng dậy, định bắt lão bộc, nhưng còn chưa chạm tới cây cầu, thì rầm một tiếng như tiếng sấm, lão bộc rơi ngã xuống đất, nắp quan tài đóng lại như cũ, hai tên quỷ cũng biến mất tăm mất tích. Những nữ chủ nhân nghe tiếng sấm, vội vàng mở cửa phòng vào xem. Lão bộc kể lại đầu đuôi câu chuyện một lượt, rồi cùng nhau đi xem tên đạo sĩ kia thế nào, thấy đạo sĩ bị sét đánh chết nằm trên đàn, trên thi thể có ghi chữ “Yêu đạo luyện pháp dị hình, tham tài hám sắc, trời quyết định trừng phạt, y lệnh.”

Tà thuật của đạo sĩ là định chuyển linh hồn của mình vào trong thi thể của Lý Thông phán, việc lão bộc “chết thay” chỉ là cái cớ, đương nhiên, lão bộc là người hiểu biết, cần phải chết để bịt miệng, đồng thời cũng là điều kiện trao đổi không thể thiếu trong quá trình thực hiện yêu thuật.

Nhưng kiểu chết thay này không phải là hiếm gặp, trong Quảng dị ký do Đới phu viết có ghi lại một chuyện xảy ra vào năm Đường Thiên Bảo, thuật sĩ Trương Dạ Xoa đã sử dụng thuật này, để Ủy Mã nào đó ở Lạc Dương thay thế cho Kiểm Nam Tiết độ sử chương – Cửu Liêm Quỳnh chết do ngã ngựa, nhưng nội dung không âm u yêu khí như dưới ngòi bút của Viên tài tử, khiến người ta phải rùng mình nổi da gà. Trong tình tiết câu chuyện của Viên tài tử hoặc là có hiệu quả theo đuổi khiến người ta phải động lòng, nhưng di hồn chết thay, liên quan đến số mệnh, thì pháp thuật này cũng không thể là quá đơn giản. Trong Quảng Tây quỷ sự ở quyển mười bảy cuốn Tử bất ngữ, Viên Mai có đề cập đến hình ảnh “tiếp lửa” của “bắt người sống chết thay”, thuật phù thủy này thật khiến người ta kinh sợ.

Lập đàn, treo mấy chục bức tượng quỷ thần, quỷ sư trang trí như một phu nhân, khóc lóc, trống chiêng ầm ĩ. Cho tới đêm thì thắp đèn, đi ra ngoài gọi hồn, âm thanh thê lương. Hàng xóm có người đang ngủ say, hồn trả lời và đến, quỷ sư trao lửa, sau khi nhận rồi, quỷ sư mới chúc mừng gia chủ, người bệnh sẽ khỏi, còn người nhận lửa sẽ chết.

Trong quyển ba Động linh tiểu chí của Quách Tắc Vân viết về thuật “tiếp lửa” ở Quảng Đông có chút không giống nhưng độ kinh khủng thì giống nhau.

Người làm thuật này phải tới lập đàn ở nhà người bệnh, chuẩn bị tượng quỷ thần, càng đáng sợ càng tốt. Giữa đêm yên ắng, lại thắp đèn, thổi hù hù làm tiếng quỷ, đi khắp đường phố. Có sinh hồn đi đêm, thấy lửa liền xông lên cướp, thế là người ốm khỏe lại còn người cướp lửa sẽ chết.

Ở đây nói là “sinh hồn”, có lẽ mộng hồn của con người sau khi ngủ say trốn khỏi thể xác ra ngoài. Nhưng tại sao những mộng hồn này lại xông lên để cướp lửa, mà không nói năng gì? Dường như không được hợp lý như “quỷ sư đưa lửa cho người ấy?”. Nhưng trong cái không hợp lý đó còn tiềm ẩn một sự “rủi ro”, tức là khi thầy phù thủy làm phép, thì họ không được lựa chọn linh hồn đến nhận lửa, nếu nhìn kỹ, chẳng may là vợ mình, đuổi không đi, tránh cũng không kịp, đành đứng nhìn vợ cướp lửa mà chết. Nghe nói cũng có cách phòng tránh, trước khi thầy phù thủy ra khỏi nhà, đặt giày của người nhà một sắp một ngựa, nếu làm thế mộng hồn không thoát được ra khỏi cửa và đi cướp lửa.

Ngoài ra còn có một kiểu tà thuật di hồn nữa, người làm phép không di chuyển linh hồn mình vào thể xác của người khác, mà là di chuyển linh hồn của người ấy sang một thi thể khác. Trong quyển mười lăm Duyệt vi thảo đường bút ký do Kỷ Quân viết cũng có nói về kiểu này.

Mỗ Giáp hẹn bạn đi du ngoạn cảnh hồ, khi lên thuyền, còn có mỹ nữ vấy đỏ cùng thưởng cảnh uống rượu. Khi người này ngồi dưới ánh đèn và nhìn kỹ lại, thì ra là vợ mình. Nhưng nhà người này ở cách đây hơn hai nghìn dặm, vợ anh ta sao có thể đến đây được? Hơn nữa, cô gái đó coi anh ta như người qua đường, chẳng hề sợ hãi, cũng không xấu hổ, tiếng nói cũng không giống tiếng nói của vợ. Sau bữa tiệc, anh ta bồn chồn bất an, mấy ngày sau, nhận được thư nhà, thì ra vợ anh ta đã chết từ nửa năm trước rồi. Mỗ Giáp mặc dù cảm thấy chuyện này kỳ lạ, nhưng cũng coi như một lần được gặp ma, dần dần quên đi. Đột nhiên, lúc này lại xảy ra một chuyện, có một thuật sĩ bị sét đánh chết. Người hầu của thuật sĩ này dần dần tiết lộ hết, thuật sĩ này có thể đọc chú để nhập thi thể những người con gái mới mất, lại có thể nhập hồn vào trong những thi thể đó. Hắn ta coi những người con gái này là thê thiếp, có mới sẽ bán cũ, mới cũ trao đổi với nhau, lợi không thể tính. Vợ của Mỗ Giáp, có lẽ là người đầu tiên bị mượn thi thể.

Tiện đây cũng nói luôn, đa số giống như thuật phù thủy, di hồn dị hình cũng là một tà thuật, không chỉ Trung Quốc mà ở nước ngoài cũng có. Về lịch sử phép thuật của phương Tây thì tôi không hề biết gì, nhưng từ một vài bộ phim kinh dị của phương Tây ta có thể thấy được những tà thuật này ẩn chứa bên trong. Bộ phim Chìa khóa vạn năng của điện ảnh Mỹ (hay còn được dịch là Chìa khóa độc) là bộ phim điển hình cho thuật di hồn, thầy phù thủy hoàn đổi linh hồn của mình với thể xác của một cô gái trẻ, từ đó khiến mình có được da thịt tươi mới hơn. Nhưng thuật cùng nhau đổi thể xác đó cả hai bên phải cùng lúc thực hiện, cũng chính là muốn nói, hình thái nguyên thủy của nó là do cả hai bên tự nguyện (giống như lão hòa thượng muốn mượn “phòng” cũng phải được tiểu hòa thượng đồng ý), cô gái trẻ đương nhiên không muốn biến thành một người phụ nữ vừa già vừa xấu, thế là bà phù thủy trong phim liền làm phép, khiến cô gái trẻ vô tình học tà thuật, và trong một thời cơ thích hợp vì bảo vệ mình mà sử dụng, kết quả cô ta trúng mánh, đã đổi thể xác với bà phù thủy kia.

Ngoài ra, tập Lời nguyện của pháp sư trong m dương ma giáo của Mỹ viết về một ma thuật gia nổi tiếng. Cứ ba mươi năm, ma thuật đại sư lại phải tìm một người kế nhiệm trong đám phù thủy trẻ, giao lại mũ áo của mình cho người đó, và mình thì rút lui. Dưới sự chứng kiến của đông đảo mọi người, lão ma thuật sư và người trẻ tuổi kia hợp tác biểu diễn ma thuật “lời nguyện của pháp sư”, thế là di hồn ma pháp được thi triển dưới hình thức ma thuật, linh hồn của lão pháp sư chiếm luôn thể xác của người trẻ tuổi. Pháp sư già sắp chết đã được trẻ hóa, phải qua ba mươi năm nữa mới biểu diễn lại. Còn linh hồn của người trẻ tuổi kia đã bị nhốt trong thể xác của lão pháp sư, anh ta phải thay ông già đó “rút lui”, lặng lẽ chờ chết. Sự truyền thụ đó trải qua rất nhiều đời, cái mà mọi người nhìn thấy là ma thuật gia đời đời tương truyền, không ai biết bên trong vẻ bề ngoài luôn được đổi mới đó, thực ra vẫn là một linh hồn cũ nát.

Kết thúc này khiến người ta hơi buồn, vậy thì tôi xin được nói một vài chuyện vui vẻ khác, xem xem thuật hoán hình khoa học được áp dụng bởi những kỹ thuật tiên tiến nhất. Tôi từng đọc một cuốn truyện tranh nước ngoài, bác sĩ và bệnh nhân trao đổi về bước thay đổi nội tạng tiếp theo. Nhưng bệnh nhân nằm trên giường đó chỉ là một manh tràng[3], bởi vì mọi cơ quan trong người anh ta đều là của người khác, sau khi phẫu thuật chỉ còn lại bao nhiêu dây thôi, cũng chính là muốn nói, chỉ có đoạn manh tràng kia mới có thể đại diện cho người này đưa ra ý kiến. Trong cuốn truyện tranh đó có những chữ tôi đọc mà không hiểu, có lẽ là bác sĩ và bệnh nhân đều thấy bối rối, thay nữa thì biết thay cái gì đây?

[3] Ruột già được chia ra làm ba phần: manh tràng, kết tràng và trực tràng.

THE END

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/tat-den-ke-chuyen-ma-tap-2>